

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG,  
CHỐNG THAM NHŨNG VÀ SỰ VẬN DỤNG,  
PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG,  
CHỐNG THAM NHŨNG VÀ SỰ VẬN DỤNG,  
PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC  
Mã số: 9310201

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Hoàng Phúc Lâm

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC



1.TS. Lê Quang Hòa



2. TS. Nguyễn Thị Thanh Dung

HÀ NỘI - 2026

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan công trình nghiên cứu này chính tôi là tác giả. Các số liệu minh họa, nội dung đánh giá, kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực, bảo đảm nguồn gốc chính thống, tin cậy và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

**TÁC GIẢ**

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Thuy', written in a cursive style.

**Nguyễn Thị Hương**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	10
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài .....	10
1.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu .....	40
<b>Chương 2: NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ GIÁ TRỊ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG</b> .....	46
2.1. Một số khái niệm liên quan .....	46
2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng .....	56
2.3. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng .....	85
<b>Chương 3: SỰ VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA</b> .....	102
3.1. Sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam từ 2012 đến nay .....	102
3.2. Đánh giá thành tựu, hạn chế, nguyên nhân trong vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam từ 2012 đến nay và một số vấn đề đặt ra .....	137
<b>Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI</b> .....	160
4.1. Bối cảnh thời đại và những yêu cầu đặt ra nhằm tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian tới .....	160
4.2. Quan điểm tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian tới .....	164
4.3. Giải pháp tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian tới .....	166
<b>KẾT LUẬN</b> .....	198
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN</b> .....	201
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	202
<b>PHỤ LỤC</b> .....	219

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CT-XH	:	Chính trị - xã hội
HTCT	:	Hệ thống chính trị
KHCN	:	Khoa học - công nghệ
KSQL	:	Kiểm soát quyền lực
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
MTTQ	:	Mặt trận Tổ quốc
NNPQ	:	Nhà nước pháp quyền
Nxb	:	Nhà xuất bản
PCTN	:	Phòng, chống tham nhũng
UBKT	:	Ủy ban Kiểm tra
UBND	:	Ủy ban nhân dân
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài luận án

Tham nhũng là một hiện tượng tiêu cực của đời sống xã hội, gắn liền với sự tha hóa và lạm dụng quyền lực nhà nước, tồn tại ở hầu hết các quốc gia và trong mọi thời kỳ lịch sử từ khi có nhà nước. Nhiều nghiên cứu cho rằng tham nhũng là “khuyết tật bẩm sinh” của quyền lực, bởi ở đâu có quyền lực mà thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả thì ở đó có nguy cơ phát sinh tham nhũng. Vì vậy, phòng, chống tham nhũng (PCTN) luôn được xem là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của các quốc gia, không phụ thuộc vào chế độ chính trị.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhận thức sâu sắc về nguy cơ và những tác hại đặc biệt nghiêm trọng của tham nhũng đối với sự nghiệp cách mạng. Tham nhũng không chỉ làm thất thoát của cải của Nhà nước và Nhân dân mà còn trực tiếp làm suy yếu bộ máy của Đảng và Nhà nước, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nguy hiểm hơn, tham nhũng còn làm xói mòn niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, từ đó ảnh hưởng đến sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc và sự ổn định, phát triển của đất nước. Vì thế, Người đã ví tham nhũng như là “giặc nội xâm”, nó còn nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Do vậy, Người xác định PCTN là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị (HTCT). Từ sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và từ thực tiễn lãnh đạo phong trào cách mạng đã hình thành ở Hồ Chí Minh một hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc về PCTN bao gồm: sự cần thiết và ý nghĩa của PCTN; chủ thể, lực lượng của PCTN; các biện pháp trong PCTN. PCTN là một bộ phận quan trọng trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, có vai trò nền tảng trong xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhận thức sâu sắc về nguy cơ, tác hại của tham nhũng đối với Đảng, Nhà nước và sự phát triển quốc gia. Từ thời kỳ đấu tranh giành độc lập đến xây dựng chế độ mới, dù đối mặt nhiều nhiệm vụ cấp bách, Đảng và Nhà nước vẫn đặc biệt chú trọng công tác PCTN.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định PCTN là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hoàn thiện HTCT. Qua các kỳ Đại hội, nhất là từ Đại hội XI, XII, XIII đến Đại hội XIV, nhận thức của Đảng về PCTN ngày càng toàn diện, sâu sắc và quyết liệt hơn. Đặc biệt, Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu: “Tăng cường kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước; tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh PCTN, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; củng cố niềm tin, sự gắn bó của Nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa” [68, tr.385]. Điều đó cho thấy, trong giai đoạn phát triển mới, PCTN không chỉ là nhiệm vụ xử lý các hành vi vi phạm, mà còn là yêu cầu căn bản để kiểm soát quyền lực, xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của Nhân dân và bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.

Thực hiện quan điểm nhất quán đó, những năm gần đây, dưới sự lãnh đạo quyết liệt, trực tiếp, toàn diện của Đảng, công tác PCTN, lãng phí, tiêu cực đã đạt nhiều kết quả quan trọng, tạo chuyển biến rõ nét cả về nhận thức và hành động. Công tác tuyên truyền, giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng, ý thức liêm chính và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên được tăng cường; hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật về PCTN từng bước được hoàn thiện; công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán và KSQL trong Đảng, Nhà nước và HTCT được siết chặt hơn. Vai trò giám sát của Nhân dân, MTTQ, các tổ chức CT-XH, báo chí và truyền thông xã hội ngày càng được phát huy. Công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh với tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, góp phần cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa vi phạm, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Đồng thời, hoạt động PCTN từng bước được mở rộng sang khu vực ngoài nhà nước, gắn với tăng cường hợp tác quốc tế và yêu cầu xây dựng nền quản trị quốc gia liêm chính, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Tuy vậy, PCTN vẫn còn những hạn chế: tuyên truyền còn hình thức; thể chế hóa chính sách chưa đồng bộ, chưa kịp thời khắc phục các “kẽ hở”; giáo dục đạo đức công vụ có nơi còn mang tính khẩu hiệu; kiểm tra, giám sát ở một số nơi còn nể nang, né tránh; phối hợp giữa cơ quan chức năng còn chông chéo; thu hồi tài sản tham nhũng chưa tương xứng; vai trò giám sát xã hội có lúc chưa phát huy đầy đủ; hiện tượng “trên nóng, dưới lạnh” vẫn tồn tại. Tham nhũng vẫn diễn biến tinh vi, phức tạp, lan rộng ở

nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, thậm chí liên quan đến cán bộ cấp cao và có xu hướng câu kết lợi ích nhóm. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân, “lợi ích nhóm”, của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi. Tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ.

Thực trạng trên cho thấy, việc nghiên cứu, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn. Trong nhiều trường hợp, việc vận dụng tư tưởng của Người còn mang tính hình thức, thiếu tính đồng bộ và chưa gắn chặt với yêu cầu của thực tiễn. Bên cạnh đó, việc phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN còn chưa thật sự sâu sắc, thiếu những luận giải có tính sáng tạo và chưa làm rõ được sự kế thừa, kết nối giữa tư tưởng của Người với những yêu cầu mới của công tác PCTN trong giai đoạn hiện nay. Công tác tổng kết thực tiễn nhằm nghiên cứu, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này chưa được quan tâm đúng mức, còn thiếu tính hệ thống. Đồng thời, việc thể chế hóa, cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng về PCTN trong một số lĩnh vực vẫn còn chậm và chưa đồng bộ.

Trong bối cảnh mới, khi đất nước bước vào giai đoạn phát triển cao hơn, để hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) vào giữa thế kỷ XXI, yêu cầu PCTN càng trở nên cấp thiết. Một trong những giải pháp có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng là tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN. Mặc dù, được hình thành trong điều kiện lịch sử đặc thù, tư tưởng của Người vẫn giữ giá trị thời sự sâu sắc và mang tính chỉ dẫn đối với công tác PCTN hiện nay.

Từ thực tiễn đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng và sự vận dụng, phát triển ở Việt Nam hiện nay*” làm luận án tiến sỹ ngành Chính trị học.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Trên cơ sở làm rõ nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, phân tích, đánh giá sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam, luận án đề xuất quan điểm, giải pháp tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam trong thời gian tới

## **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu nói trên, đề tài thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án và xác định những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.
- Làm rõ nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.
- Dẫn giải và đánh giá sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2012 đến nay.
- Đề xuất quan điểm, giải pháp tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam trong thời gian tới.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN và sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- *Phạm vi nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN thể hiện trong các bài nói, bài viết... của Hồ Chí Minh, gắn với các hoạt động thực tiễn của Người; sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN của Đảng, Nhà nước.

- *Phạm vi không gian:* Nghiên cứu công tác PCTN của Đảng, Nhà nước và HTCT ở nước ta.

- *Phạm vi thời gian:* Sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN được thể hiện xuyên suốt từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay. Tuy nhiên, luận án tập trung nghiên cứu giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2025. Mốc năm 2012 gắn với Hội nghị Trung ương 5 khóa XI, khi Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN được thành lập trực thuộc Bộ Chính trị, do Tổng Bí thư làm Trưởng ban, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, quyết liệt của Đảng đối với công tác PCTN. Giai đoạn 2012-2025 cũng là thời kỳ PCTN được đẩy mạnh toàn diện, gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và HTCT, KSQL, phòng, chống suy thoái, “lợi ích nhóm”, lãng phí, quan liêu, tiêu cực. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất quan điểm và giải pháp có giá trị tham khảo cho thời gian tới.

## **4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu**

### **4.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn**

#### *4.1.1. Cơ sở lý luận*

Luận án nghiên cứu dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm, chỉ thị, nghị quyết, báo cáo sơ kết, tổng kết của Đảng Cộng sản Việt Nam về PCTN.

#### *4.1.2. Cơ sở thực tiễn*

Luận án nghiên cứu trên cơ sở kết quả công tác PCTN ở Việt Nam trong những năm gần đây. Đồng thời, luận án còn dựa trên kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan nguồn tài liệu thứ cấp.

### **4.2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### *4.2.1. Phương pháp luận*

Đề tài dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

#### *4.2.2. Phương pháp nghiên cứu*

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và PCTN, luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học chính trị và các khoa học xã hội, trong đó chủ yếu là: phương pháp lịch sử và logic, phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp nghiên cứu văn bản, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp phỏng vấn sâu, phương pháp chuyên gia và phương pháp quan sát.

Phương pháp lịch sử và logic được sử dụng để làm rõ quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong mối liên hệ với bối cảnh lịch sử, thực tiễn cách mạng Việt Nam và yêu cầu xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Phương pháp này cũng giúp luận án nhận diện sự vận dụng, bổ sung và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước qua các giai đoạn, nhất là từ năm 2012 đến năm 2025.

Phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng xuyên suốt các chương của luận án nhằm phân tích các khái niệm, nội dung, đặc điểm, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; đồng thời tổng hợp các kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, số

liệu, nhận định khoa học và thực tiễn để khái quát thành các luận điểm, đánh giá, kết luận phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu văn bản được sử dụng để khai thác, hệ thống hóa các tác phẩm, bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh, đặc biệt là bộ Hồ Chí Minh Toàn tập, nhằm làm rõ nội dung tư tưởng của Người về PCTN. Bên cạnh đó, luận án nghiên cứu các văn kiện của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước, báo cáo tổng kết, tài liệu chuyên ngành và các công trình khoa học có liên quan để phân tích quá trình vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam hiện nay.

Phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN với quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước qua các thời kỳ; so sánh giữa yêu cầu lý luận và thực tiễn tổ chức thực hiện; từ đó chỉ ra những điểm kế thừa, bổ sung, phát triển cũng như những vấn đề đặt ra trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam hiện nay.

Phương pháp thống kê được sử dụng để tập hợp, xử lý và khai thác các số liệu, dữ liệu có liên quan đến công tác PCTN, nhất là trong giai đoạn 2012-2025. Các số liệu được sử dụng nhằm minh chứng cho những nhận định về thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.

Phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng nhằm thu thập ý kiến của một số nhà nghiên cứu, cán bộ lãnh đạo, quản lý và những người có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và PCTN. Kết quả phỏng vấn giúp bổ sung các nhận định chuyên sâu, làm rõ hơn những vấn đề thực tiễn, đồng thời tăng tính khách quan và sức thuyết phục cho các luận điểm của luận án.

Phương pháp chuyên gia được sử dụng để tham khảo, tiếp nhận và kiểm chứng ý kiến của các chuyên gia có kinh nghiệm về tư tưởng Hồ Chí Minh, chính trị học, xây dựng Đảng và PCTN. Phương pháp này góp phần thẩm định một số nhận định, đánh giá và giải pháp được đề xuất trong luận án.

Phương pháp quan sát được sử dụng trong quá trình nghiên cứu thực tiễn nhằm ghi nhận, bổ sung thông tin về nhận thức, thái độ, cách thức triển khai công tác PCTN trong một số hoạt động, cơ quan, đơn vị có liên quan. Đây là phương pháp hỗ trợ, góp phần bổ sung minh chứng thực tiễn cho các phân tích, đánh giá của luận án.

Các phương pháp trên được sử dụng linh hoạt, kết hợp với nhau trong từng nội dung nghiên cứu. Trong đó, Chương 1 chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu văn bản, phân tích - tổng hợp, lịch sử và logic để tổng quan tình hình nghiên cứu; Chương 2 sử dụng phương pháp lịch sử và logic, nghiên cứu văn bản, phân tích - tổng hợp để làm rõ cơ sở hình thành và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; Chương 3 sử dụng phương pháp nghiên cứu văn bản, thống kê, so sánh, phỏng vấn sâu, chuyên gia và quan sát để đánh giá thực trạng vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam giai đoạn 2012-2025; Chương 4 sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp, logic, so sánh và chuyên gia để đề xuất quan điểm, giải pháp tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong thời gian tới.

### **5. Những đóng góp mới của luận án**

Thứ nhất, luận án góp phần bổ sung cách tiếp cận từ góc độ chính trị học trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN. Từ cách tiếp cận này, PCTN được luận giải không chỉ như yêu cầu về đạo đức cách mạng, pháp luật hay quản lý nhà nước, mà trước hết là một vấn đề chính trị hệ trọng, gắn với bản chất, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản trị của Nhà nước; cơ chế KSQL; mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; qua đó góp phần củng cố niềm tin xã hội, tăng cường tính chính danh của quyền lực chính trị và bảo đảm sự trong sạch, vững mạnh của chế độ.

Thứ hai, luận án hệ thống hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN thành một chỉnh thể tương đối toàn diện, bao gồm: quan niệm về tham nhũng và sự cần thiết phải PCTN; mục tiêu, vai trò, ý nghĩa của PCTN; chủ thể, lực lượng tham gia PCTN; phương thức, biện pháp PCTN. Cách tiếp cận này góp phần làm rõ hơn giá trị lý luận, thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công tác PCTN ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, luận án góp phần nhận diện và luận giải rõ hơn sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam từ năm 2012 đến nay trên các phương diện: xây dựng, chỉnh đốn Đảng và HTCT; KSQL; hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; phát huy vai trò của Nhân dân, MTTQ Việt Nam, báo chí, truyền thông và các cơ quan có chức năng PCTN. Qua đó, làm rõ mối quan hệ giữa giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn đổi mới công tác PCTN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Thứ tư, luận án nhận diện và khái quát một số vấn đề đặt ra trong quá trình vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam hiện nay. Đó là khoảng cách giữa giá trị định hướng của tư tưởng Hồ Chí Minh với mức độ chuyển hóa thành trách nhiệm và hành động thực tiễn; giữa yêu cầu lãnh đạo toàn diện, thường xuyên của Đảng với tính chưa đồng đều trong tổ chức thực hiện; giữa yêu cầu xây dựng Đảng, Nhà nước và HTCT trong sạch, vững mạnh, liêm chính với thực trạng nêu gương, tự phê bình và phê bình, KSQL, trách nhiệm giải trình ở một số nơi còn chưa thực chất, hiệu quả; giữa yêu cầu phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT, Nhân dân và toàn xã hội với hiệu quả của cơ chế giám sát, phản biện, bảo vệ người đấu tranh PCTN; giữa tính chất ngày càng tinh vi, phức tạp, xuyên khu vực của tham nhũng với năng lực nhận diện, phối hợp và kiểm soát của các chủ thể PCTN. Việc chỉ ra những vấn đề này làm cơ sở đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong điều kiện mới.

Thứ năm, luận án đề xuất một số định hướng và giải pháp tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong bối cảnh mới, gắn với yêu cầu PCTN, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; KSQL trong điều kiện phân cấp, phân quyền, tinh gọn tổ chức bộ máy; xây dựng Đảng, Nhà nước và HTCT trong sạch, vững mạnh, liêm chính, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận của luận án**

Luận án góp phần làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, khẳng định giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Luận án bổ sung và làm rõ một số vấn đề lý luận khoa học cho việc tiếp tục kiên định tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam, gợi mở những vấn đề về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và PCTN.

Luận án góp phần phân tích, làm rõ sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam, những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân, chủ thể, lực lượng, biện pháp PCTN giúp nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức... và Nhân dân về PCTN, từ đó tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, quyết tâm và hành động trong PCTN. Đề xuất các quan điểm, giải pháp tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong bối cảnh mới.

## **6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án**

Luận án cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn giúp các nhà lãnh đạo, quản lý nghiên cứu, tham khảo trong việc chỉ đạo công tác PCTN ở Việt Nam trong giai đoạn tới; giải quyết những vấn đề thực tiễn và những khâu khó đang đặt ra; vận dụng có hiệu quả và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong giai đoạn tới.

Các kết quả nghiên cứu của Luận án có thể sử dụng vào công tác thông tin tư liệu, làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác tham mưu, tư vấn, giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong hệ thống tổ chức Đảng, các Học viện, các trường đại học.

Các kết quả nghiên cứu của Luận án cũng có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo để nghiên cứu, học tập, giảng dạy, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu về công tác PCTN của cơ quan Đảng, Nhà nước.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học đã công bố của tác giả liên quan đến luận án và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

*Chương 1:* Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

*Chương 2:* Nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng

*Chương 3:* Sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam và một số vấn đề đặt ra

*Chương 4:* Quan điểm và giải pháp tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian tới

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

#### 1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

##### 1.1.1. Tình hình nghiên cứu về phòng, chống tham nhũng

\* *Các nghiên cứu liên quan đến kinh nghiệm PCTN*

Một số công trình nước ngoài về tham nhũng như: Daniel Treisman (2000) trong bài *The Causes of Corruption: A Cross-National Study* [211] đã tiếp cận tham nhũng từ góc độ so sánh xuyên quốc gia, góp phần đặt nền tảng cho hướng phân tích nguyên nhân tham nhũng bằng dữ liệu định lượng. Trên cơ sở kiểm nghiệm mối quan hệ giữa mức độ tham nhũng cảm nhận với các yếu tố kinh tế, lịch sử, văn hóa và thể chế, nghiên cứu chỉ ra rằng tham nhũng không chỉ bắt nguồn từ hành vi cá nhân hay sự suy thoái đạo đức công vụ, mà còn chịu tác động sâu sắc của cấu trúc phát triển, truyền thống thể chế và chất lượng quản trị quốc gia. Giá trị của công trình nằm ở việc mở rộng cách tiếp cận tham nhũng như một hiện tượng có tính hệ thống, cần được lý giải trong quan hệ với môi trường CT-XH rộng lớn hơn, qua đó cung cấp cơ sở tham khảo quan trọng cho các nghiên cứu so sánh và hoạch định chính sách PCTN.

Daniel Treisman (2007), *What Have We Learned About the Causes of Corruption from Ten Years of Cross-National Empirical Research?* [212]. Bài tổng quan này đánh giá các nghiên cứu định lượng xuyên quốc gia về nguyên nhân tham nhũng trong thập kỷ đầu thế kỷ XXI. Treisman tổng hợp bằng chứng cho thấy các yếu tố như phát triển kinh tế, báo chí tự do, vai trò phụ nữ trong chính phủ, lịch sử dân chủ, và các thể chế kinh tế - chính trị đều liên quan đến mức độ tham nhũng. Đồng thời, tác giả phê bình các chỉ số cảm nhận tham nhũng và kêu gọi tăng cường các thước đo dựa trên kinh nghiệm thực tế hơn.

Fan, C. Simon & Lin, Chen & Treisman (2009), *Political Decentralization and Corruption: Evidence from Around the World* [214]. Nghiên cứu này phân tích vai trò của phân cấp chính trị đối với tham nhũng bằng dữ liệu xuyên quốc gia. Kết quả cho thấy trong nhiều trường hợp, phân cấp không kiểm soát tốt quyền lực có thể làm gia tăng tần suất hối lộ và chi phí tham nhũng, đặc biệt khi quyền lực địa phương không

được giám sát chặt chẽ. Đây là một đóng góp quan trọng vào lý luận cho thấy thể chế - cấu trúc chính trị có tác động phức tạp đến tham nhũng.

Ning He (2016) *Rethinking the Causes of Corruption: Perceived Corruption, Measurement Bias, and Cultural Illusion* [215]. Bài viết đi sâu vào vấn đề đo lường và lý giải những hạn chế trong nghiên cứu tham nhũng sử dụng chỉ số nhận thức. Ning He lập luận rằng nhiều mối liên hệ được thiết lập giữa tham nhũng và truyền thống văn hoá có thể là sản phẩm của sai lệch đo lường thay vì mối quan hệ nguyên nhân thực sự. Bài này nhấn mạnh sự cần thiết của các phương pháp định lượng chính xác hơn và phân tích thận trọng các giả thuyết nguyên nhân tham nhũng.

Ngoài các tác phẩm trên, nhiều công trình mô phỏng tham nhũng bằng mô hình lý thuyết và mạng phức tạp cũng đóng góp vào hiểu biết hệ thống: Pablo Valverde et al. (2023), Controlling systemic corruption through group size and salary dispersion of public servants - mô phỏng tác động của quy mô nhóm và chênh lệch lương tới tham nhũng. Michal Paulus & Ladislav Kristoufek (2015), Worldwide clustering of the corruption perception - phân nhóm các quốc gia theo nhận thức tham nhũng và gắn với GDP/người.

Để hiểu rõ hơn về những kinh nghiệm quốc tế trong công tác PCTN, cuốn *Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của một số nước trên thế giới* (2005) của tác giả Nguyễn Văn Quyền [151] là một tài liệu có giá trị tham khảo quan trọng. Tác phẩm đã tập trung phân tích mô hình tổ chức, hoạt động và các văn bản pháp luật về PCTN của một số nước trên thế giới. Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm thực tiễn của một số nước trên thế giới, tác giả đã rút ra những bài học kinh nghiệm cho công tác PCTN ở Việt Nam hiện nay. Cuốn sách là tài liệu quý giá, giúp tác giả Luận án có cái nhìn tổng quan, toàn diện hơn về cuộc đấu tranh PCTN của một số nước trên thế giới.

Nổi tiếp hướng nghiên cứu, so sánh đa chiều về thực trạng và các biện pháp PCTN giữa Việt Nam và thế giới được đề cập trong công trình của nhóm tác giả Nguyễn Xuân Yêm, Nguyễn Hòa Bình, Bùi Minh Thanh (2007): *Phòng chống tham nhũng ở Việt Nam và thế giới* [210]. Cuốn sách đã phân tích nguồn gốc, khái niệm, đặc điểm và bản chất của tham nhũng, các tác giả đã phân tích mục tiêu công tác PCTN - đó là sự lành mạnh hóa bộ máy nhà nước, một yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của quốc gia. Đặc biệt, cuốn sách đã làm sáng tỏ mối quan hệ biện chứng giữa PCTN và nền kinh tế thị trường, một mối quan hệ phức tạp, đòi hỏi sự cân bằng

và điều chỉnh linh hoạt để đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và sự trong sạch của bộ máy nhà nước. Bằng cách phân tích thực tiễn công tác PCTN ở Việt Nam, đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế, các tác giả đã mang đến một cái nhìn đa chiều, sâu sắc, góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức và thúc đẩy các giải pháp hiệu quả cho cuộc chiến chống tham nhũng đầy thách thức này.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu về thể chế và mô hình tổ chức trong công tác PCTN, một số tài liệu quốc tế cũng nhấn mạnh vai trò của giáo dục liêm chính như một giải pháp phòng ngừa bền vững. Cuốn *Giáo dục liêm chính cho thanh, thiếu niên - Ví dụ từ mười một quốc gia, vùng lãnh thổ* [182], do Tổ chức Minh bạch quốc tế biên soạn (2012), là một ví dụ tiêu biểu. Tác phẩm nhấn mạnh đến sự cần thiết phải đưa nội dung PCTN vào chương trình giáo dục cho thế hệ trẻ, nhất là ở bậc trung học phổ thông và trung cấp, cao đẳng, đại học. Vấn đề này đã được một số quốc gia triển khai như một môn học chính thức hoặc bổ trợ. Qua đó, không chỉ trang bị cho thế hệ trẻ những hiểu biết nhất định về biểu hiện cũng như tác hại, sự xấu xa, đê tiện của hành vi tham nhũng; từ đó định hình ý thức, tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong PCTN ngay từ nhỏ. Điều này còn có ý nghĩa trong giáo dục đạo đức, tính trung thực, liêm chính cho thế hệ cán bộ tương lai. Đây được xác định là một trong những giải pháp PCTN căn cơ từ gốc.

Ở góc nhìn lịch sử, nhiều công trình đã khai thác kinh nghiệm PCTN trong các triều đại phong kiến Việt Nam. Tiêu biểu là nghiên cứu của Phan Ngọc Huyền (2017) trong cuốn *Quan chế và phòng chống quan lại tham nhũng thời Hậu Lê - Một số vấn đề nghiên cứu* [86]. Công trình không chỉ mô tả hệ thống quan chế và các biện pháp xử lý quan lại tham nhũng, mà còn đặt vấn đề PCTN trong tổng thể vận hành của nhà nước quân chủ thời Hậu Lê, nhất là mối quan hệ giữa thiết chế quan lại, pháp luật, đạo đức công vụ và yêu cầu kiểm soát quyền lực. Giá trị nổi bật của công trình là chỉ ra rằng PCTN thời Hậu Lê không phải là những biện pháp rời rạc, tình thế, mà từng bước được thể chế hóa thành hệ thống quy phạm, gắn với tuyển dụng, bổ nhiệm, giám sát, thưởng phạt và xử lý nghiêm hành vi lợi dụng chức quyền để trục lợi. Qua khảo cứu Quốc triều hình luật và đối chiếu với Đại Minh luật, tác giả làm rõ cả sự tiếp biến pháp lý khu vực lẫn đặc điểm riêng của tư duy trị nước Việt Nam trong kiểm soát quan lại. Từ đó, công trình gợi mở nhận thức quan trọng: PCTN trong lịch sử luôn gắn với kiểm soát quyền lực, xây dựng liêm sỉ công vụ và củng cố hiệu lực pháp luật; đồng thời cung

cấp cơ sở tham khảo cho việc nhận diện sự kế thừa các giá trị truyền thống trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN và trong hoàn thiện pháp luật PCTN hiện nay.

Bổ sung thêm góc nhìn đa chiều về các mô hình chống tham nhũng hiện đại, tác giả Hà Hồng Hải (2018) với cuốn *Tham nhũng: Mưu mô và trừng phạt* [76] đã tiếp cận PCTN không chỉ như vấn đề pháp lý, mà còn là vấn đề tổ chức quyền lực, đạo đức công vụ và quyết tâm chính trị. Thông qua khảo cứu kinh nghiệm của Singapore, Hàn Quốc và Việt Nam, công trình cho thấy hiệu quả PCTN phụ thuộc vào sự kết hợp đồng bộ giữa cam kết chính trị mạnh mẽ, thể chế pháp luật nghiêm minh, cơ quan chuyên trách liêm chính, kiểm soát các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng và xây dựng văn hóa liêm chính trong xã hội. Điểm đáng chú ý là tác giả không tuyệt đối hóa một mô hình đơn nhất, mà nhấn mạnh yêu cầu vận dụng linh hoạt kinh nghiệm quốc tế vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Từ đó, công trình gợi mở cách nhìn đa chiều về PCTN: muốn ngăn chặn tham nhũng hiệu quả phải đồng thời tác động vào thiết chế, con người, lợi ích, đạo đức và cơ chế thực thi quyền lực.

Cùng hướng nghiên cứu vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn hiện nay, công trình của Tăng Thị Thu Trang và Quyền Hồng Nhung (2020) trong cuốn *Vận dụng pháp luật Hội ty nhà nước phong kiến Việt Nam trong phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay* [183], đã làm rõ giá trị của chế định hội ty trong kiểm soát quyền lực và phòng ngừa xung đột lợi ích. Công trình cho thấy, từ rất sớm, các triều đại phong kiến Việt Nam đã nhận diện nguy cơ cục bộ, thân hữu, “một người làm quan, cả họ được nhờ” như một căn nguyên làm tha hóa quyền lực, nên đặt ra những quy tắc chặt chẽ trong tuyển chọn, bố trí và sử dụng quan lại. Giá trị của nghiên cứu không chỉ ở việc phục dựng một kinh nghiệm pháp lý truyền thống, mà còn ở khả năng gợi mở cho hiện nay trong hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng ngừa lợi ích nhóm, khắc phục tình trạng “kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình” trong công tác cán bộ theo tinh thần cảnh báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua đó, công trình góp phần khẳng định: PCTN hiệu quả phải bắt đầu từ kiểm soát quá trình hình thành, phân bổ và thực thi quyền lực công.

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Ban Nội chính Trung ương (2022) đã xuất bản cuốn *Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của một số quốc gia trên thế giới* [14] đã mở rộng hướng tiếp cận PCTN từ phạm vi quốc gia sang bình diện so sánh quốc tế. Công trình cho thấy tham nhũng là thách thức mang tính toàn cầu, đe

dọa trực tiếp đến phát triển bền vững, chất lượng quản trị quốc gia và niềm tin xã hội. Qua khảo cứu kinh nghiệm của nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế, cuốn sách làm nổi bật một số mô hình PCTN tiêu biểu: thành lập cơ quan chuyên trách có tính độc lập tương đối; hoàn thiện thể chế, đề cao công khai, minh bạch; xây dựng văn hóa liêm chính trong bộ máy công quyền; tăng cường KSQL, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính và xử lý nghiêm minh hành vi tham nhũng. Giá trị của công trình không chỉ nằm ở việc cung cấp kinh nghiệm quốc tế phong phú, mà còn gợi mở nhận thức quan trọng: PCTN hiệu quả không thể dựa vào một giải pháp đơn lẻ, mà phải là sự kết hợp đồng bộ giữa thể chế, tổ chức bộ máy, đạo đức công vụ, cơ chế kiểm soát quyền lực và quyết tâm chính trị trong từng điều kiện quốc gia cụ thể.

*\* Các nghiên cứu liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật về PCTN*

Một hướng nghiên cứu quan trọng trong lĩnh vực PCTN là hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhằm đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Tiêu biểu là Đề tài khoa học cấp Bộ *Những nghĩa vụ chủ yếu và vấn đề đặt ra đối với Việt Nam sau khi phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng* (2005) do Thanh tra Chính phủ chủ trì thực hiện [166], đã tập trung nghiên cứu các quy định của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), đặc biệt nhấn mạnh đến những nghĩa vụ pháp lý mà các quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam, cần thực hiện. Thông qua việc đối chiếu, rà soát hệ thống pháp luật trong nước với các quy định của Công ước, đề tài đã chỉ ra những điểm còn bất cập và đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm sự tương thích. Đáng chú ý, đề tài kiến nghị việc thành lập tổ chức chuyên trách về PCTN, xây dựng cơ chế hợp tác quốc tế và tăng cường các biện pháp thực thi. Những đóng góp của công trình đã đặt nền móng quan trọng cho việc hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả công tác PCTN tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tiếp cận theo hướng nghiên cứu chuyên sâu về cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật PCTN, luận án tiến sĩ của Trần Đăng Vinh (2012) với đề tài *Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay* [206] là công trình nghiên cứu chuyên sâu về cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật PCTN ở Việt Nam. Trên cơ sở làm rõ các khái niệm cơ bản về tham nhũng, PCTN và pháp luật PCTN, tác giả đã xây dựng hệ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật, đồng thời phân tích những yếu tố tác động đến quá trình hoàn thiện pháp luật PCTN trong điều kiện Việt Nam. Giá trị nổi bật của luận án là không chỉ hệ thống hóa và đánh giá thực trạng pháp luật

PCTN trên các phương diện phòng ngừa, phát hiện, xử lý, tổ chức bộ máy, trách nhiệm xã hội và hợp tác quốc tế, mà còn chỉ ra những khoảng trống thể chế cần tiếp tục khắc phục. Một số đề xuất như mở rộng nhận diện hành vi tham nhũng sang khu vực tư, hoàn thiện cơ chế xử lý tham nhũng ngoài khu vực nhà nước, xây dựng cơ quan chuyên trách PCTN có tính độc lập tương đối, tăng cường giám sát hoạt động của cơ quan PCTN và hướng dẫn cụ thể dấu hiệu pháp lý của hành vi tham nhũng cho thấy tầm nhìn cải cách tương đối sớm của công trình. Qua đó, luận án góp phần khẳng định rằng hoàn thiện pháp luật PCTN không chỉ là yêu cầu kỹ thuật lập pháp, mà còn là điều kiện nền tảng để kiểm soát quyền lực, nâng cao hiệu lực quản trị nhà nước và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Nghiên cứu liên quan đến đặc điểm, bản chất, dấu hiệu pháp lý tội phạm tham nhũng và hoàn thiện pháp luật hình sự về tội phạm tham nhũng, tiêu biểu có công trình của Trần Văn Đạt (2012), *Các tội phạm về tham nhũng theo pháp luật hình sự Việt Nam* [70] đã tập trung làm rõ bản chất, đặc điểm và dấu hiệu pháp lý của nhóm tội phạm này. Trên cơ sở khảo cứu quá trình hình thành, phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam và đánh giá thực tiễn áp dụng, công trình chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của hệ thống quy định hiện hành, nhất là tình trạng một số hành vi tham nhũng mới hoặc phức tạp chưa được nhận diện đầy đủ trong pháp luật hình sự, dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý để xử lý. Giá trị của nghiên cứu còn thể hiện ở việc đặt pháp luật hình sự Việt Nam trong tương quan với Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, từ đó đề xuất mở rộng phạm vi tội danh tham nhũng, làm rõ dấu hiệu định tội, nghiên cứu mở rộng chủ thể của tội phạm, hoàn thiện cơ chế thu hồi tài sản tham nhũng và hình sự hóa một số hành vi phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. Qua đó, công trình góp phần khẳng định vai trò của pháp luật hình sự như công cụ trọng yếu trong phát hiện, xử lý và răn đe hành vi tham nhũng, đồng thời cho thấy yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật để đáp ứng sự biến đổi ngày càng tinh vi của loại tội phạm này.

Ở tầm quốc tế, Liên Hợp Quốc (The United Nations 2015) đã ban hành tài liệu hướng dẫn *Convention against Corruption, National Anti-Corruption Strategies: A Practical Guide for Development and Implementation* (Chiến lược phòng, chống tham nhũng quốc gia: Bản hướng dẫn thiết thực cho việc xây dựng và thực hiện) [216]. Cuốn sách hướng dẫn này đưa ra các khuyến nghị cho các quốc gia đang xem xét soạn thảo hoặc sửa đổi chiến lược chống tham nhũng quốc gia. Mặc dù trọng tâm của Hướng dẫn

này là các khuyến nghị cho việc xây dựng các văn bản chính thức về chiến lược PCTN quốc gia trong bối cảnh mới, khi mà tham nhũng đang có những biểu hiện hết sức tinh vi và khó kiểm soát, nhưng nhiều khuyến nghị cũng có thể phù hợp với các quốc gia có kế hoạch đáp ứng các nghĩa vụ của họ theo Điều 5 của Công ước Chống tham nhũng mà không cần thông qua một chiến lược chính thức.

Gần đây, công trình nghiên cứu của Trịnh Thăng Quyết (2023) với tên *Thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay* [152] đã chuyển trọng tâm nghiên cứu từ hoàn thiện quy định pháp luật sang vấn đề tổ chức thực thi pháp luật PCTN trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Công trình làm rõ khái niệm, chủ thể, nội dung, hình thức và đặc trưng của thực hiện pháp luật PCTN; đồng thời phân tích những bất cập, hạn chế và nguyên nhân nảy sinh trong quá trình đưa pháp luật vào đời sống. Giá trị đáng chú ý của nghiên cứu là đã tiếp cận thực hiện pháp luật PCTN như một quá trình chịu tác động đồng thời của thể chế, tổ chức bộ máy, năng lực chủ thể thực thi, văn hóa xã hội, tư duy pháp lý và mức độ ứng dụng công nghệ. Bên cạnh việc nhấn mạnh vai trò của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công trình còn đề cập đến tác động của mạng xã hội, công nghệ số, quản trị thông minh và hội nhập quốc tế đối với hiệu quả PCTN. Qua đó, nghiên cứu gợi mở nhận thức quan trọng: hiệu quả PCTN không chỉ phụ thuộc vào chất lượng pháp luật, mà còn phụ thuộc quyết định vào năng lực tổ chức thực hiện, cơ chế bảo đảm tuân thủ và sự chuyển biến trong văn hóa liêm chính của xã hội.

Bài viết của Kiều Văn Nam và Phạm Ngọc Trang (2026), *Phòng, chống tham nhũng góp phần hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh mới* [129]. Bài viết tiếp cận PCTN trong mối quan hệ với xây dựng và hoàn thiện NNQP xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhấn mạnh rằng tham nhũng không chỉ gây thất thoát nguồn lực phát triển, mà còn làm suy giảm hiệu lực pháp luật, xói mòn nguyên tắc thượng tôn pháp luật và niềm tin của Nhân dân đối với bộ máy công quyền. Từ đó, các tác giả cho rằng PCTN phải được đặt trong tổng thể hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và KSQL. Giá trị của bài viết là làm rõ yêu cầu hoàn thiện pháp luật PCTN không chỉ ở phương diện ban hành quy định, mà quan trọng hơn là thiết lập cơ chế đủ mạnh để quyền lực công được vận hành minh bạch, có trách nhiệm và không bị lợi dụng vì mục đích cá nhân.

Tác giả Nguyễn Văn Vi (2026), trong bài *Bàn về các thể chế kiểm soát quyền lực trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam hiện nay* [198], đã đi sâu phân tích các thể chế KSQL trong PCTN, tiêu cực. Tác giả cho rằng KSQL là điều kiện nền tảng để phòng ngừa lạm quyền, lợi ích nhóm và sự tha hóa quyền lực. Trên cơ sở khảo cứu các quy định pháp luật và quy định của Đảng có liên quan, bài viết tập trung làm rõ một số thể chế kiểm soát quyền lực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, thanh tra, kiểm toán, hoạt động tố tụng, thi hành án, báo chí, khiếu nại, tố cáo. Điểm đáng chú ý của nghiên cứu là không nhìn nhận PCTN chỉ từ phương diện xử lý hành vi sai phạm, mà nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện các thiết chế kiểm soát để phòng ngừa tham nhũng từ gốc. Cách tiếp cận này có ý nghĩa tham khảo đối với việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm tra, giám sát, kỷ luật và kiểm soát quyền lực trong PCTN.

*\* Các nghiên cứu liên quan đến giải pháp PCTN*

Về các giải pháp cụ thể trong PCTN, công trình *Bàn về giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay* (2013) do Trương Giang Long chủ biên [108] là công trình tập hợp các bài viết của lãnh đạo, nhà quản lý, nhà nghiên cứu và những người trực tiếp làm công tác PCTN, nhằm tổng kết bước đầu thực tiễn PCTN ở nước ta trên nhiều lĩnh vực. Các tác giả khẳng định, tham nhũng là vấn nạn toàn cầu, gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, làm suy giảm lòng tin của Nhân dân và đe dọa sự ổn định chính trị của mọi chế độ. Do đó, cuộc đấu tranh chống tham nhũng diễn ra quyết liệt trên phạm vi toàn thế giới, không chỉ có chính phủ mà cả các tổ chức phi chính phủ cũng tham gia tích cực bằng việc tài trợ, nghiên cứu, đề xuất giải pháp. Bên cạnh đó, cuốn sách còn làm rõ những vấn đề lý luận về tham nhũng, phân tích thực tiễn PCTN quốc tế, đồng thời đưa ra một số giải pháp phù hợp với điều kiện Việt Nam hiện nay.

Tập trung vào nghiên cứu riêng về PCTN trong hoạt động công vụ được thể hiện đậm nét trong công trình của Nguyễn Quốc Sửu (2014): *Phòng, chống tham nhũng trong các hoạt động công vụ ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn* [155] đã tiếp cận tham nhũng từ chính quá trình thực thi quyền lực công của đội ngũ cán bộ, công chức. Công trình không chỉ phân tích các hành vi tham nhũng điển hình như tham ô, nhận hối lộ, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, mà còn chú ý đến những biểu hiện tinh vi hơn như những nhiễu, lạm quyền, gây ảnh hưởng vì vụ lợi, giả mạo trong công tác hoặc sử dụng trái phép tài sản công. Giá trị của nghiên cứu nằm ở việc chỉ ra các

“điểm mù” trong hoạt động công vụ - nơi quyền lực được trao nhưng cơ chế kiểm soát chưa đủ chặt chẽ, dễ dẫn đến tha hóa, trục lợi và làm suy giảm niềm tin của Nhân dân. Qua đó, công trình góp phần làm rõ rằng PCTN trong khu vực công không chỉ là xử lý hành vi vi phạm sau khi xảy ra, mà quan trọng hơn là nhận diện nguy cơ, kiểm soát quá trình thực thi công vụ, nâng cao đạo đức công vụ và thiết lập cơ chế phòng ngừa từ bên trong bộ máy nhà nước.

Tiếp cận ở góc độ lý luận và thực tiễn tổng hợp, cuốn *Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay* (2010) của Phan Xuân Sơn, Phạm Thế Lực [152] khẳng định, tham nhũng là một trong bốn nguy cơ lớn đe dọa sự nghiệp đổi mới, hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tham nhũng gây ra những hậu quả nghiêm trọng, dễ nhận thấy, nhưng việc nhận diện và đặc biệt là PCTN hiệu quả lại vô cùng khó khăn. Do đó, tìm kiếm và đổi mới các biện pháp PCTN được xem là nhiệm vụ chính trị cấp bách của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Cuốn sách đã hệ thống cơ sở lý luận, thực tiễn về nhận diện và xây dựng giải pháp PCTN; phân tích nguyên nhân, đặc điểm, thực trạng, những vấn đề đặt ra, đồng thời gợi mở phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTN ở Việt Nam hiện nay. Cuốn sách đề xuất nhiều giải pháp như: hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường cơ chế KSQL; đẩy mạnh công khai, minh bạch trong hoạt động của bộ máy nhà nước; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; phát huy vai trò của báo chí, Nhân dân và xã hội trong giám sát; xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng; đồng thời kết hợp giữa giáo dục đạo đức, xây dựng văn hóa liêm chính với việc thực thi pháp luật chặt chẽ.

Ở bình diện quốc tế, công trình *The Quest for Good Governance: How Societies Develop Control of Corruption* (2015) của Alina Mungiu-Pippidi [220] là một nghiên cứu có giá trị lý luận sâu sắc về mối quan hệ giữa quản trị tốt và kiểm soát tham nhũng. Tác phẩm tập trung phân tích khái niệm “quản trị tốt” và vai trò của nó trong kiểm soát tham nhũng. Tác giả cho rằng, các chuẩn mực và giá trị xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản trị, từ đó quyết định khả năng PCTN. Hiệu quả của các biện pháp chống tham nhũng phụ thuộc không chỉ vào chính sách và thể chế, mà còn ở mức độ đồng thuận xã hội và niềm tin của Nhân dân đối với chính phủ. Bên cạnh đó, tác giả nhấn mạnh cần tiếp cận vấn đề một cách toàn diện,

gắn kết yếu tố xã hội và chính trị trong xây dựng quản trị tốt, coi đó là nền tảng để nâng cao hiệu quả kiểm soát tham nhũng.

Nhằm khắc phục “khoảng trống” trong nghiên cứu về tham nhũng khu vực tư, đề tài khoa học cấp Bộ *Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư ở Việt Nam* (2015) do Viện Khoa học Thanh tra chủ trì [201] đã làm rõ một số vấn đề lý luận về khu vực tư, tham nhũng trong khu vực tư và PCTN trong khu vực tư; kinh nghiệm PCTN trong khu vực tư trên thế giới và những kết luận có giá trị tham khảo đối với Việt Nam; đánh giá tổng quan quy định pháp luật về tham nhũng liên quan đến khu vực tư; đánh giá khái quát về thực trạng tham nhũng trong khu vực tư và tình hình đấu tranh PCTN trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm phòng, chống các hành vi tham nhũng trong khu vực tư góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh PCTN ở Việt Nam hiện nay. Kết quả của Đề tài có giá trị cao trong khắc phục những hạn chế của Việt Nam hiện nay là chưa kiểm soát tốt tham nhũng trong khu vực tư.

Một hướng nghiên cứu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc là KSQL - yếu tố then chốt trong PCTN. Đề tài cấp Quốc gia *Kiểm soát quyền lực nhằm phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam* (2021) do Viện Chiến lược và Khoa học Thanh tra chủ trì [199]. Đề tài đã làm rõ khung lý thuyết về KSQL nhằm PCTN ở Việt Nam. Tổng hợp kinh nghiệm, mô hình KSQL nhằm PCTN trong lịch sử Việt Nam; kinh nghiệm, mô hình quốc tế về KSQL nhằm PCTN và rút ra những giá trị tham khảo đối với Việt Nam. Tổng hợp, đánh giá khung chính sách, pháp luật của Việt Nam về KSQL nhằm PCTN, làm rõ thành công, hạn chế và nguyên nhân. Tổng hợp, đánh giá thực trạng KSQL nhằm PCTN với vai trò, trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam, các chủ thể nhà nước và xã hội; làm rõ thành công, hạn chế và nguyên nhân. Đề xuất quan điểm và giải pháp định hướng nâng cao hiệu quả KSQL nhằm PCTN ở Việt Nam. Kết quả của Đề tài có giá trị trong hoàn thiện cơ chế KSQL ở Việt Nam hiện nay.

Ở phương diện phòng ngừa tội phạm tham nhũng, công trình nghiên cứu chuyên sâu *Biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm tham nhũng ở Việt Nam hiện nay* (2022) của Nguyễn Đức Tâm [157] có giá trị khoa học và thực tiễn cao. Công trình không chỉ hệ thống hóa và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cốt lõi, cung cấp luận cứ khoa học vững chắc cho việc xây dựng và triển khai các biện pháp phòng ngừa tội phạm tham nhũng, mà còn đi sâu phân tích thực trạng, đánh giá một cách toàn diện và có hệ thống

các biện pháp hiện hành. Từ việc chỉ ra những ưu điểm cần phát huy, những hạn chế cần khắc phục, luận án đã xác định rõ nguyên nhân của những tồn tại và đề xuất những giải pháp, kiến nghị có giá trị, góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian tới. Đặc biệt, tác giả đã phân tích những diễn biến phức tạp và thủ đoạn tinh vi mới của tham nhũng; nghiên cứu, đề xuất những biện pháp phòng ngừa mang tính đột phá về KSQL, thu hồi tài sản tham nhũng..., phù hợp với xu thế hội nhập và sự phát triển của công nghệ.

Bài viết của Đặng Văn Dũng (2026), *Tiếp tục cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực - nhân tố cốt lõi bảo đảm thành công trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc* [49], là một nghiên cứu có tính cập nhật, gắn PCTN, lãng phí, tiêu cực với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Bài viết khẳng định PCTN, lãng phí, tiêu cực là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, vừa cấp bách, vừa lâu dài; đồng thời nhấn mạnh phương châm kiên quyết, kiên trì, không ngừng, không nghỉ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Giá trị của bài viết là đặt PCTN trong chính thể các giải pháp tổng hợp: tăng cường phòng ngừa, KSQL, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN thật sự liêm chính, bản lĩnh; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và Nhân dân. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ yêu cầu đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác PCTN, lãng phí, tiêu cực trong kỷ nguyên phát triển mới.

*\* Các nghiên cứu liên quan đến trách nhiệm của các chủ thể trong PCTN*

Trong nghiên cứu về vai trò và trách nhiệm của các chủ thể trong công tác PCTN, tác giả Nguyễn Tuấn Khanh (2015) với công trình *Trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí* [87] đã giới thiệu những nội dung cơ bản của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện các biện pháp PCTN, lãng phí theo quy định hiện hành; xác định trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nói chung và của chính quyền cơ sở nói riêng trong lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN, lãng phí. Trong đó bên cạnh những nội dung về trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, tác giả đã phân tích một cách khá cụ thể về trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Đề xuất giải pháp về nâng cao nhận thức và trách nhiệm pháp lý, nhằm giúp cán bộ, công chức hiểu rõ trách nhiệm, quyền hạn của mình, đồng thời nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân; giải pháp về hoàn thiện quy trình, thủ tục, nhằm chuẩn hóa các quy trình, thủ tục tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo, cũng như các quy định về phòng chống tham nhũng, lãng phí tại cơ sở.

Ở góc độ so sánh quốc tế, tác phẩm *Đảng Cộng sản Trung Quốc chống tham nhũng như thế nào* (2016) của Tạ Xuân Đào [69] là công trình có giá trị tham khảo, phản ánh kinh nghiệm thực tiễn và quyết tâm chính trị của Trung Quốc trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Tác giả nhấn mạnh, kể từ Đại hội XVIII, dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư Tập Cận Bình, đấu tranh PCTN đã trở thành sáng kiến trọng điểm, thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ và những hành động quyết liệt của Trung ương Đảng. Các biện pháp cụ thể được triển khai gồm: phát động chiến dịch “đả hổ diệt ruồi”, xử lý đồng thời cả quan chức cấp cao lẫn cán bộ cơ sở; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng; tăng cường cơ chế KSQL, thanh tra, giám sát nội bộ; đồng thời đẩy mạnh công khai, minh bạch trong bộ máy hành chính. Đặc biệt, Trung Quốc kiên quyết xử lý nghiêm minh, không có “vùng cấm” đối với các vụ tham nhũng, qua đó tạo hiệu ứng răn đe mạnh mẽ và củng cố lòng tin của Nhân dân. Cuộc chiến chống tham nhũng của Trung Quốc được xem là một trong những nỗ lực toàn diện, quyết liệt nhất, để lại nhiều kinh nghiệm tham khảo cho các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Một số nghiên cứu khác tập trung làm rõ vai trò của xã hội và các tổ chức ngoài nhà nước trong PCTN. Tiêu biểu là công trình của Nguyễn Quốc Văn và Vũ Công Giao (2017): *Phát huy vai trò của xã hội trong phòng, chống tham nhũng* [196]. Nội dung tập trung phân tích làm rõ những vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn về vai trò của xã hội trong PCTN ở Việt Nam; trên cơ sở đó đề xuất những quan điểm, giải pháp với các cơ quan nhà nước trong việc sửa đổi, bổ sung khuôn khổ pháp luật hiện hành; phân tích sâu sắc các yếu tố xã hội có thể tham gia vào công tác PCTN, bao gồm vai trò của người dân, các tổ chức chính trị - xã hội (CT-XH), tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và các phương tiện thông tin đại chúng, để phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động PCTN của các chủ thể khác nhau trong xã hội ở nước ta trong thời gian tới.

Liên quan chặt chẽ đến chủ đề phát huy vai trò xã hội trong đấu tranh chống tham nhũng, công trình *Bảo vệ người tố cáo trong pháp luật Việt Nam* (2017) của

cùng nhóm tác giả [195], là một công trình nghiên cứu chuyên sâu, có ý nghĩa thời sự, tập trung phân tích và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn liên quan đến tố cáo và bảo vệ người tố cáo ở Việt Nam. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, các tác giả đã đề xuất những quan điểm và giải pháp cụ thể, thiết thực, nhằm hỗ trợ các cơ quan nhà nước trong việc sửa đổi, bổ sung khuôn khổ pháp luật hiện hành về bảo vệ người tố cáo ở nước ta. Các tác giả đi sâu vào các khía cạnh như bảo vệ danh dự, tính mạng, sức khỏe, tài sản, việc làm và các quyền lợi hợp pháp khác của người tố cáo và người thân của họ, nhằm hoàn thiện khung pháp lý bảo vệ người tố cáo, khuyến khích người dân tích cực tham gia vào công cuộc PCTN, xây dựng một xã hội liêm chính và minh bạch.

Ở phương diện kiểm tra, giám sát của Đảng - một chủ thể giữ vai trò trọng yếu trong PCTN, tác giả Trần Văn Tĩnh (2022) trong cuốn *Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan hành chính nhà nước cấp Trung ương thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng* [181] đã trình bày cơ sở lý luận về PCTN, tiêu cực; phân tích các yếu tố tác động và điều kiện bảo đảm để nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát của Đảng. Tác giả nhấn mạnh vai trò quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan hành chính nhà nước cấp Trung ương. Đây là công cụ góp phần nâng cao đạo đức cách mạng, ngăn chặn suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, qua đó bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng [181, tr.231]. Trên cơ sở đánh giá thực trạng và tham khảo kinh nghiệm PCTN của Trung Quốc, tác giả đề xuất nhiều giải pháp tăng cường công tác PCTN trong các cơ quan hành chính nhà nước cấp Trung ương, bao gồm: hoàn thiện thể chế, cơ chế kiểm tra giám sát; tăng cường tính độc lập, khách quan và hiệu lực của công tác kiểm tra, giám sát; gắn kiểm tra, giám sát với công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; xử lý nghiêm minh các sai phạm; đồng thời chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có bản lĩnh, liêm chính, chuyên nghiệp.

Bài viết của Lê Thị Hồng Xuân (2026), *Lý luận về phòng chống tội phạm tham nhũng ở Việt Nam hiện nay gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng* [207], đã tiếp cận PCTN từ bình diện chính trị - tư tưởng, đặt cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong mối quan hệ với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và HTCT. Tác giả nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố

quyết định trong PCTN; đồng thời đề cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, cơ quan tư pháp, truyền thông, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong đấu tranh với tham nhũng cũng như phản bác các luận điệu xuyên tạc, lợi dụng PCTN để chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ. Giá trị của bài viết là mở rộng cách tiếp cận PCTN từ phương diện pháp lý - hình sự sang phương diện chính trị - xã hội, qua đó cho thấy PCTN không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan chức năng, mà là trách nhiệm tổng hợp của nhiều chủ thể trong bảo vệ sự trong sạch của Đảng, hiệu lực của Nhà nước và niềm tin của Nhân dân.

Nhìn chung, các công trình nêu trên đã góp phần làm rõ trách nhiệm của từng chủ thể - từ cơ quan nhà nước, chính quyền cơ sở, tổ chức xã hội, người dân, đến Đảng Cộng sản Việt Nam - trong PCTN. Những kết quả nghiên cứu này cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để luận án kế thừa, phát triển trong việc xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong PCTN ở Việt Nam hiện nay.

### **1.1.2. Tình hình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng**

*\* Các nghiên cứu liên quan đến nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.*

Trong thời gian qua, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học dưới các góc độ khác nhau. Các công trình này không chỉ góp phần làm rõ nội dung, giá trị lý luận và thực tiễn trong quan điểm của Hồ Chí Minh về PCTN mà còn cung cấp cơ sở khoa học quan trọng cho việc vận dụng vào thực tiễn đấu tranh PCTN ở Việt Nam hiện nay.

Trước hết, có thể kể đến các công trình nghiên cứu theo hướng hệ thống hóa và phân tích những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, tiêu biểu là công trình của Bùi Mạnh Cường (2003) *Tư tưởng Hồ Chí Minh với vấn đề chống tham nhũng* [43]. Thông qua việc khai thác các bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nạn tham ô, lãng phí, quan liêu - những biểu hiện tiêu cực điển hình trong bộ máy nhà nước và đời sống xã hội. Tác giả đã góp phần làm rõ nhận thức của Hồ Chí Minh về bản chất, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng đối với sự phát triển của Nhà nước và xã hội. Đồng thời, công trình cũng phân tích khá sâu sắc quan điểm của Người về các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng gắn với từng giai đoạn của cách mạng Việt Nam. Đáng chú ý, nghiên cứu này đã bước đầu chỉ ra ý nghĩa của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng các giải pháp PCTN phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam trong thời kỳ

đổi mới. Qua đó cho thấy giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ ở phương diện định hướng nhận thức mà còn ở phương diện chỉ dẫn hành động trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Tiếp cận theo hướng làm rõ hơn tính hệ thống trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, công trình của Bùi Mạnh Cường và Nguyễn Thị Tố Uyên (2015) với nhan đề: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng* [44] đã tiếp tục bổ sung những luận giải có giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Nội dung cuốn sách giúp người đọc có cái nhìn đầy đủ hơn về quan điểm của Hồ Chí Minh đối với bản chất, nguyên nhân, biểu hiện cũng như những hậu quả của tham nhũng; đồng thời khẳng định quyết tâm chính trị và thái độ kiên quyết của Người trong đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực này.

Từ những phân tích đó, các tác giả đã khái quát một số phương châm cơ bản trong PCTN theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tiêu biểu như: “chặt một cành cây để cứu cả khu rừng”, kết hợp chặt chẽ giữa răn đe và giáo dục, giữa pháp luật và đạo đức, giữa “xây” và “chống”, trong đó lấy “xây” làm nền tảng. Đồng thời, công trình cũng nhấn mạnh vai trò của việc thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, phát huy hiệu lực của công tác kiểm tra, giám sát và nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Nhìn chung, các nghiên cứu nêu trên không chỉ có giá trị về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong bối cảnh Đảng và Nhà nước ta đang đẩy mạnh công cuộc đấu tranh PCTN, tiêu cực hiện nay.

Bên cạnh các nghiên cứu nêu trên, công trình của Phùng Thanh và Bùi Văn Mạnh (2017) với nhan đề: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Giá trị lý luận và thực tiễn* [165], đã tiếp cận vấn đề theo hướng kết hợp giữa phân tích lý luận và liên hệ thực tiễn. Công trình đã góp phần hệ thống hóa các quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về bản chất, nguyên nhân và những tác động tiêu cực của tham ô, lãng phí, quan liêu đối với sự phát triển của bộ máy nhà nước và đời sống xã hội. Đồng thời, các tác giả cũng làm rõ vai trò của việc phát huy dân chủ, tăng cường phê bình và tự phê bình, chú trọng giáo dục đạo đức cách mạng và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong PCTN. Từ sự kết hợp giữa phân tích lý luận và tổng kết thực tiễn, công trình đã góp phần khẳng định giá trị chỉ dẫn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

hiện nay, nhất là trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đang đẩy mạnh công cuộc PCTN, tiêu cực gắn với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

Cùng hướng nghiên cứu trên nhưng tiếp cận dưới góc độ chính trị học, Nguyễn Ngọc Anh (2020) trong công trình *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu: Nội dung và giá trị* [2], đã tập trung phân tích quá trình hình thành và phát triển những quan điểm của Hồ Chí Minh về PCTN, qua đó làm rõ tính nhất quán trong tư duy và hành động của Người đối với vấn đề này. Công trình cũng đã luận giải yêu cầu khách quan của công tác PCTN trong quá trình xây dựng NNQP XHCN, đồng thời đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay. Trên cơ sở kế thừa kết quả của các nghiên cứu trước, tác giả công trình đã bước đầu khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công tác đấu tranh PCTN, tiêu cực ở Việt Nam. Những kết quả nghiên cứu này góp phần bổ sung thêm luận cứ khoa học cho việc tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong PCTN gắn với yêu cầu xây dựng NNQP XHCN và phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Một công trình có liên quan khác là cuốn sách: *Hồ Chí Minh về chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực* [81] do Hội đồng Chỉ đạo xuất bản sách xã, phường, thị trấn (2022) tổ chức biên soạn. Đây là tài liệu có giá trị cả về phương diện lý luận và thực tiễn, góp phần phổ biến và làm sâu sắc hơn nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công tác phòng, chống quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực trong HTCT.

Nội dung cuốn sách gồm các trích đoạn chọn lọc từ bài viết, bài nói tiêu biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được rút ra từ *Hồ Chí Minh Toàn tập* (xuất bản năm 2021), cuốn sách đã phản ánh tương đối rõ nét những quan điểm nhất quán của Người về nhận diện các biểu hiện của quan liêu, tham nhũng, tiêu cực cũng như yêu cầu phải kiên quyết đấu tranh nhằm ngăn chặn các hiện tượng này. Đồng thời, tài liệu cũng góp phần làm rõ tư tưởng chỉ đạo của Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân.

Có thể thấy, cuốn sách là nguồn tài liệu tham khảo có ý nghĩa trong việc nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác giáo dục chính trị, tư

tưởng, góp phần nâng cao vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, nội dung tài liệu chủ yếu dừng lại ở việc tuyển chọn và giới thiệu các quan điểm của Hồ Chí Minh, chưa đi sâu phân tích một cách hệ thống các giải pháp vận dụng trong những lĩnh vực cụ thể. Đây cũng chính là khoảng trống cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung trong các công trình khoa học hiện nay.

*\* Các nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về biện pháp PCTN*

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, sự suy thoái về đạo đức và sự chi phối của chủ nghĩa cá nhân được xem là những nguyên nhân quan trọng làm nảy sinh tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy, việc tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân luôn được Người xác định là giải pháp có ý nghĩa căn cơ trong PCTN. Nội dung này đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tiếp cận dưới các góc độ khác nhau.

Tiêu biểu có công trình của Nguyễn Khánh Bật (2006) *Nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* [22]. Trên cơ sở phân tích cả phương diện lý luận và thực tiễn, tác giả đã làm rõ mối quan hệ giữa việc rèn luyện đạo đức cách mạng với yêu cầu đấu tranh phòng, chống chủ nghĩa cá nhân trong điều kiện mới. Nghiên cứu cũng góp phần luận giải vai trò của đạo đức cách mạng như một yếu tố nền tảng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đồng thời, công trình đã gợi mở một số định hướng nhằm tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng và tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cho cán bộ, đảng viên gắn với yêu cầu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tiếp cận từ góc độ giáo dục đạo đức và nêu gương, công trình của Ban Tuyên giáo Trung ương (2008) *Tư tưởng, tám gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu* [16] đã góp phần làm rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, đấu tranh chống tham ô, lãng phí và quan liêu gắn với yêu cầu xây dựng Đảng và HTCT. Điểm đáng chú ý của công trình là đã bước đầu chỉ ra sự cần thiết phải gắn việc giáo dục đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh với việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về PCTN, qua đó tạo sự thống nhất giữa yêu cầu về giáo dục, rèn luyện đạo đức với cơ chế KSQL trong thực tiễn.

Từ góc độ nghiên cứu, các công trình này không chỉ góp phần khẳng định giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà còn cung cấp những gợi mở quan trọng cho việc nghiên cứu các giải pháp PCTN gắn với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay. Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu dừng lại ở việc phân tích nội dung tư tưởng và giá trị chung, chưa đi sâu làm rõ việc vận dụng các quan điểm này trong những môi trường hoạt động cụ thể, đặc biệt là trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đây cũng là vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu nhằm bổ sung luận cứ khoa học và thực tiễn cho công tác PCTN trong giai đoạn hiện nay.

Song song với đó, ấn phẩm của Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), xuất bản Cuốn sách *Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh và nêu cao tinh thần trách nhiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm* [18], tiếp tục mở rộng nội dung khi trình bày và phân tích hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về chống chủ nghĩa cá nhân, từ quan niệm, bản chất, nguyên nhân, tác hại đến các biểu hiện cụ thể. Đồng thời, tác phẩm nhấn mạnh tính cấp thiết phải đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, đặc biệt trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; đề xuất các phương thức và biện pháp thiết thực để khắc phục. Đây là cuốn sách có giá trị trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong phòng, chống chủ nghĩa cá nhân, xây dựng đạo đức cách mạng trong bối cảnh hiện nay.

Một công trình có tính chiều sâu về đạo đức Hồ Chí Minh phải kể đến tác phẩm của Vũ Khiêu (2015): *Học tập đạo đức Bác Hồ* [89], là một công trình nghiên cứu có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, thể hiện sự kết tinh giữa tình cảm kính trọng của tác giả với Hồ Chí Minh và sự hiểu biết sâu rộng về tư tưởng, đạo đức cách mạng. Tác phẩm đã luận giải một cách mạch lạc, dễ tiếp cận về tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, đặc biệt là những phẩm chất tiêu biểu như "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", tinh thần đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, lãng phí và bệnh hình thức. Với lối viết kết hợp giữa phong cách nghị luận chặt chẽ và kể chuyện sinh động, giàu tính nhân văn, tác giả không chỉ làm nổi bật những giá trị về đạo đức cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà còn gợi mở nhiều bài học sâu sắc, có giá trị giáo dục lâu dài đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân trong công cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Bên cạnh các nội dung trên, nhiều nghiên cứu tập trung vào công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng và vấn đề KSQL theo tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đây là biện pháp quan trọng phòng ngừa và chống tham nhũng hiệu quả. Trong đó, tiêu biểu có các tài liệu sau:

Ban Chấp hành Trung ương và Ủy ban Kiểm tra (UBKT) Trung ương (2008) xuất bản Cuốn sách *Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng* [6], à công trình có giá trị hệ thống hóa quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về một lĩnh vực then chốt trong xây dựng Đảng. Thông qua việc tập hợp các văn bản chỉ đạo, bài viết, bài phát biểu và luận điểm quan trọng, công trình làm rõ kiểm tra, giám sát không chỉ là một khâu nghiệp vụ trong công tác Đảng, mà là phương thức kiểm soát quyền lực, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và phòng ngừa sai phạm từ bên trong tổ chức. Giá trị nổi bật của cuốn sách là khẳng định vai trò đặc biệt của công tác kiểm tra, giám sát trong ngăn chặn suy thoái, bảo vệ sự trong sạch, vững mạnh của Đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng. Từ đó, công trình cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để nhận thức sâu hơn mối quan hệ giữa kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng với PCTN, tiêu cực; đồng thời gợi mở yêu cầu tiếp tục nâng cao bản lĩnh, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của đội ngũ làm công tác kiểm tra trong HTCT hiện nay.

Tiếp theo, nghiên cứu của Cao Văn Thống (2015): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng* [176], nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật trong xây dựng Đảng. Các tác giả đã khẳng định, với vai trò là người sáng lập và lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt quan tâm đến công tác kiểm tra, coi đây là một trong những nhiệm vụ thiết yếu nhằm giữ vững sự trong sạch, vững mạnh của Đảng. Tư tưởng của Người nhấn mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật là công cụ quan trọng để thống nhất ý chí, hành động trong toàn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, đồng thời củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Cuốn sách là nguồn tài liệu tham khảo thiết thực cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và thực hành xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Cùng năm, Ban Nội chính Trung ương (2015) đã xuất bản Cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng* [13], đã hệ thống hóa, làm sáng tỏ những quan điểm cốt lõi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác nội chính

và PCTN. Trên cơ sở các bài viết, bài nói và chỉ dẫn thực tiễn của Người, cuốn sách nhân mạnh tính nhân dân, dân tộc và đạo đức cách mạng làm nền tảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nội chính, với trọng tâm là vì dân, trọng pháp, chính trực và liêm khiết. Tác phẩm khẳng định, nội chính không chỉ là hoạt động mang tính chính trị - pháp lý mà còn là biểu hiện tập trung của đạo đức công vụ, đòi hỏi cán bộ làm công tác nội chính phải thấm nhuần tinh thần Cần, kiệm, liêm, chính, “dĩ công vi thượng”, hành xử minh bạch, công tâm và kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân và tham nhũng. Đây là cuốn sách có giá trị định hướng lý luận và thực tiễn quan trọng đối với công tác PCTN, tiêu cực trong HTCT ở nước ta hiện nay.

Tác giả Lại Quốc Khánh và Nguyễn Ngọc Anh (2017) trong chương sách *Anti-Corruption from the Perspective of Ho Chi Minh's Ideology: Towards a Vietnamese Rule of Law* [88], đã tiếp cận vấn đề PCTN từ góc nhìn tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với yêu cầu xây dựng NNPQ ở Việt Nam. Công trình phân tích khá toàn diện các nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, bao gồm quan niệm của Người về tham nhũng, các biểu hiện và bản chất của tham nhũng, cũng như những phương thức và biện pháp xử lý nhằm ngăn ngừa, đấu tranh với hiện tượng này. Trên cơ sở đó, các tác giả làm rõ ý nghĩa và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công tác PCTN trong điều kiện xây dựng NNPQ ở Việt Nam, đồng thời đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ này trong thực tiễn hiện nay. Những phân tích của công trình góp phần cung cấp cơ sở lý luận quan trọng cho việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN và sự vận dụng, phát triển ở Việt Nam hiện nay.

Ở giai đoạn gần đây, công trình nghiên cứu của tác giả Hà Quốc Trị (2023): *Giải pháp kiểm soát quyền lực của người đứng đầu* [185] đã tiếp cận KSQL từ điểm then chốt là quyền lực của người đứng đầu trong HTCT. Trên cơ sở gắn KSQL với yêu cầu xây dựng NNPQ và tăng cường PCTN, công trình làm rõ nguy cơ tha hóa quyền lực khi quyền hạn lớn nhưng thiếu cơ chế ràng buộc, giám sát và trách nhiệm giải trình tương xứng. Giá trị nổi bật của nghiên cứu là đã đặt vấn đề kiểm soát người đứng đầu trong mối quan hệ giữa quyền lực, trách nhiệm, đạo đức công vụ và cơ chế vận hành của tổ chức. Qua phân tích thực trạng, hạn chế và nguyên nhân của cơ chế KSQL hiện nay, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực kiểm soát, phòng ngừa lạm quyền, chuyên quyền, lợi ích nhóm và tham nhũng, tiêu cực. Đáng chú ý, công trình

vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nguy cơ tha hóa quyền lực, đạo đức cách mạng và xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính, qua đó cung cấp thêm cơ sở tham khảo cho việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN và sự vận dụng, phát triển trong điều kiện hiện nay.

Đáng chú ý, luận án *Phòng, chống tham nhũng trong Công an nhân dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh* (2024) của tác giả Hoàng Thị Huyền [85] đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công tác PCTN, đồng thời luận giải khái niệm, đặc điểm và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong mối quan hệ với chức năng, nhiệm vụ đặc thù của lực lượng Công an nhân dân. Luận án tập trung làm rõ thực trạng, vai trò và yêu cầu đặt ra đối với công tác PCTN trong Công an nhân dân hiện nay, từ đó đề xuất bốn phương hướng cơ bản và sáu nhóm giải pháp cụ thể, có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTN trong Công an nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ và hiện đại.

Bài: *A Comparative Study of Ho Chi Minh's Anti-Corruption Ideology and International Standards* (2025) của tác giả Nguyễn Anh Cường và Kiều Văn Nam [45], tập trung phân tích và so sánh tư tưởng chống tham nhũng của Hồ Chí Minh với các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành về liêm chính và quản trị hiệu quả. Trên cơ sở phương pháp phân tích, đối chiếu tư tưởng của Hồ Chí Minh với những chuẩn mực quốc tế như các công ước và bộ quy tắc về minh bạch, giám sát và đạo đức công vụ, nghiên cứu chỉ ra nhiều điểm tương đồng quan trọng. Trong đó nổi bật là yêu cầu về đạo đức, liêm chính của cán bộ; nguyên tắc công khai, minh bạch trong hoạt động công quyền; cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ; và việc xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng. Đồng thời, bài viết cũng nhấn mạnh những khác biệt do bối cảnh lịch sử và phạm vi điều chỉnh: tư tưởng Hồ Chí Minh coi trọng yếu tố đạo đức và văn hóa liêm chính của người cán bộ, trong khi các chuẩn quốc tế nhấn mạnh thiết chế pháp lý, cơ chế độc lập và quy trình kiểm soát hiện đại. Trên nền tảng đối sánh đó, các tác giả đề xuất việc kết hợp hài hòa giữa giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh và các chuẩn mực quốc tế nhằm hoàn thiện thể chế PCTN ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập. Nghiên cứu vì thế đóng góp ý nghĩa cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, tạo cơ sở tham khảo cho việc nâng cao hiệu quả quản trị và liêm chính công hiện nay.

### **1.1.3. Tình hình nghiên cứu về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng**

Cho đến nay, tham nhũng được Đảng ta xác định là một trong những nguy cơ, thách thức đe dọa sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, sự tồn vong của chế độ. Tham nhũng đang diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, do vậy, PCTN được Đảng xác định là cuộc chiến cam go, phức tạp, lâu dài; là nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách, phải được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục, kiên quyết và kiên trì, bền bỉ với quyết tâm chính trị cao nhất, theo phương châm xử lý nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, dù đó là bất kỳ ai. Trong bối cảnh đó, nhiều công trình nghiên cứu về sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong PCTN, cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn cho Đảng và Nhà nước để xây dựng chiến lược, giải pháp PCTN trong tình hình mới.

*\* Các công trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, phòng chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.*

Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh (2009) biên soạn cuốn sách *Giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* [90], tập hợp các bài viết tiêu biểu phân tích giá trị nội dung và tầm vóc tư tưởng của tác phẩm cùng tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các bài viết đều thống nhất khẳng định đây là một di huấn tư tưởng có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với công tác xây dựng Đảng, đặc biệt trong việc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân - nguồn gốc của các biểu hiện tiêu cực như tham nhũng, lãng phí. Với hệ thống luận cứ khoa học và thực tiễn, cuốn sách nhấn mạnh sự cần thiết phải quán triệt và vận dụng nhất quán quan điểm Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay, thông qua việc thực hiện đồng bộ hai nhóm giải pháp: “xây” và “chống”; “nói đi đôi với làm”; kiên quyết đẩy lùi chủ nghĩa cá nhân nhằm bảo vệ sự trong sạch, vững mạnh của Đảng và chế độ XHCN.

Nói tiếp các công trình nghiên cứu về tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, có thể kể đến tài liệu mang tính định hướng rõ nét trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng hiện nay. Cuốn sách *Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân* (Tài liệu học tập) (2009) của Ban Tuyên giáo Trung ương [17], là tài liệu quan trọng phục vụ triển khai Cuộc vận động học tập và làm theo Bác trong năm 2009.

Tài liệu có giá trị thực tiễn sâu sắc trong việc định hướng cán bộ, đảng viên và công chức xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác, từ đó thực hiện tốt nhiệm vụ phục vụ Nhân dân và phụng sự Tổ quốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu của tác giả Vũ Văn Phúc, Ngô Văn Thọ (2011): *Những giải pháp và điều kiện thực hiện phòng, chống suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên* [144], là một công trình có giá trị lý luận và thực tiễn, làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng, nguyên nhân và xu hướng suy thoái trong cán bộ, đảng viên. Trên cơ sở đó, cuốn sách đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện trên các lĩnh vực: công tác xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, cũng như các điều kiện để đảm bảo hiệu quả trong phòng, chống suy thoái. Tác phẩm là tài liệu tham khảo có giá trị trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên và củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng.

Cùng với nội dung trên, nghiên cứu của tác giả Vũ Văn Phúc (2013): *Phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên hiện nay* [145], tập hợp gần 50 bài viết của các lãnh đạo, chuyên gia và nhà khoa học nhằm phân tích sâu sắc bản chất, nguyên nhân, biểu hiện và hệ lụy của tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trên cơ sở đó, cuốn sách đề xuất các phương hướng và giải pháp phòng, chống hiệu quả, nhấn mạnh đến yêu cầu đấu tranh với chủ nghĩa cá nhân, tham ô, lãng phí và quan liêu, góp phần củng cố vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Nghiên cứu của tác giả Phạm Thị Thúy Vân (2018): *Chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh* [197], là công trình nghiên cứu có chiều sâu, làm rõ cơ sở lý luận tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa cá nhân và các biện pháp đấu tranh chống lại nó. Tác giả đã phân tích thực trạng biểu hiện và tác hại của chủ nghĩa cá nhân trong đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay; đồng thời đánh giá mức độ vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phòng, chống chủ nghĩa cá nhân. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp nhằm tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên liêm chính, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời gian tới.

Cuốn *Sức sống “Những việc cần làm ngay”* (2017) do Báo Nhân dân biên soạn [20], là tập hợp các bài viết có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là loạt 31 bài viết nổi tiếng của cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh nhằm phản ánh, đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, quan liêu, tham nhũng trong HTCT. Cuốn sách còn tổng kết những bài học kinh nghiệm qua 20 năm thực hiện chuyên mục “Những việc cần làm ngay” và hệ thống hóa các quan điểm, mục tiêu, giải pháp xây dựng Đảng qua các nghị quyết Trung ương từ khóa VIII đến XII, góp phần củng cố quyết tâm chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới. Cuốn sách *Sức sống Những việc cần làm ngay* có thể được xem là sự cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ mới, cung cấp thêm cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong công tác lãnh đạo cán bộ, đảng viên các cấp, quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng bảo đảm thật sự thiết thực và hiệu quả; giúp việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phục vụ công cuộc đổi mới đất nước.

*\* Các nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng để PCTN.*

Công trình nghiên cứu của tác giả Lê Khả Phiêu (2019): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và sự vận dụng trong xây dựng Đảng về đạo đức hiện nay* [136], đã làm rõ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt nhấn mạnh nội dung xây dựng Đảng về đạo đức. Tác phẩm phân tích sâu sắc yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm là PCTN, quan liêu, suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống và các biểu hiện tiêu cực khác trong nội bộ. Cuốn sách góp phần định hướng giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh gắn với công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu của tác giả Trần Doãn Tiến, Nguyễn Văn Minh (2020): *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng những việc cần làm ngay* [180], là tuyển tập gần 100 bài viết đã đăng tải trên Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, phản ánh một cách toàn diện cả lý luận và thực tiễn công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Nội dung sách tập trung làm rõ giá trị tư tưởng và tính cấp thiết của việc phòng, chống sự tha hóa quyền lực trong Đảng, đồng thời ghi nhận, lan tỏa những điển hình tích cực trong thực hiện nhiệm vụ

chính trị. Công trình này là nguồn tài liệu có giá trị, góp phần định hướng nhận thức và hành động trong công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Vĩnh Thanh, Hoàng Văn Hoan, Vũ Văn Hậu (2023): *Xây dựng Đảng về đạo đức - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* [164], đã làm rõ nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng và ý nghĩa của nó đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Công trình tiếp cận đạo đức không chỉ như phẩm chất cá nhân của cán bộ, đảng viên, mà còn như một nền tảng chính trị - văn hóa bảo đảm sự trong sạch, vững mạnh và năng lực lãnh đạo của Đảng. Giá trị nổi bật của nghiên cứu là đã khái quát những chuẩn mực đạo đức cốt lõi theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phân tích quá trình Đảng vận dụng các giá trị đó trong xây dựng Đảng qua các thời kỳ. Trên cơ sở đó, công trình nhấn mạnh yêu cầu xây dựng chuẩn mực đạo đức công vụ, phát huy trách nhiệm nêu gương, nhất là của người đứng đầu; tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng và vai trò giám sát của Nhân dân. Qua đó, nghiên cứu góp phần khẳng định rằng xây dựng Đảng về đạo đức là một phương thức quan trọng để phòng ngừa suy thoái, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đồng thời tạo nền tảng đạo đức cho công tác PCTN, tiêu cực trong tình hình mới.

*\* Các công trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm tra, kỷ luật của Đảng và chống tha hóa quyền lực góp phần PCTN.*

Công trình nghiên cứu của Phạm Thị Hải Chuyền (2010): *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng* [41], đã làm rõ vai trò của kiểm tra, giám sát như một phương thức lãnh đạo quan trọng nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, công trình khẳng định kiểm tra, giám sát không chỉ nhằm phát hiện và xử lý sai phạm, mà còn có ý nghĩa giáo dục, phòng ngừa, sửa chữa khuyết điểm, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương và nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức của cán bộ, đảng viên. Giá trị của nghiên cứu là đặt công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng trong mối quan hệ trực tiếp với yêu cầu kiểm soát quyền lực, PCTN, lãng phí và ngăn chặn suy thoái trong nội bộ. Từ việc đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác này, tác giả chỉ ra những chuyển biến tích cực cũng như hạn chế về nhận thức, tổ chức và phương pháp thực hiện. Qua đó, công trình góp phần khẳng định rằng tiếp tục vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng là yêu cầu tất yếu để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của Nhân dân và tăng cường hiệu quả PCTN, tiêu cực trong HTCT hiện nay.

Nghiên cứu của tác giả Hà Quốc Trị (2018): *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống lãng phí ở nước ta hiện nay - Những vấn đề đặt ra và giải pháp* [184], tập trung phân tích vai trò, kết quả và hạn chế của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với phòng, chống lãng phí từ sau Nghị quyết Trung ương 3 khóa X đến nay. Tác giả đã chỉ rõ những bất cập về cơ chế, phương thức thực hiện và đề xuất các giải pháp như hoàn thiện thể chế KSQL, nâng cao năng lực đội ngũ kiểm tra, tăng cường phối hợp và phát huy vai trò giám sát của Nhân dân. Cuốn sách tập trung làm rõ những nội dung cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng về phòng, chống lãng phí từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, khóa X (năm 2006) đến nay, những kết quả đạt được và những hạn chế, từ đó đề ra phương hướng, giải pháp chủ yếu tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống lãng phí ở nước ta trong thời gian tới. Đồng thời, nhiều nội dung này cũng được bàn đến trong cuốn sách "*Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống tham ô, lãng phí và quan liêu ở nước ta hiện nay*" (2011) của tác giả Lê Hồng Liêm, Hà Hữu Đức, Trương Kim Sơn [102].

Nghiên cứu của tác giả Trần Văn Tĩnh (2022): *Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan hành chính nhà nước cấp Trung ương thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng* [181], là công trình nghiên cứu chuyên sâu, góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong đấu tranh PCTN, tiêu cực ở khu vực hành chính nhà nước cấp Trung ương. Tác giả đã hệ thống hóa các yếu tố ảnh hưởng, điều kiện bảo đảm, kinh nghiệm quốc tế (đặc biệt là từ Trung Quốc), đồng thời phân tích thực trạng hoạt động kiểm tra, giám sát gắn với PCTN tại các cơ quan trung ương của Việt Nam, chỉ ra những kết quả đạt được, tồn tại và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, cuốn sách đề xuất một hệ thống giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong đấu tranh PCTN, tiêu cực, qua đó góp phần xây dựng bộ máy hành chính nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Vấn đề KSQL được tác giả Nguyễn Đăng Dung (2022) nghiên cứu chuyên sâu trong cuốn *Kiểm soát quyền lực nhà nước* [48]. Công trình tập trung phân tích bản chất của quyền lực nhà nước, sự cần thiết phải KSQL và các cơ chế KSQL trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Tác giả làm rõ vai trò của Hiến pháp trong việc giới hạn và điều chỉnh quyền lực nhà nước, đồng thời đề xuất việc thiết lập các cơ chế KSQL hiệu quả từ cả bên trong bộ máy nhà nước và từ phía xã hội. Từ thực tiễn Việt Nam, công trình cũng chỉ ra một số thách thức như xu hướng tập trung quyền lực, thiếu minh bạch

và hạn chế về trách nhiệm giải trình - những yếu tố có thể dẫn đến tình trạng tha hóa quyền lực và phát sinh tham nhũng. Những phân tích này góp phần làm rõ mối quan hệ giữa KSQL nhà nước và PCTN, qua đó cung cấp cơ sở tham khảo có giá trị cho nghiên cứu sinh trong quá trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN và sự vận dụng, phát triển ở Việt Nam hiện nay.

*\* Các công trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò, trách nhiệm của các chủ thể, lực lượng trong đấu tranh, PCTN.*

Công trình của tác giả Trần Quang Nhiếp (2005): *Nâng cao hiệu quả của báo chí trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ở nước ta hiện nay* [131], tập trung luận giải vai trò đặc biệt quan trọng của báo chí cách mạng trong công cuộc phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Tác phẩm làm rõ vai trò của báo chí trong việc phát hiện, phản ánh, định hướng dư luận, tạo áp lực xã hội và huy động sự tham gia của Nhân dân vào cuộc đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực. Đồng thời, cuốn sách nhấn mạnh báo chí không chỉ là kênh thông tin mà còn là công cụ hỗ trợ đắc lực cho Đảng và chính quyền trong quá trình giám sát và thúc đẩy minh bạch, liêm chính trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Đây là tài liệu có giá trị lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao nhận thức và năng lực tác nghiệp của đội ngũ những người làm báo trong bối cảnh tăng cường xây dựng NNQP và xã hội dân chủ hiện nay.

Nghiên cứu của các tác giả Trương Thị Thông, Lê Kim Việt (2014): *Đảng và Nhà Nước đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí* [174], là tuyển tập các bài viết của lãnh đạo Đảng, Nhà nước cùng hệ thống văn bản nghị quyết, chính sách pháp luật liên quan đến công tác PCTN, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tác phẩm phản ánh quá trình kế thừa, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng qua các thời kỳ, đồng thời làm rõ định hướng, chủ trương nhất quán trong đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực này trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và quản lý nhà nước hiện nay.

Nghiên cứu của các tác giả Trần Quang Đại, Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Đình Phách (2015): *Đảng với cuộc đấu tranh phòng và chống tham nhũng, lãng phí* [52], là một công trình nghiên cứu có tính tổng hợp, phản ánh toàn diện thực trạng tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động của Đảng và Nhà nước. Các tác giả đã phân tích rõ những hệ lụy về CT-XH do tham nhũng, quan liêu, lãng phí gây ra; đồng thời hệ thống hóa tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống. Qua đó, cuốn sách góp phần khẳng định tầm quan

trọng và tính cấp thiết của việc tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh PCTN, lãng phí, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Công trình nghiên cứu chuyên sâu về dựa vào dân để PCTN của tác giả Trịnh Thị Xuyên (2014): *Cơ chế tham gia của người dân trong phòng, chống tham, nhũng ở Việt Nam hiện nay* [208], đã nghiên cứu chuyên sâu vấn đề PCTN từ góc độ quyền làm chủ và sự tham gia của Nhân dân. Trên cơ sở khẳng định quyền lực của Nhân dân là yếu tố quan trọng trong KSQL nhà nước và PCTN, tác giả đã phân tích vai trò, điều kiện và các cơ chế bảo đảm để Nhân dân tham gia vào quá trình đấu tranh PCTN. Nội dung công trình được triển khai theo ba hướng chính: làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về sự tham gia của người dân trong PCTN; đánh giá thực trạng cơ chế bảo đảm quyền tham gia của người dân trong công tác này ở Việt Nam; và đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế tham gia của Nhân dân theo hướng phát huy thực chất quyền làm chủ, tăng cường giám sát xã hội, góp phần nâng cao tính minh bạch và liêm chính trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Những phân tích của công trình cung cấp thêm cơ sở tham khảo quan trọng cho nghiên cứu sinh trong việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, đặc biệt là quan điểm “dựa vào dân” trong đấu tranh PCTN và sự vận dụng ở Việt Nam hiện nay.

Công trình của tác giả Tô Lâm (2019): *Tham nhũng và hoạt động của công an nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam* [91] là một công trình chuyên khảo có giá trị lý luận và thực tiễn, góp phần làm rõ cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về PCTN, đồng thời phân tích sâu thực trạng tội phạm tham nhũng tại Việt Nam trong thời gian qua. Tác phẩm đặc biệt nhấn mạnh vai trò nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân trong công tác phát hiện, điều tra, xử lý nhiều vụ án tham nhũng nghiêm trọng, qua đó góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân, giữ vững ổn định CT-XH, phục vụ hiệu quả cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cuốn sách là tài liệu tham khảo hữu ích cho nghiên cứu, học tập và thực tiễn đấu tranh PCTN hiện nay.

\* *Các công trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trên các lĩnh vực.*

Bàn sâu về nội dung nhận diện tham nhũng và các giải pháp PCTN, công trình tiêu biểu có thể nói đến, đó là công trình của các tác giả Phan Xuân Sơn, Phạm Thế Lực (2010), *Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay* [152] và công trình (2015): *Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng* [154], là những công trình chuyên khảo có giá trị lý luận và thực tiễn, cung cấp

cái nhìn hệ thống và toàn diện về vấn đề tham nhũng ở Việt Nam. Các tác giả đã phân tích sâu sắc bản chất, nguyên nhân, hậu quả và các hình thức biểu hiện của tham nhũng, đặc biệt trên các lĩnh vực nhạy cảm như quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, giáo dục, y tế, chính sách công và công tác cán bộ. Điểm nổi bật của hai cuốn sách là đã chỉ ra rõ các dấu hiệu nhận diện tham nhũng trong thực tiễn quản lý nhà nước và đời sống xã hội, đồng thời đề xuất các nhóm giải pháp phòng, chống dựa trên tổng kết thực tiễn trong nước và kinh nghiệm quốc tế (Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Mỹ, các nước Tây Âu). Đây là những tài liệu tham khảo hữu ích, có tính gợi mở cho việc hoạch định chính sách và nâng cao hiệu quả công tác PCTN ở nước ta hiện nay.

Thanh tra Chính phủ (2011) xuất bản *Cuốn Giới thiệu chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020* [167], là tài liệu giới thiệu có hệ thống về định hướng chiến lược dài hạn của Việt Nam trong công tác PCTN. Nội dung cuốn sách trình bày các luận điểm cơ bản làm cơ sở xây dựng chiến lược, bao gồm bối cảnh hình thành, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu tổng quát và cụ thể, các nhóm giải pháp trọng tâm, cũng như lộ trình và cơ chế tổ chức thực hiện. Chiến lược này thể hiện sự kế thừa các quan điểm của Đảng, Nhà nước về PCTN qua các thời kỳ, đồng thời phát triển và cụ thể hóa hơn trong điều kiện mới, nhằm tạo nền tảng lâu dài và bền vững cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Với việc đề ra các nhiệm vụ có tầm nhìn chiến lược, được lượng hóa và phân kỳ thực hiện, cuốn sách là tài liệu quan trọng, phục vụ cho quá trình hoạch định chính sách và triển khai thực hiện hiệu quả công tác PCTN trong HTCT và bộ máy hành chính nhà nước.

Nghiên cứu về PCTN trong hoạt động của các cơ quan có chức năng chống tham nhũng, công trình của tác giả Nguyễn Quốc Sứ (2020): *Phòng, chống tham nhũng trong hoạt động Thanh tra ở Việt Nam* [156], đã tiếp cận hoạt động thanh tra như một lĩnh vực vừa có vai trò phát hiện, xử lý sai phạm, vừa tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tham nhũng nếu thiếu cơ chế kiểm soát hữu hiệu. Công trình làm rõ những biểu hiện tham nhũng đặc thù trong quá trình thanh tra, kiểm tra; đồng thời đặt ra yêu cầu kiểm soát quyền lực đối với chính các chủ thể được trao thẩm quyền kiểm soát. Giá trị của nghiên cứu là đã chỉ ra mối quan hệ hai chiều giữa thanh tra và PCTN: thanh tra là công cụ quan trọng để phòng ngừa, phát hiện tham nhũng, nhưng bản thân hoạt động thanh tra cũng phải được kiểm soát chặt chẽ để tránh lạm quyền, những nhiễu, bao che hoặc trục lợi. Trên cơ sở phân tích lý luận, pháp lý và thực tiễn, công trình đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao tính liêm chính, minh bạch, trách nhiệm và hiệu

quả của hoạt động thanh tra. Qua đó, nghiên cứu góp phần khẳng định rằng xây dựng nền thanh tra công vụ trong sạch là điều kiện quan trọng để tăng cường hiệu quả PCTN trong bộ máy nhà nước hiện nay.

Nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Bá Thanh, Phan Đình Trạc, Vũ Thị Mai (2016): *Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn 30 năm đổi mới (1986 - 2016) về tư pháp - nội chính phòng, chống tham nhũng, lãng phí* [163], đã hệ thống hóa sự phát triển trong nhận thức và chỉ đạo của Đảng về công tác PCTN, lãng phí qua ba thập niên đổi mới; phân tích những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và rút ra các bài học kinh nghiệm từ thực tiễn. Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách, tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực thực thi trong đấu tranh PCTN, lãng phí, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn phát triển mới.

Nghiên cứu sâu sắc, toàn diện nhất về công cuộc đấu tranh, PCTN của Việt Nam trong giai đoạn từ đổi mới đến nay, từ phân tích kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và các biện pháp PCTN phải kể đến 02 công trình tiêu biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Một là, cuốn sách (2019), *Quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng* [187], là tập hợp 31 bài phát biểu, bài viết và trả lời phỏng vấn tiêu biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN Nguyễn Phú Trọng trong giai đoạn sau Đại hội XI, đặc biệt từ Đại hội XII đến thời điểm xuất bản. Tác phẩm được chia làm hai phần, tập trung thể hiện quan điểm nhất quán, tinh thần chỉ đạo quyết liệt và xuyên suốt của người đứng đầu Đảng, Nhà nước trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Cuốn sách không chỉ phản ánh chiều sâu tư duy và quyết tâm chính trị cao của Đảng trong PCTN, mà còn mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, góp phần định hướng tư tưởng, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng NNQP và bộ máy trong sạch, vững mạnh.

Hai là, cuốn sách (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh* [190], là công trình có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, thể hiện tập trung tư duy chỉ đạo của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về PCTN, tiêu cực trong điều kiện Đảng cầm quyền. Công trình khẳng định PCTN, tiêu cực không chỉ là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên, mà còn là yêu cầu có tính sống còn đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và củng cố niềm tin của Nhân dân. Giá trị nổi bật của cuốn sách là đã

luận giải PCTN, tiêu cực như một quá trình tổng thể, kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa và xử lý, giữa “xây” và “chống”, giữa kiểm soát quyền lực với rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, công trình nhấn mạnh yêu cầu phòng ngừa từ sớm, từ xa, xử lý cả “ngọn” lẫn “gốc”, trong đó suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống được xem là căn nguyên sâu xa dẫn đến tham nhũng, tiêu cực. Qua đó, cuốn sách góp phần làm rõ mô hình PCTN mang tính hệ thống ở Việt Nam, hướng tới xây dựng cơ chế “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng, trên cơ sở huy động sức mạnh tổng hợp của HTCT, Nhân dân, báo chí, cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Các công trình nghiên cứu về PCTN, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN từ đổi mới đến nay trên đây, sẽ là những kết quả nghiên cứu quan trọng về lý luận và thực tiễn để tác giả luận án kế thừa, phát triển, góp phần lý giải những vấn đề thiết yếu cho mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra; đồng thời, tìm ra những “khoảng trống” chưa được nghiên cứu, những nội dung chưa được làm rõ, để đề xuất những vấn đề Luận án cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện.

## **1.2. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU**

### **1.2.1. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu**

*Một là, những nghiên cứu liên quan đến PCTN.*

Qua tổng quan các công trình về PCTN trong và ngoài nước cho thấy, hiện nay vấn đề này được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu dưới nhiều dạng khác nhau như: sách chuyên khảo, bài viết đăng trên các tạp chí, đề tài, hội thảo khoa học... Những nghiên cứu này đã tiếp cận tham nhũng, PCTN một cách tổng quan và đa chiều; làm rõ nhiều khía cạnh, phân tích sâu sắc nhiều vấn đề, góp phần quan trọng trong việc làm sáng tỏ bản chất, biểu hiện, nguyên nhân của tham nhũng trên những lĩnh vực khác nhau. Trong đó, nhiều nghiên cứu đã tập trung phân tích vai trò của các chủ thể, lực lượng như: Đảng, Nhà nước, MTTQ, các tổ chức CT-XH, Nhân dân, báo chí...; đồng thời đề xuất nhiều giải pháp có giá trị lý luận, thực tiễn cao, như: Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật PCTN; xây dựng cơ chế KSQL; tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong HTCT; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường hiệu lực thực thi và nâng cao đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức...

Những tài liệu nghiên cứu về PCTN ở Việt Nam không chỉ góp phần làm rõ những vấn đề lý luận cốt lõi như bản chất, nguyên nhân, điều kiện nảy sinh và cơ chế vận hành của tham nhũng, mà còn tiếp cận, kế thừa có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế trong đấu tranh PCTN của nhiều quốc gia trên thế giới. Thông qua việc phân tích các mô hình quản trị liêm chính, cơ chế KSQL, minh bạch hóa tài sản, hay vai trò của xã hội dân sự ở các nước, các nghiên cứu này đã đưa ra nhiều kiến nghị có giá trị tham khảo cho Việt Nam, vừa phù hợp với bối cảnh chính trị - pháp lý trong nước, vừa đáp ứng yêu cầu hội nhập và hiện đại hóa nền quản trị quốc gia. Những đề xuất giải pháp này không chỉ mang tính lý luận mà còn hướng đến khả năng vận dụng thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng công tác PCTN ở nước ta trong thời gian tới. Qua đó đã làm rõ cả về mặt lý luận và thực tiễn đối với vấn đề tham nhũng và PCTN.

*Về mặt lý luận:* Các công trình nghiên cứu không chỉ dừng ở mức độ lý giải khái niệm, chỉ ra biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng cũng như đề xuất những biện pháp phòng, chống, mà còn góp phần hình thành một hệ thống lý luận tương đối hoàn chỉnh về tham nhũng và PCTN. Hệ thống này bao gồm việc xác định rõ những nguyên tắc cơ bản, quan điểm chỉ đạo, phương châm hành động và phương hướng chiến lược trong công tác PCTN, qua đó tạo nền tảng lý luận vững chắc cho thực tiễn triển khai.

*Về mặt thực tiễn:* Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã tập trung phân tích tình hình, thực trạng và chỉ ra những hậu quả nghiêm trọng mà tham nhũng gây ra đối với tiến trình phát triển KT-XH của mỗi quốc gia. Không chỉ dừng lại ở việc nhận diện thực trạng, nhiều nghiên cứu còn đưa ra những dự báo về xu hướng vận động, biến đổi của tham nhũng trong thời gian tới. Trên nền tảng đó, các học giả đã kiến nghị nhiều giải pháp PCTN cả ở phạm vi chung và trong từng lĩnh vực cụ thể, góp phần định hướng cho công tác hoạch định chính sách cũng như triển khai thực tiễn PCTN.

*Hai là, những nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.*

Ở những mức độ khác nhau, các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN đã tiếp cận khá toàn diện các khía cạnh lý luận và thực tiễn của vấn đề. Trước hết, các nghiên cứu đã làm rõ quan điểm của Người về bản chất của tham nhũng là sự tha hóa quyền lực, biểu hiện của sự suy thoái về đạo đức, lối sống, đối lập hoàn toàn với phẩm chất của người cách mạng và lý tưởng của Đảng. Tiếp đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến những tác hại sâu xa và lâu dài của tham nhũng, không chỉ làm băng hoại

đạo đức, phá vỡ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, mà còn kìm hãm sự phát triển đất nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ. Đồng thời, các nghiên cứu đã chỉ ra nguyên nhân của tham nhũng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: yếu tố chủ quan: sự suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên; yếu tố khách quan: do chế độ cũ để lại, hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, sự bất cập trong cơ chế quản lý, KSQL nhà nước. Đặc biệt, các công trình nghiên cứu đã khẳng định, Hồ Chí Minh coi PCTN là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, trong đó Đảng giữ vai trò lãnh đạo, cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu, còn Nhân dân là lực lượng quan trọng trong giám sát, KSQL. Trên nền tảng đó, các nghiên cứu đã đề cập đến quan điểm Hồ Chí Minh về biện pháp PCTN, bao gồm: từ xây dựng đạo đức cách mạng, thực hành cần - kiệm - liêm - chính, chống chủ nghĩa cá nhân, đến thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát nghiêm minh và phát huy dân chủ, dựa vào dân để ngăn ngừa, loại trừ tham nhũng. Qua các nghiên cứu trên đã cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Giá trị lý luận và thực tiễn của những công trình này sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho đề tài này kế thừa, bổ sung và phát triển trong luận án.

Tuy đã đạt được nhiều kết quả khá quan trọng, song các công trình trên vẫn còn một số khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu.

*Thứ nhất*, nhiều công trình chủ yếu tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN thông qua từng nội dung hoặc khía cạnh riêng lẻ như nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, thực hành tiết kiệm, kiểm tra, giám sát hay KSQL. Trong khi đó, việc nghiên cứu, hệ thống hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN với tư cách là một hệ thống quan điểm tương đối hoàn chỉnh, bao gồm quan niệm về tham nhũng, sự cần thiết của PCTN, chủ thể và lực lượng tham gia, cũng như các phương thức và biện pháp PCTN, vẫn chưa được luận giải một cách toàn diện và sâu sắc.

*Thứ hai*, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN và bước đầu khẳng định những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng này, song việc phân tích, luận giải một cách sâu sắc và có hệ thống giá trị lý luận, giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với yêu cầu và nhiệm vụ của công tác PCTN ở Việt Nam hiện nay vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Phần lớn các công trình mới dừng lại ở việc khái quát ý nghĩa chung của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, trong khi việc làm rõ ý nghĩa và giá trị của tư tưởng đó đối với bối cảnh, yêu cầu và thực tiễn đấu tranh PCTN ở nước ta hiện nay vẫn còn chưa được luận giải một cách toàn diện.

*Thứ ba*, các công trình nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN từ góc độ ngành Hồ Chí Minh học, xây dựng Đảng, trong khi việc nghiên cứu vấn đề này dưới góc độ chính trị học, như phân tích mối quan hệ giữa PCTN với KSQL, xây dựng Đảng, HTCT trong sạch, vững mạnh, phát huy vai trò của Nhân dân trong giám sát quyền lực vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu một cách hệ thống và chuyên sâu.

*Ba là, những nghiên cứu liên quan đến vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.*

Ở những khía cạnh nhất định, nhiều công trình đã đề cập đến sự cần thiết của việc kế thừa, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong bối cảnh hiện nay, đặc biệt trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng và hoàn thiện NNQP XHCN ở Việt Nam. Một số công trình đã tập trung phân tích đặc điểm của tham nhũng trong thời kỳ đổi mới, nhận diện nguyên nhân và các biểu hiện mới của tham nhũng, tiêu cực trong quá trình phát triển KT-XH, từ đó đề xuất những giải pháp PCTN trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Ở mức độ nhất định, các nghiên cứu này đã bước đầu làm rõ sự kế thừa và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng trong công tác PCTN, đồng thời khẳng định giá trị khoa học, tính cách mạng và tính thực tiễn của các giải pháp PCTN được triển khai trong điều kiện mới. Những kết quả nghiên cứu đó cung cấp cho tác giả luận án cơ sở tham khảo quan trọng về phương diện lý luận và thực tiễn.

Tuy nhiên, trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố, có thể nhận thấy vẫn còn một số vấn đề chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống.

*Thứ nhất*, mặc dù nhiều công trình đã đề cập đến sự cần thiết phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác PCTN, song phần lớn mới dừng lại ở việc khẳng định ý nghĩa và giá trị định hướng của tư tưởng đó, trong khi việc phân tích một cách hệ thống quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước qua các giai đoạn phát triển của đất nước vẫn chưa được làm rõ đầy đủ.

*Thứ hai*, các nghiên cứu chủ yếu đề xuất các giải pháp PCTN theo tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng việc làm rõ mối quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về PCTN trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng NNQP XHCN và KSQL, vẫn chưa được luận giải một cách toàn diện.

*Thứ ba*, trong bối cảnh công cuộc đấu tranh PCTN, tiêu cực ở nước ta đang được đẩy mạnh với nhiều chủ trương, cơ chế và thiết chế mới, các nghiên cứu trước đây chưa phân tích đầy đủ những yêu cầu, thách thức và vấn đề mới đặt ra đối với việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong điều kiện hiện nay.

*Thứ tư*, việc đánh giá một cách tổng thể hiệu quả của quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong thực tiễn Việt Nam thời kỳ đổi mới, cũng như xác định những nội dung cần tiếp tục kế thừa, bổ sung và phát triển trong điều kiện mới, vẫn chưa được nghiên cứu một cách chuyên sâu và hệ thống.

Những vấn đề nêu trên chính là khoảng trống nghiên cứu, đồng thời cũng là những nội dung mà luận án Tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN và sự vận dụng, phát triển ở Việt Nam hiện nay hướng tới làm rõ.

### **1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu**

Qua quá trình tổng hợp và đánh giá các công trình nghiên cứu đã công bố trong thời gian gần đây, tác giả luận án nhận thấy rằng vấn đề tham nhũng và PCTN đã được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu từ nhiều góc độ, đạt được những kết quả đáng ghi nhận cả về lý luận lẫn thực tiễn. Tuy nhiên, các nghiên cứu chuyên sâu về việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở nước ta vẫn còn hạn chế. Cùng với sự kế thừa những kết quả nghiên cứu trước đó, luận án sẽ tập trung đi sâu phân tích, làm rõ và giải quyết một số vấn đề trọng tâm sau đây:

*Thứ nhất*, làm rõ các khái niệm liên quan đến đề tài như: Tham nhũng, PCTN, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; luận giải và làm sáng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, bao gồm: tác hại, nguyên nhân, sự cần thiết, lực lượng và biện pháp phòng, chống. Trên cơ sở đó làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.

*Thứ hai*, Luận án đánh giá thực trạng vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở nước ta từ đổi mới đến nay; xác định rõ những kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong PCTN ở Việt Nam hiện nay.

*Thứ ba*, đề xuất quan điểm, giải pháp vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; trong đó, xác định rõ nhóm giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; nhóm giải pháp tiếp tục phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, nhất là vận dụng, phát triển các biện pháp PCTN ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

## Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã hệ thống tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến PCTN; tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; các công trình nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN. Nội dung các công trình chủ yếu tập trung vào cơ sở lý luận về tư tưởng Hồ Chí Minh về tham nhũng, PCTN; là cơ sở để tác giả Luận án hệ thống về các khái niệm, mối quan hệ giữa phòng và chống tham nhũng; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về tham nhũng, PCTN; sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của PCTN; chủ thể, lực lượng, biện pháp PCTN. Tuy nhiên, đa số các công trình chỉ tập trung nghiên cứu nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN và đề xuất các giải pháp về PCTN theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng ít công trình làm rõ được giá trị về lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; những nội dung cần vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN đối với Việt Nam hiện nay.

Các công trình nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN từ đổi mới đến nay chủ yếu tập trung vào cơ sở lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam; là cơ sở tác giả Luận án có sự nhìn nhận tổng quan về những kết quả, hạn chế, nguyên nhân; đồng thời, bổ sung những kết quả, làm rõ những hạn chế, nguyên nhân; xác định các vấn đề đặt ra; đề xuất các quan điểm, giải pháp vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

Trên cơ sở đánh giá tổng quan tình hình kết quả nghiên cứu, tác giả Luận án đã xác định những “khoảng trống” chưa được nghiên cứu, những nội dung, phương pháp luận chưa được làm rõ, các câu hỏi cần giải đáp; đồng thời, đề xuất 03 vấn đề Luận án cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN đáp ứng mục tiêu đề tài Luận án đặt ra.

## Chương 2

### NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ GIÁ TRỊ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

#### 2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

##### 2.1.1. Khái niệm tham nhũng

Tham nhũng là một hiện tượng có tính lịch sử, xuất hiện cùng với nhà nước, là sản phẩm của sự tha hóa quyền lực nhà nước. Đây là một loại hành vi đặc biệt nguy hiểm, không chỉ vì tính chất tinh vi, phức tạp mà còn bởi hậu quả to lớn mà nó gây ra đối với thể chế, lòng tin xã hội và sự phát triển quốc gia. Hiện nay, cách hiểu và quan niệm về tham nhũng ở các quốc gia có sự khác nhau, bởi nó chịu sự chi phối của các yếu tố đặc thù như thể chế chính trị, văn hóa, pháp lý, mức độ phát triển KT-XH và truyền thống lịch sử của từng nước.

*Khái niệm tham nhũng của các quốc gia và tổ chức quốc tế.*

Theo Đạo luật Chống hối lộ năm 2010 của Vương quốc Anh (UK Bribery Act 2010) được thông qua và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2011, khái niệm tham nhũng (corruption) không được định nghĩa trực tiếp như một thuật ngữ độc lập, mà được hiểu thông qua các hành vi “hối lộ” (bribery) bao gồm bốn tội danh: Cung cấp hối lộ (Bribing another person); nhận hối lộ (Being bribed); hối lộ công chức nước ngoài (Bribery of a foreign public official); thất bại trong việc ngăn chặn hành vi hối lộ (Failure of commercial organisations to prevent bribery).

Theo Từ điển Bách khoa Đức, “Tham nhũng là hiện tượng mất phẩm chất, hối lộ, đút lót, thường xảy ra đối với công chức có quyền hành” [192]. Về bản chất, khái niệm này nhấn mạnh đến sự tha hóa phẩm chất đạo đức của những người nắm giữ quyền lực trong việc thực hiện trách nhiệm công vụ. Về chủ thể, khái niệm xác định khá rõ: tham nhũng chủ yếu diễn ra ở người có quyền hành. Bởi vì họ được giao quyền lực công, và chính quyền lực này khi bị lạm dụng sẽ tạo điều kiện cho tham nhũng phát sinh. Điều này cũng cho thấy tham nhũng không phải hiện tượng chung của mọi tầng lớp xã hội, mà chủ yếu gắn liền với khu vực công quyền.

Ở Áo quan niệm, “Tham nhũng là hiện tượng lừa đảo, hối lộ, bóc lột” [192]. Khái niệm này tiếp cận tham nhũng theo hướng khá trực diện, gắn với những hành vi cụ thể: lừa đảo (deception), hối lộ (bribery), bóc lột (exploitation), nhấn mạnh tính chất phi

pháp và phi đạo đức. Qua đó, giúp nhận diện rõ bản chất tiêu cực và tính chất nguy hiểm xã hội của tham nhũng. Tuy nhiên, định nghĩa này mới chỉ dừng lại ở việc mô tả các hành vi điển hình, chưa khái quát được đầy đủ phạm trù tham nhũng trong bối cảnh hiện đại.

Từ điển Bách khoa Thụy Sĩ coi “tham nhũng là hậu quả nghiêm trọng của sự vô tổ chức của tầng lớp có trách nhiệm trong bộ máy Nhà nước, đó là hành vi phạm pháp để phục vụ lợi ích cá nhân” [192]. Định nghĩa này tiếp cận tham nhũng từ góc độ nguyên nhân và hậu quả: tham nhũng là sản phẩm của sự vô tổ chức trong bộ máy Nhà nước; đồng thời, nó là hành vi phạm pháp, phản ánh sự tha hóa quyền lực khi những người có trách nhiệm đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích chung. Về chủ thể, khái niệm chỉ rõ, tham nhũng do “tầng lớp có trách nhiệm trong bộ máy Nhà nước”, tức những người được giao phó quyền lực công thực hiện.

*Như vậy*, các khái niệm trên đều cho thấy sự thống nhất trong việc nhìn nhận tham nhũng là hành vi lệch chuẩn gắn với quyền lực công, song lại khác nhau về cách lý giải bản chất và nguyên nhân dẫn đến hành vi đó.

Ngân hàng Thế giới (World Bank) khái niệm “Tham nhũng là sự lạm dụng quyền lực được giao phó vì lợi ích cá nhân” (Corruption is the abuse of public office for private gain) [220]. Định nghĩa này nhấn mạnh hai yếu tố cốt lõi: (1) quyền lực công là quyền lực được giao phó, nghĩa là quyền lực được trao cho cán bộ, công chức để phục vụ lợi ích chung; (2) tham nhũng xuất hiện khi quyền lực đó bị lạm dụng nhằm phục vụ lợi ích riêng, đi ngược lại lợi ích chung. Đây là một cách tiếp cận khái quát, ngắn gọn nhưng có tính bao trùm, được nhiều học giả và tổ chức quốc tế sử dụng.

Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International - TI) cho rằng, “Tham nhũng là sự lạm dụng quyền lực được trao để thu lợi cá nhân” (Corruption is the abuse of entrusted power for private gain) [217]. TI phân chia tham nhũng thành ba cấp độ: Tham nhũng nhỏ (petty corruption): xảy ra trong các giao dịch hàng ngày giữa người dân và cán bộ hành chính (hối lộ nhỏ, “bôi trơn”); Tham nhũng lớn (grand corruption): liên quan đến cấp lãnh đạo cao cấp, gây tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích quốc gia; Tham nhũng có hệ thống (systemic corruption): ăn sâu vào thể chế, trở thành một phần của HTCT - kinh tế.

Theo Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng (UNCAC, 2003), tham nhũng không được định nghĩa bằng một khái niệm khái quát mà được tiếp cận thông qua việc mô tả các hành vi cụ thể cần hình sự hóa và xử lý. Các hành vi điển hình được UNCAC liệt kê bao gồm: hối lộ công chức quốc gia; hối lộ công chức nước ngoài và viên chức các tổ chức quốc tế công; biển thủ, tham ô hoặc chiếm đoạt tài sản công; lạm dụng chức vụ; và làm giàu bất hợp pháp [218]. Cách tiếp cận này cho thấy Liên Hợp Quốc xem tham nhũng trước hết là vấn đề pháp lý - thực chứng, gắn với các tội phạm cụ thể trong đời sống chính trị, KT-XH, thay vì chỉ đưa ra một định nghĩa khái niệm mang tính khái quát.

Có thể nhận thấy rằng, do sự khác biệt về truyền thống lịch sử, nền tảng văn hóa, trình độ phát triển kinh tế, CT-XH cũng như mức độ và hình thức tham nhũng ở mỗi quốc gia, nên quan niệm về tham nhũng cũng không hoàn toàn giống nhau. Tuy vậy, trong xu thế hội nhập và phát triển thể chế hiện đại, một khái niệm phổ biến được nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế thừa nhận: *Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để tư lợi cá nhân trái pháp luật, thông qua các hình thức như tham ô, nhận hối lộ, lạm quyền, làm trái pháp luật một cách cố ý vì động cơ vụ lợi.*

Khái niệm trên cho thấy bản chất của tham nhũng là sự lạm dụng quyền lực công để đỏi lấy lợi ích riêng, đồng thời nhấn mạnh yếu tố đạo đức, pháp lý và trách nhiệm công vụ trong PCTN.

*Khái niệm tham nhũng ở Việt Nam.*

Trong Từ điển Tiếng Việt, định nghĩa: “Tham nhũng là lợi dụng quyền hành để tham ô và nhũng nhiễu dân” [191, tr.1172]. Khái niệm này thể hiện rõ bản chất tha hóa quyền lực vì lợi ích cá nhân và tác hại xã hội sâu rộng của tham nhũng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, cần tiếp tục mở rộng và phát triển định nghĩa này theo hướng bao quát hơn, hiện đại hơn, phản ánh đúng tính chất, quy mô và cơ chế vận hành của tham nhũng trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Theo Luật PCTN năm 2018, tại khoản Điều 3, quy định: “Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi” [150]. Khái niệm này hàm chứa ba yếu tố cốt lõi:

*Về chủ thể của hành vi tham nhũng:* Là người có chức vụ, quyền hạn, bao gồm cán bộ, công chức, viên chức và những người được giao thực hiện nhiệm vụ công trong

khu vực nhà nước và trong một số trường hợp được mở rộng sang khu vực tư có liên quan đến hoạt động công.

*Về hành vi lạm dụng quyền lực:* Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức như: tham ô tài sản, nhận hối lộ, lạm quyền, lợi dụng ảnh hưởng để trục lợi, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác nhằm đạt mục đích cá nhân.

*Về mục đích:* tham nhũng là hành vi vụ lợi. Đây là yếu tố phân biệt tham nhũng với các vi phạm khác. Vụ lợi bao gồm các lợi ích vật chất (tiền bạc, tài sản) và phi vật chất (chức vụ, quyền lực, lợi ích nhóm...).

Khái niệm tham nhũng ở Việt Nam nhấn mạnh đến sự lạm dụng quyền lực công vì mục đích tư lợi. Đây là cơ sở để triển khai đồng bộ các biện pháp PCTN từ hoàn thiện pháp luật, siết chặt kiểm tra - giám sát, đến giáo dục đạo đức công vụ và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm. Việt Nam đang từng bước tiếp cận những tiêu chuẩn quốc tế trong việc mở rộng khái niệm và phạm vi kiểm soát tham nhũng, không chỉ bó hẹp trong khu vực công, mà tiến tới xây dựng một hệ sinh thái PCTN toàn diện, bao gồm minh bạch hóa tài sản, kiểm soát xung đột lợi ích, và tăng cường sự tham gia của người dân và xã hội.

Như vậy, có thể hiểu: *Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng vị trí công tác để trục lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích nhóm, gây phương hại đến lợi ích chung của Nhà nước và xã hội.*

### **2.1.2. Khái niệm phòng, chống tham nhũng**

*Một là, phòng ngừa tham nhũng:*

Theo Luật PCTN năm 2018, phòng ngừa tham nhũng được hiểu là việc xây dựng và duy trì một hệ thống chính sách và nhóm giải pháp chủ yếu nhằm ngăn chặn các nguy cơ phát sinh hành vi tham nhũng ngay từ sớm, từ xa. Phòng ngừa giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong tổng thể công tác đấu tranh chống tham nhũng, được xem là tuyến phòng thủ đầu tiên và lâu dài. Luật quy định 11 nhóm biện pháp phòng ngừa cụ thể như: công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng quy tắc ứng xử; kiểm soát xung đột lợi ích; kiểm soát tài sản, thu nhập; cải cách hành chính...

Nội dung phòng ngừa tham nhũng được quy định cụ thể tại Chương 2 (từ Điều 9 đến Điều 54) Luật PCTN năm 2018. Trong đó, các chủ thể tiến hành các hoạt động như: Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao đạo đức; hoàn thiện hệ thống pháp

luật; kiểm tra, giám sát, KSQL; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số; tiếp thu kinh nghiệm quốc tế; công khai tài sản, thu nhập, cải cách chế độ tiền lương cho cán bộ, đảng viên, công chức; phát huy vai trò xã hội;...

Qua đó có thể hiểu: *Phòng ngừa tham nhũng là tổng hợp các cách thức, biện pháp mà các chủ thể tiến hành nhằm triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh hành vi tham nhũng.*

*Hai là, chống tham nhũng:* bao gồm phát hiện và điều tra, xử lý tham nhũng

*Phát hiện tham nhũng:* Phát hiện tham nhũng là quá trình nhận diện, phát hiện kịp thời các hành vi, vụ việc tham nhũng nhằm hạn chế tối đa thiệt hại và xác định rõ trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức có liên quan để xử lý theo quy định. Luật PCTN năm 2018 nêu rõ các phương thức phát hiện chủ yếu, bao gồm: hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan Đảng; thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước; tố cáo, phản ánh, cung cấp thông tin từ Nhân dân và phương tiện truyền thông.

*Điều tra, xử lý tham nhũng:* Điều tra, xử lý hành vi tham nhũng là quá trình sử dụng các biện pháp tố tụng hình sự để làm rõ, truy tố và xét xử các hành vi tham nhũng gây thiệt hại nghiêm trọng cho xã hội. Bao gồm xử lý người có hành vi tham nhũng và xử lý tài sản tham nhũng.

Xử lý người có hành vi tham nhũng: Về mặt Đảng (theo Điều 39, Quy định Số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng vi phạm”); về mặt chính quyền (xử lý hành chính và hình sự được quy định tại Chương IX, từ Điều 92 đến Điều 95, Luật PCTN năm 2018). Tùy theo tính chất, mức độ sai phạm để áp dụng các biện pháp xử lý như: kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Xử lý tài sản tham nhũng: là một quá trình, trong đó các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật để phát hiện, truy tìm, phong tỏa, tạm giữ, tịch thu tài sản do tham nhũng.

Qua đó có thể hiểu, *chống tham nhũng là hệ thống biện pháp của các chủ thể (các cơ quan Đảng, Nhà nước) áp dụng nhằm phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật.*

Từ những nội dung trên, có thể khái quát: *PCTN là quá trình tổ chức lực lượng và sử dụng các biện pháp, công cụ cần thiết nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn*

và xử lý các hành vi tham nhũng, tài sản tham nhũng, góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị, bảo vệ các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp trong HTCT và xã hội.

### **2.1.3. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng**

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất ít khi sử dụng thuật ngữ “tham nhũng”. Theo thống kê trong Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (15 tập, xuất bản năm 2011), cụm từ “tham nhũng” chỉ xuất hiện 12 lần trong toàn bộ các tác phẩm và bài nói, bài viết của Người. Khi đề cập đến vấn đề này, Hồ Chí Minh chủ yếu sử dụng để mô tả bản chất tha hóa của chế độ thực dân, phong kiến hoặc chính quyền tay sai, với các cụm từ như: “tham nhũng trong bộ máy cai trị” [114, tr.75], “quan lại tham nhũng” [119, tr.232], “Chính phủ là gia đình trị, tham nhũng, độc đoán” [124, tr.664], hay “Người Mỹ bắt lức, không sao chấm dứt được tình trạng tham nhũng đó” [127, tr.376]. Hồ Chí Minh thường sử dụng cụm từ “tham ô”, “những lạm”, “lạm quyền”. Dù cách diễn đạt có khác nhau, song xét về bản chất, nội dung và biểu hiện, “tham nhũng” trong tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự kết hợp của các hành vi như tham ô tài sản, nhũng nhiễu nhân dân, lạm quyền để trục lợi cá nhân. Theo đó, thuật ngữ “tham ô” mà Hồ Chí Minh dùng là để chỉ các hành vi “lấy của công dùng vào việc tư” [116, tr.65]; thuật ngữ “những lạm” để chỉ hành vi của một bộ phận cán bộ, đảng viên lạm dụng quyền hành để gây phiền hà cho nhân dân hòng kiếm chác. Người chỉ rõ: “tuy nhiều người trong ban hành chính làm việc tốt và thanh liêm, song cái tệ tham ô, những lạm chưa quét sạch” [116, tr.192]. Đây cũng là lần đầu, Hồ Chí Minh đã sử dụng hai từ “những lạm” để chỉ hành vi lạm dụng quyền lực nhằm thực hiện hành vi tham nhũng. Với Người, các hành vi trên đều là biểu hiện cụ thể, một dạng của tham nhũng, đều có nguồn gốc sâu xa là do chủ nghĩa cá nhân - một căn bệnh nguy hiểm làm suy thoái đạo đức cách mạng, là nguy cơ làm suy yếu bộ máy chính quyền, mất lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo Đảng và cản trở sự nghiệp cách mạng. Chính vì thế, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác PCTN tham nhũng.

Trong PCTN, Hồ Chí Minh xác định, phòng ngừa là cơ bản, quan trọng và lâu dài, là nhiệm vụ ưu tiên và cần thực hiện thường xuyên. Phòng là cơ sở, là tiền đề để ngăn chặn tham nhũng từ gốc; “phòng” giúp phát hiện và loại bỏ sớm các nguy cơ, điều kiện dễ dẫn đến tham nhũng. Do vậy, theo Hồ Chí Minh, “phòng” là yếu tố nền tảng trong công tác PCTN. Để phòng ngừa tham nhũng, theo Người, “phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân;

xây dựng một hệ thống chính sách, pháp luật chặt chẽ, đồng bộ; thực hiện phê bình và tự phê, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thực hành dân chủ, công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan, đoàn thể, cán bộ, đảng viên". Trong đó, giáo dục nâng cao đạo đức liêm chính cho cán bộ, đảng viên là vấn đề quan trọng nhất. Bởi, Người cho rằng: “Trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư” [118, tr.127]. Song song với việc phòng ngừa, theo Hồ Chí Minh phải kiên quyết “chống” tham nhũng một cách kiên quyết và triệt để. Người khẳng định: “Từ nay về sau nếu tìm ra, điều tra ra những vụ tham ô, Đảng sẽ thẳng tay kỷ luật và Chính phủ sẽ thẳng tay trừng trị” [121, tr.439]. Người đặc biệt yêu cầu không bao che, dung túng cho bất kỳ ai, dù người đó là cán bộ cấp cao hay người có công lao lớn. Tư tưởng này thể hiện tính nghiêm minh và công bằng trong chống tham nhũng.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phòng và chống tham nhũng là hai mặt không thể tách rời. Phòng ngừa hiệu quả sẽ giảm thiểu cơ hội phát sinh tham nhũng, trong khi chống tham nhũng mạnh mẽ sẽ tạo hiệu ứng răn đe, giúp tăng cường hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa. Người thường so sánh việc phòng tham nhũng với việc “phòng bệnh”, chống tham nhũng với việc “chữa bệnh”; phòng bệnh là cần thiết để ngăn ngừa, nhưng nếu bệnh phát sinh thì phải trị tận gốc, không để lây lan. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa phòng và chống tham nhũng là sự kết hợp hài hòa giữa các biện pháp phòng ngừa và xử lý nghiêm khắc. Đây là kim chỉ nam quan trọng cho công cuộc PCTN ở Việt Nam hiện nay,

*Qua đó có thể khẳng định, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là một hệ thống quan điểm lý luận toàn diện về sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của PCTN; về chủ thể, lực lượng trong PCTN và về các biện pháp cụ thể trong PCTN; tư tưởng của Người là sự kế thừa, tiếp thu và phát triển sáng tạo truyền thống của dân tộc, tinh hoa văn hoá, tư tưởng nhân loại, đặc biệt là chủ nghĩa Mác - Lênin, phù hợp với điều kiện cụ thể của xã hội Việt Nam; tư tưởng của Người là cơ sở để Đảng đề ra đường lối đấu tranh PCTN, giữ gìn sự trong sạch của HTCT trong các giai đoạn của cách mạng.*

Nội hàm của khái niệm trên chỉ ra một số nội dung sau:

Về sự cần thiết PCTN: Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, PCTN có vai trò và ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi tham nhũng, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm”, gây tổn hại

ng nghiêm trọng về kinh tế, chính trị, xã hội; làm suy yếu Đảng, Nhà nước và HTCT; làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên; xói mòn niềm tin của Nhân dân và cản trở sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Vì vậy, PCTN không chỉ nhằm loại bỏ những tàn dư xấu xa của xã hội cũ, mà còn góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước và HTCT trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vẹn đức, vẹn tài; bảo vệ thành quả cách mạng và ngăn chặn nguy cơ chệch hướng XHCN.

Về chủ thể, lực lượng PCTN: Hồ Chí Minh xác định đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và cả HTCT, trong đó Đảng giữ vai trò lãnh đạo; UBKT của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, thanh tra có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý vi phạm; cán bộ, đảng viên vừa là chủ thể trực tiếp thực hiện, vừa là đối tượng phải thường xuyên tự tu dưỡng, tự kiểm soát; Nhân dân, báo chí và truyền thông là lực lượng quan trọng trong giám sát, phát hiện, phê bình và đấu tranh chống tham nhũng.

Về biện pháp PCTN: Tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa và xử lý, giữa giáo dục đạo đức và thực thi pháp luật, giữa xây dựng con người liêm chính và kiểm soát quyền lực. Theo đó, cần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; chú trọng công tác tư tưởng, tuyên truyền, giáo dục; hoàn thiện chính sách, pháp luật và xử lý nghiêm minh hành vi tham nhũng; đề cao nêu gương, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; tăng cường KSQL; phát huy vai trò của đoàn thể CT-XH, Nhân dân, báo chí trong PCTN. Tư tưởng đó là sự kế thừa, tiếp thu và phát triển sáng tạo truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa, tư tưởng nhân loại, đặc biệt là chủ nghĩa Mác - Lênin, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam; đồng thời là cơ sở tư tưởng quan trọng để Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối, chủ trương PCTN, xây dựng Đảng, Nhà nước và HTCT trong sạch, vững mạnh qua các giai đoạn cách mạng.

#### **2.1.4. Khái niệm vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng**

*\* Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.*

Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, vận dụng là: “đem tri thức lý luận dùng. Vận dụng lý luận. Vận dụng kiến thức khoa học vào sản xuất” [135, tr.1422]. Theo đó, có thể hiểu: *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là việc áp dụng những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN vào công tác đấu tranh PCTN ở*

*Việt Nam trong các giai đoạn cách mạng.* Việc vận dụng không chỉ thể hiện sự kế thừa các giá trị cốt lõi trong tư tưởng của Người mà còn phải phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, góp phần nâng cao hiệu quả công tác PCTN trong thực tiễn.

*\* Phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.*

Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, phát triển là: “biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp” [135, tr.993]. Theo đó, *phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là quá trình bổ sung, hoàn thiện các quan điểm của Hồ Chí Minh về PCTN phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước.* Trong đó, phát triển phải đảm bảo vừa trung thành, tuân thủ những quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; đồng thời, căn cứ vào tình hình thực tiễn để bổ sung phát triển thành lý luận phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam hiện nay.

Kế thừa các khái niệm, tiếp cận trên, luận án xác định: *vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là quá trình kế thừa, bổ sung, hoàn thiện và áp dụng sáng tạo những quan điểm của Hồ Chí Minh về PCTN, như: sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của phòng chống tham nhũng, chủ thể, lực lượng, biện pháp PCTN vào thực tiễn PCTN ở nước ta; đồng thời, cập nhật, phát triển những nội dung mới trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với bối cảnh, điều kiện thực tiễn, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả PCTN trên thực tế; qua đó góp phần xây dựng Đảng, HTCT trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới.*

Mục đích của việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là làm cho những quan điểm của Người về PCTN tiếp tục được hiện thực hóa trong đời sống CT-XH, trở thành cơ sở tư tưởng, phương pháp luận và định hướng hành động cho công tác PCTN ở Việt Nam. Đó là quá trình nhận thức đầy đủ, sâu sắc các luận điểm của Hồ Chí Minh về tác hại, nguyên nhân, sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa, chủ thể, lực lượng và biện pháp PCTN; trên cơ sở đó phát triển phù hợp với yêu cầu mới nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Chủ thể, lực lượng vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là toàn bộ HTCT và Nhân dân. Trong đó, Đảng giữ vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện đối với công tác PCTN; Quốc hội thực hiện chức năng lập pháp, giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước trong PCTN; Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức

thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTN. Các cơ quan như Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, lãng phí, tiêu cực; Ban Nội chính; UBKT; Thanh tra; Kiểm toán và các cơ quan chức năng có trách nhiệm tham mưu, kiểm tra, giám sát, phát hiện, ngăn chặn, kiến nghị xử lý và theo dõi việc xử lý các hành vi tham nhũng, tài sản tham nhũng. Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật. Đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa là chủ thể trực tiếp thực hiện, vừa là đối tượng phải thường xuyên tự tu dưỡng, tự kiểm soát, tự phòng ngừa nguy cơ tha hóa quyền lực. MTTQ, các tổ chức CT-XH, Nhân dân, báo chí và truyền thông có vai trò quan trọng trong giám sát, phản biện, phát hiện, phản ánh, tố cáo và đấu tranh với các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Nội dung vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN được thể hiện trên nhiều phương diện. Trước hết là vận dụng quan điểm của Người về sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của PCTN trong bảo vệ lợi ích của Nhà nước và Nhân dân, giữ gìn sự trong sạch của Đảng, Nhà nước, HTCT, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên liêm chính, tận tụy phục vụ Nhân dân. Đồng thời, đó còn là sự vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh trong nhận diện nguyên nhân phát sinh tham nhũng, nhất là chủ nghĩa cá nhân, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, sự tha hóa quyền lực, bệnh quan liêu và những sơ hở trong cơ chế, chính sách, pháp luật. Đặc biệt, nội dung vận dụng, phát triển tư tưởng của Người còn thể hiện ở việc xác định và triển khai đồng bộ các biện pháp PCTN, kết hợp giữa phòng ngừa và xử lý, giữa giáo dục đạo đức cách mạng với hoàn thiện thể chế, giữa phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên với tăng cường kiểm tra, giám sát, KSQL và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm.

Phương thức vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là thông qua việc thể chế hóa quan điểm của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử; đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng, xây dựng văn hóa liêm chính trong Đảng, Nhà nước và xã hội. Cùng với đó, cần phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, MTTQ, các tổ chức CT-XH, báo chí và truyền thông; kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, giữa phòng ngừa từ sớm, từ xa với xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực. Đây là

phương thức quan trọng để tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN tiếp tục được vận dụng, bổ sung và phát triển trong điều kiện mới.

## **2.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN được thể hiện hết sức đa dạng và phong phú. Có thể có nhiều cách tiếp cận, cách tập hợp nội dung tư tưởng của Người về chủ đề này. Tác giả luận án tích hợp nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN thành 3 nội dung, cụ thể như sau:

### **2.2.1. Về sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của phòng, chống tham nhũng**

Trước tiên cần nhận thấy rằng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tham nhũng gây ra tác hại và hệ lụy của nó là vô cùng lớn. Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định, tham nhũng là “giặc nội xâm”, nó còn nguy hại hơn “giặc ngoại xâm”, vì nó ở bên trong, khó nhận biết, khó phòng, chống, tiêu diệt. Người viết: “Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ “giặc ở trong lòng”. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, tham nhũng gây tác hại trên nhiều phương diện.

*Về mặt kinh tế*, tham nhũng làm tổn thất, thiệt hại tài sản của Nhà nước, hao tổn của cải, công sức, thời gian của Nhân dân. Người nhấn mạnh: “Đồng bào luôn vui lòng đóng góp, bộ đội luôn sẵn sàng hy sinh để kháng chiến, kiến quốc. Trong lúc đó, một bọn không có lương tâm, tham ô, lấy của công làm của tư, hoặc lãng phí, tiêu xài bừa bãi; chúng làm thiệt hại đến bộ đội, đến nhân dân, đến Chính phủ và đoàn thể” [119, tr.452-453]. Trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước, toàn Đảng, toàn dân nỗ lực huy động tối đa mọi nguồn lực: từ vật chất, sức lao động đến tinh thần đoàn kết của Nhân dân; đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế và các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Tuy nhiên, một bộ phận cán bộ, đảng viên - những người được ủy thác, giao quản lý, sử dụng tài sản công để phục vụ cho mục đích chung song vì chủ nghĩa cá nhân đã dẫn đến thoái hóa, biến chất, “ăn cắp của công làm của riêng, gây thiệt hại lớn về kinh tế, tiềm lực, cản trở sự phát triển của đất nước, gây nguy hại đến sự nghiệp cách mạng, đến việc cải thiện chất lượng đời sống Nhân dân. Hồ Chí Minh đã phê phán mạnh mẽ: “Trộm cắp tiền bạc của Nhân dân, tổn hại kinh tế của Chính phủ, cũng là mật thám, phản quốc, nếu không phải là tệ hơn nữa” [119, tr.368].

*Về chính trị*. Tham nhũng được Hồ Chí Minh ví như một thứ “nọc độc” vô cùng nguy hiểm - một hiện tượng lịch sử, tàn dư của chế độ cũ còn sót lại trong lòng xã hội

mới. Tham nhũng sẽ ngấm ngàm phá hủy tổ chức đảng, HTCT, cán bộ, đảng viên từ bên trong. Người nhiều lần nhấn mạnh rằng kẻ địch nguy hiểm nhất không phải là ngoại xâm, mà chính là những biểu hiện suy thoái, tha hóa nội tại. Tham nhũng phá hủy, đục khoét lương tâm, đạo đức của cán bộ, đảng viên, dẫn đến làm mất đi sự trong sạch, vững mạnh của tổ chức đảng và HTCT. Qua đó ảnh hưởng đến khả năng lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, năng lực quản lý, điều hành của các cơ quan trong HTCT. Đồng thời, tham nhũng chính là nguyên nhân làm cho Nhân dân mất niềm tin vào đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Nhân dân rất thương yêu và quý trọng cán bộ, đảng viên. Nhưng nếu cán bộ, đảng viên quan liêu, mệnh lệnh, tham ô, thiếu gương mẫu thì dân không tin, do đó làm nguy hại đến công tác của Đảng” [127, tr.527]. Những cán bộ thoái hóa thường có xu hướng lừa dối, che giấu sai phạm và làm tha hóa cả những người xung quanh, từ đó biến một bộ phận bộ máy nhà nước thành nơi nuôi dưỡng chủ nghĩa cá nhân, quan liêu và sự vô cảm trước lợi ích chung. Đây chính là nguy cơ nội tại đe dọa trực tiếp đến tính chính danh và sự bền vững của HTCT quốc gia. Nếu không được ngăn chặn, kiềm chế sẽ dẫn đến làm xói mòn niềm tin của quần chúng Nhân dân vào sự lãnh đạo Đảng và con đường phát triển của đất nước. Mặt khác, tham nhũng còn là nguyên nhân dẫn đến tầm thường hóa hệ thống pháp luật. Bởi, khi hành vi tham nhũng bị phát hiện mà không được xử lý nghiêm khắc làm cho Nhân dân hoài nghi vào tính nghiêm minh của pháp luật. Điều đó trực tiếp làm suy giảm uy tín của Đảng và Nhà nước, tạo ra khoảng cách giữa Nhân dân với chính quyền, và vô hình trung trở thành mảnh đất màu mỡ để các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, phá hoại sự nghiệp cách mạng.

*Về xã hội.* Tham nhũng dẫn đến những hệ lụy nghiêm trọng về mặt xã hội. Hồ Chí Minh từng đưa ra vấn đề: “Tham ô là hành động xấu xa nhất, tội lỗi, đê tiện nhất trong xã hội. Tham ô là trộm cắp của công, chiếm của công làm của tư. Nó làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà; hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân; hại đến đạo đức cách mạng của người cán bộ và công nhân” [126, tr.141]. Tham nhũng đã lấy đi một phần của công sử dụng cho mục đích cải thiện dân sinh. Đối tượng tham nhũng chẳng khác gì như kẻ Việt gian, mật thám hãm hại đồng bào, chiến sĩ. Do tham nhũng mà các chính sách của Chính phủ, Nhà nước sẽ không đến với người dân kịp thời, nguồn lực không đầy đủ và khó có thể thể khuyến khích người dân cống hiến trí tuệ, sức lao động và sáng tạo cho công cuộc chống “giặc ngoại xâm”, kiến quốc. Hơn

nữa, tham nhũng được xem là tệ nạn xã hội, làm cho một số người giàu lên một cách bất thường, nhanh chóng. Chính vì thế, tạo ra sự phân cực giàu nghèo, gây bất công, làm mất ổn định đất nước.

Từ sự khẳng định tác hại to lớn của tham nhũng như vậy, Hồ Chí Minh xác định việc PCTN là hết sức cần thiết, có vai trò, ý nghĩa vô cùng quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, kiến thiết nước nhà. Một cách khái quát có thể thấy sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của phòng chống tham nhũng trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện ở những nội dung sau đây:

*Một là, PCTN là nhằm để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.* Hồ Chí Minh thấy rõ tham nhũng là cái phản văn hóa, phi đạo đức, là cái xấu mà chế độ cũ - chế độ “người bóc lột người” để lại. Tuy chế độ cũ bị lật đổ, song không phải vì thế mà tệ tham nhũng biến mất, nó vẫn tồn tại, cản trở bước tiến sự nghiệp cách mạng. Lý giải điều này Hồ Chí Minh nêu rõ: “Trong thời kỳ quá độ, bên những thành tích tốt đẹp là chính, vẫn còn sót lại những cái xấu xa của xã hội cũ như: tham ô, lãng phí, lười biếng, quan liêu, đánh con, đập vợ...” [125, tr.504]. Chế độ XHCN mà nhân dân ta hướng đến là xã hội tốt đẹp, ở đó những điều kiện, nguồn gốc sinh ra tham nhũng sẽ không còn, bởi không còn giai cấp, không còn nhà nước, thực hiện công hữu tư liệu sản xuất, con người có điều kiện phát triển mọi mặt, có cuộc sống tốt hơn chế độ cũ. Song để tiến tới xã hội tốt đẹp đó cần loại bỏ những trở lực, trong đó có tham nhũng. Điều này đã được Hồ Chí Minh chỉ rất rõ: “Tai hại do các tệ tham ô, lãng phí, quan liêu gây ra - Chế độ XHCN của chúng ta là rất tốt đẹp, mạnh mẽ, vững như một người khổng lồ có sức khỏe dồi dào” [125, tr.417]. Người đã ví chế độ mới, xã hội mới như một thân thể khỏe mạnh, có sức đề kháng cao, miễn nhiễm với “căn bệnh tham nhũng”.

*Hai là, PCTN góp phần xây dựng Đảng, HTCT trong sạch, vững mạnh.* Hồ Chí Minh là người sáng lập, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời Người kiến tạo nên Nhà nước mới. Trong tác phẩm “Đường cách mệnh”, Người khẳng định một chân lý thời đại: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy” [114, tr.289]. Vì vậy, Người thường xuyên chú trọng đến công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nhằm làm cho Đảng ngày càng “đạo đức” và “văn minh”, mỗi cán bộ, đảng viên xứng đáng là “hạt nhân lãnh đạo” và là “người đày tớ thật trung thành” của Nhân dân; đồng thời, chú trọng xây dựng HTCT vững mạnh toàn diện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ cách mạng. Tham nhũng

làm suy yếu bộ máy cơ quan công quyền. PCTN chính là gột rửa những cái xấu, phản cách mạng; loại bỏ những trở lực, bảo đảm cho cơ quan công quyền hoàn thành tốt vai trò, bổn phận, sứ mệnh được giao. Hồ Chí Minh cho rằng, tham nhũng là một tội rất nặng, những người mắc bệnh này là những người phản bội lại Nhân dân, phản bội cách mạng.

*Ba là, PCTN góp phần xây dựng cán bộ, đảng viên vẹn đức, vẹn tài.* Thấu hiểu tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng, Hồ Chủ tịch rất quan tâm xây dựng đội ngũ này vừa “hồng”, vừa “chuyên”, tiêu biểu cả về “đạo đức” và “tài năng”. Trong đó, về mặt đạo đức, Người nhấn mạnh: “Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thấm nhuần đạo đức cách mạng, hay là không. Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng. Phải giữ vững đạo đức cách mạng mới là người cán bộ cách mạng chân chính” [121, tr.354]. Song tham nhũng là một căn bệnh nguy hiểm làm tha hóa đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh chỉ rõ thực tế: “Có những người trong lúc tranh đấu thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là có công với cách mạng. Song đến khi có ít nhiều quyền hạn trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, không tự giác, mà biến thành người có tội với cách mạng” [119, tr.361]. Có đạo đức cách mạng: “Nó giúp cho cán bộ và đảng viên ta giữ gìn phẩm chất cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng. Do đó, mà nhân dân ta đã đoàn kết, càng đoàn kết thêm, lực lượng ta đã hùng mạnh, càng hùng mạnh thêm” [125, tr.418]. Vì vậy, chống “giặc nội xâm” góp phần triệt tiêu những thói hư, tật xấu, hoàn thiện phẩm chất, năng lực người cách mạng.

*Bốn là, PCTN góp phần bảo vệ thành quả cách mạng; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chệch hướng XHCN.* Hồ Chí Minh nhận định: “Nếu không kiên quyết chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, lãng phí, tham ô, thì nó sẽ cản trở, phá hoại ta tiến lên CNXH” [124, tr.503]. Kế thừa chỉ dẫn trên của Người, Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII năm 1994, xem tham nhũng là một trong bốn nguy cơ làm chệch hướng XHCN mà Đảng hết sức lưu tâm. Tham nhũng tuy không phải là hành động của kẻ địch từ bên ngoài phá hoại đất nước, không xâm hại trực tiếp đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia cũng như độc lập dân tộc mà vấn nạn này được nảy sinh từ những người được Nhân dân lựa chọn, ủy thác điều hành các hoạt động của quốc gia nhưng thực ra lại phá hoại đất nước

từ bên trong. Tham nhũng ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội, là kẻ thù ở bên trong, phá hoại nội bộ, xâm phạm đến an ninh quốc gia, an ninh con người. Thực tiễn trên thế giới tham nhũng làm các mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt, quần chúng nhân dân không còn niềm tin vào chính quyền, thậm chí gây bất bình, tạo ra các cuộc biểu tình, sự phản kháng từ bên trong, đe dọa đến quốc phòng - an ninh, tạo ngòi nổ cho bạo loạn lật đổ, đồng thời là cái cớ để các thế lực bên ngoài can thiệp, lật đổ. Chính vì thế, thực hiện những lời dạy của Hồ Chủ tịch về chống “giặc nội xâm” là bảo vệ thành quả cách mạng mà biết bao thế hệ cán bộ, chiến sĩ, nhân dân hy sinh, hiến dâng xương máu mới có được. Thực hiện chỉ dẫn của Người còn là chất xúc tác quan trọng để giữ vững chế độ từ bên trong, không để kẻ thù bên ngoài kiếm cơ can thiệp, xâm lược.

### **2.2.2. Về chủ thể, lực lượng phòng, chống tham nhũng**

Có thể thấy rằng, từ việc nhận thấy sự cấp thiết của PCTN và cũng từ sự phức tạp của công cuộc PCTN, cho nên, Hồ Chí Minh cho rằng, việc xác định chủ thể, lực lượng PCTN gắn với vai trò, chức năng, nhiệm vụ cụ thể là hết sức quan trọng. Theo đó, các chủ thể, lực lượng này được thể hiện rất rõ trong tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

*Một là, Đảng Cộng sản*

Tham nhũng là chướng ngại vật cản trở bước tiến con đường hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng cách mạng. Trong khi Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng thì căn bệnh tham nhũng nảy sinh chủ yếu từ trong chính nội bộ cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước. Vì vậy, Đảng phải đề ra phương thuốc đặc trị căn bệnh này; vạch ra đường lối, chủ trương, phương hướng đấu tranh PCTN để Nhà nước hoạch định chính sách, pháp luật, các đoàn thể CT-XH xây dựng chương trình hành động và cán bộ, đảng viên, quần chúng quán triệt, thực hiện. Do đó, sự lãnh đạo, bản lĩnh, trí tuệ của Đảng là nhân tố then chốt, quyết định thắng lợi của công cuộc chống “giặc ngoại xâm”. Muốn lãnh đạo đúng, trúng, kịp thời phải gắn với kiểm tra. Mục đích của kiểm tra để phát hiện, uốn nắn, chấn chỉnh, xử lý đối tượng có biểu hiện tham nhũng. Theo Hồ Chí Minh: “Có kiểm tra mới huy động tinh thần tích cực và lực lượng to tát của nhân dân, mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời” [117, tr.636]. Mặt khác, Người nêu rõ luận điểm: “Nếu tổ chức sự kiểm tra được chu đáo, thì công việc của chúng ta nhất định tiến bộ gấp mười gấp trăm” [117, tr.638]. Do đó, Đảng phải chú trọng khâu kiểm tra, phát huy vai trò của người lãnh đạo và “cần phải có một

nhóm cán bộ nhiều kinh nghiệm và giàu năng lực để giúp mình đi kiểm tra. Ai đi kiểm tra việc gì, nơi nào nếu có sơ suất thì người ấy phải chịu trách nhiệm” [117, tr.637]. Để đấu tranh với nạn tham nhũng đòi hỏi: Các ủy ban và cán bộ kiểm tra phải học tập và thấm nhuần đường lối, quan điểm của Đảng, phải luôn luôn chú ý nâng cao khả năng chuyên môn, phải cố gắng công tác, phải trau dồi đạo đức cách mạng... Phải chí công vô tư, không thiên vị, không thành kiến. Như thế thì mới làm tốt được công tác kiểm tra [126, tr.363]. "Người làm công tác kiểm tra Đảng phải chuẩn mực về đạo đức, có chuyên môn tốt, nghiệp vụ giỏi," đặc biệt là phải “đĩ công vi thượng”.

*Hai là, Quốc hội, Chính phủ, cơ quan tư pháp, thanh tra*

Hồ Chí Minh không chỉ là người khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mà còn có công lao rất lớn trong xây dựng thể chế, hình thành và hoàn thiện bộ máy nhà nước. Đối với cơ quan lập pháp mà cao nhất là Quốc hội, theo Người Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương... Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp. Những vấn đề quan trọng nhất của Nhà nước trong phạm vi toàn quốc đều do Quốc hội quyết định [124, tr.375-376]. Đối với Chính phủ dựa vào luật do Quốc hội ban hành để soạn thảo các văn bản dưới luật để cụ thể hóa thành các chính sách, biện pháp PCTN. Đại diện Chính phủ, Hồ Chí Minh đã ký, ban hành nhiều sắc lệnh trong đó có liên quan đến việc PCTN. Người từng trình trọng tuyên bố trước Quốc hội, toàn thể quốc dân đồng bào và với thế giới rằng: “Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ liêm khiết” [116, tr.478]. Điều đó cho thấy quyết tâm cao trong chống “giặc ngoại xâm” của Nhà nước ta ngay từ khi mới ra đời. Đối với những đại biểu do nhân dân bầu ra trong bộ máy công quyền là lực lượng có vai trò quan trọng trong xây dựng chính quyền liêm khiết; đồng thời là một lực lượng không thể thiếu trên tuyến đầu chống “giặc nội xâm”. Hồ Chí Minh yêu cầu: “Những người trúng cử, sẽ phải ra sức giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, ra sức mưu sự hạnh phúc cho đồng bào. Phải luôn luôn nhớ và thực hành câu: Vì lợi nước, quên lợi nhà; vì lợi chung, quên lợi riêng” [116, tr.166].

Trong các cơ quan Nhà nước cũng phải tích cực PCTN. Hồ Chí Minh yêu cầu: “Mỗi công dân, mỗi cơ quan cần phải kiên quyết đấu tranh chống tham ô, lãng phí...” [119, tr.361]. Trong đó, Người rất chú trọng hoạt động của các cơ quan tư pháp: Tòa án, Viện kiểm soát, Công an. Hồ Chí Minh xem “Tư pháp là một cơ quan trọng yếu của chính quyền” [117, tr.472]. Theo đó, là một bộ phận của cơ quan tư pháp, Tòa án

có nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân, trừng phạt những kẻ có âm mưu, hành động phá hoại chế độ, xâm phạm đến lợi ích tổ chức, cá nhân. Đối với tội tham nhũng là một trong những trọng tội, phải nghiêm trị nhưng hết sức chú ý công tội phân minh. Bằng cách xung hô gần gũi, thể hiện văn hóa ứng xử giản dị, trong “*Thư gửi Hội nghị Tư pháp toàn quốc*” tháng 02 năm 1948, Hồ Chủ tịch đã viết: “Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lễ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” cho nhân dân noi theo” [117, tr.473].

Trong ngành tư pháp, Hồ Chí Minh cũng đề cao vai trò của Viện kiểm sát nhân dân, theo Người: “Anh em tư pháp là những người học thức, lại là những người giữ gìn pháp luật dân chủ, lễ tất nhiên, anh em phải anh hùng hơn một bước để làm kiểu mẫu cho quốc dân” [117, tr.537]. Cho nên, đối với Viện kiểm sát nhân dân, cán bộ phải có đầy đủ các đức tính “công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn”. Làm được như vậy sẽ chung tay đẩy lùi vấn nạn tham nhũng.

Trong chống “giặc nội xâm” không thể không nhắc đến vai trò của lực lượng Công an nhân dân. Bởi theo Hồ Chí Minh, Công an nhân dân là một “vũ khí sắc bén của chuyên chính vô sản” [126, tr.71], là lực lượng quan trọng để bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân. Người chỉ rõ: “Công an là một bộ máy để thực hiện chuyên chính dân chủ nhân dân, bảo vệ nền chuyên chính của nhân dân đối với các thế lực phản động khác” [123, tr.598]. Công an nhân dân do Đảng sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, là một mắt xích trọng yếu trong sợi dây chuyền của HTCT có nhiệm vụ bẻ gãy, đập tan những âm mưu, thủ đoạn, hoạt động phá hoại chế độ, chống cả “giặc ngoại xâm” và “giặc nội xâm”. Hồ Chủ tịch chỉ rõ những kẻ địch mà lực lượng Công an phải đương đầu đó là: “Công an đánh địch bên ngoài đã khó, đánh địch bên trong người còn khó khăn hơn” [123, tr.599]. Đối với kẻ địch bên trong thì tham nhũng là loại nguy hiểm. Theo đó, Công an nhân dân là bộ phận trọng yếu, chuyên trách; là lực lượng trên tuyến đầu trong đấu tranh PCTN. Phòng, chống tội phạm tham nhũng là một sứ mệnh thiêng liêng và cao quý của lực lượng Công an nhân dân. Các cơ quan tư pháp phải có “tinh thần đoàn kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khác” [117, tr.472-473], không thể đơn phương, độc lập trong PCTN. Trong quá trình hoạt động tư pháp phải luôn liên hệ, gắn bó mật thiết với những lực lượng khác, tạo thành một hệ thống chống tham nhũng đồng bộ, thống nhất.

Ngoài ra, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng vai trò của cơ quan thanh tra, Người chỉ rõ: “Thanh tra là một nhiệm vụ vẻ vang và quan trọng; nó theo dõi; xem xét việc chấp hành đúng đắn đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ” [125, tr.35]. Đặc biệt trong PCTN “các ban thanh tra phải chú ý kiểm tra chống lãng phí, tham ô. Phát hiện ra những việc lãng phí, tham ô, chẳng những cần báo cáo với Trung ương và Chính phủ giải quyết mà còn phải giúp các cấp lãnh đạo địa phương tìm ra được những biện pháp để tích cực chống lãng phí, tham ô” [124, tr.503]. Các cơ quan Nhà nước, tuy có chức năng, nhiệm vụ không giống nhau song đều có một kẻ địch chung đó là nạn tham nhũng. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Các cơ quan phụ trách cần phải nghiêm khắc ngăn ngừa tham ô, lãng phí và kịp thời thi hành kỷ luật đối với những kẻ ngoan cố không chịu sửa đổi” [121, tr.298].

*Ba là, cán bộ, đảng viên*

Theo Hồ Chí Minh: “vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả” [117, tr.281]. Tham nhũng cũng do con người mà ra, trong đó nảy sinh từ sự tha hóa quyền lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Điều này Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư” [118, tr.127]. Cán bộ, đảng viên là chủ thể cũng là đối tượng của công cuộc chống “giặc nội xâm”. Để là chủ thể PCTN tích cực, hiệu quả, mỗi người cách mạng phải nhận thức thấu đáo vấn đề: “Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng, đều do mồ hôi, nước mắt của nhân dân mà ra. Vì vậy, chúng ta phải đền bù xứng đáng cho nhân dân. Muốn làm như vậy, chúng ta phải cố gắng thực hành cần, kiệm, liêm, chính” [121, tr.145]; đồng thời luôn quán triệt sâu sắc chỉ dẫn của Hồ Chí Minh: “Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh” [116, tr.51]. Hơn ai hết, chính cán bộ, đảng viên là nhân tố quyết định đến thành bại đấu tranh PCTN.

*Bốn là, MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH.*

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH là hình thức tổ chức, tập hợp rộng rãi các giai cấp, tầng lớp Nhân dân, tạo nên sức mạnh to lớn cho sự nghiệp cách mạng. Người khẳng định: “Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam” [125,

tr.453]. Đối với công tác PCTN, vai trò của Mặt trận và các đoàn thể trước hết được thể hiện ở việc phát huy dân chủ, tham gia xây dựng, lựa chọn, giới thiệu và giám sát đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh yêu cầu: “Mặt trận phải tiến dần dần đến thật dân chủ, nghĩa là những cơ quan chỉ đạo sẽ do quần chúng trong Mặt trận cử ra” [119, tr.48]. Bên cạnh đó, Mặt trận và các đoàn thể xã hội còn có trách nhiệm giám sát việc thực thi quyền lực của các cơ quan trong HTCT và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Với tư cách là tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, Mặt trận và các đoàn thể phải thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; tập hợp ý kiến góp ý, phê bình, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của Nhân dân đối với việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, đảng viên. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Khắp nơi có đoàn thể nhân dân, như Hội đồng nhân dân, Mặt trận, Công đoàn, Hội Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, v.v.. Những đoàn thể ấy là tổ chức của dân, phấn đấu cho dân, bênh vực quyền của dân, liên lạc mật thiết nhân dân với Chính phủ” [118, tr.397]. Vì vậy, trong PCTN, Mặt trận và các đoàn thể không chỉ là cầu nối giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước, mà còn là lực lượng quan trọng trong phát hiện, phản ánh, đấu tranh với những biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

#### *Năm là, Nhân dân*

Bàn về vị trí, vai trò của nhân dân, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [122, tr.453]. Người hết sức tâm đắc với câu truyền miệng dân gian: “Đễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong” [127, tr.280], đồng thời khẳng định một thực tế: “Có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra” [117, tr.355]. Công cuộc kháng chiến, xây dựng chủ nghĩa không thể không dựa vào sức mạnh của nhân dân, phải “lấy dân làm gốc”, bởi “Gốc có vững cây mới bền. Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân” [117, tr.502]. Trong tổng thể nhiệm vụ cách mạng, trong đó có công cuộc chống “giặc nội xâm” được xác định là công việc hệ trọng, phải huy động tất cả lực lượng, nhất là phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân. Điều này Hồ Chủ tịch đã nêu rõ: “Quần chúng thật sự có quyền dân chủ và cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải xung phong,

guang mẫu thì chắc chắn ngăn ngừa được những tệ quan liêu, mệnh lệnh, lãng phí, tham ô” [127, tr.326]. Nếu không có sự giúp sức của nhân dân thì công cuộc PCTN sẽ khó có thể thành công, thậm chí thất bại.

*Sáu là, báo chí, truyền thông*

Hồ Chí Minh xác định: “Báo chí cũng là một ngành quan trọng của văn hóa” [123, tr.141] và “Báo chí của ta thì cần phải phục vụ nhân dân lao động, phục vụ CNXH, phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, cho hoà bình thế giới” [124, tr.166]. Để phục vụ Tổ quốc, nhân dân được tốt hơn đòi hỏi báo chí phải tích cực tham gia các cuộc vận động chống giặc ngoại xâm và tham nhũng - “giặc nội xâm”. Báo chí là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước, nhân dân và là chủ thể không thể thiếu trong cuộc chiến chống “giặc ngoại xâm”, vì thế Người đặt ra yêu cầu: “Chúng ta phải phát động tư tưởng của quần chúng làm cho quần chúng khinh ghét tệ tham ô, lãng phí, quan liêu; biến hàng vạn, hàng triệu con mắt, lỗ tai cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp mọi nơi, không để cho tệ tham ô, lãng phí, quan liêu còn chỗ ẩn nấp” [125, tr.419]. Báo chí hưởng ứng, cổ vũ các phong trào đề tôn vinh cái đẹp, dẹp trừ cái xấu, trong đó có thói tham nhũng. Theo Hồ Chí Minh: “Các báo chí phải khuyến khích những người tốt, việc tốt và thẳng thắn phê bình những điều xấu như: lười biếng, tham ô, lãng phí, quan liêu. Đó là một việc rất cần thiết” [125, tr.391-392]. Tham nhũng là kẻ thù phá hoại công cuộc xây dựng CNXH, chính vì thế sự tham gia của báo chí để vạch mặt, tố cáo, lên án những người “đục khoét”, “ăn trộm” tài sản của Nhà nước, của nhân dân là vô cùng cần thiết.

### **2.2.3. Về các biện pháp phòng, chống tham nhũng**

Trước hết cần nhận thấy rằng, để đề ra biện pháp PCTN trúng, đúng và hiệu quả cần thiết phải xác định nguyên nhân của tham nhũng một cách xác đáng. Theo đó, nguyên nhân của tham nhũng đã được Hồ Chí Minh phân tích và chỉ ra một cách rất rõ ràng, cụ thể như sau:

*Một là, do chủ nghĩa cá nhân.* Theo Hồ Chí Minh, nguyên nhân sâu xa và bao trùm của căn bệnh tham nhũng chính là chủ nghĩa cá nhân - một trở lực nội tại tồn tại trong mỗi cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chỉ vì cá nhân chủ nghĩa mà sinh ra tham ô hủ hóa” [119, tr.217]. Thứ chủ nghĩa này được ví như loài “vi trùng độc hại”, phá hủy nhân cách của người cách mạng. Chủ nghĩa cá nhân trái ngược hoàn toàn với đạo đức cách mạng. Nó luôn tìm cơ hội để phát triển, che lấp phẩm chất cách mạng và

cản trở tinh thần hết lòng, hết sức phục vụ sự nghiệp cách mạng. Từ đó nảy sinh những biểu hiện tiêu cực như: chọn nơi có nhiều lợi ích, né tránh việc khó. Thậm chí, có người còn tìm mọi cách vận động, tác động nhằm giành được phiếu bầu, phiếu tín nhiệm một cách thiếu trong sáng. Người khẳng định: “do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu mệnh lệnh...” [127, tr.547]. Đối với Người, chủ nghĩa cá nhân không chỉ là nguồn gốc dẫn đến tham nhũng mà còn là căn nguyên của mọi khuyết điểm, sai lầm trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bởi, nếu mang trong mình tư tưởng chủ nghĩa cá nhân thì cán bộ, đảng viên chỉ lo vun vén lợi ích cho bản thân, xem nhẹ, thậm chí bỏ mặc công việc của tổ chức, tập thể. Đồng thời, chủ nghĩa cá nhân còn sinh ra bệnh quan liêu - nguồn gốc trực tiếp phát sinh tham nhũng. Hồ Chí Minh huấn dụ: “Là người cán bộ phụ trách nhưng xa rời thực tế, xa rời quần chúng. Đối với công việc thì không điều tra, nghiên cứu kỹ lưỡng. Chỉ đạo thì đại khái, chung chung. Không lắng nghe ý kiến của quần chúng, tác phong không dân chủ. Sợ phê bình và tự phê bình. Không giữ đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách... Vì vậy, ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó có nạn tham ô, lãng phí” [126, tr.141]. Với Hồ Chí Minh, “Bệnh quan liêu là chỗ gieo hạt vun trồng cho tham ô lãng phí nảy nở. Vì thế muốn chống tham ô, lãng phí, phải chống bệnh quan liêu” [119, tr.345]. Ngoài ra, chủ nghĩa cá nhân còn sinh ra bệnh tham lam. Hồ Chí Minh nêu rõ: “Bệnh tham lam - những người mắc phải bệnh này thì đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của Đảng, của dân tộc, do đó mà chỉ “tự tư tự lợi”. Dùng của công làm việc tư. Dựa vào thế lực của Đảng để theo đuổi mục đích riêng của mình” [117, tr.295]. Như vậy, suy đến cùng gốc rễ để tham nhũng tồn tại phần lớn do chủ nghĩa cá nhân mà ra.

*Hai là, do sự tha hóa về quyền lực.* Hồ Chí Minh luôn xác định nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực, Người nói: “Nước ta là nước dân chủ; Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [118, tr.232]. Như vậy, nhân dân là chủ thể tạo ra bộ máy công quyền và trao quyền lực đó cho những người đại diện, thay mặt cho mình để giải quyết, gánh vác những việc chung. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Những người

trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành” [117, tr.122]. Quyền lực mà Đảng, Nhà nước, Nhân dân trao cho người cách mạng nhằm hiện thực hóa mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Việc sử dụng quyền lực cốt là nhằm mang lại giá trị cho Tổ quốc, cho đồng bào. Người cán bộ nếu sử dụng đúng, hiệu quả quyền lực được trao sẽ làm nên những việc có lợi cho Nhân dân. Song nếu người được trao quyền lực mà sử dụng sai tôn chỉ, mục đích, vượt ra ngoài phạm vi cho phép sẽ dễ lạm quyền, lộng quyền vì động cơ vụ lợi mà có thể “ăn cắp của công”. Do đó, một trong những nguyên nhân dẫn đến tham nhũng đến từ sự tha hóa quyền lực, kiểm soát tốt quyền lực sẽ giảm thiểu nguy cơ nảy sinh tham nhũng.

*Ba là, do hệ thống pháp luật chưa đồng bộ và chế tài xử lý không nghiêm minh.*

Với quan điểm “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền” [113, tr.473], trong suốt 24 năm trên cương vị người đứng đầu Nhà nước, Hồ Chí Minh rất quan tâm xây dựng hệ thống pháp luật nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, hướng đến quyền, lợi ích chính đáng cho mọi thành viên trong xã hội. Hiến pháp, pháp luật phải tỏ rõ sự nghiêm minh, bảo vệ Nhân dân trước những mối đe dọa của các tệ nạn, trong đó có tệ tham nhũng. Với sự chiêm nghiệm, hoạt động thực tiễn sâu sát, Hồ Chí Minh thấy rõ việc xây dựng và thực thi pháp luật nghiêm túc, hiệu quả mới đẩy lùi tệ ra khỏi đời sống xã hội. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Cần có những pháp luật để trừng trị tệ tham ô, lãng phí, và phải chấp hành những pháp luật ấy một cách nghiêm chỉnh...” [125, tr.419]. Đặc biệt, nếu hệ thống pháp luật không chặt chẽ, không nghiêm minh sẽ tạo kẽ hở để “lách luật”, trục lợi chính sách, làm giàu bất chính; tạo “lỗ hổng” để những người cán bộ bất liêm, bất chính “chui lọt” sẽ có cơ hội “ăn cắp của công”.

Ở Hồ Chí Minh luôn có sự rạch ròi giữa thưởng và phạt. Theo đó, ngày 26/01/1946, Người đã ký, ban hành “Quốc lệnh quy định những trường hợp thưởng và phạt”, khẳng định rõ: “Trong một nước, thưởng phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công” [116, tr.189]. Riêng tội “ăn cắp của công” cần phải nghiêm trị đúng quốc pháp, nếu bỏ qua mà không xử lý sẽ không tạo ra sức răn đe, tham nhũng vì thế mà cơ hội nảy sinh mạnh mẽ hơn. Ví dụ điển hình, trong giai đoạn chống thực dân Pháp, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ đều một lòng chiến đấu, không sợ hy sinh gian khổ nhưng có trường hợp Đại tá Trần Dụ Châu, Giám đốc Nha Quân nhu đã ăn cắp, bớt xén chế độ, tiêu chuẩn của quân nhân để sống hưởng thụ, hoang lạc như “ông vua, bà chúa”. Tòa án Bình Tối cao mở phiên tòa xét

xử Trần Dụ Châu đưa ra bản án tử hình. Sau đó, Trần Dụ Châu và gia đình đã gửi đơn xin tha tội chết lên Hồ Chủ tịch. Tuy rất đau lòng song Người đã dựa vào quy định pháp luật, không chấp thuận đơn chống án của Trần Dụ Châu. Qua trường hợp trên cho thấy, dù Hồ Chí Minh rất yêu thương người cách mạng song người nào “ăn cắp của công”, làm tổn thương niềm tin của nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực đến danh dự và uy tín của Đảng, Nhà nước thì dù cho đó là ai đều phải trị theo quốc pháp.

*Bốn là, do Nhân dân chưa hiểu rõ hoặc thực hiện chưa đúng, đủ quyền lợi và nghĩa vụ của mình.* Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Quan tham vì dân đại” [118, tr.127]. Nhân dân là lực lượng quyết định đến yếu tố thành bại trong phòng, chống “giặc nội xâm”. Nếu trình độ dân trí thấp, người dân không tường tận về quyền lợi, nghĩa vụ của mình, không nhận biết hành vi lấy cắp tài sản công, không nhận diện được người bất liêm, bất chính; thậm chí vì động cơ, mục đích nào đó mà hối lộ cán bộ, công chức thì tham nhũng vẫn có chỗ dung thân, còn điều kiện để tồn tại. Vấn đề này Người chỉ rõ: “Nếu dân hiểu biết, không chịu đút lót, thì “quan” dù không liêm, cũng phải hoá ra LIÊM” [118, tr.127]. Người cách mạng bị chủ nghĩa cá nhân ngự trị, thiếu dưỡng liêm, bất chính, nảy sinh lòng ham muốn vật chất không chính đáng, đây là do nhân tố chủ quan của người cán bộ, đảng viên đó, song nếu không xét đến điều kiện khách quan như việc người dân “đút lót” cán bộ, đảng viên khiến họ hư hỏng thì không toàn diện, khách quan trong xem xét căn nguyên nảy sinh tham nhũng. Từ vấn đề trên, chứng minh tầm bao quát trong xác định nguồn gốc phát sinh tham nhũng của Hồ Chủ tịch.

*Năm là, do những tàn dư của chế độ cũ để lại.* Theo Hồ Chí Minh, nguyên nhân đầu tiên của tham nhũng xuất phát từ bản chất bóc lột của chế độ cũ, là biểu hiện của những tàn dư tiêu cực mà xã hội cũ để lại trong xã hội mới. Người nhấn mạnh: “Tệ tham ô, lãng phí, quan liêu là cái xấu xa do xã hội cũ để lại, như cái ung nhọt còn sót lại trên thân thể của người không lờ” [125, tr.417]. Nghiên cứu lịch sử xã hội loài người, Hồ Chí Minh thấy rõ tham nhũng do chế độ tư hữu gây ra. Khi nhà nước ra đời, giai cấp nắm chính quyền đã chiếm đoạt tư liệu sản xuất, tài sản của giai cấp khác nhằm mưu cầu lợi ích riêng. Quá trình đó, những thế lực cầm quyền đã những nhiều quần chúng để phục vụ lòng tham của mình. Như vậy, tham nhũng có tính lịch sử - xã hội, là “khuyết tật bẩm sinh” của quyền lực. Các chế độ xã hội trước, dù là chiếm hữu nô lệ, phong kiến, hay tư bản chủ nghĩa, vì có sự phân chia giai cấp, có nhà nước, những người nắm giữ quyền lực trong tay dễ nảy sinh thói đặc quyền, đặc lợi. Ở chế độ phong

kiến trong lịch sử dân tộc không hiếm trường hợp quan tham vơ vét tài sản của nhân dân, đục khoét ngân khố của triều đình để tư lợi. Hồ Chí Minh nhận xét: “Trong xã hội cũ, bọn phong kiến, địa chủ, bọn tư bản và đế quốc thẳng tay áp bức, bóc lột những tầng lớp người khác, nhất là công nhân và nông dân. Chúng cướp của chúng do xã hội sản xuất ra, làm của riêng của cá nhân chúng, để chúng “ngồi mát ăn bát vàng”. Nhưng miệng chúng luôn luôn huênh hoang những danh từ “đạo đức”, “tự do”, “dân chủ”, v.v...” [123, tr.601]. Trong giai đoạn đầu đi lên CNXH vẫn còn nhiều giai tầng, nhà nước vẫn chưa biến mất, tham nhũng vẫn có cơ sở để phát sinh và tồn tại. Hồ Chí Minh phân tích: “Trước hết, là vì xã hội mình còn đương ở thời kỳ quá độ. Cái xấu cũ chưa hết, cái mới chưa phát triển đầy đủ. Vì thế có tham ô, lãng phí” [120, tr.8]. Vì vậy, trong thời kỳ quá độ đấu tranh chống “giặc nội xâm” là tất yếu, khách quan.

Xuất phát từ sự phân tích, định hình các nguyên nhân của tham nhũng như trên, Hồ Chí Minh đã đưa ra các quan điểm về biện pháp PCTN rất sâu sắc và cụ thể. Có thể khái quát lại các biện pháp PCTN theo tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

*Một là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong PCTN*

HTCT và xã hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Tham nhũng tác động tiêu cực đến vai trò lãnh đạo, vị thế cầm quyền của Đảng. Do vậy, muốn đẩy lùi tham nhũng, bên cạnh việc phải tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa cá nhân; trị bệnh quan liêu và bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên thì cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Theo Hồ Chí Minh: “Chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị. Cũng như ở các mặt trận khác, muốn thắng ở mặt trận này, ắt phải có chuẩn bị, kế hoạch, tổ chức, ắt phải có lãnh đạo và trung kiên” [119, tr.358]. Đây là giải pháp hữu hiệu góp phần đẩy lùi căn bệnh này ra khỏi bộ máy công quyền; đồng thời, còn thể hiện trách nhiệm của Đảng trước Tổ quốc, nhân dân, khẳng định vị thế, uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng.

Muốn lãnh đạo PCTN hiệu quả, phải bắt đầu từ việc xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ. Xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng phải làm cho cán bộ, đảng viên kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, bởi theo Hồ Chí Minh: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có

trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam” [114, tr.289]. Người nhấn mạnh thêm: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin” [114, tr.289]. Hồ Chí Minh xác định, Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cốt, là do chủ nghĩa ấy mang bản chất cách mạng, khoa học, hướng tới mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Muốn đội ngũ cán bộ, đảng viên thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin “Đảng phải chống cái thói xem nhẹ học tập lý luận. Vì không học lý luận thì chí khí kém kiên quyết, không trông xa thấy rộng, trong lúc đấu tranh dễ lạc phương hướng, kết quả là “mù chính trị”, thậm chí hủ hóa, xa rời cách mạng” [121, tr.280]. Khi người cán bộ, đảng viên có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng thì sẽ tránh xa tham nhũng.

Chống “giặc nội xâm” hiệu quả còn thông qua việc xây dựng Đảng về tổ chức. Sinh thời, Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm đến vấn đề này. Trong tư tưởng, phong cách của Người, Đảng phải là một tập thể thống nhất, đoàn kết, sức mạnh của Đảng được tạo nên bởi các tổ chức từ Trung ương đến cơ sở. Do đó, xây dựng Đảng về tổ chức theo tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm bảo đảm tính hiệu quả, đồng bộ trong hoạt động của các tổ chức trong HTCT, không để những kẻ có hành vi hại nước, hại dân lọt vào đội ngũ của Đảng. Cùng với đó, xây dựng Đảng về cán bộ và đạo đức là vấn đề Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng. Người rất quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ toàn diện cả về “đức” và “tài”. Trong đó người coi đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng, là cơ sở để phát huy tài năng, cống hiến cho quốc gia, đồng bào. Người cách mạng không có đạo đức sẽ dẫn đến tham ô, tham nhũng.

Trong PCTN, cần thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Đối với nguyên tắc tập trung dân chủ, Người khẳng định: “Mở rộng dân chủ phê bình trong cơ quan và ngoài quần chúng, từ trên xuống và từ dưới lên. “Trên đe dưới búa” của phê bình, thì nhất định tẩy được bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí” [120, tr140]. Theo đó, thực hiện nguyên tắc này nhằm phát huy quyền làm chủ, trí tuệ, sức lực của cán bộ, đảng viên, quần chúng trong đấu tranh PCTN. Mọi người thực hiện tố giác hành vi tham nhũng, đề xuất các biện pháp để đẩy lùi vấn nạn này. Khi dân chủ được tăng cường thì hiệu quả công việc được nâng lên. Vì vậy, Đảng phải huy động sức mạnh của mọi tổ chức cá nhân, lắng nghe, tiếp thu ý kiến xây dựng của quần chúng, Chủ tịch Hồ Chí Minh huấn thị: “Phải lắng nghe ý kiến của quần chúng và quyết tâm sửa chữa sai lầm. Phải

thật sự mở rộng dân chủ. Như thế thì quần chúng sẽ cởi mở, tinh thần đoàn kết và ý thức làm chủ của quần chúng sẽ được nâng cao” [126, tr.152].

Đối với nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Hồ Chí Minh yêu cầu: “Chính phủ và Đoàn thể hết sức chống bệnh quan liêu, chống tham ô, chống lãng phí. Tất cả mọi người đều phải trông thấy ai sai thì phê bình. Phê bình để sửa chữa, để tiến bộ. Không phê bình là tự làm mất quyền dân chủ” [119, tr.553]. Để tự phê bình và phê bình có hiệu quả cần phải tự vấn thông qua các câu hỏi: “Mình có tham ô không? Có ăn bớt của công cho đơn vị riêng của mình không? Có lười biếng, có kém lòng trách nhiệm, có đứng núi này trông núi nọ không? Có phô trương, lãng phí không? Có lãng phí của Chính phủ, của Đoàn thể không? Có lãng phí của dân và sức dân không? Có bệnh quan liêu, xa cách quần chúng không?” [119, tr.359]. Phương thức để tự phê bình và phê bình có hiệu quả là: “Tự kiểm thảo và kiểm thảo người khác phải thật thà, phải dựa vào sự thực, phải đào tận gốc rễ những khuyết điểm. Không nên thoa vế, che giấu. Không nên “ít thớt ra nhiều”, càng không nên nói việc nhỏ bỏ việc lớn, nói việc cũ quên việc mới” [119, tr.359].

Việc tự phê bình và phê bình cần được thực hiện không ngừng, không nghỉ, như “rửa mặt hằng ngày”, tiến hành bài bản, chu đáo có như vậy mới đủ sức để chống lại nạn tham nhũng. Người vạch rõ: “Muốn làm được như thế, cố nhiên phải có tổ chức, có chương trình, nhưng nếu cán bộ không cố gắng, thì không thành công được. Mọi người gây thành một phong trào tự phê bình và phê bình để chống tham ô lãng phí” [119, tr.433] tự phê bình và phê bình hình thức, đối phó, không để hiện tượng lợi dụng tự phê bình và để tăng bốc hoặc triệt hạ nhau làm méo mó, sai lệch ý nghĩa của nguyên tắc này. "Tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình là các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, giữ gìn phẩm chất, tư cách cán bộ, đảng viên, xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh toàn diện, được xem là nguyên tắc không thể thiếu trong đấu tranh PCTN."

*Hai là, chú trọng công tác tư tưởng, tuyên truyền giáo dục*

Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác tư tưởng, tuyên truyền giáo dục đối với người cách mạng và các tầng lớp nhân dân. Người viết: “Muốn tiến lên CNXH thì phải có con người XHCN, muốn có con người XHCN phải có tư tưởng XHCN, muốn có tư tưởng XHCN thì phải gột rửa tư tưởng cá nhân chủ nghĩa” [124, tr11]. Chính chủ nghĩa

cá nhân là một trong những nguồn gốc sinh ra tham nhũng. Đó đó, phải nâng cao giác ngộ về chủ nghĩa cá nhân và nạn tham nhũng cho mọi tổ chức, cá nhân phòng, chống. Hồ Chí Minh xác định: “Trong phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu, giáo dục là chính, trừng phạt là phụ” [119, tr.361]. Thực tế cho thấy, công tác giáo dục nếu không được coi trọng có thể khiến cho tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên không kiên định, không vững vàng, dao động trước những khó khăn, thử thách, không vượt qua những cám dỗ về tiền tài, danh vọng, nảy sinh lòng tham, có biểu hiện tham nhũng. Vấn đề này Người đã chỉ rõ: “Nhưng vì điều kiện khó khăn, mà số đông cán bộ và đảng viên chưa được huấn luyện hẳn hoi cho nên tư tưởng và trình độ chính trị còn thấp kém và lệch lạc. Điều đó tỏ rõ ra ở mỗi khuyết điểm như: không nắm vững chính sách trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh; không phân biệt rõ ràng bạn và địch, bệnh quan liêu, công thần và nạn tham ô hủ hóa khá nặng...” [119, tr.414-415].

Vì thế, vai trò của giáo dục, tuyên truyền trong công cuộc chống “giặc nội xâm” là cần thiết, quan trọng, bởi theo Hồ Chí Minh: “Nó làm cho mọi người nâng cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần làm chủ, ý thức bảo vệ của công, hăng hái thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để xây dựng nước nhà, để nâng cao đời sống của nhân dân” [125, tr.418]. Để giáo dục, tuyên truyền hiệu quả: “Đảng phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên” [127, tr.547]. Từ đó, làm cho người cách mạng thấu đáo vấn đề: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng” [117, tr.289]. Hơn nữa trong công cuộc PCTN: “Phải khai hội đủ mặt mọi người trong cơ quan, đơn vị, trường học, v.v., để giải thích rõ ràng, nói đi nói lại, cho mọi người đều hiểu: Tham ô, lãng phí, quan liêu có hại cho dân cho nước thế nào? Vì sao phải chống những nạn ấy?” [119, tr.358]. Trong giáo dục, tuyên truyền cần phải làm cho mọi người hiểu rõ đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi căn bệnh này không phải là công việc riêng của một hay vài tổ chức, cá nhân mà cần sự góp sức của tất cả mọi người, phải tạo hiệu ứng mạnh mẽ bằng việc phát động Cuộc vận động “Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu” [126, tr.30]. Thông qua đó phát huy tối đa sức mạnh của HTCT và toàn xã hội trong chống “giặc nội xâm”. Hồ Chí Minh luôn tin tưởng: “Với sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương, với quyết tâm của cán bộ và sự

hăng hái tham gia của quần chúng, cuộc vận động này nhất định sẽ có kết quả tốt” [125, tr.419].

*Ba là, hoàn thiện chính sách, pháp luật, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng.*

Trong PCTN ở Hồ Chí Minh luôn có sự kết hợp hài hòa giữa “đức trị” và “pháp trị”. Bên cạnh công tác chính trị tư tưởng, tuyên truyền giáo dục thì sử dụng pháp luật là biện pháp không thể thiếu trong PCTN. Người chỉ rõ: “Giáo dục là chính, nhưng đối với những kẻ ngoan cố không chịu sửa đổi thì chính quyền phải dùng pháp luật. Pháp luật là pháp luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân dân” [121, tr.259]. Người đã trích dẫn lại câu viết của Lenin để tỏ rõ tính nghiêm minh của pháp luật trong PCTN: “Không xử bắn lũ ăn của đút lót, mà xử một cách pha trò, mềm mỏng nhẹ nhàng như vậy, đó là một điều xấu hổ cho những đảng viên cộng sản, cho những người cách mạng. Cần phải nêu những đồng chí đã ăn hối lộ ra để cho dư luận quở trách và cần phải đuổi họ ra khỏi Đảng... Phải lập tức đề nghị một đạo luật để trừng trị những vụ hối lộ (ăn hối lộ, tặng hối lộ, và những cách hối lộ khác)” [119, tr.362]. Người nhấn mạnh: “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì” [118, tr.127]. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc soạn thảo các văn bản để PCTN. Ở Người luôn rành ròi giữa thưởng và phạt. Trong thực tiễn xây dựng NNPQ XHCN, Người đã ký nhiều văn bản quan trọng nhằm ngăn chặn, đẩy lùi nạn tham nhũng. Theo đó, ngày 26/01/1946 trong Quốc lệnh do Người ban hành đã quy định 10 điều khen thưởng và 10 hình phạt có liên quan đến phòng, chống tham ô. Trong đó, 10 điều khen thưởng có ghi: Điều 3 “Ai vì nước hy sinh sẽ được thưởng”, Điều 5 “Ai làm việc công một cách trong sạch, ngay thẳng sẽ được thưởng”, Điều 6 “Ai làm việc gì có lợi cho nước nhà, dân tộc và được dân chúng mến phục sẽ được thưởng” và 10 điều hình phạt: Điều 1 “Thông với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử”, Điều 6 “Để cho bộ đội hại dân sẽ bị xử tử”, Điều 8 “Trộm cắp của công sẽ bị xử tử”. Chủ tịch Hồ Chí Minh tỏ rõ tinh thần kiên quyết, không khoan nhượng đối với nạn tham nhũng, Người khẳng định: “Việc tệ nhất là tham ô. Tham ô tức là gián tiếp giết chết đồng bào bị đói và bị nạn. Vì vậy, từ nay về sau nếu tìm ra, điều tra ra những vụ tham ô, Đảng sẽ thẳng tay kỷ luật và Chính phủ sẽ thẳng tay trừng trị” [121, tr.439].

Pháp luật trong tư tưởng Hồ Chí Minh luôn bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, công bằng, hợp lý. Người cũng đề cao tính hiệu lực, hiệu quả trong thực thi pháp luật, bất kỳ ai, từ Chủ tịch nước đến cán bộ, đảng viên, nhân dân đều phải thượng tôn pháp luật, cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật càng phải xử lý nghiêm khắc. Mặt khác, cần xây dựng được cơ chế công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, trước hết là trong hoạt động tài chính. Người yêu cầu: "...tài chính phải công khai - Sổ sách phải minh bạch. Phải chống quan liêu, lãng phí, tham ô" [125, tr.443]. Công khai, minh bạch vừa là nội dung quan trọng góp phần tích cực trong chống "giặc nội xâm". Công khai, minh bạch tài chính các tổ chức, tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức để quần chúng nhân dân nắm, theo dõi, giám sát, tìm ra điểm bất thường để góp ý. Ngoài ra, việc ban hành các chính sách nhằm tạo động lực, cổ vũ tinh thần cho cán bộ, đảng viên phát huy đạo đức và tài năng cống hiến cho đất nước, không vướng vào nạn tham nhũng. Để ngăn ngừa tham nhũng từ sớm, từ xa cần quan tâm chăm lo đời sống của cán bộ, đảng viên, Hồ Chủ tịch nêu rõ: "Không phải vài ba tháng, hoặc vài ba năm, mà đào tạo được một người cán bộ tốt. Cần phải công tác, tranh đấu, huấn luyện lâu năm mới được. Trái lại, trong lúc tranh đấu rất dễ mất một người cán bộ. Vì vậy, Đoàn thể phải thương yêu cán bộ" [117, tr.322]. Đồng thời, nhằm cải thiện đời sống cán bộ cần "giúp họ giải quyết những vấn đề khó khăn sinh hoạt, ngày thường thì điều kiện dễ chịu, khi ốm đau được chăm nom, gia đình họ khỏi thiếu thốn" [117, tr.322] và "Phải cho họ điều kiện sinh sống đầy đủ mà làm việc. Khi họ đau ốm, phải có thuốc thang. Tuỳ theo hoàn cảnh mà giúp họ giải quyết vấn đề gia đình. Những điều đó rất quan trọng với tinh thần của cán bộ, và sự thân ái đoàn kết trong Đảng" [117, tr.316]. Vì vậy, cần có chế độ lương thưởng hợp lý đối với cán bộ, đảng viên, đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày của họ và gia đình, không để họ thiếu thốn về vật chất mà nảy sinh lòng tham. Đây là tiền đề cần thiết để cán bộ, đảng viên không cần tham nhũng.

*Bốn là, đề cao sự nêu gương, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên.*

Trong suốt tiến trình đấu tranh cách mạng, nhờ có nhân dân đùm bọc, yêu thương, giúp đỡ mà đội ngũ cán bộ, đảng viên mới ngày càng tiến bộ. Có nhân dân mới có cán bộ. Sứ mệnh đặt ra cho cán bộ, đảng viên là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của đồng bào. Do đó, theo Hồ Chí Minh: "Cán bộ

nào mà tham ô, hủ hoá là có tội to với Đảng và Chính phủ, có tội to với nhân dân và có tội to cả với anh chị em cán bộ khác” [122, tr.210].

Nhiệm vụ của cách mạng là cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới song để thực hiện nhiệm vụ ấy đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải cải tạo, gột rửa chính mình, chiến thắng chủ nghĩa cá nhân. Điều này Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nếu lòng mình không cải tạo thì đừng nói đến cải tạo xã hội. Lòng mình còn tham ô, lãng phí, muốn cải tạo xã hội làm sao được” [120, tr.113]. Chống “giặc nội xâm” cần tiến hành đồng bộ, linh hoạt các biện pháp, không thể áp dụng một biện pháp mà có thể đẩy lùi vấn nạn này. Các yếu tố thể chế, cơ chế, chính sách, pháp luật là rất quan trọng song nếu bản thân cán bộ, đảng viên không chú tâm tự soi, tự sửa thì tham nhũng vẫn diễn ra, vẫn gây nguy hại cho sự nghiệp cách mạng. Người đưa ra vấn đề: “Muốn xây dựng xã hội trong sạch mà tự mình không kỳ rửa để không tham ô, lãng phí, thì không làm được. Tự mình còn bẩn thì xây dựng xã hội trong sạch thế nào được. Vì vậy phải gây một phong trào trong sạch. Muốn trong sạch thì phải gây một phong trào chống tham ô, lãng phí. Pháp luật không trị hết được. Tự mình phải gây ra cái pháp luật để trị mình” [120, tr.7]. Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ dạy: “Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân” [117, tr.122]. Như vậy, cán bộ, đảng viên phải tự mình rèn luyện phẩm chất, năng lực, phải có được các chuẩn mực đạo đức “Cần, Kiệm, Liêm, Chính”. Việc tu dưỡng, rèn luyện là không ngừng, không nghỉ. Khi cán bộ, đảng viên có đạo đức và tài năng, trước hết là đạo đức mới trở thành tấm gương cho mọi người noi theo, có thể cảm hóa được đồng chí, đồng bào. Chính vì thế, Hồ Chủ tịch yêu cầu mỗi người cách mạng tự trả lời câu hỏi: “Nếu chính mình tham ô bảo người ta liêm khiết có được không?” [120, tr.98]. Và Người thẳng thắn bày tỏ chính kiến: “Không được. Mình trước hết phải siêng năng, trong sạch thì mới bảo người ta trong sạch, siêng năng được” [120, tr.98]. Vì vậy, người cách mạng phải làm gương cho quần chúng nhân dân, cấp trên phải làm kiểu mẫu cho cấp dưới, người giữ chức vụ càng cao càng phải càng gương mẫu về đạo đức, như vậy tham nhũng mới có thể được ngăn chặn, bài trừ.

#### *Năm là, tăng cường công tác KSQL*

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh cũng sớm nhận thấy nguy cơ tha hóa quyền lực khi quyền lực không được kiểm soát. Người nhiều lần phê phán những biểu hiện lạm dụng quyền lực của một số cán bộ, đảng viên và chỉ ra các “căn bệnh” như: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo, công

thần, quan liêu... Những biểu hiện này cho thấy sự biến dạng của quyền lực khi quyền lực của Nhân dân bị lợi dụng để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc lợi ích cục bộ. Vì vậy, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải tăng cường KSQL trong các cơ quan Đảng và Nhà nước nói chung và đội ngũ cán bộ, đảng viên nói riêng. Người ví công tác kiểm tra như “ngọn đèn pha” giúp phát hiện rõ những ưu điểm và khuyết điểm trong hoạt động của bộ máy nhà nước, đồng thời ngăn chặn sự lạm quyền của cán bộ. Cùng với đó, cần kiên quyết xử lý nghiêm những cá nhân lợi dụng quyền lực của Nhân dân để ức hiếp dân chúng và đi ngược lại lợi ích của Nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, việc KSQL cần được tiến hành bằng những cách thức khác nhau. Người chỉ rõ: “Kiểm soát có hai cách: Một cách là từ trên xuống. Tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình” [117, tr.328]. Quan điểm này cho thấy Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò của người lãnh đạo trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của cấp dưới nhằm bảo đảm quyền lực được thực thi đúng mục đích và đúng quy định. Thông qua kiểm soát từ trên xuống, người lãnh đạo có thể kịp thời phát hiện những sai sót, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, từ đó có biện pháp chấn chỉnh, xử lý phù hợp, góp phần ngăn ngừa tình trạng lạm dụng quyền lực và PCTN.

Đồng thời, phải tiến hành KSQL từ dưới lên, “Một cách nữa là từ dưới lên. Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên” [117, tr.328]. Quan điểm này thể hiện tư tưởng của Người về việc phát huy vai trò giám sát của tập thể và của chính đội ngũ cán bộ trong quá trình KSQL. Theo đó, thông qua cơ chế góp ý, phê bình và giám sát trong tổ chức, những sai sót, hạn chế của người lãnh đạo có thể được phát hiện và điều chỉnh kịp thời, góp phần hạn chế nguy cơ lạm quyền và nâng cao trách nhiệm của cán bộ trong thực thi nhiệm vụ. Hồ Chí Minh cho rằng, để KSQL lực hiệu quả và phòng ngừa tham nhũng, cần kết hợp chặt chẽ cả hai phương thức kiểm soát từ trên xuống và từ dưới lên, qua đó hình thành cơ chế giám sát chặt chẽ, toàn diện trong hoạt động của bộ máy và đội ngũ cán bộ.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn đặc biệt đề cao vai trò của quần chúng nhân dân trong KSQL, bởi theo Người “không có dân chúng giúp sức thì không xong” [117, tr.325]. Nhân dân vừa là chủ thể trao quyền lực cho Nhà nước, vừa là lực lượng giám sát hữu hiệu đối với việc thực thi quyền lực đó. Thông qua các hình thức như: “khai

hội, phê bình và bày tỏ ý kiến, bầu cử các ủy ban, các hội đồng, v.v.; đó là những cách quân chúng kiểm soát những người lãnh đạo” [117, tr.328].

Ngoài KSQL từ bên ngoài của nhân dân và các cơ quan nhà nước, Hồ Chí Minh còn đặc biệt coi trọng cơ chế KSQL ngay trong nội bộ Đảng. Về cách KSQL trong Đảng, Người chỉ rõ: “khi khai hội, các đảng viên nghe những người lãnh đạo báo cáo công việc, các đảng viên phê bình những khuyết điểm, cử hoặc không cử đồng chí nọ hoặc đồng chí kia vào cơ quan lãnh đạo. Đó là kiểm soát theo nguyên tắc dân chủ tập trung, phê bình và tự phê bình, những nguyên tắc mà Đảng phải thực hành triệt để” [117, tr.328].

Trong KSQL, Hồ Chí Minh yêu cầu phải gắn chặt với thực tiễn, không được chỉ dựa vào các báo cáo trên giấy tờ. Người nhiều lần phê phán lối làm việc quan liêu, bàn giấy, xa rời cơ sở và nhắc nhở cán bộ rằng kiểm tra “không nên chỉ bằng cứ vào các tờ báo cáo, mà phải đi đến tận nơi” [117, tr.637]. Theo Người, chỉ khi trực tiếp xuống cơ sở, tiếp xúc với nhân dân, quan sát người thật, việc thật thì cán bộ lãnh đạo mới có thể nắm bắt đầy đủ tình hình, phát hiện kịp thời những sai phạm trong việc thực thi quyền lực. Đây cũng là cách để khắc phục tình trạng hình thức trong công tác kiểm tra, giám sát, đồng thời nâng cao tính khách quan và hiệu quả của hoạt động KSQL.

Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh việc tổ chức KSQL phải được tiến hành một cách có hệ thống, chặt chẽ và khoa học. Người cho rằng: “Nếu tổ chức việc kiểm tra cho chu đáo thì cũng như ngọn đèn pha. Bao nhiêu tình hình, bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm, bao nhiêu cán bộ chúng ta đều thấy rõ” [117, tr.637]. Điều đó cho thấy công tác KSQL không chỉ nhằm phát hiện sai phạm mà còn giúp đánh giá đúng năng lực, phẩm chất và trách nhiệm của cán bộ, từ đó có biện pháp chấn chỉnh kịp thời. Đồng thời, Hồ Chí Minh yêu cầu phải quy định rõ trách nhiệm đối với người làm công tác KSQL. Việc xác định trách nhiệm rõ ràng sẽ góp phần nâng cao tính nghiêm minh, tránh tình trạng buông lỏng quản lý hoặc né tránh trách nhiệm trong hoạt động KSQL.

Một phương thức quan trọng khác mà Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng là kết hợp giữa kiểm tra, giám sát với tự kiểm tra, tự kiểm điểm của mỗi cá nhân thông qua thực hành phê bình và tự phê bình trong Đảng. Theo Người, phê bình và tự phê bình là một nguyên tắc cơ bản trong sinh hoạt Đảng, đồng thời là công cụ hữu hiệu để KSQL từ bên trong tổ chức.

Như vậy, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, KSQL không chỉ là một yêu cầu khách quan nhằm ngăn ngừa sự tha hóa quyền lực mà còn là phương thức quan trọng để bảo đảm

quyền lực nhà nước thực sự thuộc về Nhân dân và phục vụ lợi ích của Nhân dân. Việc thực hiện đồng bộ các phương thức KSQL sẽ góp phần xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, qua đó hạn chế và phòng ngừa hiệu quả các hành vi tham nhũng.

*Sáu là, phát huy vai trò của đoàn thể CT-XH, Nhân dân, báo chí.*

*Đối với đoàn thể CT-XH.* Hồ Chí Minh yêu cầu: “Chính phủ và Đoàn thể hết sức chống bệnh quan liêu, chống tham ô, chống lãng phí” [119, tr.553]. Các đoàn thể CT-XH có vai trò quan trọng trong chống “giặc nội xâm”. Vì đó là các tổ chức đại diện, là đại biểu trung thành, có bốn phận quy tụ, phát huy sức mạnh mọi tầng lớp nhân dân. Tham nhũng tác động xấu đến sự nghiệp cách mạng, gây hại cho Tổ quốc, nhân dân. Chính vì thế, các tổ chức CT-XH cần bám sát chủ trương Đảng, căn cứ vào chính sách và pháp luật của Nhà nước về PCTN và tình hình diễn biến thực tế để tạo thành phong trào sâu, rộng trong quần chúng; phát huy dân chủ, tinh thần và trí tuệ của mọi tổ chức, cá nhân đẩy lùi vẩn nạn này. Tham nhũng là “giặc nội xâm”, nếu các đoàn thể CT-XH chăm lo củng cố tổ chức, động viên quần chúng ra sức chống kẻ thù bên ngoài mà không chú trọng chống “giặc nội xâm”, như thế là chưa làm đến nơi, đến chốn. Vì vậy, chiến sĩ và nhân dân phải hăng hái tham gia phong trào ấy. Bởi vì, cả “giặc ngoại xâm” và “giặc nội xâm” đều phá hoại sự nghiệp cách mạng. Cho nên, cùng với việc đấu tranh chống giặc ngoại xâm cần giác ngộ, tập hợp, tổ chức, tăng cường sự vào cuộc mạnh mẽ của nhân dân phòng chống, bài trừ, tiêu diệt “giặc nội xâm”. Đây là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng.

*Đối với Nhân dân.* Theo Hồ Chí Minh, tham nhũng là căn bệnh nguy hiểm xâm hại đến quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Vì thế, nhân dân không thể đứng ngoài mà phải tham gia tích cực, sử dụng quyền lực và sức mạnh của mình để loại bỏ căn bệnh này. Bởi vì, thực tế lịch sử nhân loại đã chứng minh, không có tổ chức, lực lượng nào vượt qua được sức mạnh của nhân dân, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lực lượng của dân chúng nhiều vô cùng. Kinh nghiệm trong nước và các nước cho chúng ta biết: Có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có thì việc gì làm cũng không xong” [117, tr.225]. Sức mạnh của nhân dân là vô địch. Vì thế, Bất kỳ việc gì, dù to hay nhỏ có được lòng dân là có tất cả. Công cuộc PCTN cũng vậy đều phải dựa vào dân, “lấy dân làm gốc” mới thực hiện được. Người chỉ rõ một sự thật hiển nhiên: “Ta được lòng dân thì ta không sợ gì cả. Nếu không được lòng dân thì ta không thể làm tốt công tác” [127, tr.142]. Sự vào cuộc, giúp đỡ của nhân dân càng

nhiều thì xác suất hiệu quả cuộc đấu tranh PCTN càng lớn và ngược lại. Vấn đề này được Người khẳng định: “Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn” [119, tr.270]. Suy cho cùng, “chống đầu cơ tích trữ, chống tham ô lãng phí cũng là một nhiệm vụ chung của cán bộ và nhân dân” [122, tr.545]. Hồ Chí Minh khẳng định: “Để mười lần không dân cũng chịu, Khó trăm lần dân liệu cũng xong” [127, tr.280]. Chống “giặc nội xâm” là việc làm vô cùng khó, vậy nên: “Phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng thì mới thành công” [119, tr.362]. Sức mạnh của quần chúng nhân dân là vô địch, bất kỳ hành vi tham nhũng nào, dù tinh vi đến đâu cũng không thể qua được tai mắt của nhân dân và: “Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng” [119, tr.362]. Nhưng để huy động đông đảo nhân dân tham gia cần: “Phải động viên quần chúng, phải thực hành dân chủ, phải làm cho quần chúng hiểu rõ, làm cho quần chúng hăng hái tham gia thì mới chắc chắn thành công. Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng” [119, tr.362]. PCTN chính là thực hiện nguyện vọng, mong muốn của nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, để phát huy vai trò của quần chúng trong đấu tranh PCTN, trước hết cần chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và xây dựng nền tảng đạo đức xã hội lành mạnh. Người nhấn mạnh: “Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập. Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: CẦN, KIÊM, LIÊM, CHÍNH” [116, tr.7]. Thông qua giáo dục và tuyên truyền, mỗi người dân không chỉ nhận thức rõ tác hại của tham ô, lãng phí, quan liêu mà còn hình thành thái độ kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội. Mục đích theo Hồ Chí Minh là để Nhân dân “biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm” [127, tr.293]. Đồng thời, “dân phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ, để giúp cán bộ thực hiện chữ LIÊM” [118, tr.127]. Có như vậy, nhân dân mới thực hiện đúng vị thế “làm chủ” của mình trong PCTN. Hồ Chí Minh cho rằng khi ý thức cảnh giác của quần chúng được khơi dậy thì sức mạnh giám sát của xã hội sẽ trở nên vô cùng to lớn. Người ví điều đó như việc “biến hàng ức, hàng triệu con mắt, lỗ tai cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp mọi nơi, không để cho tẻ

tham ô, lãng phí, quan liêu còn chỗ ẩn nấp” [125, tr.419]. Điều này cho thấy, trong quan niệm của Người, không có lực lượng nào có khả năng giám sát rộng khắp và hiệu quả bằng quần chúng, bởi họ gắn bó trực tiếp với đời sống thực tiễn và dễ dàng phát hiện những biểu hiện bất thường của tham nhũng.

Bên cạnh đó, theo Hồ Chí Minh, muốn quần chúng có điều kiện thực hiện vai trò giám sát thì hoạt động của bộ máy nhà nước phải được tiến hành một cách công khai, minh bạch. Khi các chủ trương, chính sách và hoạt động quản lý được công khai rõ ràng, quần chúng mới có cơ sở để theo dõi, đánh giá và phát hiện kịp thời những biểu hiện sai trái trong quá trình thực thi quyền lực. Đối với Hồ Chí Minh công khai, minh bạch không chỉ là yêu cầu của quản lý nhà nước mà còn là điều kiện quan trọng để phát huy vai trò giám sát của xã hội trong PCTN.

Cùng với việc nâng cao nhận thức và bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động của bộ máy nhà nước, Hồ Chí Minh còn đặc biệt coi trọng việc khuyến khích và tạo điều kiện để quần chúng tham gia phát hiện, tố giác các hành vi tham nhũng. Theo Người, đây là nguồn thông tin quan trọng giúp các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm. Vì vậy, Đảng và chính quyền phải thực sự tôn trọng và lắng nghe ý kiến của quần chúng, phải “thật sự mở rộng dân chủ” [120, tr.454]. Trong thực tế, do tham nhũng thường gắn với quyền lực và lợi ích cá nhân, nhiều người còn tâm lý e ngại khi phản ánh hoặc tố giác sai phạm. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, những người gửi thư phản ánh, tố giác nhiều khi chỉ là những người lao động bình thường: “Người viết những thư ấy là ai? Phần đông là những người lao động bình thường, những chiến sĩ trong quân đội, những cán bộ, nhân viên giữ chức vụ ‘không quan trọng lắm’” [124, tr.468]. Vì vậy, các cơ quan chức năng cần nghiêm túc tiếp nhận và xem xét mọi thông tin phản ánh từ quần chúng, đồng thời có cơ chế khen thưởng đối với những trường hợp cung cấp thông tin đúng sự thật. Hồ Chí Minh cũng yêu cầu công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo phải được tiến hành kịp thời và nghiêm túc: “Về công tác xét các việc khiếu nại, tố cáo, nhiệm vụ các ban thanh tra là phải làm cho nghiêm chỉnh, cho kịp thời, làm sớm chừng nào hay chừng ấy” [124, tr.503]. Đồng thời, cần kiên quyết xử lý những cá nhân hoặc tổ chức có hành vi cản trở, đe dọa hoặc trù dập người tố cáo tham nhũng, qua đó tạo niềm tin để quần chúng mạnh dạn tham gia đấu tranh chống tiêu cực.

*Đối với báo chí, truyền thông.* Ngay từ rất sớm Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ vai trò to lớn của lực lượng báo chí trong đấu tranh chống “giặc nội xâm”. Để thực hiện thành công trọng trách “phò chính, trừ tà”, Người chỉ rõ: “Để giành thắng lợi, chúng ta phải nắm vững chính sách của Đảng, đi đúng đường lối quần chúng, phải dựa vào lực lượng của quần chúng, phải lắng nghe ý kiến của quần chúng, phải thật sự mở rộng dân chủ” [125, tr.421]. Trước hết báo chí phải thấu triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt báo chí phải phục vụ đắc lực cho công tác tư tưởng của Đảng nhằm PCTN từ ngay trong suy nghĩ của từng cá nhân. Điều này Hồ Chủ tịch vạch rõ: “Trong việc “3 chống”, các báo chí cũng như các cơ quan, cần nhằm vào cải tạo tư tưởng. Quan liêu, tham ô, lãng phí cũng như mọi khuyết điểm khác, nguồn gốc là vì tư tưởng không đúng. Tư tưởng trong sạch, lập trường vững, hết lòng hết sức phụng sự nhân dân, thì tránh được nhiều khuyết điểm” [120, tr.140]. Như vậy, mới bảo đảm cho báo chí hoạt động đúng phương hướng, tôn chỉ, mục đích góp sức vào thành công của công cuộc chống “giặc nội xâm”. Bàn về cách thức hoạt động báo chí trong chống tham nhũng, Người đã có những huấn thị hết sức cụ thể, tỉ mỉ: “Các báo chí thì cần nêu những việc kiểu mẫu, phân tích rõ ràng, làm cho mọi người nhận rõ: quan liêu, tham ô, lãng phí là tội ác. Và do đó mà khuyến khích quần chúng, mở rộng phong trào phê bình từ dưới lên trên” [120, tr.139]. Hoạt động PCTN của báo chí không thể độc lập mà cần dựa vào tai mắt của quần chúng nhân dân, phải lắng nghe những ý kiến phê bình của quần chúng, nhưng theo Hồ Chí Minh: “Khi nhận được thư phê bình của quần chúng, thì không nên vội đăng, mà phải lựa chọn, điều tra. Khi phải trái đã rõ ràng, mới đăng lên báo. Như vậy, phê bình mới có kết quả thiết thực. Phải làm cho quần chúng hăng hái phê bình, nhưng đồng thời phải lãnh đạo việc phê bình của quần chúng. Như vậy, thì mối liên hệ giữa báo chí với quần chúng càng thêm chặt chẽ; và việc quần chúng và báo chí giúp giáo dục cán bộ cũng có kết quả thêm” [120, tr.139]. Báo chí càng sâu sát quần chúng nhân dân càng nắm vững tận thông tin tham nhũng của cán bộ, đảng viên. Báo chí cần tôn trọng khách quan, phản ánh đúng sự thật, không thêm bớt, tích cực đưa tin về hành vi tham nhũng để cơ quan chức năng vào cuộc, cho quần chúng nắm, lên án, bài trừ.

*Bây là, tổng kết, tham khảo, học tập kinh nghiệm các nước trong PCTN.*

Trong hành trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã dành

nhiều tâm sức để nghiên cứu các mô hình nhà nước trên thế giới. Nghiên cứu mô hình nhà nước tư sản, Hồ Chí Minh nhận thấy, mô hình này mặc dù đã có bước tiến bộ hơn hẳn so với nhà nước phong kiến chuyên chế, song về bản chất các nhà nước đó chỉ là sự thay thế ách thống trị của giai cấp bóc lột này bằng giai cấp bóc lột khác. Đối với nhà nước tư sản Mỹ, Hồ Chí Minh cho rằng "... bây giờ Chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh, ai đụng đến Chính phủ" [114, tr.291], mặc dù "Trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ có nói: "Bất kỳ khi nào hễ một hình thức chính phủ trở nên phá hoại những mục đích ấy (đời sống, tự do, và hạnh phúc) thì nhân dân có quyền thay đổi hoặc trừ bỏ chính phủ ấy, và lập nên chính phủ mới" [125, tr.306]. Qua đó, Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất xấu xa ẩn sau những khẩu hiệu mỹ miều: "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" của Chính phủ Mỹ. Tuy nhiên với triết lý "gạn đục, khơi trong", Hồ Chí Minh cũng đã tiếp thu những tư tưởng tiến bộ trong các kiểu nhà nước tư sản, trong đó có tinh thần pháp luật và dân chủ. Người đặc biệt đề cao tư tưởng coi trọng vai trò của nhân dân trong việc KSQL nhà nước - một quan điểm đã được đề cập từ sớm bởi một số học giả thuộc trường phái tư sản. Theo Hồ Chí Minh, đây chính là cơ sở để hạn chế tình trạng lạm quyền và lạm dụng quyền lực để thực hiện các hành vi sai trái của đội ngũ cán bộ. Sau này, trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Người luôn tỏ rõ tinh thần coi trọng và đề cao vai trò của Nhân dân. Hồ Chí Minh nêu lên quan điểm: "Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm trọn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân" [121, tr.81].

Qua nghiên cứu, khảo nghiệm các kiểu nhà nước trên thế giới, Hồ Chí Minh đánh giá cao kiểu nhà nước Xô viết. Người cho rằng đây là kiểu nhà nước tiến bộ nhất trong lịch sử, bởi quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Hồ Chí Minh đúc kết: "Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam" [114, tr.304]. Trong đó, Hồ Chí Minh tiếp thu tư tưởng của V.I.Lênin về xây dựng một nhà nước thật sự trong sạch, lành mạnh, một chính phủ luôn tỏ rõ thái độ kiên quyết bài trừ tệ tham nhũng, quan liêu trong đội ngũ cán bộ. Bởi, theo V.I.Lênin: "Tệ quan liêu, tham nhũng khiến nhiều cán bộ, đảng viên bị tha hóa, trở thành những kẻ chuyên quyền, độc đoán, thậm chí nó có thể phá hủy một chính đảng, làm tiêu vong một chế độ" [95, tr.424].

Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn tiếp thu thái độ nghiêm khắc của V.I.Lênin đối với việc xử lý các hành vi tham nhũng: “Không xử bắn bọn ăn hôi lộ mà xử nhẹ như thế, là một việc xấu hổ cho những người cộng sản, những người cách mạng...” [119, tr.288].

Sau này, khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng thành công chính quyền cách mạng, từ Chính phủ đến Đảng cầm quyền. Trước hết, Người xác định “phải tham khảo Hiến pháp của các nước bạn và của một số nước tư bản có tính chất điển hình” [147, tr.510] để xây dựng một Chính phủ mới phù hợp với đặc điểm riêng của nước ta và thuận với trào lưu phát triển của nhân loại. Chính phủ mới theo Hồ Chí Minh phải là một chính phủ liêm khiết, phải “giữ đúng cần kiệm liêm chính, ra sức chống bệnh quan liêu và nạn tham ô, lãng phí” [119, tr.452].

*Tám là, kết hợp chặt chẽ giữa phòng và chống tham nhũng*

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phòng và chống tham nhũng có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất và bổ sung cho nhau trong quá trình đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực trong bộ máy nhà nước và đời sống xã hội. Theo Người, tham nhũng là những biểu hiện nguy hiểm của sự tha hóa quyền lực và sự suy thoái về đạo đức của cán bộ, đảng viên, gây tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước và Nhân dân, đồng thời làm suy giảm uy tín của Đảng và bộ máy chính quyền. Vì vậy, PCTN không chỉ dừng lại ở việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm đã xảy ra, mà cần chủ động ngăn ngừa từ sớm, từ xa những nguyên nhân và điều kiện có thể làm nảy sinh tham nhũng.

Trong mối quan hệ đó, Hồ Chí Minh coi phòng tham nhũng là phương diện có ý nghĩa cơ bản và lâu dài. Theo Người, tham nhũng thường bắt nguồn từ sự suy thoái về đạo đức, sự chi phối của chủ nghĩa cá nhân và việc quyền lực không được kiểm soát chặt chẽ. Vì vậy, muốn hạn chế tham nhũng thì trước hết phải chủ động ngăn ngừa những nguyên nhân và điều kiện có thể làm nảy sinh các hành vi tiêu cực. Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh việc xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, coi đây là nền tảng quan trọng để phòng ngừa tham nhũng. Người nhiều lần khẳng định mỗi cán bộ phải thường xuyên rèn luyện những phẩm chất “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, bởi khi giữ vững được đạo đức cách mạng thì sẽ không bị cám dỗ bởi lợi ích cá nhân và không sa vào tham ô, lãng phí. Hồ Chí Minh cho rằng phòng tham nhũng còn phải được thực hiện thông qua việc thiết lập các cơ chế KSQL và tăng cường sự giám sát đối với hoạt động của bộ máy nhà nước. Khi quyền lực được

đặt dưới sự kiểm tra, giám sát thường xuyên và chặt chẽ thì khả năng lạm dụng quyền lực vì lợi ích cá nhân sẽ bị hạn chế. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh việc phát huy vai trò giám sát của xã hội và xây dựng môi trường quản lý công khai, minh bạch để kịp thời phát hiện và ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực.

Ngược lại, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với phòng ngừa, việc kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng giữ vai trò đặc biệt quan trọng nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm đã xảy ra. Theo Người, tham nhũng là “giặc nội xâm”, gây tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước và Nhân dân, làm suy yếu bộ máy của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, đấu tranh chống tham nhũng phải được tiến hành một cách kiên quyết, thường xuyên và có hiệu quả. Trước hết, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện các hành vi tham nhũng. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò của công tác kiểm tra trong hoạt động lãnh đạo và quản lý. Người cho rằng kiểm tra, giám sát là phương thức quan trọng để phát hiện những sai sót, khuyết điểm trong quá trình thực thi quyền lực, qua đó kịp thời ngăn chặn và xử lý các biểu hiện tiêu cực. Thông qua kiểm tra, giám sát thường xuyên và chặt chẽ, những hành vi tham nhũng có thể được phát hiện kịp thời, hạn chế hậu quả và ngăn ngừa sự lan rộng của các biểu hiện tiêu cực.

Quan điểm kết hợp giữa phòng và chống tham nhũng trong tư tưởng Hồ Chí Minh còn được thể hiện rõ thông qua yêu cầu phải kết hợp giữa “xây” và “chống”. Trong đó, “xây” được hiểu là quá trình chủ động phòng ngừa tham nhũng thông qua việc giáo dục đạo đức cách mạng, hoàn thiện cơ chế quản lý và thiết lập các thiết chế KSQL; còn “chống” là quá trình phát hiện, đấu tranh và xử lý những hành vi tham ô, lãng phí, quan liêu đã xảy ra. Hồ Chí Minh cho rằng có thể ví “xây” và “chống” như hai bánh xe của một cỗ xe, luôn gắn bó và tác động qua lại lẫn nhau: “chống” triệt để sẽ bảo đảm cho công việc “xây” đạt được kết quả vững chắc, còn khi “xây” được thực hiện mạnh mẽ và bền bỉ thì đối tượng cần “chống” cũng từng bước bị loại bỏ tận gốc. Bên cạnh đó, theo Người, nội hàm của “xây” còn bao hàm việc xây dựng những giá trị tốt đẹp trong đời sống xã hội nhằm khắc phục những tàn dư lạc hậu của xã hội phong kiến, thực dân để lại, qua đó từng bước hình thành những chuẩn mực đạo đức và lối sống tiến bộ trong xã hội, góp phần phòng ngừa tham nhũng từ gốc. Vì vậy, Hồ Chí Minh cho rằng muốn đấu tranh có hiệu quả với các hiện tượng tiêu cực thì phải chú trọng xây dựng những

giá trị tốt đẹp trong đời sống xã hội, bởi như Người từng nhấn mạnh: “muốn diệt cỏ dại phải trồng nhiều hoa”.

Trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh thường xuyên phát động các cuộc vận động nhằm đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu thông qua việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các quyết định của Chính phủ và Quốc hội, tiêu biểu như phong trào “ba xây, ba chống”. Thông qua các phong trào này, Người vừa chú trọng giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, vừa kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong bộ máy nhà nước. Trong các cuộc hội nghị, các buổi gặp gỡ cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân, Người luôn nhấn mạnh yêu cầu mỗi cán bộ phải thường xuyên rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hành "cần, kiệm, liêm, chính"; đồng thời kiên quyết chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh và những biểu hiện cục bộ, bè phái trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phòng và chống tham nhũng là hai phương diện không thể tách rời trong cuộc đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực. Phòng tham nhũng giữ vai trò cơ bản, lâu dài nhằm ngăn ngừa những nguyên nhân và điều kiện có thể làm phát sinh tham nhũng; còn chống tham nhũng là biện pháp trực tiếp nhằm phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm đã xảy ra. Hai phương diện này luôn tác động qua lại và bổ sung cho nhau: phòng tốt sẽ hạn chế sự phát sinh của tham nhũng, trong khi chống nghiêm sẽ góp phần răn đe, giáo dục và củng cố hiệu quả của công tác phòng ngừa. Vì vậy, theo Hồ Chí Minh, đấu tranh PCTN phải được tiến hành đồng bộ, kết hợp chặt chẽ giữa phòng và chống, giữa “xây” và “chống”, trong đó lấy phòng là chính, đồng thời kiên quyết chống để bảo đảm kỷ cương, phép nước và giữ gìn sự trong sạch của bộ máy nhà nước.

### **2.3. GIÁ TRỊ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là một bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Người về xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Những quan điểm này không chỉ có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc mà còn mang giá trị lý luận bền vững, góp phần bổ sung và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về quyền lực nhà nước, đạo đức cách mạng và mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân.

### 2.3.1. Giá trị lý luận

*Thứ nhất, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là cơ sở lý luận vững chắc để Đảng đề ra chủ trương, đường lối lãnh đạo công tác PCTN.* Ngay từ khi lãnh đạo cách mạng và xây dựng Nhà nước mới, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến việc ngăn ngừa và đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong bộ máy công quyền. Người sớm nhận diện tham nhũng, quan liêu, lãng phí là những “giặc nội xâm”, có thể làm suy yếu bộ máy nhà nước, làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ. Vì vậy, Người thường xuyên chỉ đạo Đảng và Chính phủ phải kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực này, đồng thời xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động vì lợi ích của nhân dân. Những quan điểm đó đã đặt nền móng tư tưởng quan trọng cho việc hình thành các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về PCTN trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng.

Trên cơ sở kế thừa và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, trong từng giai đoạn, từng thời kỳ và trước những yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta đã kịp thời ban hành nhiều chủ trương, chính sách và giải pháp nhằm đấu tranh PCTN một cách “sát, đúng, trúng, kịp thời”. Đồng thời, Đảng không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác PCTN theo hướng ngày càng đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả hơn, từng bước ngăn chặn, kiểm chế và đẩy lùi tình trạng tham nhũng trong đời sống xã hội. Nhiều quan điểm quan trọng của Đảng hiện nay như: tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; kiên quyết xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng với tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”... đều có nguồn gốc sâu xa từ những chỉ dẫn và quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong bộ máy nhà nước.

*Thứ hai, tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần phát triển lý luận về mối quan hệ giữa đạo đức và quyền lực trong hoạt động của Nhà nước.* Theo Người, quyền lực nhà nước thực chất là quyền lực do nhân dân trao cho đội ngũ cán bộ, đảng viên để phục vụ lợi ích chung của xã hội. Tuy nhiên, nếu quyền lực không được đặt trong khuôn khổ của đạo đức và trách nhiệm thì rất dễ bị lạm dụng, dẫn đến tha hóa và tham nhũng. Vì vậy, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của đạo đức cách

mạng, coi đạo đức là “gốc” của người cán bộ, đảng viên, là nền tảng bảo đảm cho việc sử dụng quyền lực đúng đắn, vì lợi ích của nhân dân và của đất nước.

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, khi nắm giữ quyền lực, con người rất dễ bị cám dỗ bởi lợi ích vật chất và danh lợi cá nhân. Nếu không thường xuyên rèn luyện đạo đức, cán bộ, đảng viên có thể rơi vào chủ nghĩa cá nhân, dẫn đến các biểu hiện như lạm quyền, quan liêu, đặc quyền, đặc lợi, thậm chí tham nhũng. Do đó, Người luôn yêu cầu cán bộ, đảng viên phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, thực hành "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư"; coi đó là chuẩn mực để tự điều chỉnh hành vi và sử dụng quyền lực một cách đúng đắn. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức không chỉ là phẩm chất cá nhân mà còn là “hàng rào” tự KSQL từ bên trong mỗi cán bộ, đảng viên. Khi đạo đức được đề cao và thực hành nghiêm túc, quyền lực sẽ được sử dụng vì lợi ích chung; ngược lại, khi đạo đức suy thoái thì quyền lực rất dễ bị tha hóa, trở thành công cụ phục vụ lợi ích cá nhân, từ đó nảy sinh tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác.

Luận điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đạo đức và quyền lực có ý nghĩa lý luận sâu sắc, góp phần làm rõ bản chất của tham nhũng và chỉ ra con đường PCTN một cách căn bản, bền vững. Theo đó, PCTN không thể chỉ dựa vào hệ thống pháp luật, cơ chế kiểm tra, giám sát hay các biện pháp xử lý kỷ luật, mà còn phải bắt đầu từ việc xây dựng và củng cố nền tảng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Khi đạo đức trở thành chuẩn mực chi phối hành vi và nhận thức của người nắm quyền lực, việc thực thi quyền lực sẽ được kiểm soát không chỉ bằng các thiết chế bên ngoài mà còn bằng sự tự giác từ bên trong, góp phần hạn chế nguy cơ tha hóa quyền lực và phòng ngừa tham nhũng một cách lâu dài, bền vững.

*Thứ ba, tư tưởng Hồ Chí Minh bổ sung và làm sâu sắc lý luận về vai trò của nhân dân trong kiểm soát quyền lực và PCTN.* Theo Người, trong chế độ mới, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước; mọi quyền lực của Nhà nước đều thuộc về nhân dân và do nhân dân trao cho thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy, nhân dân không chỉ là đối tượng được phục vụ mà còn có quyền tham gia giám sát, kiểm tra và phê bình hoạt động của bộ máy nhà nước, cũng như đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh rằng nếu không phát huy vai trò của nhân dân trong giám sát và KSQL thì rất khó phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi tham nhũng.

Từ nhận thức đó, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân và khuyến khích nhân dân tích cực tham gia vào công cuộc đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong xã hội. Người cho rằng quần chúng nhân dân là lực lượng rộng lớn, có khả năng phát hiện những sai phạm trong hoạt động của bộ máy công quyền, đồng thời cũng là lực lượng quan trọng góp phần ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi tham nhũng. Do đó, Người luôn yêu cầu các cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên phải tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia góp ý, phê bình, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước; đồng thời bảo vệ những người dám đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng.

Quan điểm “dựa vào dân để chống tham nhũng” của Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện tư tưởng dân chủ sâu sắc mà còn có ý nghĩa lý luận quan trọng trong việc xây dựng cơ chế KSQL từ xã hội. Điều đó góp phần hoàn thiện nhận thức lý luận về bản chất của Nhà nước của dân, do dân và vì dân, trong đó quyền lực nhà nước phải luôn được đặt dưới sự giám sát của nhân dân. Thông qua việc phát huy vai trò của nhân dân, công tác PCTN không còn là nhiệm vụ riêng của các cơ quan nhà nước mà trở thành trách nhiệm chung của toàn xã hội.

*Thứ tư, tư tưởng Hồ Chí Minh làm phong phú lý luận về phương pháp PCTN thông qua sự kết hợp biện chứng giữa “xây” và “chống”.* Theo Người, đấu tranh chống tham nhũng không chỉ dừng lại ở việc phát hiện và xử lý các hành vi sai phạm mà quan trọng hơn là phải chủ động phòng ngừa từ gốc. Vì vậy, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh cần thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ: một mặt xây dựng những nền tảng tích cực để ngăn ngừa tham nhũng, mặt khác kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm khi xảy ra. Đây là cách tiếp cận toàn diện, thể hiện tư duy sâu sắc của Người về bản chất và phương thức đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước.

Trong đó, “xây” được Hồ Chí Minh xác định là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, nhằm tạo ra môi trường và điều kiện để hạn chế sự nảy sinh của tham nhũng. Điều này được thể hiện ở việc xây dựng hệ thống chuẩn mực đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; giáo dục, rèn luyện phẩm chất "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư"; đồng thời hoàn thiện các thiết chế pháp luật, cơ chế quản lý và KSQL chặt chẽ. Khi các chuẩn mực đạo đức được đề cao và các cơ chế quản lý

được thiết lập rõ ràng, minh bạch thì khả năng phát sinh tham nhũng sẽ từng bước được hạn chế ngay từ đầu.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh cũng đặc biệt coi trọng nhiệm vụ “chống”, tức là kiên quyết đấu tranh, phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy nhà nước. Theo Người, việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm không chỉ nhằm trừng trị cá nhân sai phạm mà còn có tác dụng răn đe, cảnh tỉnh và giáo dục đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần củng cố kỷ cương, phép nước và giữ vững niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Sự kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống” thể hiện quan điểm vừa phòng ngừa, vừa đấu tranh, trong đó phòng ngừa là chính nhưng không buông lỏng việc xử lý nghiêm minh các sai phạm.

Cách tiếp cận này phản ánh tư tưởng quản lý nhà nước mang tính cân bằng giữa “đức trị” và “pháp trị”. Một mặt, đề cao vai trò của giáo dục đạo đức và sự tự giác của cán bộ, đảng viên trong việc sử dụng quyền lực; mặt khác, coi trọng hệ thống pháp luật và kỷ luật nghiêm minh để kiểm soát và điều chỉnh hành vi. Nhờ đó, công tác PCTN không chỉ dựa vào những biện pháp cưỡng chế từ bên ngoài mà còn dựa vào sự tự rèn luyện và ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân.

Với cách tiếp cận này, tư tưởng Hồ Chí Minh đã góp phần khẳng định về mặt lý luận rằng PCTN là một quá trình toàn diện, lâu dài và mang tính hệ thống, đòi hỏi phải triển khai đồng bộ nhiều giải pháp từ giáo dục, xây dựng đạo đức, hoàn thiện thể chế đến kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Do đó, tham nhũng không thể được giải quyết bằng những biện pháp đơn lẻ hay mang tính tình thế, mà cần có chiến lược lâu dài, kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa và đấu tranh, giữa xây dựng và xử lý, nhằm từng bước ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn này trong đời sống xã hội.

*Thứ năm, tư tưởng Hồ Chí Minh đặt nền tảng lý luận cho việc xây dựng NNQP XHCN gắn với đạo đức và trách nhiệm công vụ.* Theo Người, Nhà nước cách mạng phải là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; mọi quyền lực nhà nước đều bắt nguồn từ nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân. Do đó, việc thực thi quyền lực nhà nước không chỉ phải tuân thủ pháp luật mà còn phải được dẫn dắt bởi các chuẩn mực đạo đức cách mạng. Hồ Chí Minh luôn yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thượng tôn pháp luật, đồng thời nêu cao tinh thần "cần, kiệm,

liêm, chính, chí công vô tư", coi đó là những phẩm chất cốt lõi bảo đảm cho việc sử dụng quyền lực một cách đúng đắn và trong sạch.

Trong tư tưởng của Người, quyền lực nhà nước trước hết phải có tính chính danh, bởi đó là quyền lực do nhân dân trao cho và phải được sử dụng vì lợi ích của nhân dân. Cùng với đó, Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức phải có trách nhiệm phục vụ nhân dân, lấy hạnh phúc và đời sống của nhân dân làm mục tiêu cao nhất của hoạt động quản lý và điều hành xã hội. Điều này thể hiện rõ tính đạo đức công vụ trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khi Người luôn nhấn mạnh rằng cán bộ là “công bộc của dân, phải tận tụy phục vụ nhân dân”, không được lợi dụng quyền lực để mưu cầu lợi ích cá nhân. Đồng thời, mọi hoạt động của bộ máy công quyền phải đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân và phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, qua đó bảo đảm tính pháp quyền và tính minh bạch trong hoạt động của Nhà nước.

Sự kết hợp hài hòa giữa pháp quyền và đạo đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã hình thành một cách tiếp cận lý luận đặc sắc về PCTN. Theo đó, việc ngăn ngừa và đấu tranh chống tham nhũng không chỉ dựa vào các thiết chế pháp luật và cơ chế KSQL, mà còn phải dựa trên nền tảng đạo đức công vụ và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đây là sự kết hợp giữa yếu tố pháp lý và yếu tố đạo đức trong quản lý nhà nước, vừa bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, vừa phát huy vai trò của đạo đức cách mạng trong việc điều chỉnh hành vi của người nắm giữ quyền lực. Cách tiếp cận này phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa và đặc điểm chính trị của Việt Nam, góp phần tạo nên cơ sở lý luận quan trọng cho việc xây dựng NNPQ XHCN trong sạch, vững mạnh.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là cơ sở lý luận vững chắc cho việc hình thành và phát triển đường lối PCTN của Đảng. Đây không chỉ là kim chỉ nam định hướng cho hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác PCTN trong thực tiễn, mà còn cung cấp những luận điểm khoa học quan trọng để xây dựng hệ thống giải pháp đấu tranh chống tham nhũng một cách hiệu quả và bền vững. Với giá trị lý luận sâu sắc và ý nghĩa thực tiễn to lớn, tư tưởng này không chỉ góp phần bổ sung và phát triển lý luận về xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, mà còn tạo nền tảng khoa học cho việc hoạch định chủ trương, chính sách PCTN ở Việt Nam. Những giá trị đó tiếp tục giữ vai trò định hướng quan trọng trong nghiên cứu lý luận cũng như trong thực tiễn đấu tranh PCTN hiện nay.

### 2.3.2. Giá trị thực tiễn

*Thứ nhất, giá trị bền vững mang tầm thời đại.* Những quan điểm của Người về PCTN không chỉ có ý nghĩa đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam, mà còn có giá trị tham khảo đối với nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển đang nỗ lực xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, hiệu lực và hiệu quả. Trong bối cảnh nhiều quốc gia phải đối mặt với tình trạng tham nhũng gắn với sự tha hóa quyền lực và suy thoái đạo đức công vụ, tư tưởng của Hồ Chí Minh với các luận điểm về đạo đức cách mạng, trách nhiệm công vụ, sự giám sát của nhân dân và tính minh bạch trong quản lý nhà nước đã thể hiện tầm nhìn sâu rộng và giá trị vượt ra ngoài phạm vi quốc gia.

Một trong những điểm nổi bật trong tư tưởng của Người là việc gắn chặt công tác PCTN với xây dựng đạo đức công vụ và rèn luyện phẩm chất liêm chính của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh cho rằng, muốn chống tham nhũng hiệu quả thì trước hết phải xây dựng được đội ngũ cán bộ có đạo đức cách mạng trong sáng, biết đặt lợi ích của Tổ quốc và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh phải phát huy vai trò giám sát của nhân dân, coi nhân dân là lực lượng quan trọng trong việc phát hiện, đấu tranh và ngăn ngừa các hành vi tham nhũng. Bên cạnh đó, việc đề cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của bộ máy nhà nước và yêu cầu thượng tôn pháp luật cũng là những nội dung thể hiện tầm nhìn tiến bộ và phù hợp với xu hướng quản trị hiện đại.

Thực tiễn cho thấy, nhiều quan điểm mà Hồ Chí Minh đã nêu từ rất sớm hiện nay cũng được cộng đồng quốc tế và các tổ chức quốc tế quan tâm khi bàn về vấn đề PCTN. Chẳng hạn, các chương trình và sáng kiến toàn cầu về chống tham nhũng thường nhấn mạnh vai trò của liêm chính trong khu vực công, sự tham gia của xã hội và cơ chế minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà nước. Những nội dung này có sự tương đồng đáng chú ý với tư tưởng của Hồ Chí Minh, cho thấy giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng đó vẫn còn nguyên ý nghĩa trong bối cảnh hiện nay.

Đối với Việt Nam, trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập quốc tế và xây dựng NNPQ XHCN, cuộc đấu tranh chống tham nhũng càng đòi hỏi phải kiên định và vận dụng sáng tạo các giá trị tư tưởng của Hồ Chí Minh. Việc bám sát những quan điểm của Người về đạo đức công vụ, KSQL, phát huy vai trò của nhân dân và xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh không chỉ góp phần nâng cao hiệu

quả công tác PCTN mà còn giúp giữ vững bản chất tốt đẹp của chế độ, hướng tới mục tiêu phục vụ lợi ích và hạnh phúc của nhân dân.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN không chỉ có giá trị trong một giai đoạn lịch sử nhất định mà còn mang ý nghĩa lâu dài và tầm thời đại. Những quan điểm sâu sắc của Người tiếp tục soi sáng và định hướng cho sự nghiệp xây dựng, chỉnh đốn Đảng và quản lý nhà nước ở Việt Nam, đồng thời góp phần cung cấp những gợi mở có giá trị cho nghiên cứu và thực tiễn đấu tranh chống tham nhũng trên thế giới. Điều đó cho thấy sức sống bền vững và ý nghĩa to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt trên mặt trận khó khăn và phức tạp như đấu tranh chống tham nhũng trong nội bộ bộ máy công quyền.

*Thứ hai, giá trị thực tiễn trong xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.* Những quan điểm của Người đã đặt nền tảng quan trọng cho quá trình xây dựng NNQP XHCN ở Việt Nam, trong đó quyền lực nhà nước phải được tổ chức và thực thi trên cơ sở pháp luật, đồng thời gắn chặt với trách nhiệm phục vụ nhân dân và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh luôn yêu cầu mọi tổ chức và cá nhân trong bộ máy nhà nước, đặc biệt là cán bộ, đảng viên, phải tuyệt đối tôn trọng và chấp hành pháp luật, coi đó là nguyên tắc cơ bản bảo đảm cho sự hoạt động đúng đắn của bộ máy công quyền.

Bên cạnh yêu cầu thượng tôn pháp luật, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc thực thi công vụ một cách công tâm, minh bạch và vì lợi ích của nhân dân. Theo Người, cán bộ là “công bộc” của dân, được nhân dân giao quyền lực để phục vụ nhân dân, vì vậy mọi hoạt động của cán bộ, công chức phải đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, tránh mọi biểu hiện vụ lợi, đặc quyền, đặc lợi. Người cũng đặc biệt coi trọng việc phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy nhà nước, bởi nhân dân chính là lực lượng quan trọng góp phần phát hiện và ngăn chặn các hành vi tiêu cực, tham nhũng. Khi quyền lực nhà nước được đặt dưới sự giám sát của nhân dân và được vận hành theo những nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình rõ ràng, nguy cơ phát sinh tham nhũng sẽ từng bước được hạn chế.

Hồ Chí Minh cũng đề cao nguyên tắc công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước, coi đây là điều kiện quan trọng để phòng ngừa tham nhũng. Theo Người, nếu bộ máy nhà nước hoạt động thiếu minh bạch, quan liêu và xa rời quần chúng thì sẽ

tạo ra môi trường thuận lợi cho tham nhũng nảy sinh và phát triển. Vì vậy, việc xây dựng một nền hành chính công khai, minh bạch, gần dân và chịu trách nhiệm trước nhân dân là yêu cầu tất yếu để bảo đảm sự trong sạch của bộ máy nhà nước.

Trong thực tiễn hiện nay, những tư tưởng đó của Hồ Chí Minh tiếp tục được Đảng và Nhà nước vận dụng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về PCTN, cũng như trong việc xây dựng một nền hành chính nhà nước liêm chính, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân. Điều này được thể hiện ở việc đẩy mạnh hoàn thiện thể chế KSQL, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực với tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Qua đó góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, xây dựng bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh và hoạt động vì lợi ích của nhân dân.

*Thứ ba, giá trị thực tiễn trong xây dựng đạo đức cán bộ, đảng viên.* Người luôn khẳng định "đạo đức là cái gốc của người cách mạng, là nền tảng quyết định phẩm chất, năng lực và uy tín của cán bộ, đảng viên trong quá trình thực thi nhiệm vụ". Theo Hồ Chí Minh, nếu người cán bộ không có đạo đức cách mạng vững vàng thì dù có tài năng đến đâu cũng khó có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, thậm chí dễ rơi vào chủ nghĩa cá nhân, lạm dụng quyền lực và tham nhũng. Vì vậy, xây dựng và rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên được Người xem là một trong những giải pháp căn bản và lâu dài để phòng ngừa các biểu hiện tiêu cực trong bộ máy nhà nước.

Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện theo các chuẩn mực đạo đức cách mạng như "cần, kiệm, liêm, chính và chí công vô tư". Đây không chỉ là những phẩm chất đạo đức mang tính truyền thống của dân tộc mà còn là những chuẩn mực cốt lõi định hướng hành vi và lối sống của người cán bộ cách mạng. Trong đó, “liêm” (liêm khiết) và “chính” (chính trực) được Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh, bởi đây là những phẩm chất trực tiếp liên quan đến việc sử dụng quyền lực và thái độ của cán bộ đối với lợi ích chung và lợi ích cá nhân. Người cho rằng khi cán bộ giữ được sự liêm khiết, không tham lam, không vụ lợi và luôn hành xử chính trực, công tâm thì nguy cơ tham nhũng sẽ được hạn chế ngay từ trong nhận thức và hành động của mỗi cá nhân.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh cũng cho thấy PCTN không thể chỉ dựa vào hệ thống pháp luật hay các biện pháp xử lý vi phạm, mà còn phải dựa vào quá trình giáo dục đạo đức, tự rèn luyện và nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên. Trong đó, việc phát huy tinh thần tự giác và trách nhiệm nêu gương, đặc biệt là của những người giữ cương vị lãnh đạo, quản lý, có ý nghĩa rất quan trọng. Khi người đứng đầu gương mẫu về đạo đức, lối sống và tinh thần trách nhiệm thì sẽ tạo ra sự lan tỏa tích cực trong tổ chức, góp phần xây dựng môi trường làm việc liêm chính và hạn chế những biểu hiện tiêu cực.

Như vậy, giá trị thực tiễn nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đạo đức cán bộ, đảng viên là việc đặt nền tảng đạo đức làm cơ sở để phòng ngừa tham nhũng từ gốc. Chống tham nhũng không chỉ bắt đầu từ các cơ chế kiểm soát bên ngoài mà còn phải bắt đầu từ sự tự rèn luyện và ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, đặc biệt là những người có chức vụ, quyền hạn trong bộ máy nhà nước. Chính nền tảng đạo đức đó sẽ tạo nên “hàng rào” tự KSQL từ bên trong, góp phần ngăn ngừa tham nhũng một cách bền vững và hiệu quả.

*Thứ tư, giá trị thực tiễn trong xây dựng môi trường xã hội liêm chính, củng cố niềm tin của nhân dân.* Một trong những đóng góp quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh là góp phần hình thành và nuôi dưỡng văn hóa liêm chính trong đời sống CT-XH, coi đó là nền tảng đạo đức cho sự phát triển bền vững của đất nước. Người luôn nhấn mạnh rằng để đấu tranh hiệu quả với tham nhũng, không chỉ cần đến các biện pháp pháp lý hay cơ chế quản lý, mà còn phải xây dựng được một môi trường xã hội đề cao những giá trị đạo đức tốt đẹp, trong đó sự liêm khiết, chí công vô tư và tinh thần phục vụ nhân dân trở thành những chuẩn mực phổ biến.

Thông qua việc đề cao các giá trị đạo đức như "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", tư tưởng Hồ Chí Minh đã góp phần định hình những chuẩn mực về phẩm chất và lối sống của người cán bộ, đảng viên. Những chuẩn mực đó không chỉ có ý nghĩa trong việc rèn luyện đạo đức cá nhân mà còn tạo nên hình mẫu về người cán bộ cách mạng “vừa hồng vừa chuyên”, vừa có phẩm chất đạo đức trong sáng, vừa có năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Khi những giá trị này được thấm sâu vào trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên qua nhiều thế hệ, chúng sẽ trở thành nền tảng cho việc xây dựng một môi trường CT-XH

lãnh mạnh, trong đó liêm chính trở thành tiêu chuẩn quan trọng trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và phục vụ nhân dân.

Bên cạnh đó, tư tưởng Hồ Chí Minh còn định hướng phong cách lãnh đạo và quản lý xã hội theo hướng gắn bó mật thiết với nhân dân, đề cao nguyên tắc “nói đi đôi với làm”, gần dân, trọng dân và hết lòng phục vụ nhân dân. Theo Người, cán bộ, đảng viên phải luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch, gương mẫu trong công việc cũng như trong đời sống, từ đó tạo dựng uy tín và sự tin tưởng của nhân dân. Khi đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự gương mẫu và liêm chính, bộ máy nhà nước sẽ hoạt động minh bạch, hiệu quả hơn, góp phần tạo dựng môi trường xã hội công bằng, kỷ cương và lãnh mạnh.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh yêu cầu phải “giữ gìn Đảng ta thật trong sạch”, coi đây là điều kiện tiên quyết để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng và sự phát triển bền vững của đất nước. Trong tư tưởng của Người, đấu tranh chống tham nhũng không chỉ nhằm loại bỏ các hành vi tiêu cực trong bộ máy công quyền, mà còn là nhiệm vụ quan trọng để bảo vệ uy tín, danh dự của Đảng và Nhà nước trước nhân dân. Khi công tác PCTN được thực hiện nghiêm túc, kiên quyết và hiệu quả, niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước sẽ được củng cố, từ đó tạo nên sự đồng thuận xã hội và sức mạnh to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN không chỉ có ý nghĩa trong việc định hướng các giải pháp đấu tranh PCTN, mà còn góp phần xây dựng môi trường xã hội liêm chính, tạo nền tảng đạo đức cho sự phát triển bền vững và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đây chính là giá trị thực tiễn sâu sắc và lâu dài của tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ở Việt Nam hiện nay.

*Thứ năm, giá trị thực tiễn trong việc kết hợp “phòng” và “chống” tham nhũng.* Hồ Chí Minh chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa phòng và chống tham nhũng. Theo Người: Phòng tham nhũng là nhiệm vụ lâu dài; Chống tham nhũng là nhiệm vụ cấp bách. Giá trị thực tiễn của tư tưởng này được thể hiện trong việc xây dựng các cơ chế: KSQL; Công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, tài sản; Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng để răn đe, giáo dục. Sự kết hợp hài hòa giữa phòng và chống giúp nâng cao hiệu quả đấu tranh PCTN trong bối cảnh hiện nay. Đồng thời, có giá trị thực tiễn trong vận dụng các giải pháp PCTN đồng bộ, triệt để.

Không chỉ dừng ở giáo dục tư tưởng, Hồ Chí Minh còn đưa ra nhiều biện pháp quyết liệt trên các “mặt trận” chính trị, kinh tế, văn hóa để ngăn chặn và trừng trị tham nhũng; đặc biệt là giá trị trong xây dựng cơ chế KSQL để chống lạm quyền, lợi ích cá nhân.

Giá trị thực tiễn của cách tiếp cận này được thể hiện rõ trong việc xây dựng và hoàn thiện các cơ chế phòng ngừa tham nhũng trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Trước hết, đó là việc tăng cường KSQL trong các lĩnh vực để phát sinh tiêu cực, nhất là trong công tác cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công và các hoạt động đầu tư, đầu thầu. Cùng với đó là việc đẩy mạnh công khai, minh bạch trong quản lý và điều hành, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền. Khi các quy trình, thủ tục được thực hiện minh bạch và chịu sự giám sát chặt chẽ, nguy cơ phát sinh tham nhũng sẽ được hạn chế đáng kể.

Bên cạnh các biện pháp phòng ngừa, việc kiên quyết phát hiện, điều tra và xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng cũng là yếu tố quan trọng nhằm bảo đảm hiệu lực của pháp luật và củng cố niềm tin của nhân dân. Trong thực tiễn hiện nay, nhiều vụ việc tham nhũng nghiêm trọng đã được phát hiện và xử lý nghiêm minh, thể hiện quyết tâm chính trị cao trong đấu tranh chống tham nhũng, đồng thời tạo hiệu ứng răn đe mạnh mẽ đối với những hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Việc xử lý nghiêm minh, không có “vùng cấm”, không có ngoại lệ đã góp phần khẳng định nguyên tắc mọi cá nhân đều bình đẳng trước pháp luật.

Sự kết hợp hài hòa giữa phòng và chống tham nhũng không chỉ giúp nâng cao hiệu quả đấu tranh PCTN trong bối cảnh hiện nay mà còn tạo cơ sở để triển khai các giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện và triệt để. Công tác PCTN vì vậy không chỉ dừng lại ở việc giáo dục tư tưởng hay nâng cao nhận thức, mà còn được triển khai trên nhiều phương diện của đời sống chính trị, kinh tế và xã hội nhằm ngăn chặn và xử lý các hành vi tham nhũng. Đặc biệt, việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế KSQL có ý nghĩa quan trọng trong việc ngăn ngừa tình trạng lạm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phục vụ lợi ích cá nhân, qua đó góp phần xây dựng một nền quản trị nhà nước minh bạch, liêm chính và hiệu quả.

*Thứ sáu, giá trị thực tiễn trong phát huy vai trò của nhân dân.* Theo Hồ Chí Minh, nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước, mọi quyền lực của Nhà nước

đều bắt nguồn từ nhân dân và phải phục vụ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, nhân dân không chỉ là đối tượng được thụ hưởng thành quả của sự phát triển mà còn là lực lượng quan trọng tham gia giám sát, kiểm tra và đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng trong bộ máy nhà nước. Người nhiều lần nhấn mạnh sức mạnh to lớn của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng, khẳng định rằng nếu biết dựa vào dân thì mọi khó khăn đều có thể vượt qua. Lời căn dặn nổi tiếng của Người: “Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong” đã thể hiện rõ quan điểm coi nhân dân là nguồn sức mạnh quyết định trong mọi lĩnh vực, trong đó có công cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Trong giai đoạn hiện nay, khi Việt Nam đang đẩy mạnh xây dựng NNQP XHCN, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế sâu rộng, yêu cầu KSQL và PCTN càng trở nên cấp thiết. Trong bối cảnh đó, việc phát huy vai trò của nhân dân trong giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, đảng viên trở thành một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác PCTN. Nhân dân thông qua nhiều hình thức khác nhau có thể tham gia phát hiện, phản ánh và đấu tranh với các hành vi tham nhũng, tiêu cực; đồng thời đóng góp ý kiến xây dựng bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Thực tiễn hiện nay cho thấy tư tưởng của Hồ Chí Minh đang được vận dụng thông qua việc mở rộng các cơ chế để nhân dân tham gia giám sát quyền lực nhà nước. Điều này được thể hiện ở việc tăng cường vai trò giám sát của các tổ chức CT-XH, của MTTQ và các đoàn thể nhân dân; khuyến khích người dân tích cực phản ánh, tố giác các hành vi tham nhũng, tiêu cực; đồng thời xây dựng các cơ chế bảo vệ những người dũng cảm đấu tranh chống tham nhũng. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội cũng trở thành những kênh quan trọng giúp nhân dân tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan công quyền, góp phần phát hiện và ngăn chặn các biểu hiện sai phạm.

Việc phát huy vai trò của nhân dân trong PCTN trong giai đoạn hiện nay không chỉ giúp nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng mà còn góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Khi nhân dân thực sự được trao quyền giám sát và được khuyến khích tham gia vào quá trình

KSQL, công tác PCTN sẽ trở thành nhiệm vụ chung của toàn xã hội, tạo nên sức mạnh tổng hợp để đấu tranh với tham nhũng một cách bền vững.

Như vậy, giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc phát huy vai trò của nhân dân thể hiện rõ ở chỗ: chống tham nhũng phải dựa vào nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và huy động sức mạnh của toàn xã hội. Trong giai đoạn hiện nay, việc tiếp tục vận dụng và phát huy tư tưởng này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần tăng cường KSQL, ngăn ngừa tham nhũng từ sớm, từ xa và xây dựng một nền quản trị nhà nước minh bạch, liêm chính, vì lợi ích của nhân dân.

*Thứ bảy, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN góp phần làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.* Các thế lực thù địch, hội, nhóm phản động, đối tượng cơ hội chính trị đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Một trong những vấn đề các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tập trung xuyên tạc thời gian qua là công cuộc đấu tranh PCTN. Họ vin vào việc xử lý kỷ luật, khai trừ khỏi Đảng, truy tố, xét xử tội phạm tham nhũng là cán bộ thoái hoa, biến chất để đưa ra những luận điệu sai trái, vô căn cứ. Các thế lực thù địch cố tình đổ lỗi nguyên nhân phát sinh tham nhũng “là do lựa chọn con đường XHCN”. Qua đó kích động, hướng lái đất nước “đi theo con đường tư bản chủ nghĩa thì mới hạn chế tham nhũng”. Bên cạnh đó, số đối tượng phản động xảo biện rằng: “Tham nhũng là bản chất của HTCT Việt Nam, ở Việt Nam chỉ có một Đảng duy nhất cầm quyền thì không thể chống tham nhũng thành công”; đòi thay thế Đảng ta, thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Mặt khác, những đối tượng xấu, bất mãn vu cáo công cuộc PCTN là “thanh trừng, đấu đá nội bộ”, là “đánh trống, khua chiêng”, là “che mắt thiên hạ”. Thậm chí chúng còn tỏ vẻ quan tâm đến sự phát triển của đất nước khi cho rằng “nếu quá tập trung vào chống tham nhũng sẽ làm “nhụt chí” sự sáng tạo, “chùn bước” những người dám nghĩ, dám làm và làm “chậm” sự phát triển KT-XH”; đưa ra lời khuyên giả tạo rằng: “Việt Nam phải học cách sống chung với tham nhũng, tiêu cực” và “kiến nghị” cần hạn chế PCTN. Đây thực chất là thói “đạo đức giả” của những đối tượng chống đối cách mạng Việt Nam.

Các chiêu trò xấu, luận điệu sai trái, xuyên tạc được các thế lực dàn dựng, biến tấu từ năm nay qua năm khác, thời điểm mà các đối tượng thù địch, phản động công

phá mãnh liệt nhất khi cơ quan chức năng truy tố, xét xử, các hành vi tham nhũng, các vụ án kinh tế hay các cấp, ngành tổng kết công tác PCTN. Để hiện thực hóa âm mưu chống phá, các thế lực thù địch triệt để tận dụng tính năng của mạng xã hội như: chia sẻ nhanh, độ tương tác rộng để phát tán các bào viết, hình ảnh, video chứa nội dung sai trái, xuyên tạc. Cùng với đó, tăng cường hoạt động của các hãng truyền thông hải ngoại vốn định kiến với Việt Nam như: VOA tiếng Việt, RFA, RFI, BBC nhằm khuếch trương mưu đồ xấu.

Có thể thấy âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch rất nham hiểm, xảo trá. Có khi họ trắng trợn chống phá, có khi ngấm ngầm núp dưới vỏ bọc phản biện xã hội, gắn mác các chuyên gia, mượn danh “dân chủ, nhân quyền” để chống phá. Suy cho cùng, mục đích những kẻ có dã tâm chính trị nhằm giảm khí thế, quyết tâm PCTN của cả HTCT và toàn xã hội; phủ nhận năng lực, hiệu quả lãnh đạo chống “giặc nội xâm” của Đảng, tiến tới đòi xóa bỏ, thay thế vai trò lãnh đạo của Đảng; đồng thời, bôi nhọ, miệt thị chế độ, muốn đưa Việt Nam chuyển động theo quỹ đạo tư bản chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là cơ sở lý luận, nền tảng tư tưởng vững chắc để bác bỏ những luận điệu sai trái, xuyên tạc, góp phần vô hiệu hóa hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Khi cho rằng, tham nhũng là do thể chế, là do độc Đảng chi là “thuyết âm mưu” che đậy bản chất chống cộng, thù địch với CNXH. Bởi, các quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nguyên nhân nảy sinh tham nhũng là do “chế độ cũ để lại” - chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, chế độ người bóc lột người mà ra. Như vậy, chế độ tư hữu trong lịch sử gồm: chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa; ở Việt Nam là chế độ phong kiến đến chế độ thực dân - phong kiến là một trong những nguyên nhân dẫn đến tham nhũng tiêu cực. Theo đó, tham nhũng không phải là sản phẩm của các nước lựa chọn con đường đi lên CNXH như nước ta mà hiện hữu ở xã hội có sự phân chia giai cấp, có Nhà nước và cũng không phải là một đảng mới có tham nhũng, ở nhiều quốc gia - dân tộc hiện nay dù là một hay nhiều đảng phái trong một nước đó thì vẫn xảy ra tham nhũng, thực tế không riêng gì nước ta mà ngay cả các nước phát triển hiện nay đều có nạn tham nhũng. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh cũng chỉ ra một trong những nguyên nhân sinh ra nạn tham nhũng là do một bộ phận người có chức vụ, quyền hạn không tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách

mạng, không chiến thắng được chủ nghĩa cá nhân, vì mắc bệnh quan liêu và thực tế những gì đã diễn ra trong lịch sử đúng như vậy. Vì thế, không thể quy kết, đánh đồng cho tất cả cán bộ, đảng viên đều tham nhũng.

Khi cho rằng chống tham nhũng làm “chùn bước”, “nhụt chí” cán bộ, đảng viên điều này hoàn toàn vô lý, bởi theo Chủ tịch Hồ Chí Minh PCTN là chống “giặc nội xâm”, là “cắt cành để cứu cây”, là “trị bệnh cứu người”. Mục đích làm cho Đảng, HTCT càng ngày càng trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ ngày càng lớn mạnh, trưởng thành, tiến bộ, xứng đáng hơn với sự nghiệp cách mạng và sự tin yêu của quần chúng nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ những tác hại của tham nhũng trên các lĩnh vực đời sống xã hội, vì thế chống tham nhũng là loại bỏ một một trở lực lớn, chướng ngại nguy hiểm, mở ra những thuận lợi cho đất nước phát triển. Nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN giúp cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân mở rộng tầm nhìn, thấy rõ bản chất, nguồn gốc, sự nguy hại của của tham nhũng, đặc biệt là xác định những biện pháp nhằm ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới loại bỏ vấn nạn này ra khỏi đời sống CT-XH. Tư tưởng đó của Người còn là vũ khí lý luận sắc bén để Đảng ta, cho những người cộng sản đấu tranh lại những âm mưu, thủ đoạn chống phá đất nước; giúp cho người dân tỉnh táo, cảnh giác trước những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch.

*Tóm lại*, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là một bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Người, mang giá trị thực tiễn to lớn và lâu dài. Trong bối cảnh hiện nay, việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ góp phần làm trong sạch bộ máy nhà nước, nâng cao đạo đức cán bộ, đảng viên mà còn củng cố niềm tin của nhân dân, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của đất nước.

## **Tiểu kết chương 2**

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội tiêu cực tồn tại xuyên suốt trong lịch sử gắn liền với sự ra đời, tồn tại và phát triển của các nhà nước, không phân biệt chế độ chính trị hay trình độ phát triển kinh tế. Nó là căn bệnh trầm kha của quyền lực, là lực cản to lớn đối với tiến trình phát triển và thậm chí có thể đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của một chế độ chính trị nếu không được ngăn chặn và đẩy lùi kịp thời. Nhận thức sâu sắc về nguy cơ, tác hại của tham nhũng, Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, xác định tham nhũng là

“giặc nội xâm”, PCTN là nhiệm vụ có tầm quan trọng đặc biệt, liên quan đến sự tồn vong của Đảng và chế độ.

Tiếp thu tư tưởng của cha ông trong lịch sử dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại trên nền tảng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin; từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng cách mạng, Hồ Chí Minh đã hình thành một hệ thống tư tưởng toàn diện, sâu sắc về PCTN. Tư tưởng đó không chỉ là kim chỉ nam cho Đảng và Nhà nước trong đề ra chủ trương, quan điểm, chính sách PCTN qua các giai đoạn của cách mạng; là di sản lý luận quý báu, góp phần soi sáng con đường đấu tranh PCTN, bài trừ những biểu hiện của sự tha hóa quyền lực trong HTCT nước ta trước đây cũng như hiện nay.

Chương 2 của Luận án đã làm rõ các khái niệm như: tham nhũng, PCTN; tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; hệ thống hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, trong đó tập trung làm phân tích, làm rõ tư tưởng của Người về sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của PCTN; chủ thể, lực lượng PCTN; biện pháp PCTN. Qua đó, tác giả đã làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN. Theo đó, hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN không chỉ có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc mà còn mang giá trị lý luận bền vững, góp phần bổ sung và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về quyền lực nhà nước, đạo đức cách mạng và mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Tư tưởng ấy đã trở thành nền tảng lý luận vững chắc để Đảng ta xác lập đường lối, chủ trương và quan điểm đúng đắn về PCTN trong từng giai đoạn cách mạng; góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh, hình thành đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”. Đồng thời, việc thấm nhuần và thực hiện tư tưởng đó còn giúp ngăn chặn, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Các nội dung trong chương 2 là cơ sở lý luận quan trọng để tác giả đánh giá tình hình vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong PCTN; xác định những vấn đề đặt ra trong vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong giai đoạn tới.

**Chương 3**  
**SỰ VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**  
**VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM VÀ**  
**MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA**

**3.1. SỰ VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM TỪ 2012 ĐẾN NAY**

**3.1.1. Thực trạng vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam từ 2012 đến nay**

Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết của PCTN đã đặt cơ sở để Đảng, Nhà nước và toàn HTCT vận dụng, phát triển trong thực tiễn chính trị Việt Nam. Như chương 2 đã khẳng định, theo Hồ Chí Minh, tham nhũng không chỉ là hành vi vi phạm đạo đức, pháp luật mà còn là “giặc nội xâm” - một loại tội lỗi ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn vong của quốc gia cũng như công cuộc xây dựng đất nước. Quan điểm này đặt PCTN vào phạm trù chiến lược, không thể xem nhẹ trong bất kỳ hoàn cảnh lịch sử nào. Điều đó đã trở thành một trụ cột tư tưởng cho việc xác định PCTN là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và lâu dài của Đảng và Nhà nước sau khi giành độc lập và trong giai đoạn đổi mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN được Đảng, Nhà nước vận dụng rõ nét trong các văn kiện quan trọng, từ nhận thức “tham nhũng là kẻ thù nội tại” đến việc định hướng mục tiêu, phương pháp và tổ chức thực thi PCTN trong bối cảnh hiện đại.

*Trước hết, sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết, vai trò của PCTN được Đảng thể chế hóa trong các Văn kiện, Nghị quyết.*

Trước năm 2012, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN đã được Đảng từng bước vận dụng trong các văn kiện, nghị quyết và chủ trương lãnh đạo qua nhiều kỳ Đại hội. Đây là giai đoạn hình thành và từng bước phát triển nhận thức của Đảng về tính chất nguy hại của tham nhũng, đồng thời tạo lập những tiền đề chính trị, tư tưởng và thể chế quan trọng cho việc đẩy mạnh công tác PCTN ở giai đoạn sau. Mặc dù đã có nhiều chủ trương, biện pháp được đề ra, song hiệu quả thực tiễn vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu vẫn diễn biến phức tạp, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi như mong muốn. Đại hội XI vẫn thẳng thắn nhận định: “... tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi”. Chính thực tiễn đó đặt ra yêu cầu phải có bước chuyển mạnh mẽ hơn trong tư duy, cơ chế lãnh đạo và tổ chức thực hiện.

Từ năm 2012 đến nay, việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của PCTN đã có bước tiến rõ nét cả về nhận thức lẫn hành động. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và xuất phát từ yêu cầu xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới, Đảng ngày càng nhận thức sâu sắc, tham nhũng, tiêu cực không chỉ gây thiệt hại về kinh tế, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên, mà còn là nguy cơ trực tiếp đe dọa vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Từ đó, PCTN được đặt ở vị trí đặc biệt quan trọng trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Trên tinh thần đó, Đảng đã sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TW và, tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI), ban hành Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí. Kết luận khẳng định: PCTN, lãng phí là công việc khó khăn, phức tạp, là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời nêu sáu nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, trong đó đề xuất ở Trung ương thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN trực thuộc Bộ Chính trị, do Tổng Bí thư làm Trưởng ban.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 1/2/2013, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 162-QĐ/TW thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN gồm các lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, Ban Nội chính Trung ương được tái lập, làm cơ quan tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư về chủ trương, chính sách nội chính; đồng thời là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Tổng Bí thư, công tác PCTN ngày càng được triển khai quyết liệt, đi vào chiều sâu và toàn diện. Tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác PCTN giai đoạn 2013-2020, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng trong thời gian qua đã thực hiện nghiêm tư tưởng chỉ đạo: “Nói đi đôi với làm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai, không chịu sức ép của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào”.

Đại hội XII nêu rõ: “Tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước” [63, tr.185]. Vì vậy, Đảng quyết tâm “Đẩy mạnh đấu tranh PCTN, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức” [63, tr.181]. Như vậy,

PCTN được xác định là một trong mười phương hướng, nhiệm vụ quan trọng để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm nhiệm kỳ Đại hội XII; đồng thời là một trong mười nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cho phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2016-2020.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) nhấn mạnh: "... tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước" [63, tr.22]. Tại Đại hội XIII, Đảng tiếp tục chỉ rõ: "Công tác PCTN, lãng phí ở một số địa phương, bộ, ngành chưa chuyên biến rõ rệt; tham nhũng, lãng phí vẫn còn diễn biến phức tạp" [65, tr.87]. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí còn hạn chế, nhất là khả năng tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý trong nội bộ còn yếu; tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực trong một số cơ quan, đơn vị, dịch vụ công chưa được đẩy lùi; tham nhũng, lãng phí ở một số lĩnh vực, địa bàn vẫn phức tạp, tinh vi, gây bức xúc xã hội và tiếp tục khẳng định tham nhũng là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ. Nguyên nhân chủ yếu được nêu là "một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức suy thoái đạo đức, lối sống và vi phạm đạo đức công vụ, đồng thời công tác xử lý cán bộ sai phạm chưa nghiêm" [65, tr.54].

Nhận thức được nguy cơ, tác hại khôn lường của tham nhũng, nếu không được ngăn chặn, kiềm chế, chính vì vậy, Đảng nêu cao quyết tâm chính trị đối với công cuộc PCTN. Đảng nhấn mạnh: "Công tác đấu tranh PCTN được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ và đạt nhiều kết quả rất quan trọng, rõ rệt, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao và quốc tế ghi nhận. Tham nhũng từng bước được kiềm chế, ngăn chặn, có chiều hướng thuyên giảm" [65, tr.83]. Đồng thời khẳng định: "Công tác đấu tranh PCTN, tiêu cực, lãng phí chuyển biến mạnh mẽ, có bước đột phá, quyết liệt, có hiệu quả, ngày càng đi vào chiều sâu, gắn kết chặt chẽ giữa "xây" và "chống" [64, tr.92-93]. Đáng chú ý, chính sách và pháp luật về PCTN ngày càng được hoàn thiện, lần đầu tiên mở rộng phạm vi phòng, chống sang khu vực tư nhân; việc đánh giá tình hình tham nhũng ở các bộ, ngành, địa phương được thực hiện thường xuyên, đặc biệt đối với cấp tỉnh.

Đấu tranh PCTN là nhiệm vụ lâu dài, đòi hỏi kiên quyết, kiên trì, thận trọng, không nóng vội hay chủ quan; cần có kế hoạch, bước đi chắc chắn và áp dụng nhiều biện pháp, trong đó "lấy giáo dục làm cơ sở, lấy pháp chế làm đảm bảo". Theo đó, Đại hội XIII đề ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như: Triển khai đồng bộ, có hiệu quả quy

định của pháp luật về PCTN. Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, bảo đảm đúng pháp luật. Thực hiện quyết liệt, nghiêm minh, có hiệu quả cuộc đấu tranh PCTN. Khẩn trương xây dựng cơ chế phòng ngừa, cơ chế răn đe để kiểm soát tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục thực hiện chặt chẽ, hiệu quả kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp. Nâng cao vai trò, phát huy tính tích cực, chủ động và phối hợp của MTTQ, tổ chức CT-XH, Nhân dân, doanh nghiệp, báo chí trong phát hiện, đấu tranh PCTN, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, làm tốt chức năng hỗ trợ, thúc đẩy phát triển. Không hình sự hóa các mối quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự [65, tr.145-146]. Ngoài ra, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương phải tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về PCTN, gắn với việc thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về vấn đề này, như Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 7-12-2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tăng cường lãnh đạo trong phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Luật PCTN năm 2018 (36/2018/QH14); và Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11-7-2023 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về KSQL và PCTN, tiêu cực trong công tác cán bộ.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình tham nhũng trong thời gian qua và để đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, tại Đại hội lần thứ XIV, Đảng nhấn mạnh: “Tăng cường KSQL trong Đảng và Nhà nước; tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh PCTN, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; củng cố niềm tin, sự gắn bó của Nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ XHCN” [67, tr.144].

Những quan điểm này thể hiện rõ việc vận dụng tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh - coi PCTN là nhiệm vụ chính trị, đạo đức và tư tưởng liên quan đến vai trò lãnh đạo của Đảng, phù hợp với mục tiêu xây dựng Đảng, nhà nước và HTCT trong sạch, hiệu lực, hiệu quả.

*Thứ hai, sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết, vai trò của PCTN được thể chế hóa trong các văn bản pháp luật của Nhà nước.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là một bộ phận hữu cơ trong hệ tư tưởng của Người về xây dựng Đảng cầm quyền và Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Trong đó, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của pháp luật, kỷ cương và sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ; đồng thời, Người coi đấu tranh PCTN là nhiệm vụ lâu dài, khó khăn nhưng bắt buộc phải kiên quyết thực hiện nhằm bảo vệ bản chất cách mạng của Đảng

và Nhà nước. Kế thừa những giá trị cốt lõi đó và trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng, Nhà nước đã từng bước vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN thông qua việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và chủ động tham gia các cơ chế, cam kết quốc tế về PCTN.

Một trong những biểu hiện rõ nét của quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết của PCTN là việc Nhà nước chủ động hội nhập và tiếp thu các chuẩn mực quốc tế về PCTN, tiêu biểu là việc phê chuẩn và gia nhập Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng (United Nations Convention against Corruption - UNCAC). Ngày 30/6/2009, Việt Nam chính thức phê chuẩn UNCAC, qua đó trở thành thành viên của khuôn khổ pháp lý toàn cầu toàn diện nhất hiện nay về PCTN. Việc tham gia UNCAC không chỉ thể hiện cam kết chính trị mạnh mẽ của Nhà nước Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế, mà còn phản ánh sự phát triển tư duy về PCTN theo tinh thần Hồ Chí Minh, đó là kết hợp giữa đạo đức, pháp luật và trách nhiệm quốc tế nhằm xây dựng một nền quản trị trong sạch, liêm chính và phục vụ nhân dân [219].

UNCAC đặt ra những yêu cầu căn bản về phòng ngừa tham nhũng, minh bạch trong quản lý công, trách nhiệm giải trình, hình sự hóa các hành vi tham nhũng, bảo vệ người tố cáo và hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng. Những nội dung này có sự tương đồng sâu sắc với tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là quan điểm coi tham nhũng là “giặc nội xâm”, phải đấu tranh không khoan nhượng, đồng thời phải dựa vào nhân dân, phát huy vai trò giám sát của xã hội và thực hiện nghiêm minh kỷ luật, pháp luật. Việc Việt Nam chủ động tiếp thu và nội luật hóa các chuẩn mực của UNCAC vì vậy không phải là sự tiếp nhận mang tính sao chép, mà là quá trình chọn lọc, vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện chính trị - pháp lý và truyền thống tư tưởng của cách mạng Việt Nam.

Trên bình diện thể chế trong nước, quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN được thể hiện tập trung thông qua việc ban hành và từng bước hoàn thiện Luật PCTN. Luật PCTN năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung nhiều lần) là đạo luật chuyên ngành đầu tiên ở Việt Nam điều chỉnh một cách tương đối toàn diện các vấn đề liên quan đến phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng. Đạo luật này đã thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng NNQP XHCN, đồng thời phản ánh rõ nét tư tưởng Hồ Chí Minh về việc kết hợp giáo dục đạo đức công vụ với các chế tài pháp luật nghiêm minh, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và vai trò giám sát của nhân dân [149].

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành Luật PCTN năm 2005 và yêu cầu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo UNCAC, Quốc hội Việt Nam đã ban hành Luật PCTN năm 2018. Luật này đánh dấu bước phát triển quan trọng cả về tư duy lẫn kỹ thuật lập pháp trong công tác PCTN. So với các quy định trước đây, Luật năm 2018 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh, tăng cường các biện pháp phòng ngừa, minh bạch hóa hoạt động quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; đồng thời chú trọng hơn đến bảo vệ người tố cáo và vai trò của xã hội trong PCTN [150].

Những nội dung đổi mới này thể hiện rõ sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới. Nếu như Hồ Chí Minh sớm nhấn mạnh vai trò của pháp luật, kỷ luật và sự nêu gương trong PCTN, thì trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế sâu rộng, Nhà nước Việt Nam đã cụ thể hóa tư tưởng đó bằng các cơ chế pháp lý hiện đại, chú trọng KSQL, phòng ngừa rủi ro tham nhũng ngay từ khâu xây dựng chính sách và tổ chức thực thi. Việc mở rộng phạm vi PCTN sang một số lĩnh vực ngoài khu vực nhà nước trong Luật năm 2018 cũng cho thấy sự phát triển tư duy phù hợp với yêu cầu thực tiễn và các chuẩn mực quốc tế mà UNCAC đặt ra.

Cùng với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, Nhà nước còn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN thông qua việc xây dựng và kiện toàn các thiết chế tổ chức thực thi, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng đối với công tác này. Việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN trực thuộc Bộ Chính trị theo Quyết định số 162-QĐ/TW ngày 1/2/2013, do Tổng Bí thư làm Trưởng ban, là minh chứng tiêu biểu cho quyết tâm chính trị cao và cách thức tổ chức phù hợp với quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò quyết định của sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu [24].

Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ ban hành “*Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030*” (sau đây gọi tắt là “Chiến lược 2030”). Văn kiện đặt mục tiêu chung là ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng và các hành vi tiêu cực, góp phần xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, liêm chính; giữ vững ổn định chính trị - phát triển KT-XH. Chiến lược đề ra 5 nhóm nhiệm vụ - giải pháp lớn (hoàn thiện pháp luật; kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ; tăng cường kiểm tra-giám sát và thực thi; tăng cường phòng ngừa; đẩy mạnh hợp tác

quốc tế, thu hồi tài sản, bảo vệ người tố cáo) và quy định lộ trình thực hiện theo hai giai đoạn (2023-2026; 2027-2030).

Văn bản được ban hành kèm các yêu cầu trách nhiệm tới các bộ, ngành, địa phương nhằm đưa Chiến lược vào thực tiễn. Nghị quyết đã đưa PCTN lên bình diện chiến lược quốc gia dài hạn: khác với các văn bản mang tính chương trình hay hành động ngắn hạn trước đó, Chiến lược 2030 là một khung chiến lược quốc gia có thời hạn rõ ràng, mục tiêu định lượng và lộ trình thực hiện đến năm 2030 - tạo cơ sở cho kế hoạch dài hơi, phân bổ nguồn lực và đánh giá liên tục. Điều này giúp chuyển công tác PCTN từ trạng thái “phản ứng” sang “chiến lược hóa, hệ thống hóa”. Nghị quyết còn thể hiện sự kết nối nhất quán giữa pháp luật nhà nước, chủ trương của Đảng và cơ chế tổ chức. Chiến lược được soạn thảo trên nền các văn bản Đảng (quy định KSQL) và Luật PCTN 2018, do đó là một điểm liên kết quan trọng khiến các chính sách pháp lý, chỉ đạo đảng và thực thi hành chính hướng cùng một mục tiêu. Việc này giúp giảm rủi ro chồng chéo, tạo liên thông trong chỉ đạo - điều kiện cần để xử lý tham nhũng phức tạp.

Nghị quyết thể hiện sự tập trung hóa đầu mối chỉ đạo, thúc đẩy phối hợp liên ngành. Nghị quyết chỉ rõ vai trò và trách nhiệm của các cơ quan trung ương, địa phương; đồng thời tiếp tục phát huy mô hình chỉ đạo tập trung (Ban Chỉ đạo Trung ương, Thanh tra, Kiểm toán, cơ quan điều tra), giúp gia tăng tính kịp thời và lực lượng triển khai khi xử lý các vụ việc có tính xuyên ngành, xuyên địa bàn. Đây là một bước tiến chiến lược, có tính đột phá trong hành trình hoàn thiện hệ thống PCTN của Việt Nam nhằm mở rộng phạm vi (thêm “tiêu cực” và khu vực ngoài nhà nước), đặt nền tảng KSQL, đề cao công nghệ và hợp tác quốc tế, và chuyển công tác PCTN sang khung thời gian chiến lược đến 2030. Nếu được triển khai nghiêm túc, Nghị quyết 168 có thể là mốc quan trọng giúp chuyển từ “chiến dịch” sang “quản trị liên chính lâu dài” ở Việt Nam, thể hiện sự phát triển tư duy, nhận thức của nhà nước trong việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, sự cần thiết của PCTN.

Nhìn tổng thể, việc thể chế hóa pháp luật và thực hiện các cam kết quốc tế về PCTN của Nhà nước Việt Nam là biểu hiện sinh động của quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết của việc PCTN trong điều kiện mới. Từ nền tảng tư tưởng coi trọng đạo đức, kỷ luật và sự nêu gương của cán bộ, Nhà nước Việt Nam đã từng bước xây dựng một hệ thống pháp luật và thiết chế thực thi ngày càng hoàn chỉnh, kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa và xử lý, giữa pháp luật quốc gia và chuẩn mực

quốc tế, giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tham gia giám sát của xã hội. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục nâng cao hiệu quả PCTN, củng cố niềm tin của nhân dân và bảo vệ bản chất cách mạng của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn phát triển mới.

### **3.1.2. Thực trạng vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ thể, lực lượng phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam từ 2012 đến nay**

#### ***3.1.2.1. Vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác phòng, chống tham nhũng***

Trong tư duy Hồ Chí Minh, Đảng là lực lượng lãnh đạo toàn diện mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có công tác PCTN. Quán triệt tư tưởng của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định PCTN là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng HTCT trong sạch, vững mạnh. Sự vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh ở nội dung này trước hết được thể hiện ở việc Đảng không ngừng nâng cao nhận thức, hoàn thiện quan điểm và định hướng chính trị đối với công tác PCTN. Từ chỗ nhận diện tham nhũng như một hiện tượng tiêu cực trong bộ máy công quyền, Đảng từng bước xác định rõ hơn đây là nguy cơ trực tiếp đe dọa vai trò cầm quyền của Đảng, làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, băng hoại đạo đức công vụ và xói mòn niềm tin của Nhân dân đối với chế độ. Trên cơ sở đó, Đảng ngày càng nhấn mạnh yêu cầu phải tiến hành công tác PCTN với quyết tâm chính trị cao, kiên quyết, kiên trì, thường xuyên, liên tục; kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, giữa phòng ngừa và xử lý, giữa kỷ luật Đảng với pháp luật của Nhà nước.

Từ sau công cuộc đổi mới năm 1986 đến trước năm 2012, nhận thức và chủ trương của Đảng về công tác PCTN từng bước được hình thành và hoàn thiện, tạo nền tảng chính trị, tư tưởng và thể chế cho giai đoạn sau. Tuy nhiên, bước ngoặt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng diễn ra từ năm 2012, khi Hội nghị Trung ương 5 khóa XI quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN trực thuộc Bộ Chính trị, do Tổng Bí thư làm Trưởng ban. Cùng với đó, Ban Nội chính Trung ương được giao làm cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, thực hiện chức năng tham mưu chiến lược, đồng thời trực tiếp phối hợp, đôn đốc, kiểm tra hoạt động của các cơ quan có liên quan. Quyết định này không chỉ kiện toàn đầu mối chỉ đạo tập trung, thống nhất ở cấp cao nhất, mà còn khẳng định rõ quan điểm Đảng trực tiếp, toàn diện lãnh đạo công PCTN trên phạm vi cả nước. Từ dấu mốc đó, cuộc đấu tranh PCTN bước sang giai đoạn phát triển mới, ngày càng bài bản, đồng bộ và hiệu quả hơn.

Vai trò lãnh đạo của Đảng còn được thể hiện rất rõ thông qua việc ban hành chủ trương, nghị quyết, kết luận, chỉ thị và các quy định có tính định hướng chiến lược đối với công tác PCTN. Từ năm 2012 đến nay, hệ thống chủ trương, quy định ngày càng được bổ sung, hoàn thiện theo hướng chặt chẽ, toàn diện và đồng bộ hơn. Nổi bật là Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30-10-2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026) về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới. Các Nghị quyết này cho thấy, Đảng không chỉ xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, phương châm, nhiệm vụ và giải pháp lớn của công tác PCTN, mà còn từng bước mở rộng nội hàm lãnh đạo từ chống tham nhũng đơn thuần sang đồng thời chống lãng phí, tiêu cực, suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, coi đó là những biểu hiện của sự tha hóa quyền lực cần phải được kiểm soát chặt chẽ.

Sự vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng về PCTN không chỉ dừng lại ở việc đề ra chủ trương, đường lối, mà còn thể hiện rõ trong quá trình lãnh đạo thể chế hóa các chủ trương đó thành cơ chế, chính sách và pháp luật cụ thể. Tiêu biểu là Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 số 36/2018/QH14; Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 132/2025/QH15, ban hành ngày 10/12/2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026; cùng với các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và KSQL như Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP; Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Các văn bản này đã cụ thể

hóa ngày càng đầy đủ hơn các yêu cầu về KSQL, trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch, kiểm soát tài sản, thu nhập, trách nhiệm của người đứng đầu và xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực, qua đó chuyên hóa quan điểm, chủ trương của Đảng thành khuôn khổ pháp lý và cơ chế tổ chức thực hiện đồng bộ, chặt chẽ hơn.

Điều đó cho thấy, Đảng ngày càng nhận thức sâu sắc rằng, muốn PCTN có hiệu quả thì không thể chỉ dựa vào quyết tâm chính trị, giáo dục đạo đức hay sự tự giác của cán bộ, đảng viên, mà phải đồng thời xây dựng được cơ chế KSQL đủ mạnh, phân định rõ trách nhiệm, đề cao công khai, minh bạch, kiểm soát chặt chẽ tài sản, thu nhập, bảo đảm trách nhiệm giải trình và bịt kín những sơ hở trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội. Đây chính là biểu hiện sinh động của việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, KSQL, chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham ô, lãng phí trong điều kiện xây dựng NNQP XHCN và hoàn thiện thể chế quản trị quốc gia hiện nay.

Vai trò lãnh đạo của Đảng còn được biểu hiện ở việc lãnh đạo tổ chức bộ máy và phối hợp các lực lượng thực hiện công tác PCTN. Qua hơn một thập niên hoạt động, Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực đã thực sự trở thành thiết chế có vai trò đặc biệt quan trọng trong HTCT, bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, xuyên suốt đối với công tác này. Không chỉ ở Trung ương, tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, Đảng còn quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về PCTN, tiêu cực, góp phần mở rộng mạng lưới lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát và KSQL từ Trung ương đến địa phương. Cùng với đó, các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được củng cố về tổ chức, nâng cao năng lực, bản lĩnh chính trị và đạo đức công vụ, từng bước khắc phục tình trạng chông chéo, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Điều này cho thấy vai trò lãnh đạo của Đảng không chỉ thể hiện ở việc vạch ra đường lối, mà còn ở năng lực tổ chức thực hiện, điều hòa, phối hợp toàn bộ HTCT tham gia vào cuộc đấu tranh PCTN.

Bên cạnh đó, Đảng còn tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và KSQL nhằm chủ động phát hiện, ngăn chặn từ sớm, từ xa các biểu hiện sai phạm, tham nhũng, tiêu cực. Trong Đại hội XIV, Đảng đánh giá: “Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đi vào chiều sâu; các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Chất lượng, hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát được nâng lên và đạt được kết quả nổi bật, khá toàn diện, có bước đột phá, góp phần quan trọng vào

công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị” [67, tr.144]. Đây là biểu hiện trực tiếp của sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, về việc phải thường xuyên tự kiểm tra, tự chỉnh đốn, kịp thời phát hiện và xử lý những biểu hiện lệch lạc ngay trong nội bộ. Trong bối cảnh hiện nay, nội dung đó còn được phát triển thành yêu cầu KSQL trên các lĩnh vực để phát sinh tham nhũng như công tác cán bộ, quản lý tài sản công, đầu tư công, đất đai, tài chính, ngân sách, đấu thầu, đấu giá, mua sắm công... qua đó chuyển mạnh từ xử lý bị động sang chủ động phòng ngừa từ gốc.

Gắn liền với công tác kiểm tra, giám sát, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN còn được thể hiện rõ ở việc lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đảng xác định PCTN trước hết là phòng, chống sự tha hóa quyền lực ở đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức vụ, quyền hạn. Vì vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững vàng về bản lĩnh chính trị, gương mẫu về đạo đức, lối sống, có năng lực thực thi công vụ và tinh thần trách nhiệm cao vừa là yêu cầu của công tác cán bộ, vừa là giải pháp có ý nghĩa nền tảng đối với PCTN. Tinh thần đó được thể hiện rõ trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số ) về “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”. Trong đó, Đảng nhấn mạnh cán bộ phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, năng lực nổi trội, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, gắn bó mật thiết với Nhân dân, có uy tín và tinh thần phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; đặc biệt, người đứng đầu phải thật sự tiêu biểu về bản lĩnh, trí tuệ, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm nêu gương. Đánh giá vấn đề này, Đảng chỉ rõ: “Công tác cán bộ có nhiều đổi mới, đội ngũ cán bộ ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới” [65, tr.219-220]; “Công tác cán bộ được đặc biệt coi trọng, có nhiều đổi mới, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp từng bước trưởng thành, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nhiều chủ trương, giải pháp về công tác cán bộ được thể chế hóa, cụ thể hóa bằng các quy định, quy chế, quy trình bảo đảm đồng bộ, dân chủ, minh bạch và chặt chẽ” [64, tr.358].

Trên nền tảng xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, Đảng đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm nêu gương như một yêu cầu có ý nghĩa trực tiếp đối với công tác PCTN. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về việc cán bộ, đảng viên phải

“miệng nói, tay làm”, “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”, Đảng xác định nêu gương không chỉ là chuẩn mực đạo đức, mà còn là phương thức lãnh đạo, phương thức giáo dục, cảm hóa và phòng ngừa vi phạm ngay từ bên trong đội ngũ. Tinh thần đó được thể hiện rõ trong Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”. Quy định yêu cầu cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp cao, phải gương mẫu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác đi đầu trong tự phê bình và phê bình, chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm, nói đi đôi với làm, nghiêm khắc với bản thân và có trách nhiệm với tập thể. Điều đó cho thấy Đảng ngày càng nhận thức sâu sắc rằng muốn PCTN hiệu quả thì trước hết phải bắt đầu từ sự gương mẫu, trong sạch, liêm chính của chính đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu.

Bước phát triển tiếp theo trong sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nêu gương được thể hiện trong Quy định số 144-QĐ/TW ngày 9/5/2024 của Bộ Chính trị về “Chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới”. Nếu Quy định số 08-QĐ/TW nhấn mạnh trách nhiệm nêu gương như một yêu cầu chính trị và tổ chức, thì Quy định số 144-QĐ/TW tiếp tục cụ thể hóa sâu hơn ở phương diện đạo đức cách mạng, yêu cầu cán bộ, đảng viên phải trung thành, trung thực, đoàn kết, kỷ cương, gương mẫu, trách nhiệm, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Việc ban hành quy định này cho thấy Đảng không chỉ đặt ra yêu cầu nêu gương ở phương diện hành vi công vụ, mà còn hướng tới xây dựng nền tảng đạo đức bên trong của cán bộ, đảng viên, coi đó là “gốc” để ngăn ngừa sự tha hóa quyền lực và PCTN từ sớm, từ xa.

Như vậy, thông qua việc đề cao trách nhiệm nêu gương và chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, Đảng đã từng bước chuyển hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về nêu gương, tự rèn luyện, tự phê bình và phê bình thành những yêu cầu có tính chuẩn mực, kỷ luật và cơ chế thực hiện cụ thể. Đây không chỉ là giải pháp quan trọng để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, mà còn là phương diện thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN trong điều kiện mới.

Vai trò lãnh đạo của Đảng còn được thể hiện trong lãnh đạo xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về phải xử lý nghiêm những kẻ xâm hại lợi ích của Nhà nước và Nhân dân, Đảng đã vận dụng thành nguyên

tắc không có vùng cấm, không có ngoại lệ trong xử lý cán bộ vi phạm. Những năm gần đây, nhiều cán bộ, đảng viên vi phạm, trong đó có cả cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, đương chức và đã nghỉ hưu, đã bị thi hành kỷ luật đảng, xử lý hành chính và xử lý hình sự nghiêm minh. Điều đó không chỉ thể hiện quyết tâm chính trị cao của Đảng, mà còn phản ánh sự thống nhất ngày càng chặt chẽ giữa kỷ luật đảng với pháp luật của Nhà nước, giữa yêu cầu răn đe, cảnh tỉnh với giáo dục, phòng ngừa. Đây là một trong những biểu hiện rõ nhất của vai trò lãnh đạo thực chất, hiệu lực và hiệu quả của Đảng đối với công tác PCTN trong giai đoạn hiện nay. Kết quả thực tiễn cho thấy từ khi có Ban Chỉ đạo, công tác phát hiện và xử lý tham nhũng có bước nhảy về số lượng và quy mô: theo báo cáo tổng kết, trong giai đoạn 2013-2020 hệ thống thanh tra, kiểm toán đã kiến nghị xử lý tài chính hơn 700 nghìn tỷ đồng và chuyển nhiều vụ việc sang cơ quan điều tra [168]; trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, “đã kỷ luật 17.808 công chức, viên chức; cho nghỉ việc, thôi việc 10.880 người; cho từ chức, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ đối với 94 cán bộ diện Trung ương quản lý, trong đó có 7 Ủy viên Bộ Chính trị, 1 Ủy viên Ban Bí thư và 18 Ủy viên Trung ương Đảng, có cả lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước, trên 1.000 cán bộ diện ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành cấp ủy cấp tỉnh” [67, tr.363]. Điều này thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, quyết tâm chính trị của Đảng đối với công tác PCTN hiện nay.

Cùng với việc lãnh đạo phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, vai trò lãnh đạo của Đảng còn được thể hiện rõ trong chỉ đạo nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế. Đây là nội dung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đấu tranh PCTN không chỉ dừng lại ở xử lý cán bộ vi phạm, mà còn phải khắc phục hậu quả vật chất do tham nhũng gây ra, thu hồi tối đa tài sản cho Nhà nước, tập thể và Nhân dân. Trên tinh thần đó, Đảng đã lãnh đạo các cơ quan chức năng tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; chú trọng áp dụng đồng bộ các biện pháp kê biên, phong tỏa, truy tìm, xác minh, xử lý tài sản ngay từ sớm, ngay trong quá trình thanh tra, kiểm tra, điều tra và tố tụng. Điều này cho thấy công tác thu hồi tài sản ngày càng được đặt trong sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng, gắn chặt giữa yêu cầu xử lý về tổ chức, cán bộ với yêu cầu thu hồi tài sản tham nhũng trên thực tế. Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản trị giá trên 760 nghìn tỉ đồng. Riêng các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo, trong giai

đoạn thi hành án dân sự đã thu hồi được trên 77.498 tỉ đồng. Đã xử lý kỷ luật hơn 1.200 cán bộ trong các cơ quan chức năng PCTN, lãng phí, tiêu cực, trong đó có hơn 430 trường hợp bị xử lý hình sự [67, tr.370].

Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN còn thể hiện ở việc gắn chặt nhiệm vụ này với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng, chống tiêu cực và xây dựng văn hóa liêm chính trong HTCT. Nếu như trước đây trọng tâm chủ yếu đặt vào phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng, thì nay Đảng ngày càng chú trọng hơn đến việc nhận diện, ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, lãng phí, tiêu cực và tha hóa quyền lực. Cách tiếp cận đó cho thấy công tác PCTN không còn bị giới hạn ở bình diện pháp lý hay kinh tế đơn thuần, mà được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với xây dựng Đảng, xây dựng HTCT và củng cố nền tảng đạo đức của đời sống công vụ. Đồng thời, thông qua việc đề cao liêm chính, trách nhiệm nêu gương, kỷ luật, kỷ cương; phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, MTTQ, báo chí và các tổ chức CT-XH, Đảng từng bước đưa công tác PCTN trở thành một nhiệm vụ không chỉ của các cơ quan chuyên trách mà của cả HTCT và toàn xã hội. Đây là bước phát triển mới rất quan trọng trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, bởi Người luôn coi chống tham ô, lãng phí, quan liêu không chỉ là xử lý vi phạm, mà còn là xây dựng đạo đức cách mạng, xây dựng văn hóa chính trị lành mạnh và củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong PCTN vẫn còn một số hạn chế nhất định. Ở một số nơi, nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu về vị trí, ý nghĩa, yêu cầu của công tác PCTN chưa thật đầy đủ, sâu sắc; việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành chương trình hành động, cơ chế thực hiện có mặt còn chậm, thiếu đồng bộ.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và KSQL ở một số lĩnh vực, địa bàn, cấp cơ sở vẫn chưa thật chặt chẽ; tình trạng né tránh, nể nang, ngại va chạm, “trên nóng, dưới chưa thật nóng” còn diễn ra, làm ảnh hưởng đến hiệu quả phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực.

Bên cạnh đó, công tác cán bộ vẫn còn những tồn tại, yếu kém nhất định; công tác đánh giá cán bộ còn chưa toàn diện, chính xác, đầy đủ; KSQL trong công tác cán bộ, quản lý cán bộ cấp chiến lược có mặt còn hạn chế. Năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, hạn chế trong thực hiện trách nhiệm nêu

guong, vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật nhà nước [67, tr.380]. Tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên một số lĩnh vực vẫn còn diễn biến phức tạp. Cơ chế phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có mặt chưa hiệu quả [67, tr.381].

Những hạn chế đó cho thấy việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN cần tiếp tục được đẩy mạnh hơn nữa cả về nhận thức, thể chế, tổ chức thực hiện và kiểm soát quyền lực trong thời gian tới.

### ***3.1.2.2. Vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách trong phòng, chống tham nhũng***

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt coi trọng việc tổ chức và phát huy vai trò của các cơ quan có chức năng kiểm tra, thanh tra, giám sát trong phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham ô, lãng phí, quan liêu. Người từng chỉ rõ, thanh tra là “tai mắt của trên, là người bạn của dưới”, qua đó khẳng định vị trí không thể thiếu của các cơ quan kiểm tra, thanh tra trong việc giúp Đảng, Nhà nước nắm chắc tình hình, phát hiện kịp thời sai phạm, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương và bảo đảm sự trong sạch của bộ máy công quyền. Theo Người, muốn chống tham ô, lãng phí, quan liêu có hiệu quả thì không thể chỉ dựa vào lời kêu gọi đạo đức hay sự tự giác của cán bộ, mà phải có tổ chức, có lực lượng, có cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên và có cơ quan đủ thẩm quyền để phát hiện, ngăn chặn, xử lý sai phạm. Đây là cơ sở tư tưởng quan trọng để Đảng và Nhà nước ta vận dụng, phát triển trong quá trình xây dựng, củng cố và phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan có chức năng PCTN, tiêu cực.

Trên cơ sở quán triệt tư tưởng đó, Đảng và Nhà nước ta từng bước xây dựng, kiện toàn hệ thống các cơ quan có chức năng PCTN, tiêu cực theo hướng ngày càng rõ chức năng, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm và tăng cường phối hợp trong tổ chức thực hiện. Trong giai đoạn đổi mới, nhất là từ năm 2012 đến nay hệ thống các cơ quan có chức năng PCTN từng bước được kiện toàn, chuyên nghiệp hóa và pháp lý hóa. Các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được củng cố cả về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp. Cùng với đó, vai trò của các cơ quan kiểm tra của Đảng, cơ quan nội chính, cơ quan bảo vệ pháp luật và các thiết chế kiểm soát quyền lực trong bộ máy nhà nước ngày càng được đề cao, tạo thành mạng lưới tương đối đồng bộ trong phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Đặc biệt, việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực, nay là Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, lãng phí, tiêu cực, đã tạo bước chuyển quan trọng trong

phương thức lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN ở nước ta. Với việc Tổng Bí thư trực tiếp làm Trưởng ban, Ban Chỉ đạo đã thể hiện rõ vai trò trung tâm trong lãnh đạo, định hướng, điều phối và đôn đốc xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm. Hoạt động của Ban Chỉ đạo góp phần bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến địa phương; khắc phục tình trạng phân tán, cục bộ, né tránh, nể nang trong xử lý tham nhũng; đồng thời khẳng định quyết tâm chính trị của Đảng trong đấu tranh PCTN theo tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai”.

Cùng với vai trò chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đã có nhiều chuyển biến tích cực trong phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực. Công tác thanh tra, kiểm toán ngày càng tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh sai phạm như quản lý đất đai, tài chính công, đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng, chứng khoán, đấu thầu, mua sắm công. Nhiều vụ việc có dấu hiệu tội phạm đã được chuyển đến cơ quan điều tra để xem xét, xử lý theo quy định. Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, “Các cơ quan chức năng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đã phát hiện, chuyển gần 1.900 vụ, việc có dấu hiệu tội phạm đến cơ quan điều tra để xem xét, xử lý theo quy định” [67, tr.369]. Kết quả đó cho thấy vai trò ngày càng rõ nét của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán trong phát hiện sớm, ngăn chặn từ xa và xử lý kịp thời các biểu hiện tham nhũng, tiêu cực.

Các cơ quan tư pháp, nhất là cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và cơ quan thi hành án, cũng từng bước nâng cao hiệu quả phối hợp trong xử lý các vụ án tham nhũng, tiêu cực. Nhiều vụ án lớn, phức tạp, kéo dài nhiều năm đã được đưa ra điều tra, truy tố, xét xử công khai, nghiêm minh, tạo hiệu ứng răn đe mạnh mẽ trong xã hội. Việc xử lý nghiêm cả cán bộ cấp cao, cán bộ đương chức và đã nghỉ hưu đã góp phần khẳng định nguyên tắc mọi tổ chức, cá nhân đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, công tác thu hồi tài sản tham nhũng từng bước được quan tâm hơn, góp phần hạn chế thất thoát tài sản công, củng cố niềm tin của Nhân dân vào quyết tâm PCTN của Đảng và Nhà nước.

Có thể khẳng định, việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan có chức năng PCTN, tiêu cực đã góp phần hình thành cơ chế KSQL ngày càng đồng bộ, kết hợp giữa phòng ngừa và xử lý, giữa kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, giữa kiểm tra, giám sát nội bộ với thanh

tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và giám sát của Nhân dân. Thông qua đó, công tác PCTN, tiêu cực không còn là hoạt động đơn lẻ của một cơ quan, mà trở thành nhiệm vụ chung của cả HTCT, được tổ chức thực hiện bằng cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, có phân công, phối hợp và kiểm soát ngày càng chặt chẽ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan có chức năng PCTN, tiêu cực vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Trước hết, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử ở một số nơi chưa thật sự đồng bộ, nhịp nhàng; có lúc, có việc còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu xử lý kịp thời các vụ việc phức tạp. Tình trạng chùng chể về chức năng, nhiệm vụ, đùn đẩy trách nhiệm hoặc thiếu chủ động trong phối hợp vẫn còn xảy ra, làm ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của công tác PCTN, tiêu cực. Đảng đã chỉ rõ: “Công tác phối hợp giữa Ủy ban kiểm tra với các cơ quan liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát chưa nhịp nhàng, có lúc, có việc còn chậm, hiệu quả không cao. Trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa có sự đồng bộ cao giữa Trung ương và địa phương; một số cấp uỷ và người đứng đầu quyết tâm chưa cao” [68, tr.225].

Bên cạnh đó, việc KSQL nội bộ trong chính các cơ quan có chức năng PCTN, tiêu cực có nơi, có lúc chưa thật sự chặt chẽ. Một bộ phận cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử chưa thật sự gương mẫu, bản lĩnh, thậm chí có trường hợp vi phạm, tiêu cực, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan thực thi nhiệm vụ PCTN và niềm tin của Nhân dân. Một số quy định về phối hợp, chia sẻ thông tin, bảo vệ người phát hiện, phản ánh, tố cáo tham nhũng, tiêu cực còn bất cập; cơ chế phòng ngừa lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử chưa thật sự đầy đủ và hiệu quả.

Những hạn chế trên cho thấy, để tiếp tục vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan có chức năng PCTN, tiêu cực, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, tăng cường KSQL nội bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng, sự quản lý hiệu lực của Nhà nước và sự giám sát rộng rãi của Nhân dân. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm xây dựng các cơ quan PCTN thật sự trong sạch, liêm chính, chuyên nghiệp, đủ năng lực, bản lĩnh và uy tín để đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng, NNPQ XHCN và quản trị quốc gia trong giai đoạn mới.

### ***3.1.2.3. Vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và Nhân dân trong phòng, chống tham nhũng***

Vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh đã hình thành cơ chế PCTN mang tính hệ thống, đồng bộ, có sự tham gia của toàn bộ HTCT. Công tác PCTN không chỉ giao cho một cơ quan đơn lẻ, mà được triển khai thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Tổ chức bộ máy được kiện toàn theo hướng: Đảng lãnh đạo trực tiếp, Nhà nước thể chế hóa bằng pháp luật, MTTQ và các đoàn thể tham gia giám sát xã hội. Các cơ quan trong HTCT được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và phát huy vai trò trong hoạt động PCTN trên các lĩnh vực như:

Quốc hội không ngừng đổi mới, hoàn thiện phương thức, nội dung, đa dạng hóa các hình thức giám sát bao quát hầu hết các lĩnh vực, tập trung vào những vấn đề lớn, quan trọng hoặc bức xúc của cuộc sống. Giám sát chuyên đề tiếp tục đi vào chiều sâu, hiệu quả rõ nét, lựa chọn “trúng” và “đúng” vấn đề. Trong đó đã triển khai và tổ chức nhiều chuyên đề giám sát quy mô lớn, có sức lan tỏa và tác động sâu rộng trong đời sống KT-XH, thể hiện rõ vai trò cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Các chuyên đề tiêu biểu gồm: giám sát tối cao việc thực hiện chính sách, pháp luật về PCTN, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực; việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác cán bộ. Bên cạnh đó, Quốc hội còn tiến hành giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và thực hiện các nghị quyết liên quan đến các dự án quan trọng quốc gia. Những chuyên đề giám sát này không chỉ góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác giám sát tối cao, mà còn tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý, điều hành của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, thúc đẩy phát triển bền vững, công khai và minh bạch trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đánh giá kết quả giám sát của Quốc hội, Tổng bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “Hoạt động giám sát của Quốc hội không ngừng được cải tiến, tập trung vào những vấn đề bức xúc của cuộc sống, góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, thúc đẩy các cơ quan Nhà nước thực hiện tốt hơn nhiệm vụ” [92].

Chính phủ đã thể hiện rõ vai trò trung tâm trong chỉ đạo, điều hành công tác PCTN, coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn liền với xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân. Các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương đã tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử nhằm hạn chế cơ hội phát sinh tham nhũng. Chính phủ cũng ban hành

nhiều nghị định, chiến lược, chương trình hành động về PCTN, như Chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2030, góp phần cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, tạo hành lang pháp lý chặt chẽ cho các cơ quan, tổ chức trong việc thực thi nhiệm vụ.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã đẩy mạnh công tác giám sát, phản biện xã hội, phát hiện và kiến nghị xử lý nhiều vụ việc tham nhũng, tiêu cực. Báo chí, truyền thông phát huy vai trò là “vũ khí sắc bén” trong PCTN, góp phần phát hiện sai phạm, phản ánh trung thực ý kiến Nhân dân, cổ vũ gương người tốt, việc tốt, tạo sức ép dư luận tích cực buộc các cơ quan chức năng phải vào cuộc. Ở cơ sở, nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo như “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát” được triển khai thực chất, giúp nâng cao tính minh bạch, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực của Nhà nước.

Thời gian qua, cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng, sự vào cuộc đồng bộ của các cơ quan trong HTCT, vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức CT-XH ngày càng được phát huy. Nhiều phong trào quần chúng, cuộc vận động như “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với nội dung PCTN đã tạo khí thế thi đua sôi nổi, thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo vệ người tố cáo tham nhũng được chú trọng hơn, khuyến khích nhân dân mạnh dạn đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng. Nhờ đó, sức mạnh tổng hợp của toàn dân và cả HTCT từng bước được khơi dậy, góp phần hình thành môi trường xã hội lành mạnh, minh bạch, đồng thuận trong công cuộc PCTN. Thực tiễn cho thấy, nhiều vụ việc nghiêm trọng đã được phanh phui từ phản ánh của Nhân dân và báo chí. Đây chính là sự cụ thể hóa tư tưởng “dựa vào dân để PCTN”. Nhờ phát huy sức mạnh của toàn dân và cả HTCT, cuộc đấu tranh PCTN ở Việt Nam đã trở thành phong trào có chiều sâu, được Nhân dân đồng thuận và ủng hộ mạnh mẽ. Niềm tin của Nhân dân vào quyết tâm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” của Đảng và Nhà nước ngày càng được củng cố; đồng thời, hình thành văn hóa liêm chính trong xã hội, góp phần quan trọng vào việc xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thúc đẩy phát triển đất nước bền vững.

Bên cạnh những kết quả quan trọng trong việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh của HTCT và Nhân dân trong PCTN vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Đảng nhìn nhận: “Hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

các cấp và Nhân dân chưa cao” [68, tr.226]. Một số cơ quan, đơn vị, hoạt động phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT chưa thật sự đồng bộ, còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, thiếu chủ động và chưa phát huy hết vai trò giám sát, phản biện của các tổ chức CT-XH, MTTQ. Công tác giám sát của Quốc hội, HĐND và MTTQ tuy có chuyển biến nhưng đôi khi vẫn còn hình thức, hiệu lực chưa cao, thiếu cơ chế ràng buộc trách nhiệm đối với những kiến nghị sau giám sát. Một số cơ quan hành chính nhà nước vẫn chưa thực sự coi trọng công tác PCTN như một nhiệm vụ thường xuyên; việc công khai, minh bạch thông tin, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, đầu tư công, mua sắm tài sản, còn hạn chế, tạo kẽ hở cho tham nhũng nảy sinh. Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng ở cấp cơ sở còn yếu, chưa tương xứng với yêu cầu; tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” vẫn tồn tại, làm giảm hiệu quả lan tỏa của các biện pháp chỉ đạo từ Trung ương.

Vai trò của Nhân dân trong giám sát, tố cáo hành vi tham nhũng vẫn chưa được phát huy đầy đủ; cơ chế bảo vệ người tố cáo, khuyến khích nhân dân tham gia PCTN còn thiếu chặt chẽ, chưa thực sự tạo được niềm tin và động lực mạnh mẽ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức vẫn còn biểu hiện nể nang, né tránh, ngại va chạm trong đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực. Những hạn chế này cho thấy việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh toàn dân và cả HTCT trong PCTN tuy đạt nhiều kết quả tích cực, nhưng vẫn cần tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, thực chất hơn, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả và bền vững trong thời gian tới.

### **3.1.3. Thực trạng vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về biện pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam từ 2012 đến nay**

Có thể thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN chủ yếu tập trung vào: (i) nhận thức về tham nhũng như một mối nguy hại đạo đức và chính trị; (ii) nguyên tắc “xây và chống” - giáo dục đạo đức song hành cùng xử lý nghiêm; (iii) phương thức huy động sức mạnh toàn dân, phát huy vai trò giám sát của Nhân dân và báo chí; (iv) quyết tâm chính trị: không có “vùng cấm” trong xử lý. Những nguyên tắc này tương thích với các biện pháp PCTN hiện đại: pháp luật hóa hành vi tham nhũng (hình sự & hành chính), phòng ngừa qua minh bạch và kiểm soát nội bộ, công cụ phát hiện như thanh tra/kiểm toán, và cơ chế xử lý, thu hồi tài sản. Do đó, khi đánh giá các biện pháp PCTN hiện hành ở Việt Nam cần xem xét mức độ thể chế hóa tư tưởng Hồ Chí Minh - tức liệu chính sách, cơ chế có thực sự hiện thực hóa nguyên tắc giáo dục + pháp luật + dân giám sát hay không.

Trong thực tiễn quản trị và PCTN, các biện pháp có thể chia thành năm nhóm lớn gồm: i) Tuyên truyền, giáo dục đạo đức, văn hóa liêm chính, phát huy tinh thần gương mẫu của cán bộ, đảng viên; ii) Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật PCTN; iii) Kiểm tra, giám sát, KSQL; iv) Phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực; v) Tăng cường, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về PCTN và mở rộng hoạt động PCTN, tiêu cực ra khu vực ngoài nhà nước. Vì vậy, khảo sát thực trạng vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về biện pháp PCTN trong thời gian vừa qua ở Việt Nam sẽ được thực hiện trên các khía cạnh trên.

*Thứ nhất, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về tuyên truyền, giáo dục đạo đức, văn hóa liêm chính, phát huy tinh thần gương mẫu của cán bộ, đảng viên.*

Quán triệt quan điểm: Trong phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu, giáo dục là chính, trừng phạt là phụ của Hồ Chí Minh, Đảng xác định tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các chủ thể, lực lượng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, giữ vai trò nền tảng trong công cuộc đấu tranh PCTN, tiêu cực. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác này, thời gian qua, các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, tổ chức trong HTCT đã chủ động, sáng tạo trong việc đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục, giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm vững, thấm nhuần chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTN, tiêu cực. Công tác tuyên truyền được triển khai đa dạng, phong phú với nhiều hình thức sinh động, gắn với các phong trào, cuộc vận động lớn như “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng”,..., qua đó khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác, liêm chính trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Thực tế cho thấy, trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương đã tổ chức 5 hội nghị toàn quốc về công tác PCTN, lãng phí, tiêu cực. Tính đến hết năm 2025, các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức hơn 837.000 lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN, tiêu cực cho hơn 28 triệu lượt cán bộ, đảng viên, Nhân dân; xuất bản hơn 2,9 triệu đầu sách, tài liệu tuyên truyền pháp luật về PCTN, tiêu cực; nhất là đã triển khai đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng sâu rộng đến cấp chi bộ để quán triệt, nghiên cứu, học tập nội dung tác phẩm "Kiên quyết, kiên trì đấu tranh PCTN, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh" của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và tuyên truyền sâu rộng các thông điệp, quan điểm chỉ đạo mới về PCTN, lãng phí, tiêu cực của đồng chí

Tổng Bí thư Tô Lâm trong giai đoạn cách mạng mới. Các cơ quan thông tấn, báo chí đã đăng tải trên 74.340 tin, bài về công tác PCTN, lãng phí, tiêu cực (tăng gấp 5 lần so với nhiệm kỳ Đại hội XII); nhất là đã mở nhiều chuyên mục mới, diễn đàn nghiên cứu, trao đổi, phân tích chuyên sâu về công PCTN, tiêu cực [67, tr.372].

Mặt khác, việc phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN ngày càng được đẩy mạnh và đổi mới theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng. Nội dung PCTN đã được đưa vào chương trình giáo dục phổ thông, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong HTCT; thông qua báo chí, truyền thông, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật có lồng ghép nội dung liêm chính, công minh. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, cùng với việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, đã giúp đưa quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về PCTN đến gần hơn với các đối tượng, bảo đảm tính công khai, minh bạch và dễ tiếp cận. Đặc biệt, công tác truyền thông về kết quả thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, tiêu cực được công khai, có định hướng, vừa có tác dụng cảnh tỉnh, răn đe, vừa góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước trong công cuộc đấu tranh này.

Việc tôn vinh những tập thể, cá nhân gương mẫu, dũng cảm trong đấu tranh chống tiêu cực được chú trọng, tạo hiệu ứng lan tỏa sâu rộng, khích lệ tinh thần liêm chính, dám nói, dám làm vì lợi ích chung. Cùng với đó, các cấp ủy, tổ chức đảng đưa tiêu chí “không tham nhũng, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí” vào nội dung đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả PCTN tại cơ quan, đơn vị. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và XIII đã có tác dụng giáo dục, răn đe, cảnh tỉnh mạnh mẽ, giúp cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, tránh sa vào tham nhũng, tiêu cực. Nhờ vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tuyên truyền, giáo dục đấu tranh PCTN, công tác này đã đạt được nhiều kết quả rõ nét: nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên; tinh thần đồng thuận, niềm tin xã hội đối với quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong công tác PCTN ngày càng được củng cố; đồng thời, hình thành nền tảng đạo đức và văn hóa liêm chính, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước và xã hội ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Đảng ta ngày càng coi trọng việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, đặc biệt là giáo dục phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, xem đây là nền tảng đạo đức và là giải pháp

căn cơ, bền vững để PCTN, tiêu cực. Bởi, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh, muốn chống tham ô, lãng phí, quan liêu một cách hiệu quả, thì trước hết phải “làm cho cán bộ ta thật thấm nhuần đạo đức cách mạng”, phải lấy giáo dục, rèn luyện làm gốc để phòng bệnh hơn chữa bệnh.

Thấm nhuần tư tưởng ấy, Đảng đã xác định rõ: nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục, thực hành đạo đức liêm chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Công tác giáo dục đạo đức, văn hóa liêm chính vì thế không chỉ dừng lại ở tuyên truyền, học tập lý thuyết mà được triển khai liên tục, thực chất, gắn với từng vị trí công tác, trở thành công việc tự giác, nội tâm hóa trong mỗi cán bộ, đảng viên, đồng thời là trách nhiệm chung của toàn bộ HTCT.

Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ngày càng đi vào chiều sâu, gắn liền với quá trình rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ, tác phong công tác và lối sống giản dị, trong sáng. Nhiều quy định quan trọng về nêu gương đã được ban hành, thể hiện quyết tâm của Đảng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ mẫu mực cả về đức và tài, như: Quy định số 101-QĐ/TW (2012) của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương; Quy định số 08-QĐi/TW (2018) của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo chủ chốt; Quy định số 144-QĐ/TW (2024) của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới; và Quy định số 365-QĐ/TW (2025) về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Tất cả đều khẳng định rõ phương châm: Với phương châm: “Cán bộ, đảng viên chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, cấp trên gương mẫu trước cấp dưới, cấp ủy gương mẫu trước đảng viên, đảng viên gương mẫu trước quần chúng” [33, tr.2]. Đặc biệt, Đảng đã coi kết quả công tác PCTN, tiêu cực là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá phẩm chất, năng lực và uy tín của cán bộ, nhất là người đứng đầu. Điều này góp phần thúc đẩy tinh thần tự soi, tự sửa, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự gương mẫu, liêm khiết của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Song song với đó, công tác giáo dục đạo đức được kết hợp chặt chẽ với tuyên truyền pháp luật, nâng cao nhận thức chính trị, phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, báo chí và truyền thông, qua đó hình thành môi trường CT-XH trong sạch, minh bạch, đề cao văn hóa liêm chính trong toàn xã hội.

Tuy đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhưng việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về tuyên truyền, giáo dục đạo đức, văn hóa liêm chính, phát huy tinh thần gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong PCTN vẫn còn một số hạn chế nhất định. Trước hết, công tác giáo dục đạo đức, lối sống liêm chính ở một số nơi còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu, chưa thật sự trở thành nhu cầu tự thân và động lực nội tâm của mỗi cán bộ, đảng viên. Đảng chỉ rõ: “Hoạt động tuyên truyền, giáo dục, xây dựng văn hoá liêm chính, tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có mặt còn hạn chế” [68, tr.225].

Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vẫn còn biểu hiện chiếu lệ, đối phó, chưa gắn chặt với thực tiễn công tác và việc tu dưỡng hằng ngày. Bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, chưa thật sự gương mẫu trong đạo đức, lối sống, thậm chí còn vi phạm nghiêm trọng các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân, khiến việc nêu gương chưa tạo được sức lan tỏa mạnh mẽ trong toàn HTCT.

Cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện nêu gương và rèn luyện đạo đức còn thiếu đồng bộ, chưa nghiêm; các tiêu chí đánh giá phẩm chất liêm chính còn chung chung, khó lượng hóa, việc khen thưởng, kỷ luật chưa kịp thời. Ngoài ra, sự phối hợp giữa giáo dục đạo đức với tuyên truyền pháp luật, giám sát xã hội và truyền thông chưa thật chặt chẽ, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả HTCT trong xây dựng môi trường văn hóa liêm chính. Một bộ phận quần chúng nhân dân vẫn còn tâm lý e ngại, né tránh trong giám sát cán bộ, khiến hiệu quả giám sát xã hội đối với hành vi tham nhũng, tiêu cực còn hạn chế. Những hạn chế đó đòi hỏi cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức giáo dục đạo đức, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, đồng thời đề cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm và tính gương mẫu của người đứng đầu ở mọi cấp, mọi ngành.

*Thứ hai, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật PCTN.*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng việc xây dựng một Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân, trong đó pháp luật phải được đặt ở vị trí tối thượng, trở thành công cụ sắc bén để quản lý xã hội, bảo vệ công lý và quyền lợi chính đáng của Nhân dân. Người từng nhấn mạnh: Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, dù họ ở địa vị nào. Thấm nhuần và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người, trong công cuộc đổi mới, đặc biệt từ năm 2012 đến nay, Đảng và Nhà nước đã luôn chú trọng

hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật về PCTN, tiêu cực. Nhờ đó quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến PCTN ngày càng đồng bộ, chặt chẽ; tạo hành lang pháp lý vững chắc cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, quản lý KT-XH, cũng như PCTN, tiêu cực. Các quy định được ban hành không chỉ mang tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa, mà còn là cơ sở pháp lý quan trọng để phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi sai phạm, góp phần làm trong sạch bộ máy và củng cố lòng tin của Nhân dân.

Từ năm 2012 đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã ban hành gần 330 văn bản về xây dựng Đảng, HTCT và PCTN, tiêu cực - gần tương đương số lượng văn bản của ba thập kỷ trước đó. Nhiều chủ trương, quy định mang tính đột phá, quyết liệt và hiệu quả thực tiễn cao đã được triển khai nghiêm túc, tạo chuyển biến rõ rệt trong toàn HTCT. Đặc biệt, chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo PCTN, tiêu cực cấp tỉnh được thông qua tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII (tháng 5/2022) đã đánh dấu bước phát triển mới trong cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, toàn diện từ Trung ương đến địa phương, góp phần đẩy mạnh công tác PCTN ngay từ cơ sở.

Trên cơ sở đó, Quốc hội đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới hơn 187 luật, pháp lệnh và nhiều nghị quyết, tiêu biểu như Luật PCTN năm 2018, cùng hàng loạt đạo luật liên quan như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thanh tra, Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Cán bộ, công chức, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Giá... Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hơn 2.100 nghị định, quyết định, trong khi các bộ, ngành, địa phương ban hành gần 100.000 văn bản quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTN, tiêu cực. Việc hoàn thiện thể chế hiện nay không chỉ dừng lại ở xử lý hậu quả của tham nhũng, tiêu cực, mà đã chuyển mạnh sang phòng ngừa từ gốc, thông qua việc khắc phục những “kẽ hở” trong pháp luật và cơ chế quản lý, bảo đảm quyền lực luôn được kiểm soát trong khuôn khổ pháp luật, vận hành minh bạch và đúng đắn. Đây là bước phát triển có ý nghĩa sâu sắc trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về biện pháp PCTN.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả rất quan trọng đó, việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về PCTN vẫn còn một số hạn chế nhất định. Ở một số lĩnh vực, thể chế hóa chủ trương của Đảng còn có lúc chưa thật kịp thời, chưa theo sát yêu cầu của thực tiễn; một số quy định còn chồng chéo, thiếu thống nhất, tính khả thi chưa cao, dẫn đến quá trình tổ chức thực hiện còn

gặp khó khăn, vướng mắc; “quy định của pháp luật ở một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ và chưa chặt chẽ” [67, tr.381]. Việc phát hiện, sửa đổi, bổ sung những “kẽ hở” trong cơ chế, chính sách tuy đã được chú trọng nhưng ở một số nơi vẫn còn chậm; công tác phối hợp giữa các cơ quan trong xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật có mặt chưa thật chặt chẽ. Điều đó cho thấy yêu cầu tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế, nâng cao chất lượng tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật thực sự trở thành công cụ hữu hiệu để phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực ngay từ sớm, từ xa vẫn đang đặt ra hết sức cấp thiết.

*Thứ ba, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong kiểm tra, giám sát, KSQL.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi kiểm tra, giám sát là một khâu đặc biệt quan trọng trong phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Theo Người, kiểm tra không chỉ nhằm phát hiện sai sót, xử lý vi phạm, mà trước hết và sâu xa hơn là để bảo đảm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng đắn, hiệu quả trong thực tiễn.

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng đó, trong những năm qua, nhất là từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã đặc biệt coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng và KSQL, xem đây là một trong những nội dung trọng yếu của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Công tác kiểm tra, giám sát ngày càng được đổi mới theo hướng không chỉ xử lý khi vi phạm đã xảy ra, mà quan trọng hơn là phòng ngừa từ sớm, từ xa; phát hiện dấu hiệu vi phạm ngay từ khi mới manh nha; không để khuyết điểm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài, lan rộng. Đây chính là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh PCTN, lãng phí, tiêu cực hiện nay. Đảng đánh giá: “Hệ thống thể chế về kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và chặt chẽ hơn” [67, tr.365].

Điểm nổi bật là công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ngày càng được triển khai bài bản, toàn diện, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm; tập trung vào những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, dễ xảy ra lạm quyền, lợi ích nhóm, sai phạm trong quản lý tài sản công, đất đai, đầu tư, tài chính, tổ chức cán bộ. Tinh thần kiểm tra đã có bước chuyển quan trọng: từ bị động sang chủ động; từ nặng về xử lý sang kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa, cảnh báo, phát hiện và xử lý; từ kiểm tra đơn lẻ sang kiểm tra có hệ thống, có phối hợp và có theo dõi, đôn đốc sau

kiểm tra. Phương châm kiểm tra phải đi trước, phát hiện phải kịp thời, xử lý phải nghiêm minh ngày càng được cụ thể hóa trong thực tiễn, góp phần làm cho kỷ luật Đảng nghiêm hơn, kỷ cương trong hệ thống chính trị chặt chẽ hơn, trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu, được đề cao hơn. Đảng đánh giá: “Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng đi vào chiều sâu; các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Chất lượng, hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát được nâng lên và đạt được kết quả nổi bật, khá toàn diện, có bước đột phá, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị” [67, tr.364].

Cùng với kiểm tra, công tác giám sát chuyên đề được tăng cường theo hướng thực chất hơn, tập trung nhiều hơn vào những vấn đề nổi cộm, bức xúc, những lĩnh vực nhạy cảm, những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, vi phạm trách nhiệm nêu gương và những điều đảng viên không được làm. Qua đó, giám sát không chỉ là hoạt động theo dõi, đánh giá, mà đã trở thành một cơ chế cảnh báo sớm, phòng ngừa sai phạm, giúp tổ chức đảng và đảng viên nhận diện nguy cơ, tự điều chỉnh hành vi, kịp thời khắc phục hạn chế, khuyết điểm. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên cũng có nhiều chuyển biến tích cực; nhiều vụ việc phức tạp, kéo dài, được dư luận quan tâm đã được xem xét, kết luận, xử lý nghiêm minh, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào quyết tâm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Các cấp ủy, UBKT các cấp đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc kê khai, công khai và kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Việc kết hợp giữa kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát chuyên đề và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đã đem lại kết quả tích cực, giúp phát hiện sớm, ngăn chặn kịp thời, khắc phục khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên ngay từ khi còn manh nha. Qua đó, hạn chế tình trạng vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. UBKT các cấp cũng phối hợp ngày càng đồng bộ, chặt chẽ hơn với các cơ quan nội chính, cơ quan quản lý nhà nước trong thực thi nhiệm vụ; đồng thời có nhiều đổi mới về cách thức, phương pháp kiểm tra, giám sát, bám sát các chủ trương mới của Trung ương để triển khai kịp thời, khẩn trương, hiệu quả. Việc công khai kết luận kiểm tra và xử lý vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên đã góp phần cảnh tỉnh, răn đe, giáo dục cán bộ, đảng viên.

Thực tiễn cho thấy, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng đã trở thành một công cụ quan trọng để KSQL trong Đảng và trong bộ máy nhà nước. Việc kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; phối hợp giữa UBKT với các cơ quan nội chính, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử đã từng bước hình thành cơ chế kiểm soát liên thông, chặt chẽ hơn giữa kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. Qua đó, quyền lực không còn là lĩnh vực “khó chạm tới”, mà ngày càng được đặt dưới sự kiểm tra, giám sát thường xuyên, công khai, minh bạch và có chế tài nghiêm khắc. Đây là biểu hiện sinh động của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về KSQL: quyền lực càng cao thì trách nhiệm càng lớn, càng phải được kiểm tra, giám sát chặt chẽ; không ai được đứng ngoài kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự giám sát của Nhân dân.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và UBKT các cấp đã thể hiện rõ bản lĩnh, tính chiến đấu, sự chủ động, khách quan, thận trọng nhưng kiên quyết trong xem xét, kết luận và xử lý vi phạm. Nhiều vụ việc lớn, phức tạp, liên quan đến cán bộ giữ chức vụ cao, cả đương chức và đã nghỉ hưu, đã được kiểm tra, xử lý nghiêm minh, thể hiện rõ tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai”. Điều này không chỉ có ý nghĩa xử lý sai phạm cụ thể, mà còn tạo hiệu ứng cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa rộng lớn trong toàn Đảng và cả hệ thống chính trị; góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào quyết tâm của Đảng trong đấu tranh PCTN, tiêu cực, xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính, tận tụy, vì dân.

Đảng nhìn nhận: “Trong nhiệm kỳ, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp đã kiểm tra 232.401 tổ chức đảng và 1.284.298 đảng viên; Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã xây dựng, ban hành Chương trình kiểm tra hàng năm và thành lập 31 đoàn kiểm tra do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng làm trưởng đoàn, kiểm tra đối với 83 tổ chức đảng trực thuộc Trung ương; giảm 12% tổ chức đảng, tăng 4,91% đảng viên, tăng 6% cấp ủy viên so với nhiệm kỳ Đại hội XII. Qua kiểm tra, đã kết luận 8.549 tổ chức và 26.538 đảng viên thực hiện chưa tốt nội dung được kiểm tra, trong đó có 4.567 tổ chức và 14.842 đảng viên có khuyết điểm, vi phạm; thi hành kỷ luật 78 tổ chức và 1.115 đảng viên, đã thi hành kỷ luật 42 tổ chức và 900 đảng viên” [67, tr.364-365].

Những kết quả đó cho thấy công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng không chỉ được mở rộng về phạm vi, tăng cường về cường độ, mà còn nâng cao rõ rệt về chất lượng, hiệu lực, hiệu quả. Việc kiểm tra, giám sát đã góp phần làm rõ trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên; khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm; từng

bước hình thành văn hóa tự kiểm tra, tự soi, tự sửa trong Đảng. Đặc biệt, thông qua xử lý nghiêm các sai phạm về tham nhũng, kê khai tài sản, thu nhập, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm trách nhiệm nêu gương, Đảng đã khẳng định rõ quan điểm: xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải đi liền với KSQL; PCTN, tiêu cực phải bắt đầu từ trong nội bộ Đảng; giữ nghiêm kỷ luật Đảng là điều kiện tiên quyết để giữ vững uy tín, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng nêu rõ: “Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, cấp ủy, UBKT các cấp đã thi hành kỷ luật hơn 2.380 đảng viên do tham nhũng, 313 đảng viên do vi phạm về kê khai tài sản, thu nhập; hơn 29.600 đảng viên do suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm trách nhiệm nêu gương và những điều đảng viên không được làm. Trong đó, có 176 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, cả đương chức và đã nghỉ hưu. Qua thanh tra, kiểm toán kiến nghị xử lý, thu hồi gần 640 nghìn tỉ đồng, hơn 2.530 ha đất; kiến nghị xử lý trách nhiệm hơn 16.300 tập thể và hơn 33.500 cá nhân sai phạm; kiến nghị xử lý hơn 3.000 văn bản pháp luật có sơ hở, bất cập. Các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã khởi tố, điều tra hơn 17.900 vụ án và hơn 38.200 bị can về các tội tham nhũng, kinh tế, chức vụ; trong đó có 3.352 vụ án, 8.387 bị can về tội tham nhũng” [67, tr.369].

Có thể khẳng định, việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong kiểm tra, giám sát, KSQL đã đạt được những kết quả rất quan trọng, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và PCTN, lãng phí, tiêu cực. Từ chỗ kiểm tra, giám sát chủ yếu nhằm phát hiện, xử lý vi phạm, đến nay công tác này ngày càng trở thành cơ chế phòng ngừa, cảnh báo, KSQL, giáo dục, răn đe và bảo vệ cán bộ đúng đắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Qua đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm tra, giám sát tiếp tục được bổ sung, phát triển trong thực tiễn mới, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy, thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, giải pháp đồng bộ nhằm KSQL gắn với PCTN trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trước hết, quan điểm “mọi quyền lực đều phải được kiểm soát” ngày càng được khẳng định rõ trong các nghị quyết, quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị KSQL và PCTN, tiêu cực trong công tác cán bộ. Trong đó, Đảng nhất quán coi KSQL là khâu

then chốt để PCTN, tiêu cực. Cùng với đó, hệ thống thể chế, pháp luật tiếp tục được hoàn thiện, nổi bật là Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các quy định về công khai, minh bạch, kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập, trách nhiệm giải trình và trách nhiệm của người đứng đầu. Đảng cũng siết chặt kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, phòng, chống chạy chức, chạy quyền; quy định rõ tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thẩm quyền và cơ chế kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm. Đồng thời, hệ thống Ban Chỉ đạo PCTN, lãng phí, tiêu cực từ Trung ương đến địa phương được kiện toàn; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được gắn chặt với kỷ luật hành chính, xử lý hình sự và phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, báo chí, truyền thông [Phụ lục 1].

Bên cạnh đó, vai trò của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH và cơ quan báo chí trong KSQL của cán bộ, đảng viên ngày càng được phát huy. Quốc hội và HĐND các cấp đã tăng cường giám sát chuyên đề về PCTN, lãng phí, tiêu cực; kiến nghị nhiều giải pháp nhằm khắc phục sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật. MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH đẩy mạnh giám sát ở những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng, đồng thời chú trọng theo dõi, đánh giá việc tu dưỡng, rèn luyện, nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Đáng chú ý, cơ chế giám sát của Nhân dân, báo chí và truyền thông ngày càng trở thành kênh giám sát xã hội quan trọng, góp phần thúc đẩy công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng quyền lực. Tiếng nói của Nhân dân và báo chí đã trở thành nguồn thông tin phản biện, cảnh báo sớm, giúp cơ quan chức năng kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai phạm. Đặc biệt, cơ chế KSQL trong công tác cán bộ được chú trọng hoàn thiện; các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập, trách nhiệm giải trình, giám sát của Nhân dân, MTTQ Việt Nam và báo chí ngày càng rõ ràng, khả thi, hiệu quả hơn. Những kết quả đó đã tạo chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, Nhân dân trong đấu tranh PCTN, lãng phí, tiêu cực.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong kiểm tra, giám sát và KSQL vẫn còn bộc lộ một số hạn chế. Trước hết, cơ chế kiểm tra, giám sát, KSQL tuy từng bước được hoàn thiện nhưng ở một số nội dung vẫn chưa thật sự đồng bộ, thống nhất; hiệu lực, hiệu quả thực thi chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Đảng nhìn nhận: “việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy trình, quy định về công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp uỷ, tổ chức đảng có lúc chưa kịp thời”.

Ở một số nơi, công tác kiểm tra, giám sát còn biểu hiện hình thức, thiếu chiều sâu, chưa kịp thời phát hiện vi phạm ngay từ khi mới manh nha, dẫn đến tình trạng chỉ xử lý khi sai phạm đã trở nên nghiêm trọng. Một số quy định về KSQL còn thiếu cụ thể, có mặt còn chông chéo hoặc chưa có cơ chế thực thi hiệu quả, khiến việc áp dụng trong thực tiễn còn lúng túng. Bên cạnh đó, trách nhiệm giải trình và minh bạch trong thực thi quyền lực của một bộ phận cán bộ, công chức chưa được thực hiện nghiêm túc; vẫn còn tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, hoặc lợi dụng kẽ hở để vụ lợi cá nhân. Công tác giám sát của Nhân dân, MTTQ Việt Nam, báo chí và các tổ chức xã hội tuy được chú trọng nhưng chưa phát huy đầy đủ vai trò do còn thiếu cơ chế bảo đảm, điều kiện thực hiện và kênh tiếp nhận, phản hồi thông tin hiệu quả. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, tố cáo của người dân trong một số vụ việc tham nhũng, tiêu cực còn chậm, thiếu minh bạch hoặc chưa được giải quyết đến nơi đến chốn, làm ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân đối với hiệu quả giám sát quyền lực.

Công tác kiểm tra tài chính đảng đối với tổ chức đảng cấp dưới, cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp và việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của một số UBKT, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, nhất là cấp huyện trước ngày 01/7/2025, còn hạn chế. Công tác kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp của Đảng chưa được quan tâm đúng mức; một số đảng ủy doanh nghiệp trong Quân đội chưa bố trí cán bộ kiểm tra chuyên trách theo quy định. Một số quy định về đối tượng, nội dung kiểm tra, giám sát; về khiếu nại và cấp giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên; về thẩm quyền thi hành kỷ luật của chi bộ còn rộng, có nội dung chưa thật phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, vẫn chưa có quy định cụ thể về thẩm quyền kết luận các cuộc kiểm tra, giám sát do cấp ủy giao cho các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy tiến hành.

Ngoài ra, chất lượng, năng lực và bản lĩnh của đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử vẫn chưa đồng đều. Ở một số nơi còn tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm; thậm chí có biểu hiện bao che, tiếp tay cho sai phạm, làm giảm hiệu quả KSQL. Sự phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán và tư pháp trong một số trường hợp chưa thật chặt chẽ, thiếu thông tin kịp thời, dẫn đến trùng lặp, bỏ sót hoặc kéo dài thời gian xử lý vụ việc. Đặc biệt, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục phát triển và cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về KSQL, liêm chính công vụ chưa được quan tâm đúng mức. Việc vận dụng tư tưởng của Người trong thực tiễn có nơi vẫn chủ yếu dừng ở định

hướng chung, chưa chuyển hóa đầy đủ thành các mô hình, cơ chế, công cụ KSQL hiện đại, hiệu quả, phù hợp với bối cảnh mới.

Những hạn chế trên cho thấy, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong kiểm tra, giám sát và KSQL tuy đã đạt nhiều kết quả quan trọng, song vẫn còn khoảng cách nhất định giữa yêu cầu lý luận và hiệu quả thực tiễn. Vì vậy, trong thời gian tới, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế KSQL; nâng cao chất lượng, bản lĩnh và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát; tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; đồng thời phát huy thực chất hơn vai trò giám sát của Nhân dân, MTTQ Việt Nam, báo chí và truyền thông. Chỉ khi quyền lực được kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên, công khai, minh bạch và gắn với trách nhiệm cụ thể, tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm tra, giám sát mới thật sự được hiện thực hóa sâu sắc trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN liên chính, của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

*Thứ tư, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực.*

Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực thời gian qua đã được Đảng lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, toàn diện, bài bản, ngày càng đi vào chiều sâu và đạt nhiều kết quả nổi bật. Trọng tâm là chuyển mạnh từ “phát hiện bị động” sang “chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và xử lý nghiêm minh”, tạo bước đột phá lớn trong xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh. Từ khi Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực được thành lập trực thuộc Bộ Chính trị, do Tổng Bí thư làm Trưởng ban, công tác phát hiện, xử lý tham nhũng đã có bước phát triển mới, đồng bộ giữa kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể và xử lý hình sự. Việc xử lý cán bộ được thực hiện nghiêm khắc nhưng cũng thấm đượm tính nhân văn, “vừa trị bệnh, vừa cứu người”, bảo đảm tính răn đe, giáo dục và cảnh tỉnh sâu sắc. Chủ trương khuyến khích từ chức, miễn nhiệm hoặc bố trí lại cán bộ bị kỷ luật, uy tín giám sát, năng lực yếu đã tạo chuyển biến rõ rệt trong thực hành liên chính và văn hóa từ chức trong bộ máy.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được tăng cường mạnh mẽ, góp phần làm trong sạch nội bộ, khắc phục tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, xử lý nghiêm cả cán bộ đương chức và đã nghỉ hưu, kể cả người giữ cương vị cao. Hơn 10 năm qua, hàng trăm nghìn cán bộ, đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật, trong đó hàng nghìn trường hợp liên quan đến tham nhũng, tiêu cực. Đặc biệt, nhiệm kỳ Đại hội XIII đã thể hiện rõ tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, với số lượng cán bộ cấp cao bị xử lý kỷ luật

cao gấp nhiều lần các nhiệm kỳ trước, cho thấy quyết tâm chính trị nhất quán của Đảng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Mặt khác, công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử được tiến hành toàn diện, tập trung vào các lĩnh vực, dự án có nhiều dư luận, dấu hiệu tiêu cực. Hàng nghìn vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế, chức vụ được khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh, nhiều vụ án lớn, phức tạp, từng được xem là “vùng cấm”, “nhạy cảm” cũng được đưa ra ánh sáng. Đặc biệt, ở địa phương, từ khi Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về PCTN, tiêu cực được thành lập, công tác phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực có bước chuyển rõ rệt. Số vụ án, bị can bị khởi tố tăng mạnh; nhiều vụ việc nghiêm trọng liên quan đến cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, sở, ngành được xử lý nghiêm, góp phần lan tỏa tinh thần “trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt” trong đấu tranh PCTN, tiêu cực.

Đảng đánh giá: “Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, các cơ quan tiến hành tố tụng địa phương đã khởi tố, điều tra hơn 2.780 vụ án tham nhũng, cao hơn 2 lần số vụ án tham nhũng của cả nước đã khởi tố trong nhiệm kỳ Đại hội XII. Nhiều địa phương đã phát hiện, điều tra, xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc tồn đọng kéo dài từ nhiều năm trước; khởi tố, điều tra cả bị can là cán bộ diện tỉnh ủy, thành ủy quản lý, trong đó có cả bị can là cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, điển hình như: Vĩnh Phúc, Thanh Hoá, Lào Cai, Phú Yên, Quảng Ninh, Hà Nam, Hoà Bình, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Yên Bái, Hà Giang, Nghệ An, Bình Định, Bắc Ninh, Lai Châu, An Giang, Kiên Giang, Khánh Hoà, Đồng Nai, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Bình, Gia Lai, Nam Định...”

Công tác thu hồi tài sản tham nhũng đạt kết quả tích cực, tỷ lệ thu hồi không ngừng được nâng cao nhờ áp dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, hợp tác quốc tế và khuyến khích tự nguyện khắc phục hậu quả. Đảng đánh giá, trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, “Các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản trị giá trên 760 nghìn tỷ đồng. Riêng các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo, trong giai đoạn thi hành án dân sự đã thu hồi được trên 77.498 tỷ đồng. Đã xử lý kỷ luật hơn 1.200 cán bộ trong các cơ quan chức năng PCTN, lãng phí, tiêu cực, trong đó có hơn 430 trường hợp bị xử lý hình sự” [67, tr.370].

Bên cạnh những kết quả nổi bật, công tác phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần tiếp tục khắc phục để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới. Trước hết, việc phát hiện tham nhũng ở nhiều nơi vẫn chủ yếu dựa vào tố giác, phản ánh của Nhân dân và phương tiện truyền thông, trong khi cơ chế tự phát

hiện trong nội bộ tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị còn yếu; nhiều vụ việc nghiêm trọng chỉ được phát hiện khi đã gây hậu quả lớn, thất thoát nhiều tài sản nhà nước. Công tác nắm tình hình, phân tích, dự báo, nhận diện sớm nguy cơ tham nhũng, tiêu cực chưa thật sự hiệu quả; việc ứng dụng KHCN, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo vào công tác phát hiện hành vi tham nhũng còn hạn chế. Việc xử lý cán bộ vi phạm ở một số nơi vẫn còn biểu hiện nể nang, né tránh, thiếu kiên quyết; vẫn tồn tại tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, “xử lý nhiều nhưng chủ yếu ở cấp dưới”, làm giảm tính răn đe và hiệu quả cảnh tỉnh. Một số trường hợp kỷ luật, xử lý chưa kịp thời, kéo dài, dẫn đến bức xúc trong dư luận, trong khi cơ chế khuyến khích tự giác nhận sai, chủ động khắc phục hậu quả, tự nguyện nộp lại tài sản chưa được vận dụng linh hoạt, chưa phát huy hết tính nhân văn của chính sách xử lý. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án có lúc, có nơi chưa thật sự đồng bộ, còn chông chéo, trùng lặp hoặc đùn đẩy trách nhiệm; việc tổng kết, rút kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan chưa mang tính hệ thống; tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng tuy được cải thiện nhưng vẫn chưa tương xứng với giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

Ngoài ra, năng lực, phẩm chất của một bộ phận cán bộ làm công tác PCTN, tiêu cực chưa đáp ứng yêu cầu; vẫn còn hiện tượng “sợ sai, sợ va chạm”, thậm chí lợi dụng chức vụ để bao che, dung túng sai phạm. Một số cơ quan, đơn vị còn biểu hiện hình thức trong triển khai nhiệm vụ, chạy theo thành tích, chưa chú trọng chất lượng và hiệu quả thực chất. Những hạn chế đó cho thấy việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực tuy đã đạt nhiều kết quả quan trọng nhưng vẫn cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn về tư duy, phương thức, cơ chế và công cụ thực hiện, nhất là trong bối cảnh kinh tế thị trường, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Chỉ khi phát hiện sớm, xử lý nghiêm và thu hồi triệt để tài sản tham nhũng trở thành công việc thường xuyên, tự giác, minh bạch trong toàn HTCT thì tư tưởng Hồ Chí Minh về “liêm, chính, chí công vô tư” mới thực sự được hiện thực hóa trong đời sống xã hội.

*Thứ năm, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về tăng cường, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về PCTN và mở rộng hoạt động PCTN, tiêu cực ra khu vực ngoài nhà nước.*

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động hội nhập quốc tế để giải quyết những vấn đề chung của nhân loại, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng đẩy mạnh hợp tác quốc tế về PCTN. Sau khi chính

thức tham gia Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), Việt Nam đã tích cực, chủ động thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, nội luật hóa nhiều quy định của Công ước phù hợp với điều kiện trong nước; đàm phán, ký kết hàng loạt hiệp định tương trợ tư pháp, dẫn độ và chuyển giao người bị kết án với các quốc gia; đồng thời tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế và diễn đàn đa phương, song phương về PCTN. Thông qua hợp tác quốc tế, Việt Nam vừa tranh thủ được sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, vừa học hỏi kinh nghiệm quý trong công tác PCTN, đồng thời kịp thời thông tin tới cộng đồng quốc tế về nỗ lực và quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước. Hoạt động phối hợp với INTERPOL, UNODC và các cơ quan tư pháp nước ngoài đã giúp nâng cao hiệu quả điều tra, truy bắt tội phạm tham nhũng bỏ trốn, thu hồi tài sản tham nhũng tẩu tán ra nước ngoài, góp phần khẳng định uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế trong lĩnh vực này.

Đồng thời, thực tiễn cho thấy tham nhũng, tiêu cực không chỉ diễn ra trong khu vực nhà nước mà còn gắn với sự cấu kết, tiếp tay từ khu vực tư nhân. Nhận thức rõ điều này, Đảng và Nhà nước đã chủ trương mở rộng hoạt động PCTN ra khu vực ngoài nhà nước, thể chế hóa bằng việc bổ sung bốn tội danh tham nhũng trong khu vực tư (theo Bộ luật Hình sự năm 2015) và dành riêng một chương trong Luật PCTN năm 2018 quy định về phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng trong khu vực này. Các cơ quan chức năng đã từng bước triển khai đồng bộ, qua đó phát hiện và xử lý nghiêm nhiều vụ án tham nhũng, tiêu cực đặc biệt nghiêm trọng tại các tập đoàn, doanh nghiệp ngoài nhà nước như Vạn Thịnh Phát, FLC, Tân Hoàng Minh, AIC, Việt Á... Những kết quả này thể hiện rõ quyết tâm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” trong đấu tranh PCTN, khẳng định sự phát triển trong nhận thức và hành động theo tư tưởng Hồ Chí Minh - coi PCTN là nhiệm vụ không chỉ của khu vực công mà của toàn xã hội. Việc mở rộng PCTN ra khu vực tư cùng với tăng cường hợp tác quốc tế đã góp phần hình thành môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và lành mạnh, thúc đẩy xây dựng văn hóa liêm chính trong xã hội, đồng thời thể hiện bước phát triển mới trong vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, hướng tới một Việt Nam phát triển bền vững, liêm chính và hội nhập sâu rộng với thế giới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong tăng cường hợp tác quốc tế và mở rộng PCTN ra khu vực ngoài nhà nước vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập nhất định. Trước hết, hiệu quả hợp tác quốc tế trong PCTN chưa thật sự tương xứng với tiềm năng và yêu cầu thực tiễn. Việc thực

hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng còn gặp khó khăn, nhất là trong trao đổi thông tin, dẫn độ tội phạm và thu hồi tài sản tham nhũng ở nước ngoài, do khác biệt về pháp luật, quy trình tố tụng và sự hạn chế trong năng lực phối hợp của các cơ quan chức năng. Cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành trong triển khai hợp tác quốc tế về PCTN đôi khi còn thiếu đồng bộ, chưa có đầu mối thống nhất, dẫn đến tình trạng chông chéo hoặc chậm trễ trong xử lý vụ việc. Đối với khu vực ngoài nhà nước, dù đã có những bước tiến quan trọng, nhưng việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng vẫn còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp tư nhân, tổ chức kinh tế chưa nhận thức đầy đủ về yêu cầu PCTN, còn xem đây là vấn đề của khu vực công, dẫn đến thiếu cơ chế nội bộ về minh bạch tài chính, kiểm soát xung đột lợi ích, kiểm toán độc lập. Một số quy định pháp luật về PCTN trong khu vực tư chưa thật cụ thể, thiếu chế tài đủ mạnh để ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp, đặc biệt trong hoạt động đấu thầu, mua sắm, đầu tư, tín dụng. Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm trong khu vực này vẫn còn yếu, chưa có công cụ hữu hiệu để phát hiện hành vi hối lộ, “lợi ích nhóm” hay “sân sau”. Ngoài ra, sự tham gia của xã hội dân sự, báo chí, tổ chức nghề nghiệp trong giám sát PCTN ở khu vực ngoài nhà nước vẫn còn hạn chế. Chính vì vậy, việc phát huy sức mạnh tổng hợp giữa nhà nước - doanh nghiệp - xã hội và cộng đồng quốc tế trong PCTN chưa thật sự bền vững và hiệu quả, đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện thể chế, tăng cường năng lực, đồng thời đẩy mạnh giáo dục đạo đức, văn hóa liêm chính trong toàn xã hội.

### **3.2. ĐÁNH GIÁ THÀNH TỰU, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN TRONG VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG Ở VIỆT NAM TỪ 2012 ĐẾN NAY VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA**

#### **3.2.1. Đánh giá thành tựu, hạn chế, nguyên nhân**

##### **3.2.1.1. Thành tựu và nguyên nhân**

*\* Thành tựu*

*Một là, về nhận thức.*

Nhận thức của các chủ thể, lực lượng trong HTCT về tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ngày càng được bổ sung, hoàn thiện và cụ thể hóa rõ hơn trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý. Trước hết, Đảng đã cụ thể hóa tư tưởng của Người bằng hệ thống các chỉ thị, nghị quyết, quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, về PCTN, tiêu cực. Trong đó, Đảng nhất quán coi PCTN là nhiệm vụ “sống còn”, gắn chặt với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Trên cơ sở đó, Quốc

hội thể chế hóa thành Hiến pháp, các bộ luật, luật, nghị quyết, tạo hành lang pháp lý tương đối đồng bộ cho công tác PCTN. Chính phủ và các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, quy chế phối hợp, quy tắc ứng xử, quy định trách nhiệm người đứng đầu... nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các quan điểm PCTN theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ở các cấp, các ngành, nhận thức về yêu cầu xây dựng nền hành chính liêm chính, phục vụ Nhân dân ngày càng được đề cao, gắn với cải cách thủ tục hành chính, công khai, minh bạch và ứng dụng công nghệ số. Đội ngũ cán bộ, đảng viên từng bước thấm nhuần sâu sắc hơn ý nghĩa các chuẩn mực “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, coi việc nêu gương, tự soi, tự sửa, kiên quyết đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực ngay trong cơ quan, đơn vị và trong chính bản thân mình là bổn phận chính trị, đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Phong trào "học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", trong đó có tư tưởng PCTN, được triển khai sâu rộng không chỉ trong đội ngũ cán bộ, đảng viên mà còn lan tỏa trong quần chúng nhân dân, qua đó góp phần nâng cao nhận thức, củng cố ý chí, trách nhiệm chính trị và quyết tâm PCTN trong toàn xã hội.

Theo đó, trong giai đoạn 2012 - 2025, nhận thức về PCTN ở nước ta có bước phát triển sâu sắc, toàn diện và thống nhất hơn, thể hiện rõ sự vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới. Nếu như trước đây, PCTN chủ yếu được nhìn nhận như một nhiệm vụ hành chính - pháp lý mang tính xử lý hậu quả, thì nay đã được xác định là một bộ phận trọng yếu của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, lâu dài của cả HTCT và toàn xã hội. Tác hại của tham nhũng được các chủ thể, lực lượng, nhất là Đảng, Nhà nước nhận thức ngày càng đầy đủ và sâu sắc hơn. Tham nhũng không chỉ là hành vi vi phạm pháp luật về kinh tế, mà còn là biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; là “giặc nội xâm” đe dọa sự tồn vong của chế độ - đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng cảnh báo. Từ đó, Đảng ta nhận thức rõ rằng, PCTN không chỉ dừng lại ở việc xử lý hành vi vi phạm, mà phải được tiến hành chủ động, toàn diện và bền vững, bắt đầu từ giáo dục con người liêm chính, củng cố đạo đức công vụ, tăng cường KSQL và xây dựng văn hóa liêm chính trong toàn xã hội.

Song song đó, nhận thức về nguyên nhân của tham nhũng ngày càng sâu sắc và toàn diện hơn, phản ánh rõ sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới. Nếu trước đây, tham nhũng thường được lý giải chủ yếu từ góc độ kinh tế -

do cơ chế quản lý, phân phối, sử dụng tài sản công chưa chặt chẽ - thì nay, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thấy nguyên nhân của tham nhũng có tính đa chiều, bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan, thể chế và con người. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, gốc rễ của tham nhũng nằm ở chủ nghĩa cá nhân, ở sự suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên “có quyền mà thiếu kiểm soát, thiếu rèn luyện”. Từ đó, Đảng ta nhận thức sâu sắc rằng, tham nhũng không chỉ bắt nguồn từ những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, mà còn từ việc buông lỏng giáo dục đạo đức, thiếu cơ chế KSQL, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ.

Ngoài ra, các yếu tố như văn hóa “xin - cho”, tâm lý vụ lợi, nể nang, né tránh, ngại va chạm, cùng với tác động mặt trái của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, cũng được nhận diện là những nguyên nhân sâu xa làm nảy sinh và dung dưỡng tham nhũng. Nhờ đó, nhận thức về công tác PCTN đã có bước chuyển căn bản từ “chống” sang “phòng là chính”, kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa, phát hiện, xử lý và giáo dục, đúng với tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh về “phòng bệnh hơn chữa bệnh”. Đặc biệt, nhận thức về trách nhiệm của các chủ thể, lực lượng đối với PCTN ngày càng đầy đủ hơn. Nếu trước đây, PCTN thường được xem là nhiệm vụ của riêng các cơ quan kiểm tra, thanh tra, tư pháp, thì nay đã được xác định là trách nhiệm chính trị của toàn Đảng, toàn dân, của cả HTCT và toàn xã hội. Nhận thức đó bắt nguồn từ thực tiễn và từ quan điểm xuyên suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Tham ô, lãng phí, quan liêu là kẻ thù của Nhân dân, là tội ác chống lại Nhân dân.

Đảng và Nhà nước ta ngày càng khẳng định rằng, PCTN là yêu cầu khách quan, là điều kiện tiên quyết để giữ vững bản chất cách mạng, đạo đức và uy tín của Đảng; bảo vệ Nhà nước, Nhân dân và con đường XNCN. Vì vậy, PCTN không chỉ mang ý nghĩa pháp lý, hành chính, mà còn là một nhiệm vụ chính trị trọng yếu, có tính chiến lược lâu dài, gắn chặt với công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng NNQP XNCN, xây dựng nền hành chính liêm chính, minh bạch, phục vụ Nhân dân.

Mặt khác, Đảng ta xác định PCTN phải được tiến hành quyết liệt, thường xuyên, kiên trì và đồng bộ trên cả ba phương diện: phòng ngừa - phát hiện - xử lý, trong đó “phòng là chính, chống phải kiên quyết”, đúng với tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, PCTN không chỉ là biện pháp giữ gìn kỷ cương, phép nước, mà còn là động lực cho phát triển bền vững, bảo đảm công bằng xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân và nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Vấn đề này được chuyên gia chỉ rõ: Việc nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN của Đảng và Nhà nước đã được tiến hành ngày càng bài bản và có chiều sâu hơn. Ở tầm vĩ mô, nhiều văn kiện của Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận chuyên đề đã dành dung lượng đáng kể để luận giải, kế thừa và phát triển các quan điểm của Bác về xây dựng Đảng, KSQL, đạo đức cách mạng, dựa vào dân để chống tham nhũng. Song song, các cơ quan nghiên cứu như Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các viện, trường đại học, ban nội chính, thanh tra... đã triển khai khá nhiều đề tài khoa học, hội thảo, tọa đàm, chuyên khảo gắn tư tưởng Hồ Chí Minh với yêu cầu hoàn thiện thể chế, cơ chế PCTN hiện nay; nội dung này cũng được đưa vào chương trình bồi dưỡng cán bộ, giáo dục lý luận chính trị các cấp [Phụ lục 5].

*Hai là, về triển khai thực hiện*

*Trước hết*, Đảng đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện đối với công tác PCTN, tiêu cực; gắn chặt nhiệm vụ này với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng ngừa suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Cùng với đó, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, xây dựng văn hóa liêm chính được đẩy mạnh trong toàn xã hội, góp phần hình thành môi trường văn hóa công vụ trong sạch, minh bạch, vì Nhân dân phục vụ.

*Thứ hai, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng, hoàn thiện thể chế PCTN.* Hồ Chí Minh cho rằng, “muốn chống tham nhũng hiệu quả, trước hết phải có luật pháp chặt chẽ và thực thi nghiêm”; vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh, hệ thống pháp luật và các quy định về PCTN ngày càng được hoàn thiện, thể hiện rõ quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước ta. Đặc biệt, Luật Phòng, chống tham nhũng ban hành lần đầu năm 2005 (sửa đổi các năm 2007, 2012 và 2018), nhiều văn bản dưới luật và quy định của Đảng được ban hành đồng đã tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho công cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng trong tình hình mới. Thể hiện sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng pháp luật nghiêm minh để chống tham nhũng: mọi hành vi tham nhũng đều bị pháp luật trừng trị kịp thời, không có ngoại lệ. Ưu điểm nổi bật trong vận dụng hoàn thiện thể chế là chúng ta đã xây dựng được một khung pháp lý ngày càng đồng bộ, sát hợp với yêu cầu PCTN trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập, thể hiện sự vận dụng đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Thứ ba, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác tuyên truyền, giáo dục PCNT.* Hồ Chí Minh khẳng định biện pháp quan trọng hàng đầu để PCTN chính là giáo dục tư tưởng, đạo đức cho cán bộ và nhân dân. Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng

đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục về PCTN gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác. Việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai sâu rộng đã tạo một bước chuyển biến về ý thức liêm chính trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nội dung PCTN được đưa vào giảng dạy trong chương trình giáo dục ở nhiều cấp học và khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức. Công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng đổi mới, đa dạng về hình thức: chuyên trang, chuyên mục, tọa đàm, tôn vinh, nêu gương người tốt việc tốt, lấy cái đẹp dẹp cái xấu..., góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng về tác hại của tham nhũng và trách nhiệm đấu tranh chống tham nhũng. Ưu điểm cho thấy sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp giữa biện pháp tư tưởng (giáo dục, nêu gương) với biện pháp hành chính, pháp luật trong PCTN chính là điểm mới trong cách làm của Việt Nam, phù hợp với truyền thống đạo đức mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cao.

*Thứ tư, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xác lập các chủ thể PCNT.* Hồ Chí Minh cho rằng phải “tổ chức thành phong trào rộng rãi để tẩy trừ tham nhũng” và phải “có sự lãnh đạo sát sao” ở tất cả các cấp. Đảng và Nhà nước ta đã vận dụng những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định hệ thống chủ thể PCTN tương đối toàn diện, thống nhất; xác định các chủ thể, lực lượng tham gia PCTN một cách rõ ràng, chính danh, theo chức năng và quyền hạn của mình. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm chính trị của Đảng - chủ thể lãnh đạo toàn diện công tác PCTN; đồng thời, đòi hỏi Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn, tự làm trong sạch chính mình, coi đây là điều kiện tiên quyết để giữ vững vai trò lãnh đạo. Vận dụng trong xây dựng NNQP XHCN, là công cụ tổ chức, thực thi PCTN; xác lập rõ vai trò của bộ máy nhà nước trong việc thể chế hóa chủ trương PCTN thành pháp luật, quy định, quy trình cụ thể; xác lập cơ chế kiểm tra, giám sát lẫn nhau trong bộ máy hành chính, tư pháp, thanh tra, kiểm toán.

Một số điểm phát triển sáng tạo như: thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN trực thuộc Bộ Chính trị, thành lập BCĐ về PCTN các tỉnh, thành phố; xác định các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo Điều 30, Điều 32, Tổ xác minh tài sản, thu nhập theo Điều 46 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018. Đặc biệt xác định chủ thể PCTN, cũng là đối tượng có thể tham nhũng, để có các biện pháp PCTN ngay trong các cơ quan có chức năng PCTN.

*Thứ năm, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của lực lượng PCTN.* Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, “phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt

phải dựa vào quần chúng thì mới thành công”. Vận dụng lời dạy đó, công tác PCTN ngày càng gắn với việc huy động sự tham gia của nhân dân và báo chí. Một ưu điểm đáng ghi nhận là dân chủ, công khai, minh bạch trong nhiều lĩnh vực được mở rộng hơn trước, tạo điều kiện để người dân giám sát. Các cơ quan dân cử như Quốc hội, HĐND và MTTQ, các đoàn thể nhân dân đã tích cực tham gia giám sát việc thực thi luật PCTN. Nhân dân ngày nay cũng ý thức hơn về quyền và trách nhiệm trong đấu tranh chống tham nhũng: nhiều vụ việc tham nhũng đã được phát hiện từ các đơn thư tố cáo của người dân, doanh nghiệp hoặc qua kênh báo chí điều tra. Hồ Chí Minh luôn coi báo chí là “vũ khí đấu tranh sắc bén”; vai trò của báo chí trong PCTN ngày càng được khẳng định và phát huy. Nhiều cơ quan báo chí đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, đưa tin kịp thời và mở chuyên trang về PCTN; không ít nhà báo dũng cảm đấu tranh, phanh phui những vụ việc tham nhũng lớn.

*Thứ sáu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng.* Hồ Chí Minh cho rằng “pháp luật phải nghiêm minh để răn đe tham nhũng”. Một ưu điểm nổi bật trong những năm gần đây là công tác phát hiện và xử lý tội phạm tham nhũng đã có chuyển biến đột phá, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” bất kể người vi phạm là ai; xử lý cả cán bộ cấp cao, cán bộ trong lực lượng vũ trang, cán bộ trong cơ quan có chức năng PCTN; xử lý cả cán bộ đương chức và cán bộ đã nghỉ hưu; làm một cách nghiêm minh từ trên xuống dưới, có trọng tâm, trọng điểm. Nhiều cán bộ cấp cao bị xử lý hình sự, kể cả Ủy viên Bộ Chính trị, bộ trưởng, thứ trưởng, bí thư, chủ tịch UBND cấp tỉnh, tướng lĩnh trong lực lượng vũ trang... thể hiện rõ quyết tâm rất cao, nỗ lực rất lớn, nói đi đôi với làm của Đảng, Nhà nước trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng, không chỉ là tuyên ngôn mà đã trở thành quyết tâm chính trị và hành động thực tế. Điều này hoàn toàn thống nhất với tư tưởng Hồ Chí Minh, người đã từng thẳng tay trừng trị cả những cán bộ, tướng lĩnh có công nhưng phạm tội tham nhũng.

Những kết quả trên thể hiện sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam trong thời gian qua là rất rõ nét và toàn diện, thể hiện trên nhiều phương diện. Tư tưởng của Người về “giặc nội xâm”, về kết hợp chặt chẽ “xây” và “chống”, “dựa vào dân để chống tham nhũng” đã được cụ thể hóa sâu sắc hơn trong đường lối, quan điểm của Đảng, thể chế, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tạo nên bước phát triển mới cả về lý luận và nhận thức. Hệ thống thể chế, pháp luật về PCTN ngày càng hoàn thiện, cơ chế KSQL, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình,

minh bạch tài sản, thu nhập... được bổ sung, hoàn thiện theo hướng chặt chẽ, đồng bộ hơn. Tổ chức bộ máy và phương thức lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN có bước đổi mới rõ rệt; sự phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được tăng cường. Hàng trăm vụ án tham nhũng, tiêu cực lớn, nghiêm trọng, phức tạp đã được phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử công khai, nghiêm minh, không có “vùng cấm”, “ngoại lệ”. Nhiều cán bộ cấp cao, kể cả Ủy viên Trung ương, Bộ trưởng, Thứ trưởng, tướng lĩnh trong lực lượng vũ trang bị xử lý kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự, thể hiện tinh thần “thượng tôn pháp luật” và khẳng định “không ai đứng ngoài pháp luật”. Công tác thu hồi tài sản tham nhũng có chuyển biến tích cực; niềm tin của Nhân dân vào quyết tâm PCTN của Đảng, Nhà nước được củng cố. Đặc biệt, văn hóa liêm chính, tinh thần nêu gương, tự soi, tự sửa trong cán bộ, đảng viên được đề cao, lan tỏa sâu rộng trong xã hội. Đây chính là biểu hiện sinh động của việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong điều kiện mới, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với niềm tin của Nhân dân.

*Ba là, về kết quả PCTN*

Từ năm 2012 đến nay, công tác PCTN ở Việt Nam có thể được nhìn nhận là giai đoạn có sự chuyển biến mạnh mẽ nhất cả về quyết tâm chính trị lẫn cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo. Dấu mốc đặc biệt quan trọng là Hội nghị Trung ương 5 khóa XI, tháng 5/2012, quyết định chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN trực thuộc Bộ Chính trị, do Tổng Bí thư làm Trưởng Ban. Chính cơ chế này đã tạo nên bước chuyển mạnh mẽ, rõ rệt cho công tác PCTN trên phạm vi cả nước, làm cho cuộc đấu tranh này ngày càng bài bản, quyết liệt và hiệu quả hơn. Nổi bật nhất là việc xử lý vi phạm ngày càng được thực hiện đồng bộ, nghiêm minh, thể hiện rõ tinh thần không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

Trong giai đoạn 2012-2022, cấp ủy và UBKT các cấp đã kỷ luật hơn 2.700 tổ chức đảng, gần 168.000 đảng viên, trong đó hơn 7.390 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng; Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và UBKT Trung ương đã kỷ luật hơn 170 cán bộ cấp cao diện Trung ương quản lý. Những con số đó cho thấy công tác PCTN không còn dừng lại ở quyết tâm chính trị hay khẩu hiệu hành động, mà đã thực sự đi vào xử lý thực chất. Đồng thời, công tác này cũng không chỉ mạnh ở “chống” mà còn từng bước chuyển sang chú trọng “phòng”, thể hiện ở việc hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật theo hướng vừa phục vụ phát triển, vừa bịt kín những sơ hở để

phát sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; công tác phòng ngừa ngày càng được triển khai toàn diện, thực chất hơn. Cách tiếp cận đó cho thấy rõ sự chuyển biến từ xử lý hậu quả sang kiểm soát quyền lực, siết chặt trách nhiệm người đứng đầu, khắc phục kẽ hở thể chế và mở rộng đấu tranh PCTN xuống tận địa phương, cơ sở. Phạm vi và chiều sâu của cuộc đấu tranh vì thế cũng ngày càng được mở rộng.

Chỉ tính riêng trong năm 2025, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã đưa gần 100 vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vào diện theo dõi, chỉ đạo; đồng thời xử lý 98 người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu do để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, trong đó có 46 trường hợp bị xử lý hình sự. Điều đó cho thấy PCTN không còn chỉ tập trung ở Trung ương mà đã lan tỏa mạnh mẽ xuống các cấp, các ngành, các địa phương.

Hiệu quả phát hiện và xử lý các vụ án tham nhũng, kinh tế, chức vụ cũng tiếp tục được duy trì ở cường độ cao. Chỉ trong thời gian từ sau Phiên họp thứ 29 của Ban Chỉ đạo ngày 25/12/2025 đến ngày 18/3/2026, các cơ quan tố tụng đã khởi tố mới 1.151 vụ án với 2.367 bị can, truy tố 757 vụ với 1.847 bị can, xét xử sơ thẩm 604 vụ với 1.733 bị cáo về các tội tham nhũng, kinh tế, chức vụ. Những kết quả đó cho thấy nhịp độ xử lý vẫn rất mạnh, không có dấu hiệu chững lại. Quan trọng hơn, công tác PCTN từ năm 2012 đến nay đã tạo ra tác động CT-XH rất lớn, góp phần từng bước kiểm chế, ngăn chặn tham nhũng, giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển KT-XH, đồng thời củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đây có thể xem là thành tựu nổi bật và cũng là ý nghĩa sâu xa nhất của công cuộc đấu tranh PCTN trong giai đoạn mới.

*\* Nguyên nhân thành tựu*

*Một là, xuất phát từ bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.*

Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước, đặc biệt từ năm 2012 đến nay, Đảng đã nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh - “là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam” [60, tr.32]. Từ đó, Đảng xác định việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói chung, trong đó có việc vận dụng, phát triển tư tưởng về PCTN; đồng thời coi đây là vấn đề có ý nghĩa then chốt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đây chính là nền tảng khoa học và kim chỉ nam để xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; hình thành đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ, đảng viên, có bản lĩnh, phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Qua đó, góp phần ngăn

chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, khắc phục biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đồng thời nâng cao hiệu quả đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu [7, tr.1].

Nguyên nhân trên cũng đã được thanh tra tỉnh Bắc Ninh khẳng định: Tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN có ý nghĩa như một cơ sở lý luận và kim chỉ nam hành động cho công tác thanh tra ở cấp tỉnh hiện nay. Trước hết, Người chỉ rõ tham nhũng là “giặc nội xâm”, nên thanh tra không chỉ là nghiệp vụ hành chính mà là một nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng, gắn trực tiếp với sự sống còn của Đảng và chế độ. Quan điểm của Bác về “thanh tra là tai mắt của trên, là bạn của dưới” định hướng rất rõ cho ngành thanh tra tỉnh vừa phải sắc bén, kiên quyết trong phát hiện, xử lý sai phạm, vừa phải gần dân, hiểu dân, dựa vào dân để đấu tranh với tham nhũng. Tư tưởng đề cao công khai, minh bạch, nói đi đôi với làm, nêu gương của cán bộ giúp ngành thanh tra hoàn thiện quy trình, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, phòng ngừa “tham nhũng trong chính lực lượng chống tham nhũng”. Đồng thời, cách tiếp cận “xây” đi đôi với “chống” của Người gợi mở cho thanh tra tỉnh không chỉ tập trung xử lý vi phạm, mà còn chủ động kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, bịt các “khe hở” của quản lý nhà nước, qua đó góp phần xây dựng nền hành chính liêm chính, phục vụ Nhân dân [Phụ lục 3].

*Hai là, sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, tuyệt đối đối và quyết tâm chính trị cao của Đảng với công tác PCTN.*

Sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, tuyệt đối và quyết tâm chính trị cao của Đảng đối với công tác PCTN là một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực trong việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong giai đoạn hiện nay. Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, công tác PCTN được triển khai đồng bộ, toàn diện, đúng định hướng, vừa đảm bảo tính kiên quyết, vừa gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh. Sự chỉ đạo trực tiếp, nhất quán của Đảng được cụ thể hóa thông qua việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định, cùng với việc phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực, tạo nên cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan chức năng. Quyết tâm chính trị cao của Đảng đã khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý chí đấu tranh của toàn HTCT, đồng thời lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Chính yếu tố đó đã góp phần hiện thực hóa

sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và Nhà nước liêm chính, vì dân, làm nền tảng cho công cuộc đấu tranh PCTN ngày càng thực chất, bền vững và hiệu quả.

*Ba là, nhờ gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.*

Các quan điểm của Hồ Chí Minh về PCTN như: Tác hại, nguyên nhân, sự cần thiết, chủ thể, lực lượng, biện pháp PCTN không chỉ được tuyên truyền, giáo dục mà còn được thể chế hóa thành các chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trong đó nổi bật là Luật PCTN năm 2018 với phạm vi điều chỉnh rộng, bao trùm cả khu vực công và khu vực ngoài nhà nước; cơ chế KSQL, phòng ngừa xung đột lợi ích; quy định về minh bạch, kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức,... Bên cạnh đó, nhiều nghị quyết, quy định của Đảng về nêu gương, về xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, tiêu cực; các nghị định, thông tư hướng dẫn của Chính phủ... đã tạo thành một hành lang pháp lý đồng bộ, chặt chẽ. Chính hệ thống cơ chế, chính sách này giúp việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ dừng ở nhận thức hay tuyên truyền mà được hiện thực hóa bằng các chuẩn mực pháp lý cụ thể, có tính khả thi và ràng buộc cao. Nhờ vậy, công tác PCTN ngày càng đi vào nền nếp, tạo chuyển biến rõ rệt trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng, góp phần xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

*Bốn là, sự vào cuộc đồng bộ của cả HTCT và Nhân dân.*

Một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực trong việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là sự lãnh đạo thống nhất của Đảng cùng với sự vào cuộc đồng bộ của cả HTCT và toàn xã hội. Chính sự thống nhất này đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, bảo đảm cho công tác PCTN được tiến hành một cách toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm và đạt hiệu quả thiết thực. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, các cơ quan trong HTCT từ Trung ương đến địa phương đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, tăng cường phối hợp chặt chẽ trong công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong PCTN; đồng thời, chủ động cụ thể hóa bằng những chủ trương, nghị quyết, quy định và cơ chế KSQL phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, sự tham gia tích cực của MTTQ, các tổ chức CT-XH, cơ quan báo chí và Nhân dân đã góp phần tạo nên không khí CT-XH lành mạnh, thúc đẩy tính công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ, hình thành sự đồng thuận xã hội trong đấu tranh PCTN. Nhờ đó, việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN đã

và đang chuyển biến từ nhận thức sang hành động thực chất, tạo dấu ấn rõ nét trong xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh.

*Năm là, do tác động từ bối cảnh hội nhập quốc tế và yêu cầu phát triển đất nước.*

Trong điều kiện toàn cầu hóa, Việt Nam vừa đứng trước thời cơ, vừa đối mặt với thách thức mới, trong đó có nguy cơ tham nhũng ngày càng tinh vi, phức tạp, có yếu tố xuyên quốc gia. Yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, xây dựng NN PQ, kinh tế thị trường định hướng XNCN đã tạo sức ép mạnh mẽ buộc công tác PCTN phải đổi mới, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước đã mở rộng phạm vi PCTN ra khu vực ngoài nhà nước, gắn với việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và quản trị doanh nghiệp minh bạch. Đồng thời, Việt Nam cũng tích cực tham gia các công ước quốc tế, thiết lập cơ chế hợp tác với nhiều quốc gia, tổ chức để trao đổi thông tin, phối hợp điều tra, hỗ trợ tư pháp, đặc biệt là trong thu hồi tài sản tham nhũng ở nước ngoài. Những hoạt động này không chỉ giúp tiếp thu kinh nghiệm tiên tiến của thế giới mà còn khẳng định quyết tâm chính trị, nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nhờ vậy, việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trở nên toàn diện hơn, vừa đáp ứng yêu cầu trong nước, vừa phù hợp với xu thế hội nhập, góp phần bảo đảm môi trường CT-XH ổn định, kinh tế phát triển lành mạnh.

### **3.2.1.2. Hạn chế và nguyên nhân**

*\* Hạn chế*

*Một là, về nhận thức*

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở một số chủ thể, lực lượng vẫn còn những hạn chế nhất định. Trước hết, một số cán bộ, đảng viên mới dừng lại ở việc nắm bắt khẩu hiệu, câu chữ về “giặc nội xâm”, “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, nhưng chưa hiểu sâu nội hàm, chưa thấy hết tính chất sống còn của PCTN đối với Đảng và chế độ, nên còn biểu hiện lơ là, chiếu lệ, coi đó là “việc của tổ chức”, của các cơ quan chuyên trách. Không ít nơi vẫn tồn tại tâm lý nể nang, né tránh, ngại va chạm, thiếu dũng khí đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực, nhất là khi liên quan đến người thân, người quen, cấp trên, làm cho tư tưởng “kiên quyết trị bệnh cứu người” của Hồ Chí Minh chưa được quán triệt đầy đủ. Ở một số cấp ủy, chính quyền cơ sở, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng PCTN, còn nặng về hình thức, thiếu gắn kết với tự soi, tự sửa và với KSQL trong thực thi công vụ. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân về vai trò giám sát, phản biện,

tổ giác tham nhũng chưa thật rõ; còn tâm lý e ngại, “né” va chạm, hoặc coi tham nhũng là “chuyện ở đâu đó, không liên quan đến mình”. Những hạn chế này cho thấy yêu cầu tiếp tục làm sâu sắc hơn nữa việc nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, nhất là gắn với trách nhiệm nêu gương và văn hóa liêm chính trong thực tiễn.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân vẫn chưa thật sự hiểu đầy đủ, sâu sắc về bản chất, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng. Việc quán triệt và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN tuy được triển khai rộng rãi, nhưng ở nhiều nơi vẫn còn mang tính hình thức, chưa thực sự trở thành động lực tự giác, thường xuyên trong hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các biểu hiện của tham nhũng được Người chỉ ra rất cụ thể, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ nhận diện, như các hành vi tham ô, hối lộ, đút lót, “ăn của đút”,... Tư tưởng đó không chỉ giúp cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa mà còn có tác dụng khơi dậy phong trào PCTN rộng khắp trong toàn xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế, việc nghiên cứu và vận dụng tư tưởng của Người trong nhận diện các hành vi tham nhũng còn nhiều hạn chế, dẫn đến tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân có tâm lý coi những hành vi như đưa phong bì, biếu xén, “chạy chức, chạy quyền, chạy trường, chạy điểm” như một thứ “văn hoá giao tiếp”, “văn hoá phong bì”. Những hiện tượng này diễn ra ở nhiều cấp, nhiều ngành, làm suy thoái đạo đức, lối sống, băng hoại các giá trị xã hội và đạo đức công vụ.

Mặt khác, nhận thức và việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về tác hại của tham nhũng vẫn chưa thật sự toàn diện, sâu sắc. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định, tham nhũng là “giặc nội xâm”, còn nguy hiểm hơn cả giặc ngoại xâm, bởi tác hại của nó không chỉ về mặt kinh tế, xã hội mà còn nghiêm trọng về mặt chính trị, đạo đức. Người cảnh báo rằng nếu không kiên quyết ngăn chặn, tham nhũng có thể đe dọa đến sự tồn vong của Đảng và chế độ. Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay, việc thâm nhuần và vận dụng sâu sắc tư tưởng đó vẫn chưa được thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả. Hệ quả là trong xã hội, vẫn còn hiện tượng người dân chưa thật sự lên án mạnh mẽ tham nhũng, thậm chí có biểu hiện tiếp tay qua việc “bôi trơn” hoặc “đút lót” cán bộ, công chức. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa xem đấu tranh PCTN là nhu cầu tự thân, chưa gắn với ý thức giữ gìn danh dự, nhân phẩm, đạo đức của người cách mạng, dẫn đến tha hoá, biến chất, xa rời lợi ích của Đảng, Tổ quốc và Nhân dân. Không ít người vẫn coi công tác PCTN là nhiệm vụ riêng của các cơ quan chức năng, chưa nhận thức đầy đủ đây là trách nhiệm chính trị, đạo đức và pháp lý của toàn xã hội.

*Hai là, về triển khai thực hiện*

Trong quá trình triển khai các biện pháp PCTN, việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn còn hạn chế nhất định. Trước hết, nhận thức và tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu, về vấn đề này chưa thật sự sâu sắc, toàn diện; ở một số nơi, việc triển khai còn mang tính hình thức, thiếu gắn kết với nhiệm vụ chính trị cụ thể, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động. Nội dung tuyên truyền, giáo dục còn dàn trải, thiếu chiều sâu và chưa thật sự gắn với nhu cầu, đặc điểm từng đối tượng. Cùng với đó, việc giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng, xây dựng văn hóa liêm chính theo tư tưởng Hồ Chí Minh chưa được thực hiện thường xuyên, đồng bộ. Nhiều cơ quan, đơn vị còn coi nhẹ rèn luyện phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính”, chưa thực sự coi trọng đạo đức công vụ, dẫn đến tình trạng xuống cấp về chuẩn mực, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Phương thức tuyên truyền vẫn chậm đổi mới, chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng; việc ứng dụng các kênh truyền thông hiện đại, mạng xã hội trong phổ biến, lan tỏa thông điệp về liêm chính, đạo đức công vụ còn hạn chế. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong HTCT trong công tác tuyên truyền, giáo dục chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả; công tác giám sát, đánh giá kết quả chưa được chú trọng. Vai trò của báo chí, truyền thông và các tổ chức CT-XH trong việc phát hiện, phản biện, nhân rộng gương liêm chính, đấu tranh với tham nhũng chưa được phát huy đầy đủ; một số nơi còn tâm lý e dè, né tránh, thiếu tính đấu tranh.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả quan trọng, song việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về PCTN ở nước ta vẫn còn những hạn chế nhất định. Trước hết, hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật về PCTN tuy đã được ban hành tương đối đầy đủ nhưng vẫn chưa thật sự đồng bộ, thống nhất, còn có những quy định chồng chéo, thiếu cụ thể, dẫn đến khó khăn trong quá trình thực thi. Một số văn bản pháp luật còn thiếu tính dự báo, chưa theo kịp sự biến đổi nhanh của thực tiễn, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Bên cạnh đó, việc tổ chức thực thi pháp luật về PCTN ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao; tình trạng nể nang, né tránh, thiếu kiên quyết trong xử lý sai phạm vẫn diễn ra, đặc biệt ở cấp cơ sở. Cơ chế KSQL, minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức tuy đã được quy định nhưng chưa thực sự đồng bộ và còn thiếu công cụ hữu hiệu để giám sát, xác minh; việc thực hiện trách nhiệm giải trình còn hình thức. Hoạt động giám sát của Nhân dân, MTTQ và

báo chí chưa phát huy hết vai trò do còn thiếu cơ chế, điều kiện bảo đảm cụ thể. Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực xây dựng pháp luật, thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử còn chưa đồng đều, một bộ phận vẫn thiếu bản lĩnh, ngại va chạm, thậm chí có biểu hiện bao che, né tránh trách nhiệm, làm giảm hiệu lực thực thi pháp luật PCTN. Ngoài ra, công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận để tiếp tục phát triển, cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về hoàn thiện chính sách, pháp luật còn hạn chế, chưa gắn kết sâu sắc với yêu cầu của thời kỳ mới.

Hệ thống thể chế, chính sách và pháp luật về PCTN vẫn còn bộc lộ không ít bất cập. Một số quy định pháp luật còn thiếu tính cụ thể, chồng chéo hoặc chưa phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện. Nhiều cơ chế pháp lý như KSQL, minh bạch tài sản, thu nhập, trách nhiệm giải trình hay kiểm soát xung đột lợi ích tuy đã được ban hành nhưng vẫn còn hình thức, chưa thực sự phát huy hiệu quả phòng ngừa tham nhũng. Việc kê khai, xác minh tài sản, thu nhập ở nhiều nơi vẫn nặng về thủ tục hành chính, thiếu cơ chế kiểm chứng độc lập và biện pháp xử lý rõ ràng, khiến công cụ này chưa trở thành “lá chắn” hữu hiệu như mong đợi. Sự phối hợp giữa các cơ quan có chức năng PCTN, đặc biệt là giữa thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát và tòa án còn thiếu đồng bộ, thông tin chia sẻ chưa kịp thời, dẫn đến chồng chéo và giảm hiệu quả. Các quy định về thu hồi tài sản tham nhũng, hợp tác quốc tế trong điều tra, dẫn độ và thu hồi tài sản ở nước ngoài còn chưa đầy đủ, gây khó khăn trong việc truy tìm và xử lý tài sản thất thoát. Ngoài ra, tính dự báo và khả năng thích ứng của hệ thống pháp luật PCTN với các hình thức tham nhũng mới (như trong khu vực tư, chuyên đổi số, kinh tế số) còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, phổ biến và thực thi pháp luật ở nhiều nơi chưa được chú trọng, làm gia tăng khoảng cách giữa “luật trên giấy” và “luật trong đời sống”. Một bộ phận cán bộ, công chức chưa thật sự thấm nhuần tinh thần “pháp luật nghiêm minh để ngăn ngừa tham nhũng” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn.

Đồng thời, công tác kiểm tra, giám sát - khâu then chốt trong phòng ngừa tham nhũng vẫn còn biểu hiện hình thức, thiếu tính kiên quyết và kịp thời. Ở nhiều nơi, hoạt động giám sát của các cơ quan chức năng còn chồng chéo, phối hợp chưa hiệu quả; việc phát hiện, xử lý tham nhũng vẫn chủ yếu dựa vào hậu kiểm, trong khi cơ chế phòng ngừa sớm, phát hiện sớm còn yếu. Công tác cán bộ - lĩnh vực được Chủ tịch Hồ Chí Minh coi là “gốc của mọi công việc” vẫn còn nhiều bất cập. Một số nơi còn biểu hiện nặng về “quan hệ, cục bộ, thân quen”, còn tình trạng “chạy chức, chạy quyền”, bỏ nhiệm vụ công khai, minh bạch; việc đánh giá cán bộ chưa thật sự dựa vào phẩm chất, năng lực và kết quả công tác, làm giảm hiệu quả của công tác PCTN từ gốc.

Cùng với đó, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân - “kẻ địch nguy hiểm nhất trong nội bộ Đảng” theo lời Hồ Chí Minh - vẫn chưa đạt kết quả bền vững. Nhiều nơi vẫn tồn tại biểu hiện thực dụng, vụ lợi, né tránh trách nhiệm; phê bình và tự phê bình còn nể nang, hình thức, làm suy yếu tinh thần đoàn kết, tính chiến đấu trong Đảng. Việc thực hành dân chủ, nói đi đôi với làm, nêu gương của cán bộ, đảng viên ở một số nơi chưa nghiêm, nguyên tắc tập trung dân chủ đôi khi bị vi phạm, làm giảm niềm tin của Nhân dân đối với bộ máy nhà nước.

Một hạn chế khác là cơ chế KSQL và minh bạch tài sản, thu nhập tuy đã được quy định nhưng vẫn còn nhiều sơ hở, thiếu khả thi; việc công khai, kê khai tài sản chưa thực sự đi vào thực chất, còn mang tính hình thức; cơ chế giám sát của Nhân dân và các tổ chức CT-XH chưa được phát huy đầy đủ. Ở một số lĩnh vực, vẫn còn tình trạng lợi ích nhóm, “sân sau”, lạm quyền, gây bức xúc trong dư luận. Bên cạnh đó, vai trò của Nhân dân trong PCTN - một nội dung được Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh - vẫn chưa được phát huy tương xứng. Một bộ phận người dân còn thờ ơ, ngại va chạm hoặc e ngại khi tố cáo hành vi tham nhũng; các kênh phản ánh, tố cáo tuy đã mở rộng nhưng chưa thực sự thuận tiện, an toàn; cơ chế bảo vệ người tố cáo còn yếu, trong khi hoạt động giám sát xã hội của MTTQ, báo chí và các đoàn thể còn thiếu chiều sâu, chưa trở thành phong trào mạnh mẽ trong toàn xã hội.

Tổng thể, những hạn chế nêu trên phản ánh việc triển khai các biện pháp PCTN theo tư tưởng Hồ Chí Minh tuy đã có bước tiến quan trọng nhưng vẫn thiếu tính đồng bộ, bền vững và chiều sâu. Việc kết hợp giữa “phòng” và “chống” đôi khi chưa cân bằng; một số nơi còn thiên về xử lý, chưa coi trọng phòng ngừa từ gốc. Nếu không khắc phục kịp thời, những hạn chế này sẽ làm giảm hiệu lực của các cơ chế KSQL, kìm hãm việc hình thành văn hóa liêm chính trong bộ máy và xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình xây dựng NN PQ XNCN thật sự trong sạch, vững mạnh, như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hợp tác quốc tế về PCTN dù mở rộng nhưng chưa thực chất; việc thu hồi tài sản ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn do khác biệt pháp lý và thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả. Công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm tuy được duy trì nhưng còn hình thức, chưa đi sâu phân tích nguyên nhân gốc rễ của hạn chế, chưa kịp thời nhân rộng mô hình tốt, khiến việc tổng kết lý luận để phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới còn chậm.

*Ba là, về kết quả.*

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định, song so với yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, chỉnh đốn Đảng và giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, kết quả

vận dụng, phát triển tư tưởng của Người trong giai đoạn 2012 - 2025 vẫn còn những hạn chế nhất định. Do vậy, tình hình tham nhũng, tiêu cực ở nước ta vẫn diễn biến phức tạp ở nhiều lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài chính, ngân hàng, đầu tư công, đầu thầu... với thủ đoạn ngày càng tinh vi, có sự cấu kết giữa khu vực công và tư. Một số vụ việc chưa được phát hiện hoặc xử lý triệt để, đặc biệt ở cấp cơ sở, nơi công tác kiểm tra, giám sát còn có mặt lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ. Cơ chế phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số lĩnh vực, địa bàn còn chưa thật sự hiệu quả; một số quy định của pháp luật còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, vẫn còn những sơ hở có thể bị lợi dụng.

Tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn là khâu khó; việc xác minh, truy tìm, kê biên, phong tỏa tài sản, nhất là tài sản ở nước ngoài, còn gặp nhiều vướng mắc. Biện pháp phòng ngừa từ gốc có lúc, có nơi chưa được chú trọng tương xứng với xử lý hậu quả; nhiều cơ chế phòng ngừa còn hình thức, chưa thực chất. Chính sách bảo vệ người tố cáo và khuyến khích sự tham gia của xã hội trong PCTN vẫn chưa phát huy đầy đủ hiệu quả. Tính răn đe, phòng ngừa trong xử lý tham nhũng tuy được tăng cường nhưng chưa thật sự đồng đều, chưa đủ mạnh để ngăn chặn triệt để tình trạng tái diễn; hiện tượng “trên nóng, dưới lạnh” vẫn còn xuất hiện ở một số nơi. Những hạn chế đó cho thấy công tác PCTN tuy đã đạt nhiều kết quả nổi bật nhưng vẫn chưa thể chủ quan, thỏa mãn, mà cần tiếp tục được đẩy mạnh hơn nữa, đồng bộ hơn nữa, đi vào chiều sâu hơn nữa, nhất là trong vận dụng sâu sắc và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trên các phương diện xây dựng con người liêm chính, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, phát huy dân chủ và củng cố văn hóa liêm chính trong toàn xã hội.

*\* Nguyên nhân hạn chế*

*Một là, nhận thức về giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong PCTN chưa thật sự đầy đủ.*

Ở nhiều cấp, ngành, việc tiếp cận và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh mới dừng lại ở mức độ khái quát, chưa được luận giải một cách sâu sắc, hệ thống hóa rõ ràng để trở thành nền tảng lý luận, kim chỉ nam cho công tác PCTN trong điều kiện phát triển mới của đất nước. Nhiều cán bộ, đảng viên còn hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN chủ yếu ở phương diện đạo đức, chưa thấy được tính khoa học, cách mạng và hiện đại trong quan điểm của Người về KSQL, xây dựng cơ chế phòng ngừa, và phát huy vai trò giám sát của Nhân dân. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu, học tập, quán triệt tư

tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở nhiều nơi vẫn còn mang tính hình thức, nặng về khẩu hiệu, thiếu chiều sâu và tính ứng dụng thực tiễn; chưa có nhiều công trình chuyên khảo, luận chứng cụ thể để làm rõ phương thức vận dụng tư tưởng của Người trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng XNCN, hội nhập quốc tế sâu rộng và chuyển đổi số hiện nay. Chính vì nhận thức chưa đầy đủ, chưa thống nhất, nên giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương còn tồn tại sự khác biệt trong xác định nội dung, trọng tâm và phương pháp triển khai PCTN; có nơi thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, nhưng cũng có nơi làm chiếu lệ, hình thức hoặc buông lỏng. Tình trạng này khiến việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác PCTN chưa thực sự trở thành định hướng tư tưởng xuyên suốt và phương pháp hành động hiệu quả, làm giảm sức lan tỏa và giá trị dẫn dắt của tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Hai là, việc thể chế hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong thực tiễn còn nhiều hạn chế.*

Mặc dù Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, luật pháp nhằm cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước liêm chính, của dân, do dân, vì dân, song quá trình chuyển hóa các giá trị tư tưởng đó thành cơ chế, chính sách, quy định pháp luật và công cụ quản lý vẫn chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả. Một số quy định pháp luật còn chồng chéo, thiếu tính khả thi, chưa theo kịp thực tiễn phát sinh của các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Nhiều cơ chế KSQL, minh bạch tài sản, thu nhập, xung đột lợi ích hay bảo vệ người tố giác tham nhũng vẫn còn bất cập, thiếu tính ràng buộc và chưa phát huy đầy đủ tác dụng phòng ngừa. Bên cạnh đó, việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, đất đai, đầu tư công, đấu thầu, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ... vẫn còn hình thức, chưa trở thành thói quen văn hóa và chuẩn mực ứng xử trong bộ máy công quyền. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong phát hiện, xử lý và thu hồi tài sản tham nhũng có lúc, có nơi còn thiếu đồng bộ, dẫn đến hiệu quả PCTN chưa tương xứng với quyết tâm chính trị của Đảng và kỳ vọng của Nhân dân. Những hạn chế đó cho thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng cơ chế để cán bộ không thể, không dám, không cần và không muốn tham nhũng tuy đã được nhận thức đúng đắn về mặt lý luận, nhưng trong thực tiễn vẫn chưa được thể chế hóa đầy đủ, chặt chẽ và vận hành hiệu quả, làm giảm sức mạnh của tư tưởng và giá trị định hướng của Người trong công cuộc đấu tranh PCTN hiện nay.

*Ba là, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói chung về PCTN nói riêng còn mang tính hình thức, thiếu tính lan tỏa thực chất.*

Mặc dù các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đã triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, đợt sinh hoạt chính trị chuyên đề về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, song ở không ít nơi, việc thực hiện vẫn dừng lại ở hình thức, thiếu chiều sâu, chưa tạo được chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Nhiều trường hợp coi việc học tập và làm theo là nhiệm vụ mang tính thủ tục, chưa thực sự gắn với quá trình tự rèn luyện, tu dưỡng, nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ và tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Việc liên hệ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên hằng năm còn thiếu tính thực chất; công tác nêu gương, biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến chưa được tiến hành thường xuyên, đồng bộ. Chính vì vậy, giá trị và sức lan tỏa của các chuẩn mực đạo đức như liêm chính, chí công vô tư, nói đi đôi với làm chưa thật sự thấm sâu vào đời sống chính trị, văn hóa công vụ và hành vi ứng xử của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Điều đó làm cho việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác PCTN chưa trở thành động lực tinh thần mạnh mẽ và định hướng hành động cụ thể trong thực tiễn.

*Bốn là, tác động của mặt trái cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế và sự xuống cấp đạo đức xã hội.*

Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XNCN, bên cạnh những yếu tố tích cực, vẫn tồn tại không ít biểu hiện tiêu cực như chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, vụ lợi, chạy theo lợi ích vật chất, làm phai nhạt các giá trị đạo đức truyền thống và lý tưởng cách mạng. Sự phân hóa giàu nghèo, cạnh tranh không lành mạnh và áp lực về lợi ích kinh tế khiến một bộ phận cán bộ, đảng viên dễ sa vào cám dỗ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thậm chí lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Bên cạnh đó, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, sự giao thoa về văn hóa, tư tưởng, cùng với ảnh hưởng từ các giá trị thực dụng và chủ nghĩa cá nhân phương Tây, đã làm nảy sinh nhiều thách thức trong việc giữ gìn, phát huy chuẩn mực đạo đức cách mạng mà Hồ Chí Minh từng đề cao như "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư". Công tác giáo dục, định hướng giá trị, xây dựng văn hóa liêm chính chưa theo kịp sự biến đổi của xã hội và môi trường kinh tế mới. Tình trạng suy giảm niềm tin, thờ ơ với cái xấu, thiếu ý thức đấu tranh với tham nhũng trong một bộ phận nhân dân cũng làm giảm sức mạnh của "phòng tuyến nhân dân" trong PCTN. Những yếu tố đó tác động trực tiếp

đến việc vận dụng, phát triển và hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong thực tiễn.

### **3.2.2. Một số vấn đề đặt ra**

*Một là, khoảng cách giữa giá trị định hướng của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN với mức độ chuyển hóa thành trách nhiệm và hành động thực tiễn.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN chứa đựng hệ giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, nhất là quan điểm về rèn luyện đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, chống tham ô, lãng phí, quan liêu từ gốc rễ nhận thức, động cơ và hành vi của cán bộ. Trong điều kiện hiện nay, những chuẩn mực như “cần, kiệm, liêm, chính”, “chí công vô tư”, “nói đi đôi với làm”, “phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân” càng có ý nghĩa quan trọng đối với xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính, trách nhiệm, tận tụy vì dân. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc học tập, quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở một số nơi vẫn chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra; có lúc còn nặng về tuyên truyền, sinh hoạt chuyên đề, cam kết hình thức, nhưng chưa gắn chặt với rèn luyện đạo đức công vụ, kiểm soát hành vi quyền lực và đánh giá kết quả thực thi nhiệm vụ. Không ít trường hợp cán bộ, đảng viên nhận thức đúng nhưng hành động chưa đúng; nói về liêm chính nhưng chưa thật sự liêm chính trong thực thi công vụ; đề cao trách nhiệm nêu gương nhưng chưa biến nêu gương thành chuẩn mực tự giác và bắt buộc. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải khắc phục khoảng cách giữa nhận thức và hành động, giữa học tập và làm theo, giữa giá trị tư tưởng và chuẩn mực thực thi công vụ, để tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự trở thành nền tảng đạo đức, động lực chính trị và cơ chế tự kiểm soát của cán bộ, đảng viên trong PCTN hiện nay.

*Hai là, sự chưa tương xứng giữa yêu cầu lãnh đạo toàn diện, thường xuyên của Đảng đối với PCTN với tính chưa đồng đều trong tổ chức thực hiện ở một số nơi.*

Thực tiễn đã khẳng định, PCTN chỉ có thể đạt hiệu quả bền vững khi đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất, thường xuyên và quyết liệt của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định bảo đảm cho công tác PCTN không bị phân tán, cục bộ, không bị chi phối bởi lợi ích nhóm, quan hệ thân quen, tư tưởng nể nang, né tránh hoặc tâm lý “giữ an toàn” trong xử lý sai phạm. Tuy nhiên, trên thực tế, giữa quyết tâm chính trị ở Trung ương với việc tổ chức thực hiện ở một số cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị vẫn còn khoảng cách nhất định. Có nơi, có lúc, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chưa thật sự quyết liệt; công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc chưa kịp thời; việc phát hiện, xử lý sai phạm còn chậm; vẫn còn biểu hiện sợ trách nhiệm, ngại va chạm,

né tránh, đùn đẩy hoặc trông chờ vào cấp trên. Điều đó cho thấy, vấn đề đặt ra không chỉ là tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với PCTN, mà quan trọng hơn là phải chuyên hóa vai trò lãnh đạo ấy thành năng lực tổ chức thực hiện, năng lực kiểm tra, giám sát kết quả và cơ chế xử lý trách nhiệm cụ thể đối với từng tổ chức, từng cấp ủy và người đứng đầu.

*Ba là, yêu cầu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh đang đặt ra thách thức từ tình trạng nêu gương, tự phê bình và phê bình chưa thật sự thực chất ở một số tổ chức, cán bộ, đảng viên.*

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, PCTN trước hết phải bắt đầu từ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; bởi Đảng có trong sạch, vững mạnh thì mới đủ uy tín, năng lực và bản lĩnh để lãnh đạo Nhà nước và xã hội đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Người đặc biệt coi trọng thực hành dân chủ, tự phê bình và phê bình, rèn luyện đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Tuy nhiên, trong thực tiễn, yêu cầu đó chưa phải lúc nào cũng được chuyển hóa đầy đủ thành cơ chế tự kiểm soát quyền lực trong từng tổ chức đảng và trong mỗi cán bộ, đảng viên. Ở một số nơi, sinh hoạt tự phê bình và phê bình còn biểu hiện nể nang, né tránh, ngại va chạm; dân chủ trong Đảng có lúc chưa thực chất; trách nhiệm nêu gương chưa được thể hiện thường xuyên bằng hành động cụ thể, nhất là trong những vấn đề dễ phát sinh lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm. Khi người đứng đầu chưa thật sự gương mẫu, chưa chịu trách nhiệm đến cùng đối với lĩnh vực, địa bàn, cơ quan, đơn vị được giao phụ trách; khi tự soi, tự sửa chưa trở thành nhu cầu tự thân và kỷ luật bắt buộc, thì những biểu hiện suy thoái, tha hóa quyền lực, tham nhũng, tiêu cực vẫn có điều kiện nảy sinh từ bên trong tổ chức. Đây chính là khoảng cách cần nhận diện trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh vào PCTN hiện nay: giữa yêu cầu rất cao về đạo đức, dân chủ, nêu gương và tự kiểm soát quyền lực với mức độ thực chất, thường xuyên và hiệu quả của việc tổ chức thực hiện ở một bộ phận tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

*Bốn là, sự chưa tương xứng giữa yêu cầu xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, liêm chính, công khai, minh bạch với hiệu quả kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình trong thực tiễn.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân đặt ra yêu cầu bộ máy nhà nước phải thật sự trong sạch, liêm chính, gần dân, trọng dân, phục vụ Nhân dân và chịu sự kiểm soát của Nhân dân. Trong bối cảnh hiện nay, việc sắp xếp tổ chức

bộ máy, đổi mới mô hình chính quyền địa phương, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính và chuyển đổi số đang mở ra điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia, giảm tầng nấc trung gian, rút ngắn quy trình xử lý công việc, tăng tính công khai, minh bạch và phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, chính quá trình đó cũng làm xuất hiện những yêu cầu kiểm soát quyền lực phức tạp hơn. Nếu phân cấp, phân quyền không đi đôi với kiểm tra, giám sát và ràng buộc trách nhiệm; nếu tinh gọn bộ máy không gắn với minh bạch thẩm quyền, quy trình và trách nhiệm giải trình; nếu chuyển đổi số không đi liền với kiểm soát dữ liệu, kiểm soát quy trình công vụ và phòng ngừa lợi dụng công nghệ để trục lợi, thì quyền lực công có thể bị tha hóa dưới những hình thức mới, tinh vi hơn. Thực tế cho thấy, trong một số lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, quy hoạch, đầu tư công, tài sản công, đấu thầu, mua sắm công, tài chính - ngân sách, tổ chức cán bộ, nguy cơ lạm quyền, lợi ích nhóm, tham nhũng chính sách vẫn còn hiện hữu khi cơ chế kiểm soát chưa theo kịp sự vận động của bộ máy và phương thức quản trị mới. Đây là vấn đề đặt ra trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước liêm chính hiện nay: phải bảo đảm quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước không chỉ hướng tới tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, mà còn phải đồng thời tạo lập được cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ, trách nhiệm giải trình rõ ràng, công khai, minh bạch thực chất, để quyền lực nhà nước luôn được sử dụng đúng mục đích, đúng thẩm quyền và vì lợi ích của Nhân dân.

*Năm là, sự chưa tương xứng giữa yêu cầu phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT, Nhân dân và toàn xã hội trong PCTN với hiệu quả thực tế của cơ chế giám sát, phản biện và bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng.*

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhân dân là lực lượng to lớn trong xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu; mọi quyền lực đều thuộc về Nhân dân và phải được Nhân dân kiểm tra, giám sát. Từ cách tiếp cận đó, PCTN không thể chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách, mà phải trở thành trách nhiệm chung của cả HTCT, của MTTQ, các tổ chức CT-XH, báo chí, truyền thông, doanh nghiệp và mỗi người dân. Tuy nhiên, trong thực tiễn, sức mạnh rộng lớn ấy chưa phải lúc nào cũng được chuyển hóa thành cơ chế giám sát và phản biện thật sự hiệu quả. Ở một số nơi, kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, tố cáo của Nhân dân còn chưa thuận lợi; việc xử lý thông tin từ cơ sở có lúc chưa kịp thời; vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức CT-XH chưa phát huy đầy đủ; cơ chế bảo vệ người tố

cáo, người phản ánh, người dám đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực còn bất cập, khiến không ít người còn tâm lý e ngại, sợ bị trù dập, cô lập hoặc ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng. Bên cạnh đó, báo chí, truyền thông và không gian mạng vừa mở ra khả năng giám sát xã hội rộng rãi, nhanh chóng, vừa đặt ra thách thức về kiểm chứng thông tin, định hướng dư luận, ngăn ngừa tình trạng lợi dụng PCTN để xuyên tạc, kích động, làm suy giảm niềm tin xã hội. Vì vậy, vấn đề đặt ra hiện nay là phải khắc phục khoảng cách giữa yêu cầu phát huy sức mạnh của Nhân dân và toàn xã hội với mức độ thực chất, an toàn, hiệu quả của các cơ chế tham gia, giám sát, phản biện và bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng; qua đó biến PCTN thành phong trào tự giác, bền bỉ, có tổ chức, có trách nhiệm và được bảo đảm bằng những thiết chế cụ thể.

*Sáu là, sự chưa tương thích giữa tính chất ngày càng tinh vi, phức tạp, xuyên khu vực của tham nhũng với năng lực nhận diện, phối hợp và kiểm soát của các chủ thể PCTN.*

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và mở rộng quan hệ công - tư, tham nhũng không còn chỉ biểu hiện trực diện trong khu vực nhà nước, mà ngày càng có xu hướng đan xen giữa khu vực công và khu vực tư, giữa quyền lực chính trị với lợi ích kinh tế, giữa người có chức vụ, quyền hạn với doanh nghiệp, nhóm lợi ích và các quan hệ xã hội phức tạp. Nhiều hành vi tham nhũng được che giấu dưới hình thức lợi ích nhóm, “sân sau”, tham nhũng chính sách, thao túng quy hoạch, đấu thầu, tài chính, đất đai, tài sản công, chuyển dịch tài sản ra nước ngoài hoặc lợi dụng công nghệ, dữ liệu, quy trình số để trục lợi. Trong khi đó, năng lực nhận diện, dự báo và xử lý các dạng thức tham nhũng mới của một số chủ thể PCTN còn chưa theo kịp; tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và cơ chế phối hợp giữa kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có lúc chưa thật sự liên thông, nhịp nhàng; việc kiểm soát tài sản, thu nhập, xung đột lợi ích, trách nhiệm giải trình, thu hồi tài sản tham nhũng, nhất là tài sản có yếu tố nước ngoài, còn gặp nhiều khó khăn. Điều đó cho thấy, vấn đề đặt ra hiện nay không chỉ là xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng đã bị phát hiện, mà còn là phát triển năng lực phòng ngừa, nhận diện sớm, kiểm soát từ xa, phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế hiệu quả hơn, qua đó từng bước hình thành cơ chế PCTN đủ mạnh để cán bộ, đảng viên “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng trong bối cảnh mới.

### Tiểu kết chương 3

Chương 3 tập trung làm rõ quá trình vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam. Cụ thể, đã làm rõ việc vận dụng và phát triển các biện pháp PCTN theo tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục và xây dựng văn hóa liêm chính; hoàn thiện thể chế, KSQL; phát huy vai trò của các cơ quan chức năng và Nhân dân; mở rộng hợp tác quốc tế và nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực...

Thực tiễn từ đổi mới đến nay cho thấy, sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN đã đạt được những thành tựu quan trọng, như: Nhận thức lý luận về PCTN được nâng lên toàn diện, sâu sắc và thống nhất hơn; PCTN được xác định là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, lâu dài của toàn HTCT và toàn xã hội. Hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật về PCTN ngày càng hoàn thiện; các biện pháp PCTN được triển khai đồng bộ, gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giáo dục đạo đức công vụ, xây dựng văn hóa liêm chính và phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, MTTQ, báo chí và các tổ chức CT-XH. Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng có chuyển biến mạnh mẽ, với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước trong xây dựng bộ máy trong sạch, vững mạnh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, thể hiện ở nhận thức lý luận chưa thật đầy đủ, cơ chế chính sách chưa đồng bộ, một số biện pháp triển khai còn hình thức, và kết quả PCTN trên thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Đồng thời, chương 3 cũng đã làm rõ nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế.

Trên cơ sở phân tích thực trạng, Chương 3 đã chỉ ra một số vấn đề đặt ra trong quá trình vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN. Cụ thể, khoảng cách giữa giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn nhận thức, hành động vẫn còn khá lớn; việc phát triển tư tưởng của Người chưa theo kịp yêu cầu của bối cảnh mới; quá trình thể chế hóa tuy đạt kết quả nhất định nhưng còn thiếu đồng bộ, chưa thật sự thực chất. Công tác giáo dục, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vẫn còn hình thức, hiệu quả lan tỏa xã hội chưa cao. Bên cạnh đó, những biến động xã hội và thách thức của thời đại đặt ra yêu cầu phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh một cách linh hoạt, sáng tạo, kết hợp hài hòa giữa “xây” và “chống”. Đây là cơ sở quan trọng để đề xuất các quan điểm và giải pháp tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

**Chương 4**  
**QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC VẬN DỤNG,**  
**PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG CHỐNG**  
**THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI**

**4.1. BỐI CẢNH THỜI ĐẠI VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA NHẪM TIẾP TỤC VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI**

**4.1.1. Xu thế hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng ngày càng được thực hiện chặt chẽ giữa các nước trên thế giới**

Tham nhũng ngày nay không còn là vấn đề riêng lẻ của từng quốc gia, mà đã trở thành một vấn nạn toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh thế giới “siêu phẳng” hiện đại, nơi mọi ranh giới đều bị xóa nhòa. Nó đã vượt khỏi phạm vi lãnh thổ, trở thành hiện tượng xuyên quốc gia, gắn chặt với các mạng lưới tài chính ngầm, hoạt động rửa tiền tinh vi và những nhóm lợi ích quốc tế đầy quyền lực. Trước thực trạng đó, xu thế hợp tác quốc tế trong PCTN ngày càng được triển khai một cách toàn diện, chặt chẽ và có hệ thống. Hợp tác quốc tế về PCTN giữa các quốc gia trên thế giới tiếp tục được đẩy mạnh, là một yếu tố quan trọng trong việc đối phó với các hành vi tham nhũng, đặc biệt khi các hành vi này có tính chất xuyên quốc gia. Một số lĩnh vực chính trong hợp tác quốc tế như: Chia sẻ thông tin; điều tra và truy tố phối hợp; hỗ trợ kỹ thuật: tạo mạng lưới hợp tác; thúc đẩy các chuẩn mực và quy định quốc tế; thúc đẩy đối thoại và hợp tác... Thông qua các hình thức hợp tác này, các quốc gia có thể tăng cường khả năng ứng phó với tham nhũng, bảo vệ tài sản công và nâng cao tính minh bạch trong quản lý nhà nước. Không chỉ dừng lại ở việc tham gia các công ước quốc tế như UNCAC, nhiều quốc gia còn chủ động thiết lập các cơ chế hợp tác song phương và đa phương như mạng lưới chống tham nhũng khu vực, các hiệp định về dẫn độ, hỗ trợ tư pháp, truy tìm và thu hồi tài sản do tham nhũng mà có. Hợp tác không chỉ diễn ra ở cấp nhà nước mà còn lan tỏa sang các tổ chức xã hội dân sự, khu vực tư nhân và truyền thông quốc tế, tạo nên một mạng lưới đa tầng, liên kết chặt chẽ trong PCTN.

Trong bối cảnh đó, đã tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi cho công tác vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở nước ta trong kỷ nguyên mới. Theo đó, nước ta sẽ có điều kiện thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia và tổ chức

quốc tế trong việc trao đổi thông tin, hỗ trợ điều tra và truy tố các vụ việc tham nhũng xuyên quốc gia. Tiếp thu kinh nghiệm trong đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ các cơ quan nhà nước và lực lượng thực thi pháp luật trong công PCTN. Đồng thời, thiết lập các cơ chế hợp tác với các quốc gia khác để hỗ trợ trong việc truy tìm và thu hồi tài sản bị thất thoát ra nước ngoài. Tham gia các hoạt động nghiên cứu và trao đổi và học hỏi từ các mô hình thành công trong PCTN của các quốc gia khác.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, xu thế hợp tác quốc tế cũng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với việc vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN. Theo đó, sự khác biệt về thể chế chính trị, hệ thống pháp luật và mức độ cam kết chính trị giữa các quốc gia khiến việc phối hợp hành động không đồng đều, thậm chí thiếu nhất quán. Một số quốc gia có thể viện dẫn vấn đề chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc thiếu thiện chí hợp tác để từ chối dẫn độ tội phạm tham nhũng hoặc trao trả tài sản bất minh. Đồng thời, các quy trình hợp tác tư pháp quốc tế thường phức tạp, kéo dài và bị ràng buộc bởi nhiều thủ tục hành chính, gây khó khăn trong việc thu thập chứng cứ, truy bắt đối tượng và thu hồi tài sản xuyên biên giới. Bên cạnh đó, thiếu minh bạch, lòng tin và chia sẻ thông tin kịp thời giữa các cơ quan chức năng ở các nước cũng làm suy giảm hiệu quả hợp tác. Ngoài ra, các mạng lưới tham nhũng quốc tế ngày càng tinh vi, lợi dụng kẽ hở pháp luật, vùng trống giám sát và công nghệ số để che giấu dòng tiền, gây khó khăn cho việc điều tra và xử lý. Những thách thức này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hài hòa hóa luật pháp quốc tế, nâng cao năng lực thể chế và thúc đẩy lòng tin chiến lược giữa các quốc gia trong cuộc chiến chống tham nhũng mang tính toàn cầu.

#### **4.1.2. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ**

Sự phát triển mạnh mẽ của KHCN trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động trực tiếp và sâu sắc đến quá trình vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN. Các thành tựu công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain và Internet vạn vật (IoT) tạo ra những công cụ mới giúp nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả giám sát đối với hoạt động của bộ máy nhà nước. Điều này góp phần hiện thực hóa những quan điểm cốt lõi của Hồ Chí Minh về dựa vào Nhân dân để KSQL, phát huy dân chủ, tăng cường trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức. Thông qua các nền tảng số và hệ thống chính quyền điện tử, người dân có điều kiện thuận lợi hơn để tiếp cận thông tin, phản ánh tiêu cực, tham gia giám sát

cơ quan công quyền, qua đó mở rộng không gian thực hành tư tưởng Hồ Chí Minh trong đấu tranh chống “giặc nội xâm” trong thời đại số. Đồng thời, KHCN còn hỗ trợ cơ quan chức năng đổi mới phương thức phát hiện, điều tra và xử lý tham nhũng, phù hợp với yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả mà Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh trong công tác kiểm tra, KSQL công.

Bên cạnh những tác động tích cực, sự phát triển nhanh chóng của KHCN cũng đặt ra không ít khó khăn đối với việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN. Các đối tượng tham nhũng có thể lợi dụng công nghệ cao để che giấu hành vi phạm tội, mã hóa dữ liệu, rửa tiền hoặc chuyển dịch tài sản qua các giao dịch điện tử phức tạp, làm nảy sinh những hình thức tham nhũng phi truyền thống. Thực tiễn đó đòi hỏi phải phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng mới: không chỉ dựa vào đạo đức cách mạng và sự giám sát của quần chúng, mà còn phải kết hợp chặt chẽ với năng lực quản trị số, trình độ công nghệ của đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật. Việc xây dựng khung pháp lý, cơ chế quản lý dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin và KSQL trên môi trường mạng trở thành yêu cầu tất yếu để tiếp tục phát huy tinh thần Hồ Chí Minh về KSQL và phòng ngừa tham nhũng một cách căn cơ, hiệu quả.

Như vậy, KHCN vừa mở ra điều kiện mới để vận dụng sâu rộng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò Nhân dân và tăng cường minh bạch, vừa phải đổi mới và phát triển sáng tạo những nội dung tư tưởng của Người cho phù hợp với yêu cầu PCTN trong thời đại quản trị thông minh và phòng ngừa tham nhũng công nghệ cao.

#### **4.1.3. Mặt trái của nền kinh tế thị trường và sự chống phá của các thế lực thù địch**

Mặt trái của cơ chế thị trường, với đặc trưng là sự chạy theo lợi nhuận và đề cao giá trị vật chất, đã và đang tác động tiêu cực đến đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Trong môi trường đó, không ít người bị cuốn vào vòng xoáy của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, dẫn đến suy thoái về tư tưởng chính trị, phai nhạt lý tưởng cách mạng, xem nhẹ kỷ luật Đảng và các chuẩn mực đạo đức công vụ. Tình trạng “buông lỏng tự rèn luyện”, “lợi dụng chức vụ trục lợi”, hay “lấy quan hệ thay cho trách nhiệm” ngày càng phổ biến ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, biểu hiện qua lối sống hưởng thụ, tham vọng quyền lực, và dễ bị cám dỗ bởi vật chất. Điều này không chỉ làm suy giảm lòng tin của Nhân dân vào Đảng và Nhà nước mà còn cản trở quá trình xây dựng bộ máy trong sạch, liêm chính. Vì vậy, trong bối cảnh kinh tế thị

trường định hướng XNCN, việc giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị là yêu cầu cấp thiết đối với mỗi cán bộ, đảng viên.

Ngoài ra, các thế lực thù địch, phản động không ngừng gia tăng các hoạt động chống phá sự nghiệp cách mạng của nước ta trên các lĩnh vực, trong đó có công cuộc PCTN do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Chúng lợi dụng một số vụ án tham nhũng lớn, xuyên tạc bản chất cuộc đấu tranh chống tham nhũng, vu cáo Đảng “thanh trừng nội bộ” hay “đấu đá phe phái”, từ đó gây hoang mang dư luận, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng. Đồng thời, chúng sử dụng mạng xã hội để phát tán thông tin sai lệch, kích động tâm lý bất mãn, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Thậm chí, một số đối tượng còn móc nối, tiếp tay cho những phần tử thoái hóa biến chất, làm lộ lọt thông tin, cản trở quá trình điều tra, xét xử. Trước âm mưu và hành động chống phá ngày càng phức tạp đó, việc giữ vững bản lĩnh chính trị, tăng cường công tác truyền thông chính thống, củng cố niềm tin của Nhân dân và kiên trì thực hiện nguyên tắc “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” trong PCTN là điều hết sức quan trọng để bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng và giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng.

#### **4.1.4. Thành tựu của đất nước sau gần 40 năm đổi mới và công cuộc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị**

Sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên, là nền tảng quan trọng để tiếp tục phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Vai trò, nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ngày càng được đổi mới và nâng cao. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam ngày càng hoàn thiện, năng lực quản lý - quản trị phát triển được nâng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nước ta đang thực hiện đổi mới HTCT, tinh gọn về bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới, cùng với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, xóa bỏ trung gian, mở rộng không gian phát triển, phù hợp với điều kiện, đặc điểm các địa bàn, hướng về cơ sở... đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh công cuộc PCTN, xây dựng bộ máy liêm chính, nâng cao hiệu quả quản trị, phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp.

Bối cảnh trong nước có nhiều thuận lợi trong công tác PCTN, thể hiện sự quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong kiên quyết, kiên trì đấu tranh không khoan nhượng đối với tệ tham nhũng; từng bước hoàn thiện cơ chế KSQL, xử lý nghiêm minh để ngăn chặn tham nhũng, củng cố niềm tin của Nhân dân. Tuy nhiên, cũng gặp nhiều khó

khẩn, thách thức: bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt dần được khắc phục, song có mặt còn gay gắt hơn. Nền kinh tế vẫn đứng trước nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình, các vấn đề về phân bổ tài nguyên, quản lý tài sản công và sự gia tăng của các nhóm lợi ích cũng tạo ra những cơ hội cho tham nhũng phát sinh, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan đến đầu tư công, đất đai và tài nguyên thiên nhiên... Do vậy, nếu không ngăn chặn, đẩy lùi được tham nhũng, sẽ dẫn tới nguy cơ mất niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và sự tan rã của chế độ là điều khó tránh khỏi. Đòi hỏi cần phải tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, để giải quyết căn bản những vấn đề đặt ra trong đấu tranh PCTN ở Việt Nam hiện nay.

#### **4.2. QUAN ĐIỂM TIẾP TỤC VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI**

Kế thừa các quan điểm của Đảng về PCTN đã được nêu tại các Văn kiện Đại hội các khóa gần đây, trong các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương các khóa, trong các quy định, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác PCTN, lãng phí, tiêu cực, Chiến lược Quốc gia về PCTN, Luận án đề xuất một số quan điểm sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục nghiên cứu vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; khắc phục những nội dung vận dụng chưa hiệu quả, nghiên cứu những nội dung mới cần phát triển; chú trọng tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, bổ sung những vấn đề mới, cách làm hay, sáng tạo, góp phần nâng cao hiệu quả công tác PCTN; không ngừng đổi mới tư duy, hoàn thiện lý luận về PCTN theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Thứ hai*, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong bối cảnh mới hiện nay cần quán triệt nguyên tắc về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN: gắn công tác PCTN với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh; phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, nói đi đôi với làm và làm đi đôi với nói; đẩy mạnh từ việc học tập sang làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đổi mới phương thức đánh giá, lựa chọn, bố trí đúng cán bộ; tăng cường quản lý, giáo dục, phòng chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

*Thứ ba*, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong bối cảnh mới hiện nay cần xác định PCTN là nhiệm vụ cấp bách, quan trọng, thường xuyên, lâu dài trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, hoàn thiện NNPQ XHCN, là trách nhiệm của cả HTCT, được sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, toàn diện của

Đảng: phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và của toàn dân trong PCTN, tạo động lực thúc đẩy phát triển KT-XH, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự tin tưởng của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

*Thứ tư*, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong bối cảnh mới hiện nay cần xác định phương châm căn cốt là: PCTN phải được tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục, không ngừng, không nghỉ, với những bước đi vững chắc, tích cực, chủ động và có trọng tâm, trọng trọng điểm; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự; đồng bộ giữa kỷ luật Đảng với kỷ luật nhà nước, kỷ luật đoàn thể và xử lý hình sự; thu hồi triệt để tài sản tham nhũng.

*Thứ năm*, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong bối cảnh mới hiện nay cần nhất quán phương châm phòng ngừa tham nhũng từ sớm, từ xa, cả ngọn lẫn gốc: Phòng ngừa tham nhũng là chính, cơ bản, lâu dài, bền vững, chủ động phòng ngừa sớm, loại trừ tham nhũng ngay từ ban đầu; phát hiện, xử lý mọi hành vi tham nhũng là quan trọng, cấp bách. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa, chủ động phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi tham nhũng, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng; không có vùng cấm, vùng trống, không có ngoại lệ, không có đặc quyền, bất kể người đó là ai.

*Thứ sáu*, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong bối cảnh mới hiện nay cần tập trung vào việc hoàn thiện và thực hiện đồng bộ cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để “không thể tham nhũng”; cơ chế răn đe, trừng trị nghiêm khắc để “không dám tham nhũng”; xây dựng văn hóa liêm chính để “không muốn tham nhũng”; cơ chế chính sách đãi ngộ xứng đáng để “không cần tham nhũng”. Xây dựng bộ máy nhà nước liêm chính, hoạt động công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, từng bước hình thành bền vững môi trường trong sạch, minh bạch, hạn chế tối đa tham nhũng trong hoạt động nhà nước và xã hội.

*Thứ bảy*, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong bối cảnh mới hiện nay cần chú ý đến việc tăng cường hợp tác quốc tế trong PCTN: tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài và phối hợp truy bắt tội phạm tham nhũng, ngăn chặn tư tưởng tham nhũng nếu bị phát hiện thì trốn ra nước ngoài; ứng dụng

KHCN trong quản lý, kiểm soát tham nhũng. Kế thừa kinh nghiệm của các nhiệm kỳ trước, PCTN cả trong khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước.

### **4.3. GIẢI PHÁP TIẾP TỤC VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI**

#### **4.3.1. Nhóm giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng**

##### ***4.3.1.1. Tiếp tục quán triệt quan điểm của Hồ Chí Minh về tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong phòng, chống tham nhũng gắn với rèn luyện đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân***

*Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về PCTN gắn với quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTN. Công tác tuyên truyền cần tập trung làm rõ bản chất, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng đối với sự phát triển của đất nước, đối với đạo đức xã hội và uy tín của Đảng; qua đó nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và toàn xã hội trong đấu tranh PCTN. Các cấp ủy đảng và chi bộ cần chủ động đổi mới phương thức tuyên truyền theo hướng đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn, phù hợp với từng đối tượng; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục lý luận chính trị với các hoạt động sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chi bộ, các phong trào thi đua yêu nước và việc phát huy hiệu quả của các phương tiện truyền thông hiện đại. Đồng thời, cần chú trọng thông tin, tuyên truyền kịp thời về các vụ việc, vụ án tham nhũng đã và đang được phát hiện, xử lý; qua đó không chỉ góp phần răn đe, cảnh tỉnh mà còn giúp cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc hơn về tính chất sai trái và hậu quả nghiêm trọng của hành vi tham nhũng, từ đó nâng cao ý thức tự giác, trách nhiệm trong đấu tranh PCTN.*

*Hai là, tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên theo các chuẩn mực đạo đức mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu như “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Cần đặc biệt coi trọng việc xây dựng ý thức tự tu dưỡng, tự rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên; đề cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân, đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc và của Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Công tác*

giáo dục cần làm cho mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc giá trị của việc thực hành đạo đức liêm chính. Việc giữ gìn phẩm chất trong sáng không chỉ thể hiện khí phách của người cách mạng mà còn góp phần xây dựng uy tín và danh dự - những giá trị bền vững, cao quý hơn bất kỳ lợi ích vật chất nào. Uy tín không thể mua bằng tiền, danh dự không thể đánh đổi bằng quyền lực, mà chỉ có thể được gây dựng thông qua sự trung thực, công tâm và tinh thần trách nhiệm đối với Nhân dân. Ngược lại, những lợi ích vật chất có được từ hành vi tham nhũng, trục lợi sớm muộn cũng bị phát hiện, không chỉ bị pháp luật xử lý mà còn làm mất đi lòng tin của Nhân dân và danh dự của người cán bộ. Vì vậy, sự tin yêu, quý trọng của Nhân dân chính là “tài sản chính trị” quý giá nhất mà mỗi cán bộ, đảng viên cần trân trọng và giữ gìn.

Ngoài ra, cần kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục lý luận chính trị với phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng văn hóa liêm chính và đạo đức công vụ, nhất là giáo dục đạo đức liêm chính cho cán bộ, đảng viên theo tinh thần Quy định số 144-QĐ/TW (2024) về chuẩn mực đạo đức cách mạng và Chỉ thị số 42-CT/TW (2025) về giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Điều này sẽ góp phần hình thành “hàng rào” tự bảo vệ từ bên trong mỗi cán bộ, đảng viên, tạo nền tảng tư tưởng vững chắc để lan tỏa ý thức PCTN sâu rộng trong toàn xã hội. Đồng thời, cần vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhận diện và đấu tranh với các biểu hiện tham nhũng trong thực tiễn, như: lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi; nhận quà biếu có giá trị nhằm tác động đến việc giải quyết công việc; gây khó khăn, phiền hà trong cung cấp dịch vụ hành chính công đối với người dân và doanh nghiệp; cài cắm lợi ích nhóm trong quá trình tham mưu, ban hành chính sách; lợi dụng vị trí công tác để bao che sai phạm hoặc tác động đến công tác cán bộ vì mục đích cá nhân... Đây đều là những hành vi cần được nhận diện đầy đủ và kiên quyết đấu tranh loại bỏ.

*Ba là*, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trọng tâm là đẩy mạnh giáo dục, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đấu tranh quyết liệt với mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, thói ích kỷ vụ lợi, “lợi ích nhóm”; sự suy thoái về đạo đức lối sống và lòng tham là nguyên

nhân trực tiếp dẫn tới tham nhũng. Do vậy, phải giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao đạo đức cách mạng, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân như Hồ Chí Minh đã dạy: “Đạo đức cách mạng là vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết” [123, tr.607]. Để làm được điều đó, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần phụng sự Tổ quốc, phụng sự Nhân dân; biết khước từ những lợi ích không chính đáng, biết “từ chối” tiền, bạc, tài sản khi được hối lộ, biết “danh dự mới là điều thiêng liêng cao quý nhất”, biết “tham nhũng là việc xấu xa, đê tiện nhất”, biết giới hạn để kịp thời “dừng” trước những cám dỗ vật chất, tiền tài, danh vọng và cả sắc đẹp. Điều này không có gì là khó, bởi theo Hồ Chí Minh: “Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư” [117, tr.291]. Từ đó, biết kiềm chế, gạt bỏ những ham muốn cá nhân, toàn tâm, toàn ý phục vụ sự nghiệp cách mạng. Tiếp tục suy ngẫm và thực hiện chỉ đạo của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Cán bộ, đảng viên, trước hết là người lãnh đạo phải biết trọng liêm sỉ, giữ danh dự, biết xấu hổ khi bản thân và người thân có hành vi tham nhũng, tiêu cực” [189]. “Thông qua đó để tiến đến mục tiêu “không muốn tham nhũng” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên... Cần phát huy vai trò của các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực; đồng thời biểu dương, nhân rộng những tấm gương liêm khiết, tận tụy, dám đấu tranh với cái sai, cái xấu. Qua đó tạo môi trường CT-XH lành mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả PCTN và xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh”.

*Bốn là*, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trong đó, chú trọng chuyển mạnh từ việc “học tập” sang “làm theo”. Việc học tập theo Bác đã thực hiện qua một thời gian khá dài, tuy nhiên, việc làm theo còn chưa hiệu quả, chưa rõ nét và chưa mang tính phổ quát. Chuyển mạnh từ việc “học tập” sang “làm theo” tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là bước chuyển quan trọng, thể hiện sự phát triển về nhận thức và hành động trong xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nếu “học tập” giúp thấm nhuần tư tưởng, lý tưởng và lối sống cao đẹp của Bác, thì “làm theo” mới là thước đo chân thực nhất thể hiện bản lĩnh chính trị, đạo đức và tinh thần trách nhiệm trước Nhân dân. Việc làm theo không dừng lại ở khẩu hiệu hay hình thức mà phải được thể hiện

bằng những hành động cụ thể, thiết thực trong công việc hằng ngày: nói đi đôi với làm, hết lòng vì dân, liêm khiết, công tâm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Thông qua đó, tạo chuyển biến rõ nét kết quả làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong từng cán bộ, đảng viên; kịp thời phê bình những cán bộ, đảng viên “nói không đi đôi với làm”, “nói một đằng, làm một nẻo”, hay “chân mình còn lấm bê bê; lại cầm bó đuốc đi rê chân người”... giám sát uy tín trước quần chúng Nhân dân. Gắn giữa “làm theo” và “nêu gương” như Hồ Chí Minh đã dạy: “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Vì thế, mỗi cán bộ, đảng viên không những phải có trách nhiệm tự tu dưỡng tốt, mà còn phải làm gương trong công tác và lối sống, mọi lúc, mọi nơi. Chỉ khi việc học tập được chuyển hóa thành hành động tự giác, thường xuyên, thì tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh mới thật sự trở thành kim chỉ nam cho lối sống và phương pháp làm việc của cán bộ, đảng viên trong thời đại mới.

#### ***4.3.1.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh về biện pháp trọng tâm trong phòng, chống tham nhũng***

*Một là*, tiếp tục nêu cao quyết tâm chính trị và hành động quyết liệt của Đảng trong công tác PCTN. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, muốn đấu tranh có hiệu quả với tham nhũng thì trước hết phải bảo đảm vai trò lãnh đạo kiên quyết, thường xuyên và nhất quán của Đảng. Người nhiều lần nhấn mạnh, tham ô, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm”, có thể làm suy yếu Đảng, Nhà nước và chế độ nếu không được kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn kịp thời. Vì vậy, PCTN phải được xác định là trách nhiệm chính trị trọng yếu, là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong giai đoạn phát triển mới, đất nước đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen, việc tiếp tục nêu cao quyết tâm chính trị và hành động quyết liệt của Đảng trong công tác PCTN không chỉ là yêu cầu cấp thiết trước mắt mà còn là vấn đề có tính nguyên tắc, giữ vai trò quyết định đối với hiệu quả cuộc đấu tranh chống “giặc nội xâm”.

Quyết tâm chính trị đó trước hết phải được thể hiện ở sự kiên định, nhất quán trong chủ trương, đường lối của Đảng về PCTN; đồng thời được cụ thể hóa bằng sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ, quyết liệt trong toàn hệ thống chính trị. Cần tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, bảo đảm mọi hành vi tham nhũng đều bị phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Quá trình xử lý phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng người, đúng vi phạm, qua đó tạo sức răn đe mạnh mẽ và củng cố niềm tin của Nhân dân vào quyết tâm chính trị của Đảng.

Bên cạnh đó, quyết tâm chính trị của Đảng còn phải được thể hiện ở việc lãnh đạo xây dựng, hoàn thiện đồng bộ các cơ chế phòng ngừa tham nhũng; tăng cường KSQL trong hoạt động của bộ máy nhà nước và HTCT. Cùng với xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, cần chú trọng xây dựng môi trường CT-XH liêm chính, minh bạch; đề cao kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong hoạt động công vụ; đồng thời khuyến khích, bảo vệ những cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đấu tranh với các biểu hiện tham nhũng, tiêu cực. Chỉ khi quyết tâm chính trị được thể hiện nhất quán từ chủ trương đến hành động, từ Trung ương đến cơ sở, công tác PCTN mới đạt hiệu quả bền vững, góp phần củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng và bảo đảm sự phát triển ổn định, lâu dài của đất nước.

*Hai là*, đẩy mạnh hoàn thiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về PCTN đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới. Trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh chống tham nhũng, Đảng cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện các chủ trương, nghị quyết về PCTN phù hợp với yêu cầu và điều kiện của giai đoạn phát triển mới. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh rằng muốn chống tham ô, lãng phí, quan liêu có hiệu quả thì phải có chủ trương đúng đắn, sự lãnh đạo chặt chẽ và các biện pháp tổ chức thực hiện cụ thể. Vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện các nghị quyết của Đảng về PCTN không chỉ là yêu cầu của thực tiễn mà còn là sự cụ thể hóa tư tưởng của Người trong điều kiện mới của đất nước.

Trong bối cảnh quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các hình thức và phương thức tham nhũng có xu hướng ngày càng tinh vi, phức tạp, gắn với lợi ích nhóm, sự thao túng chính sách và việc lợi dụng những kẽ hở trong cơ chế quản lý. Do đó, các nghị quyết của Đảng về PCTN cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng xác định rõ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp mang tính đột phá nhằm khắc phục tận gốc những nguyên nhân phát sinh tham nhũng. Đồng thời, cần chú trọng xây dựng và hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tham nhũng một cách toàn diện[], bám sát định hướng xây dựng môi trường quản trị minh bạch, liêm chính với mục tiêu hướng tới không thể tham nhũng, không dám tham nhũng, không muốn tham nhũng và không cần tham nhũng.

Cùng với đó, việc ban hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng cần gắn chặt với quá trình thể chế hóa thành các quy định pháp luật cụ thể, đồng bộ và khả thi. Điều quan trọng không chỉ nằm ở việc ban hành đầy đủ các văn bản mà còn ở việc bảo đảm tính

thống nhất giữa chủ trương của Đảng và hệ thống pháp luật của Nhà nước, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc triển khai các biện pháp PCTN trong thực tiễn. Đồng thời, cần chú trọng nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, khắc phục tình trạng chậm trễ chế hóa hoặc thể chế hóa chưa đầy đủ, thiếu tính khả thi. Chỉ khi các chủ trương, nghị quyết của Đảng được xây dựng khoa học, phù hợp với thực tiễn và được triển khai nghiêm túc, đồng bộ thì mới có thể phát huy đầy đủ vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc PCTN, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh.

*Ba là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với việc thực hiện nhiệm vụ PCTN. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, kiểm tra là một khâu đặc biệt quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng. Người từng khẳng định rằng: “Lãnh đạo mà không kiểm tra coi như không lãnh đạo”, bởi kiểm tra, giám sát không chỉ giúp phát hiện kịp thời những sai phạm mà còn là biện pháp hữu hiệu để phòng ngừa, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng ngay từ sớm, từ xa. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác PCTN, Đảng cần tiếp tục coi trọng và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTN trong toàn hệ thống chính trị.

Trước hết, cần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan kiểm tra, giám sát của Đảng, đặc biệt là hệ thống UBKT các cấp; tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra của Đảng với hoạt động thanh tra, kiểm toán và các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước. Công tác kiểm tra, giám sát cần tập trung vào những lĩnh vực, vị trí công tác dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, nhất là trong quản lý tài chính, ngân sách, đất đai, đầu tư công, công tác cán bộ và quản lý tài sản công. Thông qua đó, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, góp phần răn đe, phòng ngừa và ngăn chặn các biểu hiện tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên[.]

Tiếp đến, cần xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác PCTN tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc thực hiện nhiệm vụ PCTN cần được đưa vào nội dung đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ lãnh đạo, quản lý; đồng thời gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng trong phạm vi quản lý của mình. Trường hợp để xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng mà không được phát hiện, ngăn chặn kịp thời thì cần xem xét trách

nhiệm của tổ chức đảng và người đứng đầu theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Song, công tác kiểm tra, giám sát cần được tiến hành thường xuyên, liên tục, công khai, minh bạch và bảo đảm tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng. Việc xử lý các hành vi vi phạm phải được thực hiện kịp thời, đúng quy định, bảo đảm sự công bằng và khách quan, qua đó củng cố kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong công tác PCTN, đồng thời góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước[].

*Bốn là*, tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan chuyên trách PCTN. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, để đấu tranh có hiệu quả với tham nhũng, tiêu cực thì bên cạnh việc đề ra chủ trương đúng đắn, cần có những tổ chức và lực lượng đủ năng lực, phẩm chất để thực hiện nhiệm vụ. Người luôn nhấn mạnh vai trò của các cơ quan kiểm tra, giám sát và các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc phát hiện, xử lý các hành vi tham ô, lãng phí, quan liêu. Vì vậy, việc xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên trách PCTN có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần bảo đảm cho công tác đấu tranh phòng ngừa và xử lý tham nhũng được tiến hành hiệu quả, nghiêm minh.

Trên cơ sở đó, Đảng cần tiếp tục lãnh đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan có chức năng PCTN như: Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, lãng phí, tiêu cực; UBKT các cấp; các cơ quan thanh tra, kiểm toán; các cơ quan điều tra, truy tố và xét xử... theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Bên cạnh việc kiện toàn tổ chức bộ máy, cần đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, tinh thần trách nhiệm cao và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Những cán bộ thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống tham nhũng phải thực sự liêm chính, khách quan, công tâm, không bị chi phối bởi lợi ích cá nhân hay áp lực từ các mối quan hệ lợi ích. Đồng thời, cần tiếp tục đổi mới công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ trong các cơ quan này theo hướng chuyên nghiệp hóa, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và bản lĩnh nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác PCTN. Do đó, cần xây dựng cơ chế bảo vệ, khuyến khích những cán bộ

dám nghĩ, dám làm, dám đấu tranh với các hành vi tham nhũng, tiêu cực; đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan có chức năng PCTN để trục lợi hoặc bao che cho sai phạm. Chỉ khi các cơ quan và lực lượng chuyên trách thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực và hiệu quả thì công tác PCTN mới đạt được những kết quả bền vững, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh.

***4.3.1.3. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thực hành dân chủ, tự phê bình và phê bình; phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu, cấp ủy các cấp trong phòng, chống tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng***

Một là, đẩy mạnh công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện dân chủ trong Đảng. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là điều kiện tiên quyết để phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả với tham nhũng. Người luôn khẳng định rằng Đảng là lực lượng lãnh đạo cách mạng, do đó nếu Đảng không trong sạch, vững mạnh thì khó có thể lãnh đạo xã hội thực hiện tốt nhiệm vụ đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực. Vì vậy, việc thường xuyên chăm lo xây dựng và chỉnh đốn Đảng không chỉ nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, mà còn là giải pháp căn bản để ngăn ngừa và đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực trong hệ thống chính trị.

Trong bối cảnh hiện nay, cần tiếp tục tăng cường công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần các nghị quyết của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và HTCT, đặc biệt là Văn kiện Đại hội XIV; chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thông qua đó góp phần xây dựng các tổ chức đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, trong đó có công tác PCTN.

Mặt khác, cần mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ trong sinh hoạt đảng. Người cho rằng dân chủ là “chìa khóa” để phát huy trí tuệ tập thể, đồng thời là phương thức quan trọng để KSQL và ngăn ngừa những biểu hiện lạm quyền, độc đoán, chuyên quyền. Vì vậy, cần thực hiện nghiêm nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; bảo đảm các quyết định quan trọng trong lãnh đạo, quản lý đều được thảo luận dân chủ trong tập

thể cấp ủy, tổ chức đảng. Đồng thời, mọi hoạt động của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên cần được tiến hành công khai, minh bạch, chịu sự giám sát của tổ chức đảng, của Nhân dân và của xã hội.

Việc phát huy dân chủ trong Đảng cần gắn chặt với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, bảo đảm mọi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên đều hoạt động trong khuôn khổ Điều lệ Đảng, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Khi dân chủ được thực hiện đúng đắn, kỷ luật được giữ vững và cơ chế giám sát được phát huy hiệu quả, sẽ góp phần quan trọng trong việc phòng ngừa các biểu hiện suy thoái, tham nhũng, tiêu cực, qua đó củng cố uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc PCTN hiện nay.

*Hai là*, nâng cao hiệu quả thực hành tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng", là "vũ khí sắc bén" giúp Đảng thường xuyên tự chỉnh đốn, giữ vững sự trong sạch, vững mạnh. Người nhiều lần nhấn mạnh rằng một đảng cách mạng muốn tiến bộ thì phải dũng cảm nhìn nhận khuyết điểm, thẳng thắn phê bình và sửa chữa sai lầm. Vì vậy, việc thực hành nghiêm túc tự phê bình và phê bình không chỉ là nguyên tắc sinh hoạt cơ bản của Đảng mà còn là phương thức quan trọng để phòng ngừa và ngăn chặn các biểu hiện suy thoái, tham nhũng, tiêu cực trong nội bộ.

Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hành tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy cũng như trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Việc tự phê bình và phê bình phải được tiến hành thường xuyên, thực chất, gắn với việc kiểm điểm trách nhiệm của từng tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chức trách được giao. Nội dung phê bình cần tập trung vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân; đồng thời kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi hoặc dung túng, bao che cho sai phạm. Bên cạnh đó, cần khắc phục tình trạng phê bình mang tính hình thức, nể nang, né tránh, ngại va chạm trong sinh hoạt Đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, thẳng thắn góp ý trên tinh thần xây dựng, "trị bệnh cứu người", giúp nhau cùng tiến bộ. Đồng thời, người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị cần gương mẫu trong tự phê bình và phê bình, tạo môi trường dân chủ, cởi mở để các ý kiến góp ý được tiếp nhận một cách khách quan và nghiêm túc.

*Ba là*, phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu và cấp ủy các cấp trong PCTN. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người lãnh đạo, phải luôn gương mẫu trong lời nói và việc làm. Người khẳng định rằng “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”, bởi sự gương mẫu của cán bộ, nhất là người đứng đầu, có sức lan tỏa mạnh mẽ và tác động trực tiếp đến nhận thức, hành động của cấp dưới và quần chúng. Vì vậy, trong công tác PCTN, việc phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu và cấp ủy các cấp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần tạo dựng môi trường chính trị - hành chính liêm chính, minh bạch. Theo đó, người đứng đầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị cần thực sự gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, thực hành “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”; kiên quyết nói không với các biểu hiện tham nhũng, tiêu cực, lợi ích cá nhân và lợi ích nhóm; chủ động xây dựng môi trường làm việc minh bạch, công khai trong cơ quan, đơn vị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đồng thời, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ PCTN tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình phụ trách. Trường hợp để xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng mà không được phát hiện, ngăn chặn kịp thời thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

*Bốn là*, nâng cao chất lượng công tác cán bộ, đặc biệt là trong lựa chọn và bổ nhiệm người đứng đầu. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ là “gốc của mọi công việc”, mọi thành công hay thất bại của cách mạng đều gắn liền với chất lượng đội ngũ cán bộ. Vì vậy, muốn đấu tranh có hiệu quả với tham nhũng thì trước hết phải xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất đạo đức trong sáng, năng lực và uy tín, đủ khả năng gánh vác nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ theo hướng công khai, minh bạch, khách quan và thực chất, bảo đảm lựa chọn được những người thực sự có đức, có tài, có bản lĩnh và trách nhiệm đối với Nhân dân.

Trước hết, việc lựa chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị cần đặt tiêu chí về phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, năng lực thực tiễn và uy tín trong Nhân dân lên hàng đầu. Người đứng đầu không chỉ phải có năng lực lãnh đạo, quản lý mà còn phải thực sự gương mẫu về đạo đức, lối sống, có tinh thần liêm chính, dám chịu trách nhiệm và kiên

quyết đấu tranh với các biểu hiện tham nhũng, tiêu cực. Việc đánh giá cán bộ cần được thực hiện toàn diện, khách quan, dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ, sự tín nhiệm của tập thể và sự đánh giá của Nhân dân, qua đó hạn chế tình trạng bổ nhiệm cán bộ không đúng tiêu chuẩn, điều kiện hoặc chịu sự chi phối của lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm.

Tăng cường KSQL trong công tác cán bộ, bảo đảm mọi khâu trong quy trình bổ nhiệm, điều động, luân chuyển và sử dụng cán bộ đều được thực hiện chặt chẽ, minh bạch, đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Việc KSQL trong công tác cán bộ không chỉ nhằm ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền mà còn góp phần phòng ngừa nguy cơ hình thành các nhóm lợi ích, từ đó hạn chế những điều kiện có thể dẫn đến tham nhũng, tiêu cực.

Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên; tăng cường công khai, minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập và cơ chế giám sát việc thực hiện các quy định này. Đây là một trong những biện pháp quan trọng nhằm phòng ngừa tham nhũng từ sớm, từ xa, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự liêm chính, trách nhiệm, qua đó nâng cao hiệu quả công tác PCTN và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

***4.3.1.4. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của nhà nước tinh gọn, liêm chính, hoạt động công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả theo tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò trọng yếu của Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng***

*Một là*, tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước theo hướng rõ ràng, khoa học, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc phân tán trách nhiệm trong quản lý. Việc phân định rành mạch thẩm quyền giữa các cơ quan, tổ chức và cá nhân phải gắn với xác định cụ thể trách nhiệm trong từng khâu thực thi công vụ, bảo đảm không để xảy ra tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm hoặc lợi dụng những khoảng trống trong quản lý để trục lợi cá nhân. Bộ máy nhà nước cần được tổ chức theo hướng giảm đầu mối trung gian, giảm tầng nấc không cần thiết, tăng tính liên thông, thống nhất và khả năng kiểm soát trong vận hành. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy phải gắn chặt với cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, minh bạch, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, dễ giám sát; tiếp tục rà soát, cắt giảm những thủ tục rườm rà, bất hợp lý, chuẩn hóa quy trình giải

quyết công việc, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền. Chỉ khi bộ máy được tổ chức hợp lý, vận hành thông suốt, trách nhiệm được xác định rõ ràng thì mới có thể thu hẹp những “kẽ hở” về thể chế và tổ chức, qua đó góp phần KSQL, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực ngay từ trong cơ chế vận hành của nhà nước.

*Hai là*, xây dựng nền hành chính liêm chính, đề cao trách nhiệm công vụ và tinh thần phục vụ Nhân dân. Trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân, cần tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức trong sáng, bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao và ý thức phục vụ Nhân dân thực chất. Việc thực thi công vụ phải được đặt trên nền tảng các chuẩn mực đạo đức công vụ, văn hóa công sở và kỷ luật, kỷ cương hành chính; bảo đảm mọi hoạt động quản lý, điều hành, giải quyết công việc đều tuân thủ pháp luật, công tâm, khách quan, minh bạch và hướng tới lợi ích chung. Cần tăng cường giáo dục ý thức trách nhiệm, tinh thần tận tụy, thái độ phục vụ và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức; kiên quyết khắc phục tình trạng quan liêu, vô cảm, thiếu trách nhiệm, những nhiễu hoặc lợi dụng vị trí công tác để vụ lợi cá nhân. Phải thiết lập và thực hiện nghiêm các cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ; xử lý nghiêm minh những hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Cùng với đó, cần tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của nền hành chính theo hướng phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm một tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước và của đội ngũ cán bộ, công chức. Khi nền hành chính được xây dựng trên cơ sở liêm chính, trách nhiệm và phục vụ, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước sẽ được nâng lên, đồng thời tạo ra cơ sở vững chắc để ngăn ngừa, hạn chế tham nhũng, tiêu cực trong quá trình thực thi công vụ.

*Ba là*, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước gắn với KSQL. Đây là một trong những biện pháp rất quan trọng, bởi khi thông tin không được công khai đầy đủ, quy trình giải quyết công việc không rõ ràng và trách nhiệm của từng cá nhân, cơ quan không được xác định cụ thể thì rất dễ tạo ra môi trường thuận lợi cho các hành vi lạm dụng quyền lực công để thực hiện các hành vi tham nhũng. Thực tiễn cho thấy, một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên thời gian qua là do sự thiếu minh bạch

trong hoạt động quản lý và điều hành của các cơ quan nhà nước. Vì vậy, để ngăn ngừa tham nhũng, trước hết phải đẩy mạnh công khai, minh bạch trong toàn bộ hoạt động của cán bộ, đảng viên và các cơ quan nhà nước, nhất là ở những lĩnh vực tiềm ẩn nhiều nguy cơ như quản lý đất đai, đầu tư công, tài chính - ngân sách, đấu thầu, mua sắm công và công tác cán bộ. Những thông tin liên quan đến quy hoạch, kế hoạch phát triển, phân bổ nguồn lực, sử dụng ngân sách, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ cần được công bố đầy đủ, kịp thời, rõ ràng để Nhân dân cùng các tổ chức xã hội có điều kiện tiếp cận, theo dõi, giám sát. Đồng thời, cần chuẩn hóa và công khai quy trình giải quyết công việc trong các cơ quan nhà nước; phân định rành mạch trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực thi công vụ. Minh bạch về quy trình, rõ ràng về trách nhiệm không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn tạo cơ sở để người dân, doanh nghiệp giám sát hoạt động của bộ máy công quyền, qua đó hạn chế tình trạng lạm quyền, nhũng nhiễu và gây phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính. Mặt khác, phải tăng cường các cơ chế kiểm soát quyền lực trong quản lý nhà nước, bảo đảm mọi quyền lực đều được ràng buộc bằng pháp luật, được giám sát bởi các cơ quan chức năng, báo chí, truyền thông và Nhân dân. Từng bước hình thành hệ sinh thái giám sát quyền lực công một cách chặt chẽ, đồng bộ.

*Bốn là*, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước. Đây không chỉ là yêu cầu khách quan của tiến trình hiện đại hóa nền hành chính quốc gia mà còn là giải pháp quan trọng để tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực từ sớm, từ xa. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số phải được xác định là một khâu đột phá nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

Trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện hạ tầng số, các nền tảng dùng chung và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng đồng bộ, liên thông, thống nhất, bảo đảm mọi thông tin phục vụ quản lý nhà nước được cập nhật đầy đủ, chính xác và kết nối thông suốt giữa các cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó, cần đẩy nhanh số hóa hồ sơ, tài liệu, quy trình công tác; chuẩn hóa toàn bộ các khâu giải quyết công việc trên môi trường điện tử, nhất là ở những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát

sinh tham nhũng, tiêu cực như quản lý đất đai, đầu tư công, tài chính - ngân sách, đấu thầu, mua sắm công, quản lý tài sản công và công tác cán bộ.

Cần mở rộng việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm các thủ tục hành chính được thực hiện công khai, minh bạch, thuận tiện, giảm tối đa việc tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ với người dân, doanh nghiệp. Mọi quy trình tiếp nhận, thụ lý, xử lý và trả kết quả phải được công khai trên hệ thống điện tử; tiến độ giải quyết hồ sơ phải được cập nhật thường xuyên để tổ chức, cá nhân có thể theo dõi, giám sát. Mỗi khâu, mỗi việc cần được gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, từng cán bộ phụ trách, bảo đảm có thể kiểm tra, truy vết và xác định rõ trách nhiệm khi xảy ra sai phạm.

Xây dựng và vận hành hiệu quả các hệ thống giám sát, cảnh báo, kiểm tra trên nền tảng số để kịp thời phát hiện những biểu hiện bất thường trong hoạt động công vụ. Những dữ liệu liên quan đến phân bổ nguồn lực, sử dụng ngân sách, quản lý dự án, đấu thầu, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ cần được công khai ở mức phù hợp, dễ tiếp cận, dễ kiểm chứng, tạo điều kiện để Nhân dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội tham gia giám sát. Các cổng thông tin điện tử, hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, tố giác trên môi trường số cần được hoàn thiện theo hướng thuận tiện, an toàn, bảo mật, giúp phát hiện sớm và xử lý kịp thời các hành vi nhũng nhiễu, lạm quyền, tiêu cực.

Cùng với việc đầu tư về hạ tầng kỹ thuật, cần nâng cao năng lực số, ý thức trách nhiệm và đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; khắc phục tình trạng ngại đổi mới, làm việc hình thức hoặc lợi dụng công nghệ để che giấu sai phạm. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số phải được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với cải cách hành chính, kiểm soát quyền lực và tăng cường trách nhiệm giải trình, để công nghệ thực sự trở thành công cụ phục vụ quản lý minh bạch, chặt chẽ, hiệu quả, góp phần phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực ngay từ trong quy trình vận hành của bộ máy nhà nước.

*Năm là*, nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số đánh giá cảm nhận tham nhũng hằng năm đối với các bộ, ngành, địa phương. Trên cơ sở tham khảo các tiêu chí đánh giá của Tổ chức Minh bạch quốc tế, cần xây dựng bộ chỉ số và hệ tiêu chí đánh giá mức độ cảm nhận tham nhũng của người dân và doanh nghiệp đối với các bộ, ngành Trung ương và UBND các tỉnh, thành phố, bảo đảm vừa tiếp cận chuẩn mực

quốc tế, vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Bộ chỉ số này phải phản ánh được thực chất mức độ minh bạch, liêm chính và hiệu quả PCTN trong hoạt động quản lý, điều hành của từng cơ quan, đơn vị; qua đó giúp các bộ, ngành, địa phương nhận diện rõ những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, những khâu yếu, việc yếu cần tập trung khắc phục, đồng thời có cơ sở đề ra giải pháp cải thiện hiệu quả công tác PCTN một cách cụ thể, thiết thực.

Tiếp tục triển khai bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh hằng năm do Thanh tra Chính phủ ban hành, đồng thời chỉ đạo UBND các tỉnh, thành phố xây dựng bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN đối với các sở, ngành và UBND cấp xã. Việc xây dựng bộ chỉ số ở từng cấp phải gắn chặt với tiêu chí đánh giá cảm nhận tham nhũng của người dân và doanh nghiệp, khắc phục hạn chế của cách đánh giá hiện nay còn nặng về tự đánh giá trong nội bộ cơ quan nhà nước và thẩm định hành chính của cơ quan thanh tra, trong khi chưa phản ánh đầy đủ góc nhìn từ đối tượng trực tiếp thụ hưởng dịch vụ công và chịu tác động của hoạt động công quyền. Chỉ khi đưa tiếng nói của người dân và doanh nghiệp trở thành một câu phân quan trọng trong đánh giá thì kết quả mới bảo đảm khách quan, đa chiều và sát thực tiễn hơn.

Quá trình xây dựng và vận hành bộ chỉ số cần xác định rõ mục tiêu đánh giá, nội dung đánh giá, nhóm tiêu chí đánh giá, phương pháp khảo sát, cách tính điểm và trọng số đối với từng tiêu chí, bảo đảm việc chấm điểm có cơ sở khoa học, minh bạch và có khả năng so sánh giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả đánh giá phải được sử dụng làm căn cứ quan trọng để xếp loại, theo dõi mức độ cải thiện, chỉ ra trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương trong thực hiện nhiệm vụ PCTN. Làm được như vậy sẽ góp phần khắc phục bệnh thành tích, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trong nâng cao chất lượng quản trị công, tăng cường trách nhiệm giải trình, nâng cao hiệu quả PCTN ở từng cấp, từng ngành, đồng thời góp phần cải thiện điểm số và thứ hạng chỉ số cảm nhận tham nhũng của Việt Nam trên trường quốc tế.

***4.3.1.5. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội để đấu tranh phòng, chống tham nhũng trên cơ sở tiếp thu tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh tổng hợp trong cuộc chiến chống giặc “nội xâm”***

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, muốn đấu tranh có hiệu quả với bất kỳ loại “giặc” nào cũng không thể chỉ trông chờ vào nỗ lực của một cơ quan, một lực lượng hay một cấp, một ngành riêng lẻ, mà phải biết khơi dậy, tập hợp và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả

HTCT và toàn xã hội. Đối với tham nhũng, Người coi đó là một thứ “giặc nội xâm”, là căn bệnh nguy hiểm làm suy yếu bộ máy, bào mòn đạo đức cách mạng, xói mòn niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Vì vậy, đấu tranh PCTN không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử mà phải trở thành trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của mỗi tổ chức, mỗi cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, đảng viên. Quán triệt tư tưởng của Người, trong thời gian tới, cần thực hiện một số nội dung sau

*Một là*, tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm chính trị và ý thức hành động của toàn HTCT đối với công tác PCTN. Mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, MTTQ, các tổ chức CT-XH phải xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài, gắn chặt với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng NNQP XHCN và củng cố niềm tin của Nhân dân. Việc quán triệt, học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN cần được thực hiện sâu sắc hơn, thực chất hơn, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức rõ rằng đấu tranh với tham nhũng không chỉ là đấu tranh với hành vi vi phạm pháp luật mà còn là đấu tranh với chủ nghĩa cá nhân, với lòng tham, với sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ngay trong mỗi con người và trong từng tổ chức.

*Hai là*, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự vào cuộc đồng bộ của các cơ quan trong HTCT đối với công tác PCTN. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTN; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân có biểu hiện buông lỏng lãnh đạo, bao che, dung túng hoặc thiếu trách nhiệm trong đấu tranh chống tham nhũng. Các cơ quan nhà nước phải chủ động hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiểm soát quyền lực, công khai, minh bạch hoạt động công vụ, không để nảy sinh “kẽ hở” cho tham nhũng phát sinh. Các cơ quan chức năng trong khối nội chính cần tăng cường phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ trong phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án tham nhũng, bảo đảm xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

*Ba là*, phải phát huy vai trò giám sát, phản biện và tham gia trực tiếp của Nhân dân trong cuộc đấu tranh PCTN. Tư tưởng Hồ Chí Minh luôn khẳng định sức mạnh của Nhân

dân là cội nguồn của mọi thắng lợi; vì thế, muốn chống “giặc nội xâm” hiệu quả thì phải dựa vào dân, tin dân, lắng nghe dân và tạo điều kiện để dân tham gia. Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế để Nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các cơ quan công quyền; mở rộng các hình thức tiếp nhận thông tin, phản ánh, tố giác tham nhũng; bảo vệ kịp thời, hiệu quả người tố cáo, người đấu tranh chống tiêu cực. Khi người dân thực sự có điều kiện, có niềm tin và có cơ chế để giám sát, phản ánh, đấu tranh thì công tác PCTN sẽ có thêm một “tai mắt” rộng khắp, trực diện và rất hiệu quả từ thực tiễn đời sống.

*Bốn là*, phát huy tốt hơn vai trò của MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, cơ quan báo chí, truyền thông và công luận trong đấu PCTN. MTTQ và các đoàn thể không chỉ làm tốt chức năng tuyên truyền, vận động mà còn phải tham gia giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật; phản ánh trung thực tâm tư, nguyện vọng, bức xúc của Nhân dân; kiến nghị xử lý những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng trong đời sống xã hội. Báo chí và truyền thông cần tiếp tục phát huy vai trò là lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng, dư luận, vừa góp phần phát hiện, đấu tranh với tham nhũng, vừa định hướng nhận thức xã hội, cổ vũ cái đúng, phê phán cái sai, tạo sức ép dư luận lành mạnh để ngăn ngừa, đẩy lùi tiêu cực. Tuy nhiên, việc phát huy vai trò này phải gắn với bảo đảm tính khách quan, trung thực, đúng pháp luật, tránh lợi dụng đấu tranh chống tham nhũng để quy chụp, suy diễn hoặc gây nhiễu loạn thông tin.

***4.3.1.6. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm vi phạm***

*Thứ nhất*, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong PCTN. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, kiểm tra là khâu đặc biệt quan trọng trong tổ chức thực hiện, bởi có kiểm tra mới biết chủ trương, chính sách có được chấp hành nghiêm túc hay không, sai phạm phát sinh ở đâu và trách nhiệm thuộc về ai. Vì vậy, cần quán triệt sâu sắc rằng kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử không chỉ là hoạt động nghiệp vụ của các cơ quan chức năng mà còn là công cụ quan trọng để kiểm soát quyền lực, phát hiện, ngăn chặn và xử lý tham nhũng. Mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và mỗi cán bộ có thẩm quyền phải xác định rõ trách nhiệm của mình trong từng khâu, khắc phục tư tưởng nể nang, né tránh, ngại va chạm, đùn đẩy trách

nhiệm hoặc xem việc phát hiện, xử lý tham nhũng là nhiệm vụ riêng của một số cơ quan chuyên trách.

*Thứ hai*, tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ phát sinh tham nhũng. Cần chủ động rà soát, xác định đúng những khâu, những lĩnh vực nhạy cảm như quản lý đất đai, tài chính - ngân sách, đầu tư công, đấu thầu, mua sắm công, quản lý tài sản công, công tác cán bộ, quản lý doanh nghiệp nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính để tập trung kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán thường xuyên. Việc kiểm tra, giám sát phải đi vào thực chất, bám sát quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kịp thời phát hiện những biểu hiện lệch lạc, dấu hiệu vi phạm ngay từ khi mới phát sinh, không để sai phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn. Hoạt động thanh tra, kiểm toán cần nâng cao chất lượng kết luận, bảo đảm rõ nội dung vi phạm, rõ tính chất, mức độ, hậu quả, rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan và rõ kiến nghị xử lý. Những vụ việc có dấu hiệu tham nhũng phải được chuyển kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xử lý, tránh tình trạng kéo dài, né tránh hoặc xử lý không đến nơi đến chốn.

*Thứ ba*, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng. PCTN là nhiệm vụ phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, vì vậy nếu thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ thì rất dễ dẫn đến bỏ lọt vi phạm, chồng chéo trong xử lý hoặc kéo dài thời gian giải quyết. Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử theo hướng rõ trách nhiệm, rõ đầu mối, rõ quy trình trao đổi, tiếp nhận và chuyển giao thông tin, hồ sơ, tài liệu. Quá trình phối hợp phải bảo đảm kịp thời, chính xác, thống nhất, phục vụ trực tiếp cho việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng; đồng thời, tăng cường đôn đốc, theo dõi việc thực hiện các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, các kiến nghị xử lý và các bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

*Thứ tư*, xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật đối với các hành vi tham nhũng, gắn xử lý con người với thu hồi tài sản tham nhũng. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, muốn giữ nghiêm kỷ cương, phép nước thì phải thưởng phạt nghiêm minh, vi phạm đến đâu xử lý đến đó, không vì nể nang mà làm giảm hiệu lực của pháp luật và kỷ luật. Vì vậy, các hành vi tham nhũng khi đã được phát hiện phải được điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo đảm không

có vùng cấm, không có ngoại lệ. Việc xử lý phải thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và xử lý hình sự, khắc phục tình trạng xử lý chưa tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm. Đi liền với xử lý trách nhiệm của cá nhân, tổ chức vi phạm là yêu cầu chú trọng thu hồi tối đa tài sản tham nhũng, tài sản thất thoát, chiếm đoạt, coi đây là một thước đo quan trọng của hiệu quả công tác PCTN. Chỉ khi xử lý nghiêm minh và thu hồi được tài sản tham nhũng thì công tác đấu tranh mới thực sự có sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

*Thứ năm*, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử thực sự bản lĩnh, liêm chính, chuyên nghiệp; gắn xử lý vi phạm với hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tham nhũng. Hiệu quả của công tác PCTN phụ thuộc rất lớn vào phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Do đó, cần chú trọng tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, tinh thông chuyên môn, nghiệp vụ, công tâm, khách quan, dám đấu tranh với sai phạm. Đồng thời, phải có cơ chế kiểm soát chặt chẽ chính những người thực thi nhiệm vụ này, ngăn chặn tình trạng bao che, tiếp tay hoặc lợi dụng thẩm quyền trong quá trình xử lý vụ việc tham nhũng. Sau mỗi cuộc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và sau mỗi vụ việc, vụ án tham nhũng cần đánh giá đầy đủ nguyên nhân, điều kiện phát sinh sai phạm, chỉ ra những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện để kịp thời sửa đổi, bổ sung, khắc phục. Làm như vậy mới bảo đảm đúng tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh: kiểm tra để phát hiện, giám sát để ngăn ngừa, xử lý nghiêm để giữ vững kỷ cương, đồng thời lấy thực tiễn xử lý vi phạm làm cơ sở hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tham nhũng từ sớm, từ xa.

#### **4.3.2. Nhóm giải pháp tiếp tục phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng**

***4.3.2.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan có chức năng phòng chống tham nhũng từ Trung ương đến địa phương, nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của chủ thể phòng, chống tham nhũng dựa trên cơ sở, nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng***

*Một là*, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị có chức năng PCTN. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện mô hình cơ quan, đơn vị chuyên trách chống tham nhũng; phân tích, làm rõ những ưu điểm, nhược điểm so với mô hình hiện tại;

tham khảo các mô hình cơ quan chuyên trách PCTN hiệu quả của các nước trên thế giới, để đề xuất mô hình phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Trước mắt, duy trì thực hiện mô hình Ban Chỉ đạo Trung ương và cấp tỉnh về PCTN, lãng phí, tiêu là cơ quan chỉ đạo, điều phối các hoạt động PCTN, Ban Nội chính là cơ quan thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo đang hoạt động có hiệu quả trong giai đoạn vừa qua. Phân định rõ chức năng của từng cơ quan có chức năng PCTN và Quy chế phối hợp đồng bộ từ phát hiện, kiến nghị xử lý của kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, đến điều tra, truy tố, xét xử của công an, viện kiểm sát, tòa án và thi hành án, thu hồi tài sản tham nhũng. Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của từng cơ quan có chức năng PCTN; trong đó, có đơn vị, bộ phận đầu mối duy nhất chuyên trách về PCTN, phát huy vai trò tham mưu xử lý các vụ việc tham nhũng của đơn vị, bộ phận chuyên trách trong các cơ quan có chức năng PCTN, tránh trùng lặp, chồng chéo. Nghiên cứu thiết lập đơn vị đầu mối giám sát trực thuộc Ban Chỉ đạo Trung ương, nhằm giúp Ban Chỉ đạo giám sát, kiểm soát các hoạt động PCTN trong toàn bộ hệ thống kịp thời, toàn diện, hiệu quả hơn. Gắn kết toàn tổ chức bộ máy với KSQL trong các cơ quan, đơn vị có chức năng PCTN; ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi can thiệp, tác động không đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước vào hoạt động của các cơ quan có chức năng PCTN. Nghiên cứu, tiến tới thành lập Ban Chỉ đạo PCTN, lãng phí, tiêu cực cấp xã để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN từ cấp cơ sở, đảm bảo công tác PCTN được triển khai rộng khắp, toàn diện, đặc biệt ngăn chặn, đẩy lùi các hành vi nhũng nhiễu, tham nhũng vặt tại các địa bàn cơ sở.

*Hai là*, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN có bản lĩnh, thật sự liêm chính, trong sạch. Chú trọng công tác tuyển chọn cán bộ có bản lĩnh, không chịu bất kỳ sức ép không trong sáng nào của tổ chức, cá nhân; không bị tác động bất cứ sự cám dỗ, mua chuộc nào của những kẻ phạm tội hoặc bất kỳ ai. Có chính sách bảo vệ, đãi ngộ hợp lý, tạo động lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN yên tâm công tác, nỗ lực phấn đấu, toàn tâm, toàn ý với công việc; ngoài chế độ chung của cán bộ, công chức, phải có chế độ đặc thù tương xứng với công việc đầy khó khăn, thử thách của đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN; đồng thời, nếu vi phạm, cần xử lý nghiêm minh và mức cao hơn cán bộ, công chức làm việc ở lĩnh vực khác, tương đồng giữa chế độ được chi trả với mức vi phạm (nếu có), để ngăn ngừa vi phạm tham nhũng ngay trong các cơ quan có chức năng PCTN. Nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ,

công chức các ngành tư pháp nói chung, đặc biệt là đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán trực tiếp làm công tác xử lý các vụ án tham nhũng. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN, nhất là cập nhật những kiến thức, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu trong tình hình tham nhũng ngày càng tinh vi, phức tạp hoặc sử dụng công nghệ cao để tham nhũng.

*Ba là*, đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan có chức năng PCTN từ Trung ương đến địa phương. Tăng cường tính độc lập và chuyên nghiệp của cơ quan có chức năng PCTN; bảo đảm các cơ quan PCTN được hoạt động độc lập, chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ Ban Chỉ đạo Trung ương và địa phương, không chịu áp lực từ các nhóm lợi ích hoặc sự can thiệp không chính đáng. Hoàn thiện cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có chức năng PCTN; quy trình thống nhất trong phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan có chức năng PCTN ở Trung ương và địa phương; thường xuyên tổ chức các hội nghị tập huấn, hội thảo để chia sẻ kinh nghiệm, thống nhất cách làm giữa Trung ương và địa phương, nhất là định hướng giải quyết những nội dung phát sinh chưa có tiền lệ, chưa có trong quy định của pháp luật. Tiếp tục lựa chọn đưa các vụ việc, vụ án tham nhũng vào diện theo dõi Ban Chỉ đạo PCTN, lãng phí, tiêu cực Trung ương và địa phương; tăng số lượng các vụ việc, vụ án tham nhũng vào diện theo dõi, cùng với phân cấp xử lý trực tiếp và chỉ đạo, đôn đốc thực hiện, bảo đảm các vụ việc, vụ án tham nhũng đã được đưa vào diện theo dõi thực hiện theo đúng tiến độ và xử lý dứt điểm những vướng mắc phát sinh, vi phạm rõ đến đâu xử lý đến đó, có vi phạm phát sinh thì tiếp tục xử lý tăng nặng. Tăng cường tính minh bạch và công khai trong hoạt động của các cơ quan có chức năng PCTN; định kỳ công khai báo cáo về hoạt động PCTN trên các phương tiện truyền thông, đặc biệt là kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng lớn, để củng cố niềm tin của người dân. Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo PCTN, lãng phí, tiêu cực cấp tỉnh, tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét trong công tác PCTN ở địa phương, cơ sở, khắc phục tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” và một số nơi hoạt động còn hình thức, số vụ việc tham nhũng ở địa phương tự phát hiện, xử lý chưa nhiều.

*Bốn là*, tăng cường ứng dụng công nghệ và phương tiện làm việc của các cơ quan có chức năng PCTN. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các hoạt động

PCTN; xây dựng hệ thống thông tin chuyên biệt về PCTN, có sự phân quyền truy cập dữ liệu chặt chẽ, người có thẩm quyền đến đâu thì được truy cập dữ liệu đến đó, tránh lộ lọt thông tin chưa được công bố, gây bất lợi trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; đồng thời cung cấp cung cấp thông tin để tăng cường sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan có chức năng PCTN; các kết quả, hoạt động PCTN của các cấp và các cơ quan có chức năng PCTN được cập nhật thường xuyên trên hệ thống thông tin để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và theo dõi của Ban Chỉ đạo PCTN, lãnh phí, tiêu cực Trung ương và địa phương. Xây dựng hệ thống giám sát điện tử như: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) để phát hiện các dấu hiệu bất thường trong quản lý tài chính, tài sản công; tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập, để nâng cao khả năng truy vết và phân tích những dấu hiệu kê khai không trung thực về tài sản, thu nhập; tích hợp cơ sở dữ liệu về tài khoản cá nhân để phát hiện các giao dịch bất thường hoặc hoạt động tẩu tán tài sản tham nhũng. Áp dụng các công cụ số hóa, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia để theo dõi, giám sát và phát hiện dấu hiệu tham nhũng theo thời gian thực. Quan tâm đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc của các cơ quan có chức năng PCTN, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

*Năm là*, hoàn thiện các cơ chế để nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng. Thu hồi tài sản tham nhũng là hoạt động quan trọng và là thước đo hiệu quả của công tác đấu tranh PCTN; xử lý tội phạm tham nhũng để thu hồi được tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt là khâu cuối cùng trong quá trình đấu tranh với một hành vi, một vụ việc tham nhũng, nhưng là khâu “mở đầu” rất quan trọng, quyết định hiệu quả và ý nghĩa thực tế của công tác PCTN. Cần tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; công tác thu hồi tài sản tham nhũng là nhiệm vụ chung của cả HTCT, mọi tầng lớp Nhân dân, trong đó, nòng cốt là cơ quan thi hành án, đặt dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo thống nhất của Đảng và phải được quan tâm, chú trọng thực hiện ngay từ những giai đoạn đầu của quá trình tố tụng. Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế như: Xây dựng trình tự, thủ tục riêng về thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; phối hợp liên ngành trong việc truy nguyên, truy thu tài sản tham nhũng ngay từ giai đoạn nhận được tin báo tố giác tội phạm đến giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Quy định rõ trách nhiệm độc lập và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan từ giai đoạn

thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, bảo đảm thu hồi nhanh, tối đa tài sản của Nhà nước bị thất thoát, chiếm đoạt. Tăng thẩm quyền cho cơ quan thi hành án và chấp hành viên trong xác minh điều kiện thi hành án, truy tìm tài sản thông qua các cơ chế được truy cập, khai thác thông tin của các cơ quan quản lý tài khoản, tài sản, thu nhập. Quy định cơ chế xử lý riêng khi xử lý tài sản chung của vợ chồng trong các vụ án tham nhũng, kinh tế nhằm giải quyết quyền tài sản riêng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Hoàn thiện cơ chế quản lý, kiểm soát tài sản, thu nhập của cá nhân theo hướng minh bạch hóa, công khai hóa và mở rộng diện kê khai thu nhập; thu hồi tài sản không qua kết tội; nghĩa vụ chứng minh tài sản, thu nhập hợp pháp của bị can, bị cáo... để bảo đảm thu hồi triệt để tài sản tham nhũng.

**4.3.2.2. Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa nhằm “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng**

*Một là*, hoàn thiện cơ chế phòng ngừa để “không thể” tham nhũng. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về quản lý KT-XH, PCTN, tổ chức bộ máy nhà nước, quản lý cán bộ, công chức, viên chức và chế độ, chính sách đối với đội ngũ thực thi công vụ trong thời kỳ mới. Trong đó, cần tập trung hoàn thiện cơ chế KSQL trên các lĩnh vực, nhất là những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực và những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; bảo đảm pháp luật đồng bộ, chặt chẽ, khả thi, khắc phục tình trạng chồng chéo, sơ hở, kẽ hở dễ bị lợi dụng.

Cùng với hoàn thiện pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính, ngân sách, đất đai, tài nguyên, đầu tư công, đấu thầu, đấu giá, ngân hàng, thuế, hải quan..., cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân; bảo đảm quyền lực được giao đến đâu thì trách nhiệm được xác định đến đó. Đồng thời, hoàn thiện pháp luật về tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, đánh giá, luân chuyển, miễn nhiệm, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; kiểm soát chặt chẽ xung đột lợi ích, tài sản, thu nhập, trách nhiệm giải trình và đạo đức công vụ, nhằm ngăn ngừa nguy cơ tha hóa quyền lực ngay từ bên trong bộ máy. Tập trung một số nội dung sau:

(i) Hoàn thiện thể chế pháp luật về PCTN, tổ chức bộ máy nhà nước, quản lý cán bộ, công chức và chế độ, chính sách công vụ theo hướng đồng bộ, chặt chẽ, không để

khoảng trống pháp lý cho tham nhũng, tiêu cực phát sinh. Việc hoàn thiện pháp luật cần được tiến hành theo hướng sửa đổi, bổ sung đồng thời các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến cùng một lĩnh vực, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, tránh mâu thuẫn, chông chéo. Cần nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, lựa chọn cơ quan chủ trì, ban soạn thảo và người đứng đầu có năng lực chuyên môn sâu, có tầm nhìn tổng thể như một “kiến trúc sư trưởng” trong thiết kế thể chế.

(ii) Hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch bắt buộc gắn với chế tài xử lý nghiêm vi phạm. Cần quy định cụ thể hơn những nội dung bắt buộc phải công khai như tài chính, ngân sách, tài sản công, đầu tư, xây dựng, đấu thầu, đấu giá, đất đai, tài nguyên, khoáng sản, ngân hàng, thuế, hải quan; đồng thời mở rộng công khai trên môi trường mạng đối với hoạt động của cơ quan nhà nước, quy trình giải quyết công việc, tiêu chuẩn cán bộ, kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách. Việc công khai phải thực chất, dễ tiếp cận, dễ giám sát, khắc phục tình trạng công khai hình thức, chiếu lệ, phạm vi hẹp, thời gian ngắn.

(iii) Hoàn thiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu liêm chính, kỷ luật, kỷ cương, vừa tạo điều kiện để đội ngũ thực thi công vụ yên tâm làm việc, tận tụy phục vụ Nhân dân. Cần gắn cải cách tiền lương, đãi ngộ, điều kiện làm việc, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung với cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực, xử lý nghiêm hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Đây là điều kiện quan trọng để từng bước xây dựng môi trường công vụ trong sạch, minh bạch, liêm chính, góp phần hình thành cơ chế phòng ngừa tham nhũng từ sớm, từ xa, làm cho cán bộ, công chức “không thể” tham nhũng.

*Hai là*, hoàn thiện cơ chế phòng ngừa để “không dám” tham nhũng. Phòng ngừa tham nhũng bằng cách tạo ra cơ chế để người có ý định tham nhũng “không dám” thực hiện là một trong những chiến lược hiệu quả. Giải pháp cần quan tâm là: Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh, đồng bộ các hành vi tham nhũng, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không chịu tác động, can thiệp không trong sáng của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào; công khai rộng rãi việc xử lý cá nhân vi phạm trong ngành, lĩnh vực, địa phương để răn đe, cảnh tỉnh các đối tượng khác. Nghiên cứu hình thức xử lý vi phạm mức răn đe cao hơn; nếu vi phạm có một trong các hành vi tham nhũng, tùy theo mức độ vi phạm để xử lý hình sự theo quy định

của pháp luật hoặc cho miễn nhiệm, từ chức không chờ đến hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm, cấm đảm nhiệm chức vụ có thời hạn; tái phạm lần thứ 2, kể cả tham nhũng vật thì buộc thôi việc, để cán bộ, đảng viên nhận thức rõ nếu mình tham nhũng thì hết cơ hội đứng trong bộ máy nhà nước hoặc bị phạt tù, nếu vi phạm khi về hưu vẫn bị xử lý, để “không dám” tham nhũng.

Cơ chế mở rộng việc ký kết hợp tác quốc tế về dẫn độ tội phạm tham nhũng, để những cá nhân có ý định tham nhũng và trốn ra nước ngoài sẽ không có đất lẩn trốn và đều bị đưa về xử lý theo quy định của pháp luật, xóa bỏ được tư tưởng “hi sinh đời bố để củng cố đời con” hoặc tư tưởng vẫn còn cơ hội để lẩn tránh pháp luật, để “không dám” tham nhũng. Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện các biện pháp ngăn chặn tiền tố tụng như phong tỏa tài sản, cấm xuất cảnh bằng các quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng, nhằm ngăn chặn kịp thời nguy cơ tẩu tán tài sản, trốn ra nước ngoài để tránh điều tra. Hoàn thiện quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập và xử lý tài sản không rõ nguồn gốc của cán bộ, công chức, viên chức; các tài sản, thu nhập không giải trình được nguồn gốc, phải được tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước; cơ chế kiểm tra, xác minh chặt chẽ và xử lý nghiêm minh cá nhân kê khai không trung thực; hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện kê khai và liên thông với các đối tượng có liên quan; mở rộng nội dung cần kê khai tài sản, thu nhập lớn của người liên quan như bố, mẹ, con, anh, chị em ruột, nhằm khắc phục việc tẩu tán tài sản tham nhũng cho người thân hoặc có trường hợp ly hôn giả để tẩu tán tài sản tham nhũng. Quy định các đối tượng thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập phải kê khai tài khoản cá nhân để thông qua ngân hàng quản lý các giao dịch có giá trị lớn, kiểm soát, ngăn ngừa giao dịch bất hợp pháp, rửa tiền,... để “không dám” tham nhũng. Khắc phục lỗ hổng lớn nhất trong thiết chế kiểm soát tài sản, thu nhập ở nước ta hiện nay là Nhà nước ta chưa kiểm soát được tài sản, thu nhập của mọi thiết chế trong xã hội mà lại chỉ tập trung kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; mở rộng diện kiểm soát tài sản, thu nhập ra khu vực tư. Quy định cụ thể hơn để kiểm soát thu nhập cá nhân, mọi thu nhập cá nhân phải được đăng ký và thực hiện thông qua một tài khoản ngân hàng quốc gia.

*Ba là*, hoàn thiện cơ chế để “không muốn” tham nhũng. Kết hợp cùng với cơ chế phòng ngừa “không dám” tham nhũng để hoàn thiện cơ chế “không muốn” tham nhũng. Tập trung giáo dục đạo đức công vụ, văn hóa liêm chính cho đội ngũ cán bộ,

công chức, viên chức, vì Nhân dân phục vụ; xây dựng và thực hiện các quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; cam kết không tham nhũng; nhân mạnh hành vi tham nhũng là hành vi ăn cắp của công, tiền thuế của Nhân dân mà Hồ Chí Minh đã dạy, để cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nhận rõ là hành vi xấu xa, đê tiện, xã hội lên án mạnh mẽ, nâng cao danh dự, lòng tự trọng và liêm sỉ để “không muốn” tham nhũng. Đưa nội dung giáo dục liêm chính, không tham nhũng vào chiến lược chương trình quốc gia về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hình thành văn hóa không tham nhũng trong xã hội. Xây dựng môi trường làm việc công bằng và minh bạch; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong từng nội bộ cơ quan, tổ chức, tạo môi trường công khai, minh bạch, không tham nhũng trong nội bộ, để cán bộ, đảng viên giám sát và phê phán khi cá nhân có biểu hiện không vì lợi ích chung để nhận thức “không muốn” tham nhũng. Tạo cơ hội thăng tiến bằng năng lực là phương thức duy nhất, loại trừ thăng tiến bằng quan hệ và tiền tệ; đổi mới công tác đánh giá cán bộ bảo đảm thực chất, đúng với mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao; cơ chế sàng lọc cán bộ, công chức, viên chức định kỳ, theo hướng “có vào”, “có ra”, tạo động cơ phấn đấu và không vi phạm các quy chế, quy định nói chung và pháp luật về PCTN nói riêng, đặc biệt, nếu tham nhũng là thuộc diện một trong những đối tượng tinh giản biên chế qua sàng lọc, để “không muốn” tham nhũng. Thực hiện triệt để việc thu hồi tài sản không giải trình được nguồn gốc của cán bộ, công chức, viên chức và cơ chế kiểm soát thu nhập, chi tiêu của cá nhân thuộc diện kê khai, hướng đạt tới mục tiêu “không thể giấu” được tài sản tham nhũng, “không thể tiêu” được tiền tham nhũng, để “không muốn” tham nhũng. Thu hồi tài sản tham nhũng có hiệu quả sẽ làm triệt tiêu động lực của tội phạm tham nhũng.

*Bốn là*, hoàn thiện cơ chế để “không cần” tham nhũng. Tiếp tục thực hiện tinh gọn bộ máy, giảm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, dành nguồn lực chi cho đầu tư phát triển và chi trả chế độ xứng đáng cho cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước và HTCT, bảo đảm trang trải cuộc sống và có tích lũy, để “không cần” tham nhũng. Tiếp tục cải cách chính sách tiền lương; nghiên cứu ngoài mức lương cơ bản được tăng lương theo định kỳ, cần quy định mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo cao hơn, thang vượt bậc để gắn với chức vụ và trách nhiệm được giao; phụ cấp đặc thù cần dành cho lĩnh vực ưu tiên như: cán bộ công tác tại cơ quan, bộ phận chuyên trách về PCTN, giáo dục, y tế; bố trí đủ nguồn kinh phí để duy trì chế độ tiền

thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và chế độ khen thưởng theo Luật Thi đua, khen thưởng hằng năm; nghiên cứu chế độ “thu nhập tăng thêm” từ nguồn và khả năng ngân sách địa phương, do thủ trưởng cơ quan quyết định, để chi trả theo năng lực, hiệu quả công việc của từng cán bộ, công chức, viên chức, để thúc đẩy cống hiến và “không cần” tham nhũng. Ban hành chính sách nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức; bố trí nguồn Ngân sách Nhà nước để đầu tư nhà ở xã hội cho cán bộ, công chức, viên chức thuê, mua hoặc thuê mua (trả góp), bảo đảm công chức, viên chức mới đi làm có điều kiện về nhà ở, để tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, toàn tâm, toàn ý với công việc, để “không cần” tham nhũng. Thay đổi nhận thức của quá trình cải cách chế độ tiền lương từ quan điểm tăng lương theo khả năng của nền kinh tế đến nhận thức mới xem tăng lương là đầu tư cho con người. Lộ trình cải cách chế độ tiền lương trong những năm tới cần phấn đấu đến năm 2030 thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước tương đương mức thu nhập khá trong xã hội, đến năm 2045 có thu nhập cao so với thu nhập bình quân trong khu vực ngoài nhà nước.

*Năm là*, kiểm soát chặt chẽ quyền lực trên các lĩnh vực. Thực hiện có hiệu quả và thực chất các văn bản của Bộ Chính trị về KSQL như: Quy định số 114-QĐ/TW về KSQL và PCTN, tiêu cực trong công tác cán bộ; Quy định số 131-QĐ/TW về KSQL, PCTN, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quy định số 132-QĐ/TW về KSQL, PCTN, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quy định số 178-QĐ/TW về KSQL, PCTN, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Quy định số 189-QĐ/TW về KSQL, PCTN, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. KSQL nhằm PCTN ngay trong các cơ quan có chức năng PCTN, do chủ thể kiểm soát và đối tượng KSQL đều là một đối tượng; do vậy, cần đặc biệt chú trọng lựa chọn, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác PCTN phải có bản lĩnh, thật sự liêm chính, trong sạch, gương mẫu, công tâm, khách quan, không bị cám dỗ, mua chuộc của các kẻ phạm tội; cán bộ các cơ quan có chức năng PCTN lại tham nhũng, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến niềm tin của Nhân dân đối với công cuộc PCTN của nước ta, công lý, với Đảng, Nhà nước và chế độ; cần có chế tài xử lý nghiêm khắc hơn đối với cán bộ vi phạm. Quy định rõ trách nhiệm trách nhiệm của cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, khi tiến

hành kiểm tra không phát hiện được các hành vi tham nhũng tiêu cực nhưng qua kiểm tra, thanh tra, kiểm toán được tiến hành bởi cơ quan khác sau đó các hành vi tham nhũng lại được phát hiện và xử lý. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện mô hình cơ quan, đơn vị chuyên trách chống tham nhũng; gắn kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan có chức năng PCTN, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động với xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam. Bảo đảm mọi quyền lực được kiểm soát chặt chẽ bằng cơ chế, được ràng buộc bằng trách nhiệm, quyền hạn đến đâu trách nhiệm đến đó, quyền hạn càng cao trách nhiệm càng lớn; hoàn thiện cơ chế phối hợp và giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan có chức năng PCTN. Phân công thực hiện quyền lực nhà nước là cơ sở để kiểm soát thực hiện quyền lực nhà nước; phân công thực hiện quyền lực nhà nước rõ ràng, rành mạch là cơ sở để kiểm soát thực hiện quyền lực nhà nước hiệu quả. Bảo đảm tính độc lập hiện thực của quyền tư pháp trong cơ chế thực thi quyền lực nhà nước; tiếp tục mở rộng quyền tư pháp và thực hiện quyền tư pháp trong cơ chế thực thi quyền lực nhà nước; xây dựng cơ chế KSQL của cơ quan thực hiện quyền tư pháp đối với các cơ quan thực hiện quyền hành pháp, quyền lập pháp; hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp sai trái trong hoạt động tư pháp.

*Sáu là*, kết hợp chặt chẽ giữa PCTN với phòng, chống lãng phí, tiêu cực. Đây là yêu cầu có tính tất yếu, bởi trong thực tiễn, tham nhũng, lãng phí và tiêu cực thường không tồn tại riêng lẻ mà đan xen, tác động qua lại, tạo thành những “mắt xích” làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bào mòn nguồn lực phát triển và làm tổn hại lòng tin của Nhân dân. Nếu chỉ chú trọng PCTN mà xem nhẹ đấu tranh với lãng phí, tiêu cực thì sẽ không xử lý tận gốc những biểu hiện suy thoái trong bộ máy, bởi nhiều hành vi lãng phí, vô trách nhiệm, buông lỏng quản lý, né tránh nhiệm vụ tuy không trực tiếp vụ lợi nhưng lại là môi trường dung dưỡng cho tham nhũng nảy sinh và phát triển.

Vì vậy, cần nhận thức đầy đủ rằng PCTN phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh; gắn với đấu tranh ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chống chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, lợi ích nhóm và các biểu hiện tiêu cực trong thực thi công vụ. Kết hợp chặt chẽ ba nội dung này sẽ góp phần sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, đồng thời tạo ra sức mạnh tổng hợp trong phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm. Đây cũng chính là bước phát triển

mới trong nhận thức và hành động, thể hiện quyết tâm chính trị cao của Đảng, Nhà nước ta trong xây dựng nền quản trị quốc gia liêm chính, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

**4.3.2.3. Tăng cường hợp tác quốc tế và mở rộng phòng, chống tham nhũng đối với khu vực ngoài nhà nước trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế và phát huy trách nhiệm của toàn xã hội trong phòng, chống tham nhũng**

*Một là*, cam kết thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng. Nội luật hóa và xây dựng kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng theo đúng lộ trình, phù hợp với điều kiện và pháp luật của Việt Nam; việc cam kết chấp hành và thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, thể hiện tinh thần không khoan nhượng đối với tham nhũng của Đảng, Nhà nước ta, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế và uy tín của Việt Nam trên các lĩnh vực nói chung và lĩnh vực chống tham nhũng nói riêng; chung tay cùng các nước khác thực thi có hiệu quả Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, ngăn ngừa tội phạm tham nhũng có tính liên quốc gia và giảm tác động về tham nhũng từ bên ngoài đến Việt Nam. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế phù hợp với các yêu cầu của Công ước; nghiên cứu, rà soát, bổ sung Luật PCTN, Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, để nâng cao mức độ tuân thủ, đặc biệt là đối với các yêu cầu mang tính bắt buộc của Công ước; thực hiện các nghĩa vụ phát sinh; nâng cao nhận thức, trao đổi, cung cấp thông tin, cũng như tham gia các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ của Công ước, trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; tham gia cơ chế đánh giá việc thực thi Công ước, bao gồm tự đánh giá và đánh giá đối với thành viên khác.

*Hai là*, tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế về PCTN. Đẩy mạnh các thỏa thuận hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng với các nước; đàm phán, ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp; ký kết các điều ước quốc tế song phương và đa phương, để tạo thuận lợi trong việc công nhận và cho thi hành tại nước ngoài; phối hợp chặt chẽ với cơ quan tư pháp của các nước, các tổ chức quốc tế để truy bắt, dẫn độ số đối tượng phạm tội tham nhũng lẫn trốn, chuyển giao tài liệu, chứng cứ và thu hồi tài sản tham nhũng tẩu tán ra nước ngoài. Chú trọng hợp tác thực hiện các điều khoản Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng đã quy định như: dẫn độ, chuyển giao người bị kết án, tương trợ pháp lý, chuyển giao vụ án hình sự, hợp tác thực thi pháp luật, điều tra chung, kỹ thuật điều tra đặc biệt, phong tỏa, tạm giữ và tịch thu tài sản tham nhũng, các cơ chế thu hồi tài sản thông qua hợp tác quốc tế trong việc tịch thu,

đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật, thu thập, trao đổi và phân tích thông tin về tham nhũng..., nhằm nâng cao năng lực và hoạt động hợp tác quốc tế về PCTN của Việt Nam. Tích cực tham gia các sáng kiến, diễn đàn quốc tế về PCTN; nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm với các quốc gia và các tổ chức quốc tế về PCTN; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về PCTN phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

*Ba là*, cải thiện điểm số và thứ hạng của chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) của Việt Nam. CPI là chỉ số đo lường về tham nhũng trong khu vực công trên toàn thế giới, theo nhận định của các chuyên gia và doanh nhân; chỉ số dựa trên 13 nguồn dữ liệu độc lập từ các tổ chức có uy tín, cung cấp một bức tranh toàn diện về tình hình tham nhũng ở một quốc gia cụ thể hàng năm. Năm 2023, chỉ số CPI của Việt Nam đạt 41/100 điểm, xếp hạng toàn cầu: 83/180 quốc gia và vùng lãnh thổ, giảm 1 điểm và tụt 6 bậc so với năm 2022; thuộc diện quốc gia có tình trạng tham nhũng ở mức cao. Những nội dung đo lường của Tổ chức Minh bạch Quốc tế cần được quan tâm và có những giải pháp cụ thể khắc phục những điểm Việt Nam còn yếu như: Tình trạng hối lộ; khả năng của Chính phủ trong việc kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; thủ tục hành chính rườm rà trong khu vực công có thể tạo cơ hội cho tham nhũng; bổ nhiệm người thân hoặc theo kiểu thân hữu trong cơ quan công quyền; các quy định pháp luật yêu cầu công chức phải công khai tài chính và xử lý các xung đột lợi ích; bảo vệ pháp lý cho những người tố cáo các trường hợp hối lộ và tham nhũng; việc chi phối của các nhóm lợi ích đối với nhà nước; quyền tiếp cận thông tin về các vấn đề công và hoạt động của Chính phủ...; đặc biệt là PCTN trên các lĩnh vực để đạt kết quả thực chất và toàn diện.

*Bốn là*, mở rộng hoạt động PCTN ra khu vực ngoài nhà nước. Tăng cường hoạt động PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước theo quy định của pháp luật để ngăn chặn sự cấu kết giữa cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thoái hóa, biến chất trong khu vực nhà nước với đối tượng hoạt động ở ngoài khu vực nhà nước, là một dấu hiệu có tính phổ biến hiện nay của tội phạm tham nhũng, làm thất thoát tiền và tài sản lớn của nhà nước vào túi cá nhân, từ sở hữu nhà nước thành sở hữu tư nhân, thông qua các kẽ hở của pháp luật. Ngăn chặn các hoạt động rửa tiền của tội phạm tham nhũng trong khu vực nhà nước thông qua hình thức đầu tư, cổ phần với các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước hoặc phân chia lợi nhuận thông qua tạo cơ chế, điều kiện về giao đất cho doanh nghiệp. Nghiên cứu ban hành Luật về kiểm soát tài sản, thu nhập của mọi thiết chế trong xã hội, trong đó có tài sản, thu nhập của công

chức, viên chức, người có chức vụ, quyền hạn trong cả khu vực công và khu vực tư, là công cụ hữu hiệu trong chống rửa tiền, trốn thuế, cho vay nặng lãi, lừa đảo, gian lận thương mại, buôn lậu, tín dụng đen, chứng khoán ảo, sở hữu chéo giữa các ngân hàng, doanh nghiệp ma,... Xây dựng đồng bộ với thiết chế không sử dụng tiền mặt trong các giao dịch, hóa đơn điện tử... để kiểm soát tài sản, thu nhập bất hợp pháp của các đối tượng trong xã hội.

*Năm là*, nâng cao nhận thức và đạo đức kinh doanh, minh bạch các hoạt động của doanh nghiệp. Xây dựng văn hóa liêm chính trong hoạt động kinh doanh là yếu tố then chốt để tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, không có hối lộ, tham nhũng; môi trường kinh doanh lành mạnh làm giảm chi phí vận hành, giảm rủi ro cho doanh nghiệp, tạo sự cạnh tranh công bằng - vì thế có lợi cho cả doanh nghiệp và nền kinh tế. Tổ chức các chương trình đào tạo, tuyên truyền về PCTN, nhấn mạnh giá trị minh bạch và liêm chính trong kinh doanh; đưa nội dung phòng chống tham nhũng vào chính sách nội bộ của doanh nghiệp, nhấn mạnh vai trò của đạo đức kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh. Cơ chế công khai các báo cáo tài chính, thuế và các thông tin liên quan để đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp; thiết lập các cơ chế giám sát nội bộ và kiểm toán độc lập nhằm ngăn chặn các hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới cơ chế đấu thầu, ngăn chặn bằng được tình trạng “quân xanh”, thông thầu trong quá trình đấu thầu, sự móc ngoặc giữa cán bộ, công chức cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và đảm bảo sự giám sát độc lập của các tổ chức xã hội trong suốt quá trình đấu thầu.

#### **Tiểu kết chương 4**

Trong những năm tới, cùng với sự phát triển của đất nước và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, hành vi tham nhũng sẽ ngày càng tinh vi, phức tạp, khó lường hơn; tham nhũng vẫn còn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ; các thế lực thù địch, phân tử xấu không ngừng tìm cách lợi dụng để chống phá Đảng và Nhà nước. Kết quả PCTN của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn vừa qua mới là bước đầu, tuyệt nhiên không được chủ quan, thỏa mãn, mà cần phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn; cần xác định các quan điểm, định hướng mới, tầm nhìn, chiến lược dài hạn, có bước đi, lộ trình phù hợp; các nhiệm vụ trọng tâm, giải

pháp đủ mạnh, cơ chế, khâu đột phá, khắc phục triệt để nguyên nhân gốc rễ dẫn đến tham nhũng... đặc biệt, trong giai đoạn tới, đáp ứng mục tiêu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới.

Trên cơ sở tình hình thực tiễn, kế thừa quan điểm của Đảng về PCTN đã được nêu tại các Văn kiện Đại hội các khóa gần đây, trong các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương các khóa, trong các quy định, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác PCTN, Chiến lược Quốc gia về PCTN, Luận án đề xuất 09 quan điểm tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam hiện nay; đề xuất 02 nhóm giải pháp chính: *Một là*, Nhóm giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; *Hai là*, Nhóm giải pháp tiếp tục phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.

Việc xác lập hệ thống quan điểm và giải pháp này không chỉ góp phần làm sâu sắc hơn giá trị lý luận và sức sống thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong điều kiện mới, mà còn cung cấp thêm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chủ trương, chính sách, tổ chức thực hiện công tác PCTN ở nước ta hiện nay. Đồng thời, đây cũng là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả đấu tranh PCTN, xây dựng Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của Nhân dân, tạo động lực và điều kiện bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh, bền vững.

## KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là một di sản tư tưởng quý báu, có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ nền tảng chính trị và phát triển đất nước trong giai đoạn kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; là kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân trong công cuộc xây dựng bộ máy Nhà nước liêm chính, vì dân. Trong giai đoạn hiện nay, tư tưởng ấy càng có giá trị, là nền tảng lý luận vững chắc để Việt Nam đẩy mạnh công cuộc PCTN một cách bài bản, quyết liệt, vận dụng có hiệu quả những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong tình hình mới.

Luận án đã đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến Đề tài, trên 03 nội dung chính như: tình hình nghiên cứu về PCTN; tình hình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN và tình hình nghiên cứu về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; trên từng nội dung, đã làm rõ theo khía cạnh, lát cắt của từng vấn đề, bám sát theo nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; là cơ sở tác giả Luận án có sự nhìn nhận tổng quan về những kết quả, hạn chế, nguyên nhân; đồng thời, bổ sung những kết quả, làm rõ những hạn chế, nguyên nhân; xác định các vấn đề đặt ra. Đặc biệt, tác giả Luận án đã xác định những “khoảng trống” chưa được nghiên cứu, những nội dung, phương pháp luận chưa được làm rõ, các câu hỏi cần giải đáp như: việc phân tích một cách hệ thống quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước qua các giai đoạn phát triển của đất nước vẫn chưa được làm rõ đầy đủ; việc làm rõ mối quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về PCTN trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng NNPQ XHCN và KSQL, vẫn chưa được luận giải một cách toàn diện; chưa phân tích đầy đủ những yêu cầu, thách thức và vấn đề mới đặt ra đối với việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong điều kiện hiện nay; việc đánh giá một cách tổng thể hiệu quả của quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong thực tiễn Việt Nam thời kỳ đổi mới, cũng như xác định những nội dung cần tiếp tục kế thừa, bổ sung và phát triển trong điều kiện mới, vẫn chưa được nghiên cứu một cách chuyên sâu và hệ thống. Đồng thời, đề xuất 03 vấn đề Luận án cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN đáp ứng mục tiêu đề tài Luận án đặt ra.

Bên cạnh đó, Luận án đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam; hệ thống hóa các khái niệm như: tham nhũng; PCTN; tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN. Phân tích tổng quát nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trên 03 nội dung chính, gồm: về sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của PCTN; chủ thể, lực lượng PCTN; biện pháp PCTN theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó, tác giả đã làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.

Đồng thời, Luận án đã tập trung làm rõ thực trạng quá trình vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam từ năm 2012 đến nay, theo 03 nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN về sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của PCTN; chủ thể, lực lượng PCTN; và biện pháp PCTN. Đánh giá những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra trong vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam. Trong đó, làm rõ 05 vấn đề đặt ra là: khoảng cách giữa giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh và với việc vận dụng vào thực tiễn nhận thức và hành động còn lớn; việc phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh chưa theo kịp yêu cầu của bối cảnh mới; thể chế hóa tư tưởng Hồ Chí Minh tuy đạt kết quả nhưng vẫn còn bất cập, thiếu tính đồng bộ và thực chất; công tác giáo dục, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh còn nặng hình thức, thiếu lan tỏa xã hội; những biến động xã hội và thách thức của thời đại đòi hỏi sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng kết hợp giữa “xây” và “chống”.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, Luận án đã đề xuất 07 quan điểm tiếp tục vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới và giải pháp nâng cao hiệu quả của việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN hiện nay; và đề xuất 02 nhóm giải pháp chính: *Một là*, Nhóm giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; *Hai là*, Nhóm giải pháp tiếp tục phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN. Trong đó, có một số giải pháp phát triển sáng tạo một số nội dung mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN như: Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa để “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng; tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế trong PCTN và mở rộng PCTN đối với khu vực ngoài nhà nước... trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN.

Những đóng góp mới của Luận án đó là: góp phần làm rõ và hoàn thiện cơ sở lý luận về tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; luận án làm sáng tỏ một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, bao gồm: về sự cần

thiết, vai trò, ý nghĩa của PCTN; các chủ thể và lực lượng tham gia PCTN; cùng những biện pháp PCTN theo tư tưởng của Người; làm rõ thực tiễn vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam từ thời kỳ đổi mới đến nay, qua đó chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời khái quát một số vấn đề đặt ra đối với việc tiếp tục vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong bối cảnh hiện nay; đề xuất một số quan điểm và giải pháp nhằm tiếp tục vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN ở Việt Nam trong bối cảnh mới, góp phần nâng cao hiệu quả công tác PCTN, xây dựng Đảng và Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

Sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước đang bước vào một giai đoạn phát triển mới với những yêu cầu, nhiệm vụ cao hơn, nặng nề hơn. Theo đó, đất nước ta không chỉ đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi mà còn phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức mới, có mặt gay gắt và phức tạp hơn so với các giai đoạn trước. Đặc biệt, Đảng ta đã chỉ rõ bốn nguy cơ vẫn tồn tại và trên một số phương diện còn diễn biến phức tạp hơn, trong đó tham nhũng tiếp tục là một nguy cơ lớn, đe dọa trực tiếp đến vai trò lãnh đạo của Đảng, sự tồn vong của chế độ và niềm tin của Nhân dân. Tình hình đó đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và HTCT trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, quản trị phát triển của Nhà nước; tăng cường KSQL; kiên quyết, kiên trì đấu tranh PCTN, lãng phí, tiêu cực.

Để thực hiện thành công mục tiêu, định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn mới, việc tiếp tục vận dụng và phát huy giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN có ý nghĩa cấp thiết và đặc biệt quan trọng. Theo đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp trên nền tảng tư tưởng của Người, quán triệt sâu sắc phương châm phòng ngừa là chính, là cơ bản, lâu dài; đấu tranh, xử lý là quan trọng, cấp bách. Chỉ trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, giữa giáo dục, rèn luyện với kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm minh, mới có thể từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển KT-XH, củng cố niềm tin của Nhân dân, xây dựng Đảng và Nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Hương (2025), “Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của Singapore và những gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, truy cập tại trang: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/ngghien-cu/-/2018/1115502/> kinh-nghiem-phong%2C-chong-tham-nhung-cua-singapore-va-nhung-goi-mo-cho-viet-nam.aspx [ngày đăng 13/8/2025].
2. Nguyễn Thị Hương (2025), “Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về gắn “xây” với “chống” để xây dựng Đảng ta “là đạo đức, là văn minh”, *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*, truy cập tại trang: [https://lyluanchinhtri.vn/thuc-hien-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-gan-xay-voi-chong-de-xay-dung-dang-ta-la-dao-duc-la-van-minh-7075.html?gidzl=zKQKENCIKsJr\\_f4wS0bHOVdzbZnd2rOpul6LR6e6NcRge9qsQGDTEhgYpMfeKmepwA6OR3YmmlDfTnLHO0](https://lyluanchinhtri.vn/thuc-hien-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-gan-xay-voi-chong-de-xay-dung-dang-ta-la-dao-duc-la-van-minh-7075.html?gidzl=zKQKENCIKsJr_f4wS0bHOVdzbZnd2rOpul6LR6e6NcRge9qsQGDTEhgYpMfeKmepwA6OR3YmmlDfTnLHO0) [ngày đăng 14/8/2025].
3. Nguyễn Thị Hương (2025), “Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động*, kỳ 1, tháng 8/2025, tr.95-97.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### \* Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Ngọc Anh (2018), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu: Nội dung và giá trị*, Luận án tiến sĩ chính trị học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Anh (2020), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu: Nội dung và giá trị*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
3. Phạm Ngọc Anh (2014), “Thực hành chống chủ nghĩa cá nhân trong Đảng và bộ máy nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh” *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (5), tr.24-28.
4. Phạm Ngọc Anh (2017), “Quan niệm của Hồ Chí Minh về suy thoái đạo đức - Nhìn từ góc độ văn hóa Đảng”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (1), tr.5-10.
5. Ban Bí thư (2021), *Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế*, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Trung ương, Ủy ban kiểm tra Trung ương (2008), *Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2016), *Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*, Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Nội chính Trung ương (2023), *Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực qua 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước (1986-2026)*, Kỷ Yếu Hội thảo, Hà Nội.
9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), *Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), *Quy định số 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Hà Nội.

11. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2004), *Tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 6 (lần 2) khoá VIII đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chống tham nhũng, lãng phí: Tài liệu chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện (lưu hành nội bộ)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2006), *Tệ quan liêu, lãng phí và một số giải pháp phòng, chống*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Ban Nội chính Trung ương (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
14. Ban Nội chính Trung ương (2022), *Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của một số quốc gia trên thế giới*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
15. Ban Tổ chức, Cán bộ Chính phủ, Viện Khoa học - Tổ chức Nhà nước (1998), *Đạo đức, phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, công chức theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Ban Tuyên giáo Trung ương (chỉ đạo biên soạn) (2008), *Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
17. Ban Tuyên giáo Trung ương (2009), *Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và nêu cao tinh thần trách nhiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. Hoàng Chí Bảo (2009), *Văn hóa đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Báo Nhân dân (2017), *Sức sống - Những việc cần làm ngay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
21. Trọng Bằng (2020), *Từ năm 2013 đến 2020, hơn 131 nghìn đảng viên bị thi hành kỷ luật*, Báo điện tử công lý online, truy cập ngày 12/12/2020. <https://congly.vn/tu-nam-2013-den-2020-hon-131-nghin-dang-vien-bi-thi-hanh-ky-luat-176197.html>
22. Nguyễn Khánh Bất (Chủ biên) (2006), *Nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.

23. Trần Thị Bình, Văn Thị Thanh Mai (2021), “Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong bối cảnh hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (6), tr.41-48.
24. Bộ Chính trị (2013), *Quyết định số 162-QĐ/TW ngày 01/02/2013 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội.
25. Bộ Chính trị (2015), *Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 7/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng*, Hà Nội.
26. Bộ Chính trị (2018), *Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 09/11/2018, của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc*, Hà Nội.
27. Bộ Chính trị (2019), *Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*, Hà Nội.
28. Bộ Chính trị (2022), *Báo cáo số 06-BC/TW, ngày 23/7/2022 của về tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022, nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới*, Hà Nội.
29. Bộ Chính trị (2023), *Quy định số 178-QĐ/TW, ngày 27/6/2024 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật*, Hà Nội.
30. Bộ Chính trị (2023), *Quy định số 114-QĐ/TW, ngày 11/7/2023 về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ*, Hà Nội.
31. Bộ Chính trị (2023), *Quy định số 131-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán*, Hà Nội.
32. Bộ Chính trị (2023), *Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án*, Hà Nội.
33. Bộ Chính trị (2024), *Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 9/5/2024 về Quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới*, Hà Nội.
34. Bộ Chính trị (2024), *Quy định số 189-QĐ/TW, ngày 08/10/2024 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công*, Hà Nội.

35. Bộ Chính trị (2026), *Kế hoạch số 03-KH/TW, ngày 18/05/2026 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
36. Lê Thị Chiên, Thành Thu Trang (2022), “Bước phát triển trong quan điểm của Đảng về đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”, *Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị*, (10), tr.11-16
37. Lê Thị Chiên (2023), “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân: Từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị*, (1), tr.16-21.
38. Chính phủ (2024), *Báo cáo Số 653/BC-CP, ngày 17/10/2024 về Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024*, Hà Nội.
39. Trần Nam Chuân, Lê Văn Nam (2021), “Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Chủ trương và một số giải pháp”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (372), tr.59-63.
40. Phạm Hồng Chương (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
41. Phạm Thị Hải Chuyên (2010), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
42. Đậu Văn Côi (2023), “Từ tham nhũng kinh tế đến tham nhũng chính trị và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” - Nguyên cơ và giải pháp ngăn chặn”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (540), tr.121-124.
43. Bùi Mạnh Cường (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh với vấn đề chống tham nhũng*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
44. Bùi Mạnh Cường, Nguyễn Thị Tố Uyên (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
45. Nguyễn Anh Cường, Kiều Văn Nam (2025), “A Comparative Study of Ho Chi Minh's Anti-Corruption Ideology and International Standards”, *Tạp chí Nghiên cứu Liên ngành www.richtmann.org*, tập 14, số 2, tháng 03/2025.
46. Cao Thị Dung (2016), “Đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, (8).

47. Nguyễn Đăng Dung (2020), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh với việc kiểm soát liêm chính của quyền lực nhà nước Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (5) tr.27-32.
48. Nguyễn Đăng Dung (2022), *Kiểm soát quyền lực nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
49. Đặng Văn Dũng (2026), “Tiếp tục cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực - Nhân tố cốt lõi bảo đảm thành công trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Trang thông tin điện tử Ban Nội chính Trung ương*, 29/4/2026, <https://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/202604/tiep-tuc-cuoc-dau-tranh-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-nhan-to-cot-loi-bao-dam-thanh-cong-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-315525/>
50. Nguyễn Bá Dương (2021), “Nhận thức đúng bản chất của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ở nước ta hiện nay để vững tin đấu tranh chống quan điểm sai trái của thế lực thù địch”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, (1), tr.14-21
51. Thành Duy (2002), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
52. Trần Quang Đại, Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Đình Phách (2015), *Đảng với cuộc đấu tranh phòng và chống tham nhũng, lãng phí*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2006), *Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, số 04/NQ-TW, ngày 21/8/2006*, Hà Nội.

59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Hội nghị Trung ương 4 khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
63. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
65. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
66. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*, Hà Nội.
67. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
68. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
69. Tạ Xuân Đào (2016), *Đảng Cộng sản Trung Quốc chống tham nhũng như thế nào*, Nxb Thế giới mới, Trung Quốc.
70. Trần Văn Đạt (2012), *Các tội phạm về tham nhũng theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Kỹ thuật Quân sự, Hà Nội.
71. Nguyễn Hữu Đông (2013), “Hồ Chí Minh và vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (7). tr.9-13.
72. Phạm Văn Đông (2014), *Học Chủ tịch Hồ Chí Minh - Chúng ta học gì*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
73. Thái Hồng Đức (2020), “Kiểm soát quyền lực chính trị theo tư tưởng Hồ Chí Minh - Quan niệm và tính tất yếu”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, (8), tr.38-42.

74. Lê Thị Hà (2024), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và sự vận dụng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay*”, *Tạp chí Cộng sản điện tử* đăng ngày 29-05-2024.
75. Đào Thanh Hải (2005), *Đảng và Nhà nước đối với công tác thực hành tiết kiệm chống tham ô, lãng phí*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
76. Hà Hồng Hải (2018), *Tham nhũng: muru mô và trừng phạt*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
77. Nguyễn Hùng Hậu (2016), “*Hồ Chí Minh với vấn đề chống giặc nội xâm - suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên*”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (11), tr.21-25.
78. Hiền Hòa (2024), Năm 2023, kỷ luật 19 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản*, ngày 01/02/2024, <https://dangcongsan.vn>.
79. Lâm Bá Hòa (2016), “*Quan điểm của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí*”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (12), tr.37-42.
80. Nguyễn Đình Hoàng (2018), “*Những biểu hiện của căn bệnh xa dân của đảng cầm quyền hiện nay - từ cách nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh*”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (1), tr.53-59.
81. Hội đồng chỉ đạo xuất bản sách xã, phường, thị trấn (2022), *Hồ Chí Minh về chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
82. Minh Hùng (2023), “*Cần xác định rõ công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng*”, *Công thông tin điện tử Quốc hội*, ngày 12/9/2023, <https://quochoi.vn>.
83. Nguyễn Như Hùng, Trần Mai Ước (2013), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng đến cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa XI*”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, (01).
84. Thuận Hữu (2013), *Những việc cần làm ngay về xây dựng Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
85. Hoàng Thị Huyền (2024), *Phòng, chống tham nhũng trong công an nhân dân Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
86. Phan Ngọc Huyền (2017), *Quan chế và phòng chống quan lại tham nhũng thời Hậu Lê - Một số vấn đề Nghiên cứu*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

87. Nguyễn Tuấn Khanh (2015), *Trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
88. Lại Quốc Khánh, Nguyễn Ngọc Anh (2017), “Anti-Corruption from the Perspective of Ho Chi Minh’s Ideology: Towards a Vietnamese Rule or Law”, Viết chung trong sách: *The State of Law Comparative Perspectives on the Rule of Law in Germany and Viet Nam*, Ulric Von Alemann; Detlef Briesen, Nxb Dusseldorf University, Germany, tr.257-275.
89. Vũ Khiêu (2015), *Học tập đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
90. Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh (2009), *Giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
91. Tô Lâm (2019), *Tham nhũng và hoạt động của công an nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
92. Tô Lâm (2024), *Phát biểu tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, ngày 20/10/2024*, Hà Nội.
93. Vũ Trọng Lâm (2022), *Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
94. Nhị Lê (2015), “Nhận diện và đột phá cấp bách các nguy cơ trong Đảng hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, (11), tr.29-38.
95. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
96. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 37, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.
97. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
98. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
99. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
100. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 44, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 54, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Lê Hồng Liêm, Hà Hữu Đức, Trương Kim Sơn (2011), *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống tham ô, lãng phí và quan liêu ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

103. Phạm Ngọc Liên (2009), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân của cán bộ, đảng viên”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 12, tr.3-7.
104. Đỗ Hoàng Linh, Nguyễn Văn Dương (2011), *Xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh là đạo đức, là văn minh theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
105. Nguyễn Thị Thùy Linh (2021), “Mối quan hệ giữa tham nhũng, lãng phí và tiêu cực”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 525(11/2021), tr.96-102.
106. Nguyễn Đình Lộc (1998), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
107. Lý Vĩnh Long (2012), “Phát huy dân chủ trong đấu tranh phòng, chống tham ô, tham nhũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Tuyên giáo*, (9).
108. Trương Giang Long (2013), *Bàn về giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
109. C.Mác, Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Nguyễn Thị Hồng Mai (2023), “Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về chống “giặc nội xâm” đến cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị* số 547 (tháng 9-2023).
111. Martin Gainsboroush, Đặng Ngọc Dinh, Trần Thanh Phương (2009), *Tham nhũng, cải cách hành chính và phát triển: Thách thức và cơ hội khi Việt Nam trở thành quốc gia có mức thu nhập bậc trung*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật., Hà Nội.
112. Đinh Văn Minh (2019), *Một số vấn đề về tham nhũng và những nội dung cơ bản của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018*, Nxb Lao động, Hà Nội.
113. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
114. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
115. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
116. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
117. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
118. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
119. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
120. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
121. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
122. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

123. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
124. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
125. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
126. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
127. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
128. Phạm Thành Nam, Đỗ Thị Thạch (2005), *Phát huy dân chủ trong đấu tranh chống tham nhũng ở nước ta hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị.
129. Kiều Văn Nam, Phạm Ngọc Trang (2026), Phòng, chống tham nhũng góp phần hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh mới, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, 20/01/2026, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/01/20/phong-chong-tham-nhung-gop-phan-hoan-thien-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-trong-boi-can-moi/>
130. Vũ Thị Nhài (2008), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm chống lãng phí*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
131. Trần Quang Nhiếp (Chủ biên) (2005), *Nâng cao hiệu quả của báo chí trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
132. Nhiều tác giả (2016), *Đảng với cuộc đấu tranh phòng và chống tham nhũng, lãng phí*, Nxb Văn hóa dân tộc.
133. Nguyễn Đức Nhuận (2021), “Đấu tranh chống quan liêu, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, nói không đi đôi với làm, bè phái, “lợi ích nhóm”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (2), tr.121-133.
134. Trần Công Phàn (2004), *Tình hình, nguyên nhân và các biện pháp đấu tranh phòng chống các tội tham nhũng*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.
135. Hoàng Phê (2021) *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
136. Lê Khả Phiêu (2019), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và sự vận dụng trong xây dựng Đảng về đạo đức hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
137. Bùi Đình Phong, Phạm Ngọc Anh (2006), *Vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

138. Bùi Đình Phong (2007), “Nhận thức và thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Cộng sản* (4).
139. Bùi Đình Phong (2007), “Quan điểm của Hồ Chí Minh về chống tham nhũng”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (10).
140. Bùi Đình Phong (2016), *Hồ Chí Minh đạo đức là gốc của người cách mạng*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
141. Bùi Đình Phong (2020), “Chống bệnh quan liêu hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (1), tr.37-43.
142. Nguyễn Huy Phòng (2023), “Xây dựng văn hóa liêm chính, tiết kiệm để phòng, chống tận gốc tham nhũng, tiêu cực”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (541), tr.67-73.
143. Thang Văn Phúc (1998), *Đạo đức, phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, công chức theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
144. Vũ Văn Phúc, Ngô Văn Thọ (2011), *Những giải pháp và điều kiện thực hiện phòng, chống suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
145. Vũ Văn Phúc (2013), *Phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
146. Nguyễn Phương (2018), *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Hồng Đức.
147. Lưu Quang Quán (2004), *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
148. Hồ Xuân Quang (2017), “Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (9).
149. Quốc hội, (2005), *Luật Phòng, chống tham nhũng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
150. Quốc hội (2018), *Luật Phòng, chống tham nhũng*, Luật số 36/2018/QH14, ngày 20/11/2018.
151. Nguyễn Văn Quyền (chủ biên, 2005), *Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của một số nước trên thế giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

152. Trịnh Thăng Quyết (2023) “Thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay” Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.
153. Phan Xuân Sơn, Phạm Thế Lực (2010), *Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
154. Phan Xuân Sơn, Phạm Thế Lực (Đồng chủ biên) (2015), *Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
155. Nguyễn Quốc Sửu (2014), *Phòng, chống tham nhũng trong các hoạt động công vụ ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
156. Nguyễn Quốc Sửu (2020), *Phòng, chống tham nhũng trong hoạt động Thanh tra ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội
157. Nguyễn Đức Tâm (2022) “Biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm tham nhũng ở Việt Nam hiện nay” Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.
158. Mạch Quang Thắng (2012), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng và chống chủ nghĩa cá nhân với vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (7), tr.14-18.
159. Mạch Quang Thắng (2017), “Nhận diện để ngăn chặn, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, xây dựng Đảng trong sạch”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (10), tr.27-31.
160. Mạch Quang Thắng (2020), *Một số vấn đề về xây dựng Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
161. Nguyễn Thế Thắng (2017), *Phòng, chống tham nhũng, lãng phí: Từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến hiện tại*, Báo Hải quan điện tử, ngày 2/9/2017.
162. Nguyễn Thế Thắng (2020), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống “giặc nội xâm” với cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (4), tr.24-31.
163. Nguyễn Bá Thanh, Phan Đình Trạc, Vũ Thị Mai (2016), *Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn 30 năm đổi mới (1986 - 2016) về tư pháp - nội chính phòng, chống tham nhũng, lãng phí*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
164. Nguyễn Vĩnh Thanh, Hoàng Văn Hoan, Vũ Văn Hậu (Đồng chủ biên), *Xây dựng Đảng về đạo đức - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn (Sách chuyên khảo)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

165. Phùng Thanh, Bùi Văn Mạnh (Đồng chủ biên) (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Giá trị lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
166. Thanh tra Chính phủ (2005), *Những nghĩa vụ chủ yếu và vấn đề đặt ra đối với Việt Nam sau khi phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
167. Thanh tra Chính phủ (2011), *Giới thiệu chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
168. Thanh tra Chính phủ (2020), *Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2013-2020*, ngày 12/12/2020, Hà Nội.
169. Chu Thái Thành (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống quan liêu, tham nhũng, đăng trên website dangcongsan.vn (ngày 07/10/2015)*.
170. Đinh Quang Thành (2022), “Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*.
171. Nguyễn Trần Thành (2000), *Bệnh quan liêu của bộ máy nhà nước trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Nguyên nhân và phương hướng khắc phục*, Luận án Tiến sỹ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
172. Nguyễn Trung Thành (2021), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng”, *Tạp chí Tuyên giáo*. Nguồn: <https://tuyengiao.vn>
173. Trần Thành (2016), “Tha hóa quyền lực và kiểm soát quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (12), tr.19-23.
174. Trương Thị Thông, Lê Kim Việt (Đồng chủ biên) (2014), *Đảng và Nhà Nước đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
175. Cao Văn Thống (2013), “Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về chống tham nhũng, lãng phí theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, (23).
176. Cao Văn Thống (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
177. Cao Văn Thống, Đỗ Xuân Tuất (2016), “Quá trình nhận thức của Đảng ta về phòng, chống tham ô, tham nhũng”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (9) tr.34-40.

178. Hà Thị Bích Thủy (2022), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (529), tr.83-88.
179. Phan Hữu Tích (1996), *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
180. Trần Doãn Tiên, Nguyễn Văn Minh (2020), *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng những việc cần làm ngay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
181. Trần Văn Tĩnh (2022), *Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan hành chính nhà nước cấp Trung ương thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
182. Tổ chức Minh bạch Quốc tế (2012), *Giáo dục liêm chính cho thanh thiếu niên - Ví dụ từ mười một quốc gia, vùng lãnh thổ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
183. Phạm Thị Thanh Trà (2022), *Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán Bộ giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
184. Hà Quốc Trị (2018), *Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với phòng, chống lãng phí ở nước ta hiện nay - Những vấn đề đặt ra và giải pháp (Sách tham khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
185. Hà Quốc Trị (2023), *Giải pháp kiểm soát quyền lực của người đứng đầu (Sách tham khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
186. Nguyễn Phú Trọng (2017), *Xây dựng chỉnh đốn đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
187. Nguyễn Phú Trọng (2019), *Quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
188. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
189. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*, ngày 30/6/2022, Hà Nội.
190. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
191. Trung tâm Từ điển học Vietlex (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

192. Từ điển Bách khoa (2005), Nxb Brue Khaus, Đức.
193. Nguyễn Minh Tuấn (2021), *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng giai đoạn hiện nay (Sách chuyên khảo)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
194. Trần Thị Tuyết (2017), “Từ quan điểm của Hồ Chí Minh về Liêm, Chính đến việc xây dựng chính phủ liêm chính”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (5), tr.21-26.
195. Nguyễn Quốc Văn, Vũ Công Giao (2017), *Bảo vệ người tố cáo trong pháp luật Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
196. Nguyễn Quốc Văn, Vũ Công Giao (2017), *Phát huy vai trò của xã hội trong phòng chống tham nhũng*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
197. Phạm Thị Thúy Vân (2018), *Chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
198. Nguyễn Văn Vi (2026), Bàn về các thể chế kiểm soát quyền lực trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Công Thương*, 29/4/2026, <https://tapchicongthuong.vn/ban-ve-cac-the-che-kiem-soat-quyen-luc-trong-phong--chong-tham-nhung--tieu-cuc-o-viet-nam-hien-nay-506071.htm>
199. Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra, Thanh tra Chính phủ (2021), *Kiểm soát quyền lực nhằm phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*, Hà Nội.
200. Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ (2004), *Luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược phòng ngừa và nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tham nhũng cho đến năm 2020*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
201. Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ (2015), *Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư ở Việt Nam*, Hà Nội.
202. Lê Kim Việt (2016), “Phát huy vai trò của nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, suy thoái đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 10, tr.96-99.
203. Trần Khắc Việt (2016), “Nhiệm vụ, giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 11, tr.7-11.

204. Trịnh Quốc Việt (2023), “Tu tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước trong công tác cán bộ và định hướng vận dụng hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 549.
205. Nguyễn Văn Vinh (2009), “Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về chống chủ nghĩa cá nhân”, *Tạp chí Thanh tra*, số 4.
206. Trần Đăng Vinh (2012), *Hoàn thiện pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
207. Lê Thị Hồng Xuân (2026), “Lý luận về phòng chống tội phạm tham nhũng ở Việt Nam hiện nay gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, ngày 01/5/2026, <https://tapchitoaan.vn/ly-luan-ve-phong-chong-toi-pham-tham-nhung-o-viet-nam-hien-nay-gan-voi-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang15465.html>
208. Trịnh Thị Xuyên (2014), *Cơ chế tham gia của người dân trong phòng, chống tham, nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
209. Lê Văn Yên (2012), Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu trong điều kiện Đảng cầm quyền, *tại trang <https://noichinh.vn>*.
210. Nguyễn Xuân Yêm, Nguyễn Hòa Bình, Bùi Minh Thanh (2007), *Phòng chống tham nhũng ở Việt Nam và thế giới*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

**\* Tài liệu tiếng Anh**

211. Daniel Treisman (2000), “The Causes of Corruption: A Cross-National Study”, *Journal of Public Economics* 76(3), 399-457, (<https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0047272799000924>)
212. Daniel Treisman (2007) “What Have We Learned About the Causes of Corruption from Ten Years of Cross-National Empirical Research?”, *Annual Review of Political Science* 10, 211-244,
213. Edgardo J. Campos & Sanjay Pradhan (2007), *The Many Faces of Corruption: Tracking Vulnerabilities at the Sector Level*, The World Bank, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/571831468315566390/pdf/399850REPLACEM101OFFICIAL0USE0ONLY1.pdf?>

214. Fan, C. Simon & Lin, Chen & Treisman (2009), “Political Decentralization and Corruption: Evidence from Around the World”, *Journal of Public Economics* 93, (1-2): 14-34.
215. Ning He (2016), Rethinking the Causes of Corruption: Perceived Corruption, Measurement Bias, and Cultural Illusion, *Chinese Political Science Review* 1, 268-302.
216. The United Nations (2015), *Convention against Corruption, National Anti-Corruption Strategies: A Practical Guide for Development and Implementation*.
217. Transparency International - TI (1995), *What is corruption?*, Berlin, Federal Republic of Germany.
218. United Nations Convention against Corruption (UNCAC) (2003), *Adopted by the General Assembly resolution 58/4 of 31 October 2003*.
219. United Nations Office on Drugs and Crime (2009), *United Nations Convention against Corruption*, Vienna: UNODC.
220. World Bank (1997), *Helping Countries Combat Corruption: The Role of the World Bank*, Washington, USA.

**PHỤ LỤC****Phụ lục 1****MẪU PHÒNG VẤN SÂU CHUYÊN GIA**

(Dành cho đại diện Thanh tra Chính phủ)

## 1. Thông tin chuyên gia

Họ và tên: Nguyễn Phú Cường

Chức danh khoa học - Học vị: Thạc sĩ

Đơn vị công tác: Thanh tra Chính phủ

Lĩnh vực chuyên môn: Công tác thanh tra giải quyết khiếu nại tố cáo

Hình thức phỏng vấn: Trực tiếp

Thời gian: ngày 03/7/2025

Người thực hiện: Nguyễn Thị Hương

## 2. Giới thiệu mục đích phỏng vấn

Buổi phỏng vấn được thực hiện nhằm thu thập ý kiến chuyên môn phục vụ luận án.

## 3. Nội dung phỏng vấn sâu

**Câu 1: Theo đồng chí, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, biện pháp gì về tăng cường công tác KSQL để PCTN trong đội ngũ cán bộ, đảng viên?**

**Ý kiến chuyên gia:** Theo tôi, thời gian qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, giải pháp đồng bộ nhằm KSQL gắn với PCTN trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trước hết, quan điểm “mọi quyền lực đều phải được kiểm soát” được khẳng định rõ trong các nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là Quy định Số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Ban Chấp hành Trung ương “về KSQL và PCTN, tiêu cực trong công tác cán bộ”. Trong đó, Đảng nhất quán quan điểm coi KSQL là khâu then chốt để PCTN, tiêu cực. Cùng với đó là việc hoàn thiện thể chế, pháp luật như Luật PCTN 2018 và các quy định về công khai, minh bạch, kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập, quy trách nhiệm người đứng đầu. Đảng cũng siết chặt KSQL trong công tác cán bộ, phòng chống chạy chức, chạy quyền, quy định rõ tiêu

chuẩn, quy trình và cơ chế kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm. Đồng thời, hệ thống Ban Chỉ đạo PCTN, lãng phí, tiêu cực từ Trung ương đến địa phương được kiện toàn, tăng cường kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng gắn với kỷ luật hành chính, xử lý hình sự và phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, báo chí, truyền thông.

**Câu 2: Theo đồng chí, những chủ trương, quy định đó đã được thực thi trên thực tế ra sao? Có chuyển biến rõ nét nào trong công tác PCTN từ khi tăng cường KSQL không?**

**Ý kiến chuyên gia:** Theo tôi, về tổng thể, các chủ trương, quy định về KSQL đã được triển khai tương đối quyết liệt và ngày càng đi vào thực chất, nhất là ở cấp Trung ương và cấp tỉnh. Việc công khai, minh bạch, kê khai tài sản, thu nhập, siết chặt công tác cán bộ, tăng cường thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử... đã góp phần tạo nên chuyển biến rõ nét: nhiều vụ án tham nhũng, tiêu cực lớn được phát hiện, xử lý; nhiều cán bộ, kể cả cán bộ cấp cao, cán bộ đã nghỉ hưu, bị xử lý kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính và truy cứu trách nhiệm hình sự, thể hiện rõ phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bắt kẻ người đó là ai”. Ở nhiều nơi, tâm lý “ngại va chạm” trong kiểm tra, giám sát giảm dần, trách nhiệm người đứng đầu được đề cao hơn, cán bộ, đảng viên thận trọng hơn trong sử dụng quyền lực. Tuy nhiên, việc thực thi vẫn còn mức độ khác nhau giữa các ngành, địa phương; đâu đó vẫn còn biểu hiện nể nang, né tránh, xử lý chưa kịp thời, nên yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế và siết chặt hơn nữa khâu tổ chức thực hiện, nhất là việc phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu.

**Câu 3: Theo đồng chí, trong thời gian tới, cần có giải pháp gì để việc KSQL thực sự hiệu quả, mang tính phòng ngừa bền vững theo tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh?**

**Ý kiến chuyên gia:** Trước hết cần tiếp tục thể chế hóa đầy đủ quan điểm “mọi quyền lực đều phải được kiểm soát”, hoàn thiện cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan trong HTCT, cũng như trong nội bộ từng tổ chức, không để bất kỳ cá nhân, vị trí nào “đứng ngoài” sự giám sát. Đồng thời, phải siết chặt hơn nữa công tác cán bộ: lựa chọn đúng người, đề cao tiêu chuẩn đạo đức, bản lĩnh chính trị, công khai, minh bạch các khâu quy hoạch, bổ nhiệm, luân

chuyên, gắn chặt quyền hạn với trách nhiệm và chế độ giải trình, nhất là đối với người đứng đầu. Cùng với đó, tăng cường kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng một cách thường xuyên, kiên quyết, công khai, xử lý nghiêm mọi vi phạm để củng cố niềm tin và tạo sức răn đe thực chất. Đồng thời, phải mở rộng dân chủ, minh bạch thông tin, phát huy vai trò giám sát của MTTQ, báo chí, dư luận xã hội và bảo vệ người dám tố giác, đấu tranh với tham nhũng. Cuối cùng, phải coi trọng xây dựng đạo đức cách mạng, văn hóa liêm chính, khuyến khích tự soi, tự sửa, nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên; kết hợp giữa giáo dục, nêu gương với cơ chế và chế tài nghiêm minh thì KSQL mới trở thành hàng rào phòng ngừa tham nhũng vững chắc và lâu dài.

#### 4. Kết thúc

Xin chân thành cảm ơn chuyên gia đã chia sẻ những ý kiến quý báu phục vụ nghiên cứu!

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Hieu', written on a light-colored background.

## Phụ lục 2

### MẪU PHÒNG VẤN SÂU CHUYÊN GIA

(Dành cho đại diện Ban Nội chính Tỉnh ủy)

#### 1. Thông tin chuyên gia

Họ và tên: Đặng Ngọc Toàn.

Chức danh khoa học - Học vị: Thạc sỹ Luật học.

Đơn vị công tác: Ban Nội chính Tỉnh ủy Bắc Ninh.

Lĩnh vực chuyên môn: Phó trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy phụ trách công tác tham mưu về lĩnh vực nội chính, PCTN, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp.

Hình thức phỏng vấn: Trực tiếp

Thời gian: ngày 04/7/2025

Người thực hiện: Nguyễn Thị Hương

#### 2. Giới thiệu mục đích phỏng vấn

Buổi phỏng vấn được thực hiện nhằm thu thập ý kiến chuyên môn phục vụ luận án.

#### 3. Nội dung phỏng vấn sâu

**Câu 1: Trong thời gian qua, Ban Nội chính Tỉnh ủy đã tham mưu cho Tỉnh ủy về mô hình, cách làm, sáng kiến nào thể hiện sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN?**

**Ý kiến chuyên gia:** Thời gian qua, Ban Nội chính Tỉnh ủy đã có nhiều cách làm, mô hình, sáng kiến thể hiện rõ việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN, nhất là các quan điểm cốt lõi của Người như: “*phải dựa vào dân để chống tham nhũng*”, “*phải ràng buộc quyền lực bằng kỷ luật, kỷ cương*”, “*cán bộ là gốc của mọi công việc*”, “*nói đi đôi với làm*”, “*công khai, minh bạch là chìa khóa chống tham ô, lãng phí*”.

Trên cơ sở đó, Ban Nội chính Tỉnh ủy đã chủ động tham mưu Tỉnh ủy nhiều mô hình, cách làm cụ thể, có giá trị lý luận - thực tiễn rõ nét:

(1) Tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo PCTN, tiêu cực cấp tỉnh theo hướng đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, phát huy dân chủ trong thảo luận, quyết định công khai, minh bạch - đúng tinh thần Hồ Chí Minh “*dân chủ rộng rãi nhưng kỷ luật nghiêm minh*”. Ban cũng tham mưu ban hành và thực hiện nghiêm quy chế làm việc, bảo đảm KSQL, không để xảy ra tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”.

(2) Phát huy vai trò của Nhân dân trong PCTN, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát”. Ban đã tham mưu duy trì và nâng cao hiệu quả các mô hình: Đường dây nóng, tiếp dân định kỳ của Thường trực Tỉnh ủy; Tiếp nhận phản ánh, tố cáo qua nhiều kênh (mạng xã hội, email, app nội bộ); Tổ công tác liên ngành kiểm tra các lĩnh vực nhạy cảm (đất đai, đầu tư, tài chính - ngân sách...) nhằm phát hiện sớm dấu hiệu vi phạm, đúng với tư tưởng của Bác: *“muốn chống tham ô, lãng phí phải mở rộng tai mắt của dân”*.

(3) Tham mưu đẩy mạnh công khai, minh bạch và siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nhất là trong quản lý đất đai, đầu tư công, tài chính công; tham mưu số hóa và chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính - phù hợp tinh thần “minh bạch hóa quyền lực” theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

(4) Tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức công vụ, tham mưu Tỉnh ủy chỉ đạo toàn hệ thống ký cam kết nêu gương, kiểm soát xung đột lợi ích, kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập; coi trọng tu dưỡng đạo đức cách mạng của cán bộ - đúng lời Bác “cán bộ phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”.

(5) Tham mưu cơ chế “phòng ngừa sớm - phát hiện sớm - xử lý nghiêm”, nhất là trong công tác giám sát, kiểm tra dấu hiệu vi phạm, rà soát quy trình, quy chế nội bộ tại các lĩnh vực tiềm ẩn tham nhũng, tiêu cực. Đây là điểm Ban Nội chính đã phát triển tư tưởng của Người trong điều kiện mới: kết hợp chặt chẽ công cụ pháp lý - công nghệ - giám sát xã hội để ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực từ gốc.

Nhìn chung, các mô hình và sáng kiến do Ban Nội chính Tỉnh ủy tham mưu đều hướng đến ràng buộc quyền lực bằng cơ chế, nâng cao liêm chính của đội ngũ cán bộ, phát huy vai trò Nhân dân, tăng cường minh bạch - đúng tinh thần Hồ Chí Minh. Đồng thời thể hiện bước phát triển mới: kết hợp chuyển đổi số, cải cách hành chính, và phối hợp liên ngành để PCTN, tiêu cực trong bối cảnh KT-XH, mô hình chính quyền và phương thức vi phạm hiện nay có nhiều thay đổi.

***Câu 2: Từ thực tiễn công tác PCTN, đồng chí có kiến nghị gì để tiếp tục vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong giai đoạn mới?***

Theo tôi, từ thực tiễn công tác PCTN hiện nay, để tiếp tục vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới, cần tập trung vào một số định hướng và giải pháp lớn sau:

Thứ nhất, tiếp tục thể chế hóa sâu sắc tư tưởng “xây đi đôi với chống” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó, “xây” phải được đặt lên hàng đầu: xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài, “vừa hồng, vừa chuyên”. Cần hoàn thiện hệ thống chuẩn mực đạo đức công vụ, chuẩn hóa chức trách - nhiệm vụ - quyền hạn từng vị trí việc làm; siết chặt cơ chế KSQL, trách nhiệm giải trình, đặc biệt là trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Việc nêu gương phải đi vào thực chất, được theo dõi, đánh giá định kỳ, công khai trong nội bộ.

Thứ hai, phát huy cao nhất vai trò của Nhân dân trong PCTN - theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh “*dễ trăm lần không dân cũng chịu*”. Trong giai đoạn hiện nay, việc phát huy dân chủ cần được cụ thể hóa bằng các cơ chế thực thi rõ ràng hơn:

- Mở rộng và minh bạch hóa các kênh tiếp nhận phản ánh, tố cáo qua môi trường số;

- Tăng cường cơ chế bảo vệ người tố cáo, bảo vệ người dân phản ánh tham nhũng;

- Công khai thông tin về quy hoạch, đầu tư công, ngân sách, đất đai, tuyển dụng... theo hướng “*dễ tiếp cận - dễ giám sát*”;

- Chủ động thiết kế các mô hình để Nhân dân và MTTQ giám sát trực tiếp các khâu “nhạy cảm”. Chỉ khi dân được biết, được tham gia, được giám sát thì tham nhũng, tiêu cực mới bị phát hiện từ sớm, từ xa.

Thứ ba, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN theo hướng hiện đại hóa toàn diện phương thức phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng. Đây là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số mạnh mẽ. Cần:

- Ứng dụng cơ sở dữ liệu lớn (big data), trí tuệ nhân tạo vào quản lý tài sản công, chi tiêu công, đầu tư công, quản lý thuế, hải quan... để chống “tham nhũng tinh vi” và “tham nhũng trên không gian mạng”;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát *trên môi trường số*, phát hiện bất thường qua dấu vết dữ liệu;

- Hoàn thiện cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập, gắn với đối soát dữ liệu ngân hàng, đất đai, chứng khoán;

- Nhận diện sớm các dạng tham nhũng mới như thao túng chính sách, lợi ích nhóm trong đầu tư công, tham nhũng trong chuyển đổi số, gian lận thương mại xuyên biên giới, công nghệ cao...

Thứ tư, chú trọng xây dựng văn hóa liêm chính trong toàn bộ hệ thống chính trị và trong xã hội. Liêm chính phải trở thành giá trị cốt lõi của cán bộ, đảng viên, trở thành tiêu chí quan trọng trong đánh giá cán bộ hằng năm. Cần kết hợp chặt chẽ giáo dục chính trị - đạo đức, học tập và làm theo Bác với cơ chế răn đe mạnh, sàng lọc thường xuyên trong Đảng. Mỗi cán bộ phải tự biết “tự soi, tự sửa”, giữ mình trước “cám dỗ của quyền lực”, đứng tinh thần Người căn dặn: *“Cán bộ là đầy tớ của dân”*.

Thứ năm, tăng cường phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế về PCTN - một yêu cầu mới của bối cảnh hội nhập. Cần xây dựng quy chế phối hợp thực chất giữa cơ quan Đảng - Nhà nước - tư pháp - Mặt trận - báo chí; đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế để học tập kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu và nâng cao năng lực phát hiện dòng tiền bất hợp pháp, rửa tiền xuyên biên giới.

Tóm lại, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong giai đoạn mới phải đặt trong tổng thể cải cách đồng bộ: xây dựng Đảng, KSQL, phát huy dân chủ, dựa vào Nhân dân, hiện đại hóa công cụ, siết chặt kỷ luật và xây dựng văn hóa liêm chính. Chỉ khi “đức” và “cơ chế” song hành, khi “dân” thực sự tham gia thì công tác PCTN mới đạt hiệu quả bền vững.

#### 4. Kết thúc

Xin chân thành cảm ơn chuyên gia đã chia sẻ những ý kiến quý báu phục vụ nghiên cứu!



Đang Ngọc Toàn

**Phụ lục 3****MẪU PHÒNG VẤN SÂU CHUYÊN GIA**

(Dành cho đại diện Thanh tra tỉnh Bắc Ninh)

## 1. Thông tin chuyên gia

Họ và tên: Lê Đức Huy

Chức danh khoa học - Học vị: Thạc sĩ

Đơn vị công tác: Thanh tra tỉnh Bắc Giang

Lĩnh vực chuyên môn: Thanh tra viên chính

Hình thức phỏng vấn: Trực tiếp

Thời gian: ngày 15/7/2025

Người thực hiện: Nguyễn Thị Hương

## 2. Giới thiệu mục đích phỏng vấn

Buổi phỏng vấn được thực hiện nhằm thu thập ý kiến chuyên môn phục vụ luận án.

## 3. Nội dung phỏng vấn sâu

**Câu 1: Theo đồng chí, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN có ý nghĩa như thế nào đối với công tác thanh tra ở cấp tỉnh hiện nay?**

**Ý kiến chuyên gia:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN có ý nghĩa như một cơ sở lý luận và kim chỉ nam hành động cho công tác thanh tra ở cấp tỉnh hiện nay. Trước hết, Người chỉ rõ tham nhũng là “giặc nội xâm”, nên thanh tra không chỉ là nghiệp vụ hành chính mà là một nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng, gắn trực tiếp với sự sống còn của Đảng và chế độ. Quan điểm của Bác về “thanh tra là tai mắt của trên, là bạn của dưới” định hướng rất rõ cho ngành thanh tra tỉnh vừa phải sắc bén, kiên quyết trong phát hiện, xử lý sai phạm, vừa phải gần dân, hiểu dân, dựa vào dân để đấu tranh với tham nhũng. Tư tưởng đề cao công khai, minh bạch, nói đi đôi với làm, nêu gương của cán bộ giúp ngành thanh tra hoàn thiện quy trình, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, phòng ngừa “tham nhũng trong chính lực lượng chống tham nhũng”. Đồng thời, cách tiếp cận “xây” đi đôi với “chống” của Người gợi mở cho thanh tra tỉnh không chỉ tập trung xử lý vi phạm, mà còn chủ động kiến nghị

hoàn thiện cơ chế, chính sách, bịt các “khe hở” của quản lý nhà nước, qua đó góp phần xây dựng nền hành chính liêm chính, phục vụ Nhân dân.

**Câu 2: Theo đồng chí, để phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong giai đoạn hiện nay, cần chú trọng vào phương diện nào: công khai minh bạch, giáo dục liêm chính hay KSQL?**

**Ý kiến chuyên gia:** Theo tôi, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong giai đoạn hiện nay không thể chọn “một trong ba”, mà phải coi cả ba phương diện là một chỉnh thể thống nhất, trong đó KSQL là khâu then chốt, công khai minh bạch là điều kiện, còn giáo dục liêm chính là nền tảng lâu dài. Nếu chỉ KSQL mà thiếu giáo dục liêm chính thì dễ thiên về “trùng trị” mà chưa tạo được sức đề kháng từ bên trong mỗi cán bộ. Ngược lại, chỉ tuyên truyền, giáo dục mà không có cơ chế công khai, minh bạch và ràng buộc quyền lực bằng pháp luật, bằng kiểm tra, giám sát thì khó ngăn ngừa được nguy cơ tha hóa. Vì vậy, theo tinh thần Hồ Chí Minh, cần siết chặt KSQL gắn với mở rộng công khai, minh bạch và làm mạnh hơn công tác giáo dục, nêu gương về đạo đức liêm chính, để PCTN vừa có tính răn đe, vừa có tính phòng ngừa bền vững.

#### 4. Kết thúc

Xin chân thành cảm ơn chuyên gia đã chia sẻ những ý kiến quý báu phục vụ nghiên cứu!

**Phụ lục 4****MẪU PHÒNG VẤN SÂU CHUYÊN GIA**

(Dành cho đại diện Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh)

## 1. Thông tin chuyên gia

Họ và tên: Trần Thúy Hoàn

Chức danh khoa học, học vị: Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh

Lĩnh vực chuyên môn:

Hình thức phỏng vấn: Trực tiếp

Thời gian: ngày 18/7/2025

Người thực hiện: Nguyễn Thị Hương

## 2. Giới thiệu mục đích phỏng vấn

Buổi phỏng vấn được thực hiện nhằm thu thập ý kiến chuyên môn phục vụ luận án.

## 3. Nội dung phỏng vấn sâu

**Câu 1: Theo đồng chí, tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng có giá trị lý luận và thực tiễn như thế nào đối với công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên hiện nay?**

**Ý kiến chuyên gia:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN có ý nghĩa vừa là nền tảng lý luận vừa là kim chỉ nam thực tiễn cho công tác giáo dục lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên hiện nay. *Về lý luận*, Hồ Chí Minh chỉ rõ bản chất, nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng, coi đó là “giặc nội xâm”, đồng thời gắn công tác PCTN với việc xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, với đạo đức cách mạng và KSQL. Hồ Chí Minh coi tham nhũng là những con sâu mọt, rút lá, cắn hoa, khoét quả, cần phải tiêu diệt tận gốc, với phương châm mạnh dạn “diệt sâu để cứu cây”, phải trị tận gốc tham nhũng. Hồ Chí Minh nêu ra hệ quan điểm rất toàn diện: “xây” đi đôi với “chống”, dựa vào dân, nêu gương, nói đi đôi với làm... Đây là hệ khung lý luận giúp nội dung giáo dục lý luận chính trị về PCTN có cơ sở khoa học, có tính định hướng rõ ràng. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là cơ sở lý luận có giá trị to lớn với công cuộc đấu tranh PCTN ở nước ta hiện nay. *Về thực tiễn*, tấm gương liêm khiết, chí công vô tư và những chỉ dẫn cụ thể của Hồ Chí Minh là chất

liệu trực quan, sinh động để giảng viên lý luận chính trị gắn bài giảng với thực tế đấu tranh PCTN hiện nay, giúp cán bộ, đảng viên không chỉ “hiểu đúng” về tham nhũng, mà còn hình thành thái độ, bản lĩnh, trách nhiệm và kỹ năng đấu tranh, từ đó góp phần xây dựng văn hóa liêm chính trong toàn HTCT.

**Câu 2: Việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong hoạt động giảng dạy lý luận chính trị có được quan tâm, định hướng thường xuyên không? Đã triển khai thực tế bằng hình thức nào?**

**Ý kiến chuyên gia:** Quán triệt quan điểm của Đảng, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về tăng cường lồng ghép việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về PCTN, thời gian qua, Đảng ủy, lãnh đạo Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các khoa, phòng, cán bộ, giảng viên tích cực lồng ghép nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN trong các bài giảng, chuyên đề trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Nội dung về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với PCTN đã được tích hợp vào các học phần về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng và HTCT, xây dựng văn hóa liêm chính, đạo đức công vụ, v.v. Trên thực tế, nhà trường đã triển khai dưới nhiều hình thức phong phú: Tổ chức giảng dạy tốt chuyên đề riêng về công tác PCTN, trong đó có quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN; tổ chức sinh hoạt chuyên môn, hội thảo, tọa đàm khoa học, nói chuyện chuyên đề về PCTN; sử dụng phương pháp tình huống, thảo luận nhóm, tranh biện về các vụ việc tham nhũng cụ thể để học viên phân tích dưới góc nhìn tư tưởng Hồ Chí Minh; lồng ghép tuyên truyền trong bài giảng các câu chuyện, tấm gương, lời dạy của Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức, văn hóa liêm chính cho cán bộ, đảng viên. Bên cạnh đó, một số đơn vị còn chú trọng bồi dưỡng giảng viên, xây dựng ngân hàng tình huống, bài giảng điện tử, clip minh họa, gắn nội dung PCTN với thực tiễn địa phương, qua đó giúp việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giảng dạy lý luận chính trị trở nên sinh động, thiết thực hơn đối với cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, năm 2023, Trường đã chủ trì tổ chức Hội thảo khoa học cấp tỉnh với chủ đề: “*Giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh”*”; qua đó nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, viên chức, học viên về công tác PCTN, nhận diện đúng về tham nhũng, về nguy hiểm, tác hại của nó đối với sự tồn vong của đất nước, không chỉ đe dọa sự ổn

định, phát triển của đất nước, làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cơ quan nhà nước, là thách thức nghiêm trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, mà nó còn trở thành một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta, đe dọa sự tồn vong của Đảng. Vì vậy, chúng ta phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh PCTN, tiêu cực. Đồng thời, trong PCTN, trọng tâm là phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Bởi nguyên nhân sâu xa của tham nhũng là do chủ nghĩa cá nhân, do sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

#### 4. Kết thúc

Xin chân thành cảm ơn chuyên gia đã chia sẻ những ý kiến quý báu phục vụ nghiên cứu!



**Phụ lục 5****PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU CHUYÊN GIA**

(Dành cho đại diện các nhà khoa học)

## 1. Thông tin chuyên gia

Họ và tên: Dương Xuân Ngọc

Chức danh khoa học - Học vị: GS. TS

Đơn vị công tác: Ủy viên Hội đồng khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; nguyên Phó Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Lĩnh vực chuyên môn: Chính trị học

Hình thức phỏng vấn: Trực tiếp

Thời gian: ngày 23/7/2025

Người thực hiện: Nguyễn Thị Hương

## 2. Giới thiệu mục đích phỏng vấn

Buổi phỏng vấn được thực hiện nhằm thu thập ý kiến chuyên môn phục vụ luận án.

## 3. Nội dung phỏng vấn sâu

**Câu 1: Thưa đồng chí, với tư cách là nhà khoa học, đồng chí nhìn nhận thế nào về giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công cuộc PCTN ở Việt Nam hiện nay?**

**Ý kiến chuyên gia:** Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN là một bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Người về đạo đức, xây dựng Nhà nước và đội ngũ cán bộ. Có thể khái quát thành các điểm sau: (1) Xây dựng đạo đức cách mạng là gốc của chống tham nhũng: Hồ Chí Minh coi tham lam, vụ lợi, tham ô, hủ hóa là biểu hiện suy thoái đạo đức nguy hiểm. Người khẳng định: “Đảng viên, cán bộ là công bộc của dân, phải chí công vô tư.” Chống tham nhũng bắt đầu từ mỗi người, đặc biệt là từ những người có chức, có quyền. *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh là tạo nền tảng đạo đức để ngăn ngừa tham nhũng ngay từ bên trong.* (2) Phải KSQL, tránh “quan cách mạng”: Hồ Chí Minh cảnh báo: “Có quyền mà thiếu lương tâm dễ trở thành quan liêu.” Người chủ trương: quyền lực phải được kiểm soát bằng

pháp luật; tăng cường giám sát của nhân dân. *Giá trị của tư tưởng là xây dựng cơ chế KSQL để chống lạm quyền, lợi ích cá nhân.* (3) Nhà nước phải trong sạch, hoạt động vì dân: Người yêu cầu “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” trong đội ngũ cán bộ. Kiên quyết loại bỏ “bọn sâu mọt ăn của dân.”. Đề cao nguyên tắc công khai, minh bạch, không để quan liêu tạo đất cho tham nhũng. *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh là tạo hình mẫu “nhà nước liêm chính” vì dân phục vụ.* (4) Pháp luật phải nghiêm minh: Bác nêu rõ: dù là ai, vi phạm cũng phải xử lý. Người từng ký lệnh tử hình một số cán bộ tham ô, tham nhũng. *Giá trị của tư tưởng là đề cao thượng tôn pháp luật, không có vùng cấm trong chống tham nhũng.* (5) Phát huy vai trò giám sát của nhân dân: Hồ Chí Minh khẳng định: “Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong.” Nhân dân phải có quyền kiểm tra, tố giác và giám sát cán bộ. *Giá trị của tư tưởng là chống tham nhũng dựa vào dân, tạo sức mạnh toàn xã hội.* (6) Kết hợp phòng ngừa và xử lý: Người nhấn mạnh phòng ngừa là chính, bằng giáo dục đạo đức và cơ chế quản lý chặt chẽ. Đồng thời xử lý nghiêm để răn đe. *Giá trị tư tưởng của Bác là cân bằng giữa “đức trị” và “pháp trị” trong quản lý nhà nước.*

Các quan điểm của Hồ Chí Minh về PCTN đến nay vẫn còn nguyên giá trị và ý nghĩa quan trọng trong công cuộc PCTN ở Việt Nam hiện nay, nhất là trong xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính; hoàn thiện pháp luật và KSQL; phát huy dân chủ và giám sát xã hội; không khoan nhượng và xử lý nghiêm minh đối với tham nhũng.

**Câu 2: Theo đồng chí, việc nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN của Đảng và Nhà nước trong thời gian qua được tiến hành như thế nào?**

**Ý kiến chuyên gia:** Theo tôi đánh giá, thời gian qua việc nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN của Đảng và Nhà nước đã được tiến hành ngày càng bài bản và có chiều sâu hơn. Ở tầm vĩ mô, nhiều văn kiện của Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận chuyên đề đã dành dung lượng đáng kể để luận giải, kế thừa và phát triển các quan điểm của Bác về xây dựng Đảng, KSQL, đạo đức cách mạng, dựa vào dân để chống tham nhũng. Song song, các cơ quan nghiên cứu như Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các viện, trường đại học, ban nội chính, thanh tra... đã triển khai khá nhiều đề tài khoa học, hội thảo, tọa đàm, chuyên khảo gắn tư

tưởng Hồ Chí Minh với yêu cầu hoàn thiện thể chế, cơ chế PCTN hiện nay; nội dung này cũng được đưa vào chương trình bồi dưỡng cán bộ, giáo dục lý luận chính trị các cấp. Tuy vậy, có thể thấy vẫn còn khoảng trống: một số công trình còn trùng lặp, thiên về diễn giải lại mà chưa thật sự “chuyển hóa” tư tưởng của Người thành hệ giá trị, công cụ, mô hình cụ thể vào thực tiễn; việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh còn ở mức độ khiêm tốn. Đây là những điểm cốt lõi mà chúng ta cần tiếp tục thúc đẩy để việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về PCTN thực sự trở thành khung lý luận vững chắc và vận dụng vào thực tiễn trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hoàn thiện thể chế PCTN.

#### 4. Kết thúc

Xin chân thành cảm ơn chuyên gia đã chia sẻ những ý kiến quý báu phục vụ nghiên cứu!

